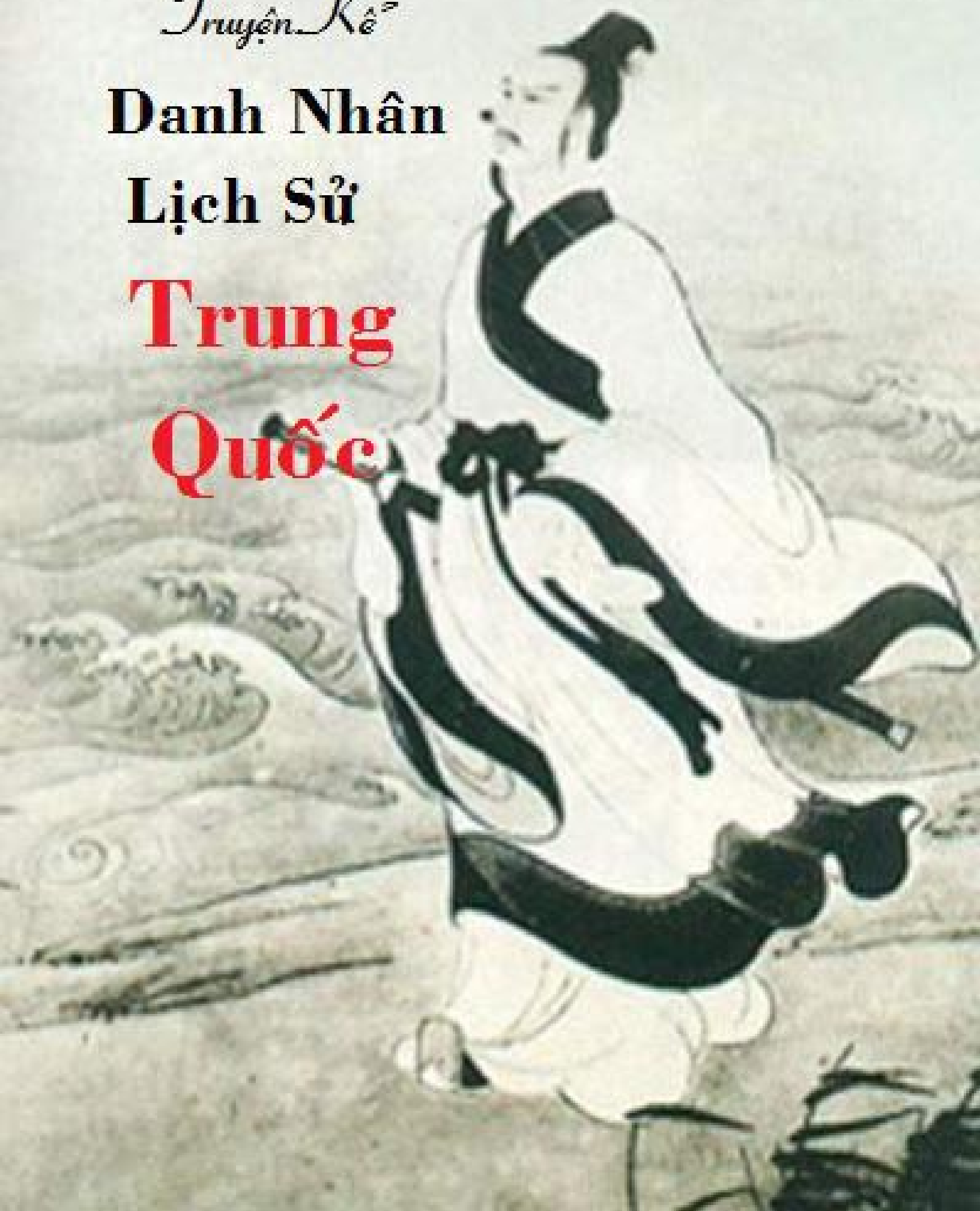


Truyện Kể

Danh Nhân

Lịch Sử

**Trung
Quốc**



Mục lục

Ban Siêu Đầu Bút Tòng Nhung
Lão Đàng Ích Tráng
Vương Mãng Cải Chế
Chiêu Quân Xuất Tái
Trương Khiên Thông Tây Vực
Vệ Thanh Và Hoắc Khứ Bệnh
Phi Tướng Quân Lý Quàng
Lã Hậu Chi Loạn
Tiêu Tào Lưỡng Tướng Quốc
Bá Vương Biệt Cơ
Tiêu Hà Đêm Trăng Đuối Hàn Tín
Hồng Môn Yến Kinh Hồn Bạt Vía
Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ
Trần Thắng Và Ngô Quàng Dựng Cờ Khởi Nghĩa
Tần Thủy Hoàng Thống Nhất Trung Nguyên
Kinh Kha Thích Tần Vương
Kỳ Hóa Khả Cư
Tín Lăng Quân Thiết Phù Cứu Triệu
Mao Toại Tự Tiến
Triệu Quát Chỉ Thượng Đàm Bình
Hoàn Bích Quy Triệu
Khuất Nguyên Ái Quốc Đầu Giang
Trương Nghi, Liên Hoành Tán Liên Minh
Mạnh Thường Quân Dưỡng Khách
Triệu Vũ Linh Vương, Hồ Phục, Kỵ Xạ
Tôn Tần - Bàng Quyên Đấu Trí
Thương Ương Nam Môn Lập Mộc
Tam Gia Phân Tẫn
Phạm Lãi Và Văn Chủng
Câu Tiễn Ném Mạt Năm Gai
Khổng Tử Chu Du Liệt Quốc
Ngũ Tử Tư Quy Báo Sở Vương Thù
Sở Trang Vương Nhất Minh Kinh Nhân
Tần Mục Công Tranh Bá
Công Tử Trọng Nhĩ Lưu Vong
Tổng Tương Công Ngu Xuân
Tề Hằng Công Cứu Hợp Chư Hầu
Quản Bào Chi Giao
Phong Hòa Hí Chư Hầu
Quốc Nhân Bạo Loạn
Chu Công Phụ Thành Vương
Chu Vũ Vương Phạt Trụ
Chu Văn Vương Phỏng Hiền

Sự Tàn Bạo Vô Đạo Của Vua Trụ
Đệ Nhất Hiền Tướng Y Doãn
Hạ Kiệt Và Thương Thang
Đại Vũ Trị Thủy
Nghiêu Thuấn Nhường Ngôi
Hoàng Đế Chiến Suy Vưu
Hòa Thượng Làm Nguyên Soái

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Ban Siêu Đầu Bút Tòng Nhung

Ban Siêu, tự Trọng Thăng, người Phù Phong- An Lăng, là một danh tướng và là nhà ngoại giao triều Đông Hán. Khi Hán Quang Vũ Đế mời nhà đại học sĩ Ban Bưu đến chỉnh lý lịch sử triều Tây Hán, hai người con trai của ông là Ban Cố và Ban Siêu, cùng con gái tên là Ban Chiêu cũng theo cha đến học tập văn học và lịch sử. Sau khi Ban Bưu qua đời, Ban Cố làm Lan Đài lệnh sử tiếp tục công việc biên soạn "Hán Thư" của cha, còn Ban Siêu làm công việc sao chép. Hai anh em tính tình rất khác nhau, Ban Cố say mê nghiên cứu và chăm chú viết Hán Thư. Còn Ban Siêu khi nghe tin Hung Nô quấy nhiễu vùng biên giới, liền bỏ bút xuống nói rằng: "Đại trượng phu phải như Phó Giới Tử, Trương Khiên lập công tại dị vực, cố sao lại bỏ phí quá nhiều thời gian vào việc nghiên cứu bút thế này", rồi sau đó gác bút tòng quân.

Hán Minh Đế cử đại tướng Đâu Cốt xuất binh đánh Hung Nô, Ban Siêu được đảm nhiệm chức đại lý tư mã. Do chiến đấu dũng cảm, lập nhiều chiến công, nên ông được Đâu Cốt khen thưởng rồi cử đi sứ Tây vực, liên lạc với các nước cùng chống lại Hung Nô.

Ban Siêu vất vả dậm trường trước tiên đến nước Thiên Thiện, vua nước này ban đầu tỏ ra rất cung kính và tiếp đón họ như khách quý. Mấy hôm sau, vua Hung Nô cũng cử sứ giả đến liên lạc với nước Thiên Thiện, chúng tìm mọi cách nói xấu nhà Hán, nên vua nước Thiên Thiện dần dần tỏ ra lạnh nhạt với Ban Siêu, thậm chí còn nảy sinh ý thù địch. Ban Siêu thấy vậy bèn lập tức triệu tập những người cùng đi bàn đối sách, họ quyết định trước tiên giết chết

sứ giả Hung Nô để gây sức ép với vua nước Thiên Thiện. Tuy tình thế rất nguy hiểm, nhưng Ban Siêu vẫn không hề nao núng. Nửa đêm hôm đó, ông đã dẫn 36 người xông vào dinh sứ giả Hung Nô phóng hỏa, chém giết. Hung Nô không hề phòng bị, liền bị chém chết hơn 30 người, còn hơn trăm người khác đều bị thiêu chết. Ngày hôm sau, Ban Siêu mời vua nước Thiên Thiện đến, rồi sách thủ cấp sứ giả Hung Nô ra cho nhà vua xem, sau đó dùng lời lẽ khuyên răn. Nhà vua bấy giờ mới chịu thần phục, đồng ý cùng nhà Hán thiết lập quan hệ hữu hảo.

Ban Siêu hoàn thành sứ mệnh trở về Lạc Dương, được Hán Minh Đế khen ngợi, thăng làm Quân Tư Mã. Sau đó, Ban Siêu lại nhận được lệnh xuất xứ Vu Điền. Khi Ban Siêu đến bày tỏ nguyện vọng của nhà Hán muốn đặt quan hệ hữu hảo với Vu Điền. Vua nước này vì sợ quân Hung Nô, nên thái độ tỏ ra hết sức lạnh nhạt.

Bấy giờ, có một thầy phù thủy mách vua Vu Điền rằng: "Sứ giả nhà Hán có một con ngựa tốt, nên dắt về mổ tế thần, để thần minh phù hộ cho đại vương". Vua Vu Điền nghe vậy liền cử người sang chỗ Ban Siêu để lấy ngựa. Ban Siêu nói: "Ngựa có thể cho, nhưng hãy bảo thầy phù thủy tự sang đây mà dắt về". Người này trở về báo lại với nhà vua, thầy phù thủy tỏ ra rất hí hửng bèn cùng viên tể tướng nghênh ngang đến lấy ngựa. Ban Siêu chẳng nói chẳng rằng liền chặt phăng đầu thầy phù thủy, rồi nọc viên tể tướng ra đánh cho mấy trăm roi. Sau đó, tay sách thủ cấp thầy phù thủy đến gặp vua Vu Điền trách rằng: "Những ai không muốn hữu hảo với triều đình nhà Hán, thì cũng sẽ như thầy phù thủy này". Vua Vu Điền vốn đã nghe nói về những việc làm của Ban Siêu ở nước Thiên Thiện, sợ đến kinh hồn bạt vía, bèn lập tức bày tỏ nguyện vọng cùng thiết lập quan hệ hữu hảo với triều nhà Hán.

Về sau, Ban Siêu vẫn tiếp tục xuất sứ các nước Tây vực, giúp đỡ những nước này vùng thoát khỏi sự ràng buộc và nô dịch của Hung Nô, khiến hơn 50 nước ở Tây vực đều quy thuộc triều Đông Hán. Vào một lần khác, khi Ban

Siêu được lệnh chuẩn bị trở về Lạc Dương, các vương hầu, khanh tướng nước Su Lơ, nước Vu Điền v v, đều ứa nước mắt ôm lấy chân ngựa không nỡ cho ông về. Ban Siêu rất cảm động, liền viết thư lên triều đình yêu cầu cho mình ở lại Tây vực. Ban Siêu xuất xứ Tây vực từ năm 40 tuổi, đến năm 71 tuổi mới trở về Lạc Dương, sinh sống ở Tây vực 31 năm, đã bảo vệ cho nhà buôn đi lại trên con đường tơ lụa, khiến mối quan hệ giữa nội địa và Tây vực càng thêm gắn bó.

Năm 97 công nguyên, khi Ban Siêu nhậm chức Đô Hộ Tây Vực, đã cử sứ giả Cam Anh xuất xứ Đại Tần. Cam Anh đến vịnh Péc Xích thì bị biển chắn lối. Tuy lần xuất xứ này không đến được Đại Tần, nhưng đã phong phú thêm sự hiểu biết đối với các nước Trung Á, tạo điều kiện có lợi cho việc phát triển giao thông giữa TQ và phương tây sau này.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lão Đang Ích Tráng

Hán Quang Võ Đế - Lưu Tú đã dựa vào vũ lực đoạt được thiên hạ, có 28 thủ hạ của ông từng lập nên công trạng to lớn. Sau khi Lưu Tú băng hà, Hán Minh Đế-Lưu Trang đã đặt tượng 28 người này trên vân đài của Nam cung, gọi là "Vân đài nhị thập bát tướng". Nhưng ngoài 28 vị này ra, còn có một viên đại tướng, đó là lão tướng Mã Viện.

Mã Viện tự Văn Uyên, người Phù Phong, Mậu Lăng (Tức miền đông bắc huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây ngày nay), là một nhà quân sự nổi tiếng thời Đông Hán, được phong làm Tân Túc Hầu. Tổ tiên Mã Viện là danh tướng thời Chiến Quốc-Triệu Tư. Triệu Tư từng đánh bại quân Tần, lập chiến công hiển hách, được Triệu Huệ Văn Vương phong hiệu "Mã Phục Quân", nên các con cháu của ông đều đổi ra họ Mã.

Khi Mã Viện còn làm đốc bưu ở Quận Trung. Một hôm, khi trên đường áp giải tù nhân sang phủ Tư Mệnh, vì quá thương tù nhân, nên ông đã thả họ về rồi bỏ trốn sang quận Bắc Địa sống bằng nghề chăn nuôi, nhiều người được tin đều kéo đến theo ông. Ông thường nói với đám môn khách rằng: "Đại trượng phu muốn lập chí, nghèo thì phải vững vàng, già mà vẫn coi mình như thời còn trẻ khỏe. Phàm là của cải tài sản, nó đáng quý là ở chỗ đem bố thí và biếu tặng cho mọi người, bằng không thì mình sẽ trở thành kẻ bo bo giữ của trong nhà mà thôi". Do đó, ông đã chia một phần tài sản của mình cho bạn bè, còn bản thân mình thì sống cuộc đời hết sức đạm bạc.

Năm Kiến Võ thứ 8, Quang Võ Đế tự thống lĩnh quân mã đi thảo phạt Khôi Hiu. Mã Viện đem gạo ra đắp thành sa bàn, rồi hiến kế cho nhà vua cách dụng binh, phân tích tình hình hết sức thấu đáo. Hán Quang Đế thấy vậy phần khởi nói: "Kẻ địch khác nào nằm gọn trong tầm tay ta". Sau đó, đại quân của Khôi Hiu nhanh chóng bị tiêu diệt. Mã Viện dùng gạo đắp sa bàn là một nguyên nhân quan trọng khiến trận đánh này giành được toàn thắng, đồng thời cũng là một sự sáng tạo trong lịch sử chiến tranh.

Năm Kiến Võ thứ 11, bộ tộc người Khương vẫn thường xuyên quấy nhiễu miền biên thùy, Hán Quang Đế cử Mã Viện ra làm Quận thú Quận Lũng Tây, ông dẫn đầu quân sĩ xông pha trận mạc, bấp đui ông bị quân giặc bắn thủng. Hán Quang Đế được tin liền tặng cho ông mấy nghìn con bò cừu, nhưng Mã Viện vẫn như trước đem phân chia cho các tướng sĩ. Đến năm Kiến Võ thứ 13, thủ lĩnh người Khương liên hợp với các bộ lạc ở biên giới phát động nổi loạn. Khi Mã Viện dẫn quân đến nơi thì phát hiện người Khương chiếm cứ trên đỉnh núi. Ông bèn đóng quân vây chặt, cắt đứt nguồn nước, khiến người Khương lâm vào cảnh khốn quẫn, thủ lĩnh người Khương dẫn hơn mấy trăm nghìn hộ trốn ra miền biên giới, còn lại hơn chục nghìn người đều bị bắt làm tù binh. Từ đó, Lũng Hữu được yên ổn. Mã Viện làm thái thú Lũng Tây được 6 năm. Hán Quang Võ Đế phong ông làm Phục Ba tướng quân. Sau đó, ông dẫn quân đánh bại Giao Chỉ, được triều đình phong làm Tân Túc Hầu.

Năm Kiến Võ thứ 24, miền nam xảy ra bạo loạn, Mã Viện lúc đó tuy đã 62 tuổi, mà vẫn xin phép đi nam chinh. Ông dẫn quân đến đóng tại Hồ Đầu, chiếm cứ nơi hiểm yếu, giữ chặt cửa ải, nhưng vì khí trời nóng bức, có rất nhiều binh sĩ bị chết vì say nắng, bản thân ông cũng bị bệnh nặng, tình hình vô cùng nguy khốn, ông bèn ra lệnh cho các tướng sĩ đào hầm ở bên bờ sông để tránh nắng. Giữa lúc này, tên Cảnh Thư đã mật báo cho Hán Quang Võ Đế biết rõ tình hình, nhà vua bèn cử trung lang tướng Lương Tùng ra thôi thúc và giám sát quân đội của Mã Viện.

Nhưng khi Lương Tùng đến nơi thì Mã Viện đã qua đời. Mã Viện sinh thời vẫn thường ăn một loại thực vật gọi là Ý dĩ, loại thực vật này có thể điều trị bệnh phong thấp gân cốt, loại trừ tà phong, ông chắt đầy một xe đem về nhà làm giống, mọi người thấy vậy đều lầm tưởng là đặc sản quý hiếm của miền nam, họ không được chia đều ẩm ức, rồi đặt điều nói xấu Mã Viện. Sau khi Mã Viện qua đời, Mã Võ, Hầu Lập và một số người khác đều nói Mã Viện đích thực có đưa về một xe đồ vật quý hiếm, Hán Quang Vũ Đế nghe vậy vô cùng tức giận. Người nhà Mã Viện không hiểu tại sao nhà vua lại tức giận, cũng chẳng hiểu Mã Viện đã phạm tội gì, nên đều lo lắng không yên. Thi hài của Mã Viện được đưa về rồi vội mai táng, bạn bè thân thích của ông đều không ai dám đến viếng tang. Khi vợ con Mã Viện đến triều đình nhận tội, nhà vua đưa bản tấu chương của Lương Tùng ra cho họ xem, bấy giờ mọi người mới vỡ lẽ đây là một sự hiểu nhầm. Vợ Mã Viện đã 6 lần dâng thư minh oan, Hán Quang Vũ Đế mới ra lệnh hậu táng cho Mã Viện. Năm Kiến Sơ thứ 3, Tiêu Tông cử năm cung trung lang tướng làm lễ truy phong Mã Viện là Trung Thành Hầu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vương Mãng Cải Chế

Vương Mãng sinh năm 45 trước công nguyên, mất vào năm 23 công nguyên, làm vua triều mới trong 15 năm, là một trong những nhân vật được lịch sử TQ tranh luận nhiều nhất trong gần 2000 năm nay, có người gọi ông là nhà cải cách, có người chê trách ông là một người nông cuồng phục cổ, có người ví ông là "Chu Công tái thế", là tấm gương của trung thần hiếu tử, cũng có người gọi ông là tên trùm sỏ gian hùng tặc tử, vân vân và vân vân.

Hán Thành Đế là một ông vua hoang dâm, sau khi lên làm vua, mọi quyền hành nhà nước đều rơi vào tay họ hàng bên ngoại, các anh em của Hoàng thái hậu Vương Chính Quân đều được phong hầu, trong đó Vương Phượng được phong làm đại tư mã, đại tướng quân. Sau khi lên nắm quyền, mấy anh em và con cháu của Vương Phượng đều hoành hành ngang ngược, ăn chơi xa xỉ, chỉ có thằng cháu Vương Mãng vì cha mất sớm là không dính vào tật xấu này, cậu rất bình thường như bao người học hành khác, sống rất cần kiệm, mọi người đều nói Vương Mãng là một người tốt nhất trong số các con cái của nhà họ Vương. Sau khi Vương Phượng qua đời, hai người anh của Vương Phượng lần lượt thay nhau làm tư mã, về sau mới đến lượt Vương Mãng. Vương Mãng chủ trương chiêu hiền nạp sĩ, nên được khá đông người xin theo.

Sau khi Hán Thành Đế mất chưa đầy 10 năm, mà đã đổi thay hai ông vua, đó là Ai Đế và Bình Đế. Khi Hán Bình Đế lên ngôi mới được 9 tuổi, quyền hành nhà nước đều nằm trong tay Đại tư mã Vương Mãng. Những kẻ tâng

bốc đều nói Vương Mãng là công thần giữ cho triều nhà Hán được yên ổn, họ xin với Hoàng Thái Hậu phong Vương Mãng làm An Hán Công.

Vương Mãng không muốn chịu phong, thì càng có nhiều người yêu cầu Hoàng Thái Hậu gia phong. Số đại thần, quan lại địa phương và dân chúng dâng thư yêu cầu đã lên tới hơn 480 nghìn người. Có người còn thu tập văn tự ca tụng Vương Mãng, cộng hơn 30 nghìn chữ. Vương Mãng uy tín càng cao, càng có lắm kẻ tâng bốc thì Hán Bình Đế càng cảm thấy Vương Mãng thật đáng sợ, thật đáng ghét. Vì Vương Mãng không cho phép mẹ vua ở bên cạnh vua, và giết sạch họ hàng bên cậu của vua. Hán Bình Đế dần dần khôn lớn, thì không sao tránh khỏi bộc lộ nổi oán giận. Khi các đại thần đến chúc thọ Hán Bình Đế, Vương Mãng đã dâng cho nhà vua một chén thuốc độc, nhà vua uống xong mấy ngày sau thì băng hà. Vương Mãng lại còn giả bộ khóc lóc rất thảm thiết. Hán Thành Đế mất vào năm 14 tuổi, chưa có con cái. Vương Mãng bèn đưa một đứa trẻ hai tuổi trong vương thất họ Lưu ra lập làm Hoàng thái tử. Còn mình tự xưng là "Giả hoàng đế".

Có một số quan chức muốn làm nguyên huân dựng nước, họ đã khuyên Vương Mãng lên ngôi vua, bản thân Vương Mãng cũng cảm thấy mình là vua tạm thời không bằng làm một ông vua thật. Nên đám người xu nịnh tâng bốc này liền nặn ra rất nhiều điều mê tín để lường gạt người. Nào là đã tìm thấy sách nói "Vương Mãng là chân mệnh thiên tử", nào là đã phát hiện một cái tráp đồng trong miếu Hán Cao Tổ nói rằng "Hán Cao Tổ nhường ngôi cho Vương Mãng" v v, Vương Mãng nổi tiếng là người luôn từ chối thăng phong, thì lần này không còn từ chối nữa.

Năm thứ 8 công nguyên, Vương Mãng chính thức lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu là Tân, thủ đô vẫn đặt tại Tràn An. Vương triều Tây Hán bắt đầu từ thời Hán Cao Tổ xưng đế, đã thống trị được 210 năm. Vương Mãng lên ngôi vua liền bắt đầu phục cổ cải chế, ra lệnh biến pháp. Một là, đem đất đai trong cả nước sửa làm "Vương điền", không cho phép mua bán. Hai là, gọi

nô tỳ là "Tư thuộc", không cho phép mua bán. Ba là, đặt ra giá cả, cải cách tiền tệ. Có những cải cách nghe ra rất hợp lý, nhưng đều thực thi không đâu vào đâu. Do bị quý tộc và cường hào phản đối, nên chế độ cải cách ruộng đất và việc tư thuộc nô tỳ đều không thể nào thi hành được. Quyền ổn định giá cả đều nằm trong tay quý tộc quan liêu, họ lợi dụng chức quyền buôn gian bán lận, tham ô bắt chẹt, ngược lại càng làm tăng thêm nỗi thống khổ cho nhân dân.

tình bị mất oan một khoản tiền. Nên việc phục cổ cải cách không những bị nông dân phản đối, mà nhiều địa chủ cỡ trung tiểu cũng không ủng hộ. Ba năm sau, Vương Mãng lại ra lệnh, vương điền, nô tỳ đều có thể mua bán. Vương Mãng còn muốn mượn cớ chiến tranh đối ngoại để làm dịu mâu thuẫn trong nước, việc này Tiền tệ cải cách đã mấy lần, mà càng cải cách mệnh giá càng nhỏ, trị giá càng cao, dân chúng vô ã dẫn tới bị Hung Nô, các bộ tộc ở Tây vực và Tây nam phản đối. Quan bức thì dân phản, nên năm 25 công nguyên, Lưu Tú đã khởi binh lật đổ Tân vương triều của Vương Mãng, vương triều Đông Hán ra đời.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Chiêu Quân Xuất Tái

"Chiêu Quân xuất tái", tức nàng Vương Chiêu Quân ra miền biên thùy phía bắc Trường Thành.

Thời Tây Hán, giữa triều nhà Hán và Hung Nô vẫn thường xuyên xảy ra chiến loạn. Năm 33 trước công nguyên, vua nam Hung Nô- Hu Han Sia đến Tràn An xưng thần, đồng thời đã chủ động nêu ra ý định muốn kết làm thân gia với triều nhà Hán, cùng bảo vệ an ninh miền biên cương. Đây là một sự kiện lớn trong đời sống chính trị giữa nhà Hán và Hung Nô, nếu việc kết thân thành công thì chiến tranh sẽ chấm dứt, hai nước sẽ cùng chung sống hòa bình.

Việc kết thân thường thường là công chúa hoặc con gái vương thất, nhưng lần này Hán Nguyên Đế quyết định chọn người trong đám cung nữ, nhà vua liền cử người đến hậu cung truyền rằng: "Ai tình nguyện đi Hung Nô thì trăm sẽ đối xử với người đó như công chúa". Các cung nữ ở đây đều được chọn từ thôn quê lên, họ bị đưa vào hoàng cung có khác nào chim bị nhốt trong lồng, họ những mong có một ngày nào đó được thoát ra ngoài cung. Nhưng khi nghe nói phải xa lìa tổ quốc đi Hung Nô, thì người nào người nấy đều im lặng lắc đầu. Duy có một cung nữ tên là Vương Tường, tự Chiêu Quân, rất xinh đẹp lại có học thức, vì việc lớn trăm năm của mình đã mạnh dạn đăng ký nguyện gả sang Hung Nô. Viên quản sự thấy vậy liền về báo với Hán Nguyên Đế. Nhà vua dặn viên đại thần quản sự chọn ngày lành tháng tốt, rồi tổ chức lễ thành hôn cho hai người tại Tràn An.

Vua Hung Nô- Hu Han Sia được một người vợ trẻ đẹp, thì trong lòng mừng không sao tả xiết. Khi hai người đến tạ ân Hán Nguyên Đế, nhà vua thấy nàng Chiêu Quân đẹp lộng lẫy thì tỏ ra vô cùng hồi tiếc, muốn giữ nàng lại thì bấy giờ đã quá muộn. Trong truyền thuyết có nói, khi Hán Nguyên Đế về cung, nhà vua càng nghĩ càng tức giận, bèn gọi người đem tranh vẽ hình nàng Chiêu Quân khi vào cung ra xem, hình vẽ tuy hơi giống, nhưng vẫn không sao đáng yêu bằng nàng Chiêu Quân thật.

Nguyên là năm Chiêu Quân 17 tuổi, chính vào năm Hán Nguyên Đế ra lệnh tuyển lựa mỹ nữ trong thiên hạ, Chiêu Quân bị đưa vào hậu cung. Nhà vua lúc bấy giờ hoang dâm vô độ, ngoài tam cung lục viện ra, còn có hàng nghìn cung nữ, thực là giai nhân mỹ nữ vô số, cơ bản không thể nào gặp mặt hết lượt các cung nữ, đành phải mời thợ vẽ đến vẽ hình họ để nhà vua xem, nhà vua ưng ý người nào thì điểm triệu người đó. Do đó, không thể nào tránh khỏi sự sai lệch giữa hình vẽ và người thực, nên thợ vẽ đã trở thành nhân vật quan trọng liệu cung nữ có được nhà vua điểm triệu hay không. Một số cung nữ vì muốn được nhà vua chú ý đến, đã bỏ ra rất nhiều tiền mua chuộc thợ vẽ, để vẽ hình mình còn đẹp hơn cả Tây Thi. Trong số này chỉ có Chiêu Quân là không làm như vậy, nàng biết rõ mình rất đẹp, nên đã từ chối hối lộ cho thợ vẽ, việc này đã làm méch lòng thợ vẽ Mao Diên Thọ, mặc dù hẳn biết rất rõ nàng Chiêu Quân có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, nhưng hẳn muốn nàng suốt đời không được nhà vua để ý tới, nên đã cố ý vẽ lên khuôn mặt nàng một nốt ruồi rất to để trả thù nàng. Hán Nguyên Đế biết được việc này bèn lôi Mao diên Thọ ra chém chết.

Vương Chiêu Quân rời khỏi Tràng An dưới sự hộ tống của các quan viên triều nhà Hán và Hung Nô. Nàng cưỡi ngựa đi trong gió lạnh thấu xương, vất vả dậm trường mới đến được Hung Nô. Truyền rằng, khi Chiêu Quân trên đường sang Hung Nô, trong lòng vô cùng buồn tủi, nàng nhớ nhà nhớ quê, bèn ngồi trên lưng ngựa gảy đàn tỳ bà, tiếng đàn sầu thảm khiến đàn sếu đang bay cũng phải dừng lại đậu xung quanh nàng, nên Vương Chiêu Quân được

gọi là Sếu Lạc. Sau khi đến Hung Nô, Vương Chiêu Quân dần dần quen với cuộc sống du mục của địa phương, đối xử hữu hảo với người Hung Nô. Người Hung Nô cũng rất tôn trọng và quý mến nàng. Nàng đã khuyên chồng không nên phát động chiến tranh, đem văn hóa Trung Nguyên truyền vào Hung Nô. Từ đó, Hung Nô và triều nhà Hán chung sống hòa mục được hơn 60 năm, Vương Chiêu Quân đã trở thành tượng trưng cho sự đoàn kết dân tộc.

Sau khi thành hôn, hai vợ chồng nàng chung sống rất ân ái. Sau khi Hu Han Sia qua đời, người con cả của một người vợ khác của Hu Han Sia yêu cầu Vương Chiêu Quân gả cho mình theo tập tục của người Hồ, điều này không có gì lạ trong dân tộc thiểu số thời bấy giờ, nhưng đối với một người Hán như Vương Chiêu Quân mà nói, thì đây là việc làm trái với quan niệm luân lý của Trung Nguyên. Nhưng xuất phát từ đại cục, quý trọng mối tình hữu nghị với Hung Nô, nên nàng lại đi bước nữa gả cho người con cả của chồng mình. Vương Chiêu Quân ở Hung Nô sinh được một trai hai gái.

Nhằm kỷ niệm ngày nàng đi Hung Nô, Hán Nguyên Đế đã cải niên hiệu năm đó là "Cánh Ninh", có ngụ ý là biên cương yên lành. Vương Chiêu Quân kết duyên với vua Hung Nô được thế nhân gọi là sứ giả hòa bình, có tác dụng lâu dài cho hậu thế. Nữ thi sĩ triều nhà Thanh - Quách Nhuận Ngọc có câu thơ khen rằng: Tỳ bà nhất khúc thiên qua tịnh, Luận đạo giá công thị mỹ nhân.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trương Khiên Thông Tây Vực

Trương Khiên là một sứ giả hữu hảo ngoại giao có ảnh hưởng đầu tiên trong lịch sử TQ.

Bấy giờ sự giao lưu giữa nhà Hán và Hung Nô đang gay gắt, triều nhà Hán đang chuẩn bị một cuộc chiến tranh chống trả Hung Nô. Trong một trường hợp ngẫu nhiên, Hán Võ Đế qua tra hỏi tù binh Hung Nô được biết ở Tây Vực có một quốc gia gọi là Đại Nguyệt Thị, vua nước này bị vua Hung Nô giết chết, rồi lấy hộp sọ làm bầu đựng rượu. Nguyệt Thị Vương vốn muốn báo thù cho cha, nhưng ngặt vì không có người trợ giúp. Hán Võ Đế biết được tin này rất muốn liên hợp với Đại Nguyệt Thị, nên đã quyết định cử lang quan Trương Khiên làm sứ giả đi làm việc này.

Năm Kiến Nguyên thứ 2, tức năm 139 trước công nguyên, Trương Khiên và một hướng đạo người Hung Nô tên là Đường Ấp Phụ, dẫn hơn trăm người xuất phát từ Lũng Tây?Tức vùng Cam Túc hiện nay??họ ngày đi đêm nghỉ, vất vả đường trường, nhưng dọc đường bị không may bị quân Hung Nô bắt làm tù binh. Nhắm lung lạc Trương Khiên, Hung Nô đã cưới vợ cho ông và sinh được một mụn con trai, rồi việc giam lỏng này kéo dài tới 10 năm trời, mặc dù vậy vẫn không sao lay chuyển được quyết tâm hoàn thành sứ mệnh thông Tây vực của Trương Khiên, các đồ sính lễ mà ông mang theo vẫn giữ nguyên bên mình.

Vào một buổi tối, Trương Khiên nhân thấy bọn lính lơ là việc canh phòng,

liền dẫn đám người của mình trốn khỏi Hung Nô, họ vượt qua muôn vàn khó khăn, cuối cùng mới đến được nước Đại Nguyệt Thị. Nhưng tình hình nước Đại Nguyệt Thị lúc này đã có sự đổi thay to lớn. Sau khi nước này di dời đến lưu vực Vị Thủy, đã chinh phục được nước láng giềng Đại Hạ? Tức miền bắc Áp ga ni xtan? rồi quyết định an cư lạc nghiệp tại đây? không còn muốn chống chọi với Hung Nô nữa. Hơn nữa, họ cho rằng nhà Hán cách mình quá xa, cơ bản không thể liên hợp cùng chống Hung Nô. Trương Khiên đi khảo sát các nơi của Đại Hạ, rồi năm sau lên đường về nước. Nhưng dọc đường ông lại bị Hung Nô bắt giữ, bị giam đến hơn một năm trời. Đến năm Nguyên sóc thứ 3, tức năm 126 trước công nguyên, Hung Nô xảy ra nội loạn, Trương Khiên nhân đó dẫn vợ và trợ thủ Đường Ấp Phụ trốn về nhà Hán. Sau khi chăm chú lắng nghe Trương Khiên báo lại tình hình Tây vực, Hán Võ Đế vô cùng phấn khởi, liền phong ông làm Thái Trung Đại Phu. Trương Khiên xuất sứ trước sau mất 13 năm, đã khi khắp các nơi trung Á và tây Á, là một người Trung Nguyên đầu tiên đi các nước Tây vực.

Khi còn ở Đại Hạ, Trương Khiên đã chính mắt nhìn thấy gậy tre của Tứ Xuyên và vải mịn của Thục Địa bày bán trên thị trường, liền hỏi nhà buôn thì họ nói là buôn từ Thân Độc về. Thân Độc nằm ở phía đông nam Đại Hạ, cách xa hàng mấy nghìn dặm. Còn Đại Hạ cách xa nhà Hán hơn 10 nghìn dặm, nằm ở hướng tây nam TQ. Nếu từ Thục Địa đi qua Thân Độc đến Đại Hạ là một đường đi nhanh tiện nhất, vừa có thể tránh được sự ngăn cản của Hung Nô. Ông bèn kiến nghị với Hán Võ Đế mở thông đường Tây Nam Di và thu được hiệu quả to lớn.

Hai năm sau, Trương Khiên lại khuyên Hán Võ Đế liên hợp với U Sun, tức lưu vực sông Y Li ngày nay. Nhà vua phong Trương Khiên làm Trung lang tướng, dẫn theo 300 người, 600 con ngựa, cùng hàng vạn đồ kim ngân, bò, cừu, lần thứ hai xuất xứ Tây vực. Bấy giờ, thế lực Hung Nô đã bị đuổi khỏi hành lang Hà Tây. Sau khi đến U Sun, Trương Khiên khuyên vua U Sun rời về đất cũ ở phía đông, nhưng vì vua đã già yếu không thể làm chủ, còn

các đại thần thì rất sợ Hung Nô, họ cho rằng triều nhà Hán ở quá xa, nên không muốn rời đến. Trương Khiên bèn cử phó sứ đi hoạt động ngoại giao tại các nước Đại Uyển, Khang Cư, Đại Nguyệt Thị, An Tức, Thân Độc v v, thuộc Tân Cương ngày nay, họ đã đặt chân tới các vùng của trung Á và tây nam Á, có sứ giả đi xa nhất đã tới đế quốc La Mã và bắc Phi ở ven bờ Địa Trung Hải.

Năm Nguyên Đĩnh thứ 2, tức năm 115 trước công nguyên, vua U Sun đã cử phiên dịch và hướng đạo hộ tống Trương Khiên về nước, cùng đi còn có mấy chục sứ giả U Sun, đây là người Tây vực lần đầu tiên đến Trung Nguyên, vua U Sun dâng biểu Hán Võ Đế mấy chục con ngựa quý. Nhà vua rất vừa ý liền phong Trương Khiên làm Đại Hành, phụ trách việc tiếp đón sứ giả và khách các nước. Hai năm sau Trương Khiên qua đời, các sứ giả do ông cử đi sau đó cũng nối tiếp nhau dẫn sứ giả các nước đến Tràn An, triều nhà Hán và các nước Tây vực đã thiết lập nên quan hệ hữu hảo, sản vật của các nước cũng do đó ùn ùn tiến vào Trung Nguyên.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vệ Thanh Và Hoắc Khứ Bệnh

Vệ Thanh người Bình Dương, nguyên họ Trịnh, ban đầu địa vị thấp hèn, cha là Trịnh Quý làm Trung tiểu lại trong huyện, cộng sự với với Bình Dương Hầu - Tào Thạo, từng thông dâm với Vệ Ôn vợ lẽ của Bình Vương Hầu, sinh được Vệ Thanh. Vệ Thanh làm người hầu trong nhà Bình Vương Hầu, thời còn nhỏ về quê cha để phải đi chăn cừu, các con cái của vợ cả Trịnh Quý đều đối đãi với Vệ Thanh như một người nô bộc, chứ không coi là anh em máu mủ.

Sau khi khôn lớn, Vệ Thanh làm kỵ binh trong nhà Bình Dương Hầu, hàng ngày bảo vệ bên cạnh quận chúa Bình Dương. Mùa xuân năm 139 trước công nguyên, tức năm Kiến Nguyên thứ 2 Hán Võ Đế, người chị gái của Vệ Thanh là Vệ Tử Phu vào cung và được Hán Võ Đế sủng ái. Vì hoàng hậu không có con trai, nên khi được tin Vệ Tử Phu mang bầu, thì vô cùng ghen tức, bèn cử người ra bắt Vệ Thanh. Vệ Thanh bị bắt nhưng được một người bạn thân tên là Công Tôn Ngao cứu thoát. Hán Võ Đế biết được tin này rất bực cho hoàng hậu, liền phong Vệ Tử Phu làm phu nhân, còn Vệ Thanh cũng do đó trở thành Thái Trung Đại Phu, Vệ Thanh vì họa gặp phúc cuối cùng đã bước lên vũ đài chính trị. Theo đà chị gái ngày càng được nhà vua sủng ái, thì Vệ Thanh càng chiếm địa vị quan trọng trong con mắt của nhà vua.

Hán Võ Đế vốn đã sắp đặt một kế hoạch lớn, đó là tấn công Hung Nô, nhưng ngặt vì các nhân tài như Đâu Anh và Quán Phu đều phạm tội đã bị giết chết, còn Hàn An Quốc thì tuổi đã cao, ngoài Lý Quảng còn có thể tác chiến

ra, trong tay Hán Võ Đế chẳng còn quân cờ nào thích hợp cả. Nay thấy cậu Vệ Thanh là người có thể tin dùng, bèn quyết định để Vệ Thanh gánh vác trọng trách tác chiến với Hung Nô.

Năm Nguyên Sóc thứ 5, Vệ Thanh cùng 4 viên đại tướng dẫn 30 nghìn kỵ binh tiến đánh Hung Nô. Còn một đạo quân khác của quân Hán thì do Lý Tứ và Trương Thứ chỉ huy. Hữu hiền vương Hung Nô những tướng quân Hán không thể nào tiến sâu vào doanh trại của mình, nên đã lơ là cảnh giác, uống rượu say khướt. Ngờ đâu bị Vệ Thanh đánh tập kích vào ban đêm, ngoài Hữu Hiền Vương cùng hơn trăm người chạy thoát ra, còn toàn bộ quân Hung Nô đều bị bắt làm tù binh. Trận thắng này đã khiến quyền lực của Vệ Thanh đạt tới đỉnh cao trong suốt cuộc đời mình.

Vệ Thanh được Hán vương Lưu Thiết phong làm đại tướng quân, thống lĩnh toàn bộ quân Hán, cậu bé chần cừ thuở nào thật không ngờ lại có cuộc đời vinh hoa phú quý như ngày nay. Nhà vua lại gia phong cho ba người con trai của Vệ Thanh làm Hầu, mặc dù ba người này vẫn còn là trẻ thơ. Vệ Thanh thoái thác rằng: "Thần đánh thắng mấy trận đều là nhờ vào công lao của các tướng sĩ, ba người con của thần đều còn nhỏ tuổi, chưa làm nên việc gì cả, nếu hoàng thượng phong chúng là Hầu, thì làm sao có thể khích lệ được các tướng sĩ lập công?". Hán Võ Đế nghe xong như sức tỉnh, liền phong 7 vị tướng của Vệ Thanh làm Hầu.

Vệ Thanh đánh Hung Nô lần cuối cùng là vào năm Nguyên Thủ thứ 4, ông cùng cháu ngoại là phiêu kỵ tướng quân Hoắc Khứ Bệnh chia quân làm hai đường tiến đánh Hung Nô. Đây là thời kỳ điều gặp gió của Hoắc Khứ Bệnh, viên tiểu tướng này cũng được vua Hán mến mộ như Vệ Thanh năm xưa, Vệ Thanh nay đã già nua, thời đại Vệ Thanh đã kết thúc, thời đại Hoắc Khứ Bệnh trẻ khỏe, anh dũng, thiện chiến bắt đầu.

Hoắc Khứ Bệnh lúc đó mới 17 tuổi dẫn 800 kỵ binh đánh tập hậu, chém chết hơn 2 nghìn quân Hung Nô, bắt sống tể tướng, giết chết ông tổ và bố

nuôi của vua Hung Nô. Hoắc Khứ Bệnh oai dũng nhất toàn quân, được phong làm Quán Quân Hầu, sau lại gia phong làm Đại Tư Mã, uy danh còn vượt hơn cả Vệ Thanh, có rất nhiều bộ tướng của Vệ Thanh đã tới tập chuyển sang theo Hoắc Khứ Bệnh.

Năm Nguyên Thủy thứ 6?Tức năm 117 trước công nguyên, Hoắc Khứ Bệnh lâm bệnh mất tại Tràng An, hưởng thọ 23 tuổi.

Hoắc Khứ Bệnh sinh thời từng 4 lần cầm quân tiến đánh Hung Nô, đều giành toàn thắng, tiêu diệt hơn 110 nghìn tên địch, gọi hàng hơn 40 nghìn dân Hung Nô, mở ra miền đất Hà Tây, Tửu Tuyền, phá tan được sự uy hiếp của Hung Nô đối với triều nhà Hán, là người tác chiến dũng mãnh, một thiên tài quân sự trong lịch sử TQ.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Phi Tướng Quân Lý Quảng

Lý Quảng tòng quân từ tuổi thiếu thời, suốt đời chống trả Hung Nô. Ông tác chiến dũng mãnh, diệt được nhiều giặc, nên được Hán Văn Đế rất khen ngợi. Mấy năm sau, Hán Cảnh Đế lên ngôi, ông được phong làm Kỵ Lang Tướng, trở thành tướng quân kỵ binh hộ vệ bên cạnh Hán Cảnh Đế. Khi Ngô Vương và Sở Vương nổi loạn, Lý Quảng lúc đó với quan chức là kỵ binh Đô úy đã cùng Thái úy Chu Á Phu đi dẹp loạn, ông cướp được quân kỳ của quân phiến loạn dưới chân thành Xương Ấp, lập nên chiến công hiển hách. Sau khi dẹp loạn xong, Lý Quảng được điều đến làm Thái thú ở miền biên thùy tây bắc, để chống trả sự xâm lấn của Hung Nô.

Có một lần, Hung Nô tấn công vào Thượng Quận, Hán Cảnh Đế cử một người thân cận đến giúp Lý Quảng, trong khi người này cùng mười tên vệ sĩ ra ngoài dạo chơi thì chạm trán với ba kỵ binh Hung Nô, đám vệ sĩ đều bị bắn chết, còn viên thân tùy cũng bị trúng tên đang tháo chạy. Lý Quảng được tin bèn dẫn trăm kỵ binh ra cứu ứng, ông bắn chết hai tên Hung Nô, còn một tên bị bắt sống, nhưng khi ông vừa buộc tên tù binh lên ngựa, thì bỗng thấy mấy nghìn kỵ binh Hung Nô kéo tới, chúng chiến lĩnh trên một gò đất cao, các binh sĩ của Lý Quảng thấy vậy toan thúc ngựa bỏ chạy, Lý Quảng thét bảo rằng: "Chúng ta hiện cách xa đại quân những mười dặm, chạy thì tất chết, nếu ta không chạy thì bọn chúng sẽ lấp tường ta bày kế dụ địch, mà không dám tấn công chúng ta". Sau đó ông dẫn quân sấn vào đám kỵ binh Hung Nô, khi hai bên cách nhau chừng hai dặm, ông ra lệnh cho quân lính xuống ngựa, tháo bỏ yên cương. Quân Hung Nô thấy vậy chẳng hiểu ra sao, vội cử một

tên sĩ quan ra thám thính, Lý Quảng phi ngựa ra trước trận, giương cung bắn chế tên này rồi ung dung quay ngựa trở về. Đến nửa đêm hôm đó, bọn Hung Nô nghi ngờ quân Hán sẽ đến tập kích, nên vội rút quân về.

Năm 140 trước công nguyên, Hán Võ Đế lên nối ngôi, lại điều Lý Quảng làm Vệ úy ở Vị Ương. Bốn năm sau, Khi Lý Quảng dẫn quân ra Nhạn Môn Quan, thì bị quân Hung Nô đông hơn gấp bội bao vây, vua Hung Nô vốn hâm mộ oai danh của Lý Quảng, nên ra lệnh cho quân lính bắt sống ông. Lý Quảng bị bắt làm tù binh, nhưng trên đường áp giải, ông đã phi thân đoạt ngựa quân địch, bắt chết nhiều tên kỵ binh đuổi theo, rồi cuối cùng trở về dinh quân Hán. Từ đó, ông được Hung Nô đặt danh hiệu là "Phi tướng quân của quân Hán". Sau khi về triều, Lý Quảng bị vua Hán cách quân chức, giáng xuống làm thứ dân.

Mấy năm sau, Hung Nô giết chết thái thú Liêu Tây, đánh bại tướng quân Hàn An Quốc. Hán Võ Đế lại phải nhiệm dụng Lý Quảng đến làm Thái thú Hữu Bắc Bình, quân Hung Nô được tin "Phi tướng quân" trấn giữ ở Hữu Bắc Bình, trong mấy năm trời không dám bén mảng tới.

Năm 120 trước công nguyên, Lý Quảng dẫn 4 nghìn kỵ binh tấn công Bắc Bình, phối hợp với Trương Khuyên đánh vào Hung Nô. Khi đoàn quân vừa đi được mấy trăm dặm thì đột nhiên bị Tả hiền vương Hung Nô dẫn 40 nghìn kỵ binh bao vây, quân Hán bị thiệt hại quá nửa, mà tên cũng đã bắn gần hết. Lý Quảng lệnh cho quân sĩ chỉ giương cung chứ không bắn, còn mình thì liên tục bắn chết mấy tướng lĩnh của Hung Nô, khiến quân Hung nô vô cùng hoảng sợ, không dám manh động. Hôm sau, chủ lực quân Hán kéo đến giải thoát Lý Quảng ra khỏi trùng vây.

Năm 119 trước công nguyên, khi đại tướng Vệ Thanh dẫn quân tiến đánh Hung Nô, Lý Quảng lúc đó đã hơn 60 tuổi cũng tham gia chiến dịch này. Vệ Thanh hỏi tù binh nắm được nơi trú quân của vua Hung Nô, ông muốn tự mình lập công, bèn ra lệnh cho Lý Quảng làm tiên phong dẫn quân đánh về

hướng đông, còn mình thì chỉ huy quân đuổi bắt vua Hung Nô. Lý Quảng thấy đánh chẳng có kết quả gì, bèn hợp quân với đại tướng Triệu Thực Kỳ rời hướng đông, nhưng vì đường rất khó đi lại không có hướng đạo, nên bị lạc đường. Bấy giờ, Vệ Thanh đánh vào nơi trú quân của Hung Nô, vua Hung Nô trốn thoát. Vệ Thanh không lập được công cán gì, trên đường rút quân về thì gặp cánh quân của Lý Quảng. Vệ Thanh cử người đem rượu thịt đến khao thưởng Lý Quảng, và hỏi rõ nguyên do bị lạc đường. Khi Vệ Thanh gặp Thiên tử liền đổ hết tội để vua Hung Nô trốn thoát lên đầu tướng quân Triệu Thực Kỳ, nhưng bị Lý Quảng cự lực phản đối. Vệ Thanh tức tối liền sai người đến sức quan viên thuộc hạ của Lý Quảng đến trung quân hỏi tội. Lý Quảng nói: "Các ông có tội gì, việc bị lạc đường là tại tôi, vậy tôi tự đi chịu tội". Khi người của Vệ Thanh vừa đi khỏi, Lý Quảng nhìn các bộ tướng đã vào sinh ra tử với mình trong nhiều năm, bèn ngửa mặt than rằng: "Tôi tòng quân từ thuở niên thiếu, đánh với Hung Nô có hơn 70 trận lớn nhỏ, ngờ đâu lại bị đại tướng quân quá bức như vậy, nay tôi tuổi đã hoa râu, thật không thể nào chịu được nỗi nhục này ". Lý Quảng nói xong liền rút kiếm tự sát.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lã Hậu Chi Loạn

Năm 201 trước công nguyên, Lưu Bang lập nên vương triều Tây Hán, tức Hán Cao Tổ, rồi đón vợ là Lã Trĩ đến Tràn An lập làm Hoàng hậu. Lã hậu là một người cương nghị và giàu mưu lược, từ khi còn ở Phong Bái đã giúp Hán Cao Tổ đánh dẹp thiên hạ, lập chiến công hiển hách trong việc thiết lập giang sơn của Lưu Thỉ, bà còn nhiều lần bày mưu kế cho Hán Cao Tổ chu diệt các đại thần có công, bình định các cuộc phiến loạn của vua chư hầu, trừ được mối hiểm họa cho thiên hạ của nhà họ Lưu.

Lưu Doanh con của Lã Hậu tuy là con trai thứ, nhưng đã được Lưu Bang lúc xưng đế lập làm Thái Tử. Lưu Doanh là người khoan hậu, lương thiện, nhưng tính nết lại rất nhu nhược. Bấy giờ Lưu Bang sủng ái Thích phu nhân, nhà vua đã mấy lần muốn phế bỏ Lưu Doanh, để lập Triệu vương Lưu Như Ý là con trai của Thích phu nhân làm Thái Tử, nhưng bị Lã Hậu và các đại thần nhiều lần khuyên can, nên đành phải gác lại.

Năm Lưu Doanh lên ngôi vua mới chỉ có 17 tuổi, vẫn còn là một thiếu niên lại nhu nhược bất tài, nên đại quyền thiên hạ của nhà Hán đều do Hoàng thái hậu Lã Trĩ nắm giữ, lịch sử TQ kể từ đó bắt đầu tiến vào thời đại Lã hậu.

Lã hậu nham hiểm và độc ác, sau khi Huệ đế lên ngôi, bà liền lập tức hạ hiếp kẻ tình địch của mình, là hai mẹ con Thích phu nhân và Lưu Như Ý. Năm 194 trước công nguyên, bà triệu Lưu Như Ý vào kinh rồi toan ám hại. Huệ đế biết được việc này, bèn tự mình đón Lưu Như Ý vào cung, rồi hai anh

em cùng ăn cùng ngủ để che chở cho Lưu Như Ý. Vào một buổi sáng, khi Huệ đế chuẩn bị ra ngoài tập bắn cung, thấy Lưu Như Ý vẫn còn đang ngủ say thì không tiện gọi cùng đi, nhưng khi trở về thì thấy Lưu Như Ý bị trúng độc nằm chết trên giường.

Ít lâu sau, Lã hậu lại cho chặt hết chân tay của Thích phu nhân, khoét mắt, hun điếc tai, bắt uống thuốc cấm hộng, đem quăng vào chuồng lợn gọi là "Nhân Phệ", tức người lợn, rồi bảo Huệ đế đến xem. Huệ đế vừa nhìn thì nhận ra Thích phu nhân, lòng dạ vô cùng kinh hoàng, đau đớn than khóc, về sau bị bệnh nặng nằm liệt giường đến hơn một năm trời. Nhà vua sai người đến nói với Lã hậu rằng: "Đây không phải việc người làm, thần là con trai của Thái hậu, không thể nào trị được thiên hạ", rồi từ đó suốt ngày chỉ uống rượu vui chơi, không hỏi han đến chính sự, toàn bộ quyền lớn nhà nước đều giao cho mẫu hậu. Lưu Doanh làm vua bù nhìn được 7 năm, đến tháng 8 năm 188 trước công nguyên thì lâm bệnh mất tại cung Vị Ương Tràng An, bấy giờ mới chỉ 24 tuổi.

Sau khi Huệ đế mất, Lã hậu bèn lập Thái tử Lưu Cung lên làm vua, gọi là "Thiếu Đế". Còn Lã hậu với danh nghĩa Thái Hoàng Thái Hậu đã chính thức can dự vào việc triều chính, công khai thi hành mọi quyền lực của nhà vua.

Nhưng Lã hậu lúc này không còn như trước nữa, tư tưởng đã có sự biến đổi to lớn, bà tự mình thao túng quyền hành nhà nước còn cảm thấy chưa đủ, mà còn muốn thay đổi thiên hạ của họ Lưu thành thiên hạ của họ Lã. Năm 187 trước công nguyên, Lã hậu đề nghị các đại thần chia phong cho các anh em nhà mình làm Vương, các đại thần chẳng còn cách nào khác đành phải nhận lời. Do đó, các tử đệ của dòng họ Lã là Lã Đài, Lã Sản, Lã Lộc v v, đều được phong Vương. Sau đó, Lã hậu còn ra lệnh cho Lã Đài và Lã Sản phân chia thống lĩnh Nam quân và Bắc quân, nắm giữ quân quyền ở kinh sư, bà còn kiểm soát sát hại hai người con trai của Lưu Bang là Triệu vương Lưu Hữu và Lương vương Lưu Khôi, ra sức bài xích thế lực họ Lưu, đồng thời bà còn

đem nhiều phụ nữ dòng họ Lã gả cho các vương hầu họ Lưu, để chế ngự thế lực của dòng họ này.

Năm 184 trước công nguyên, vua bù nhìn Lưu Cung lên ngôi được 4 năm, khi được biết mình không phải là con đẻ của Trương hoàng hậu, mà mẹ đẻ của mình đã bị Thái hậu giết chết thì trong lòng vô cùng đau đớn, thề sau này khôn lớn nhất định sẽ báo thù cho mẹ, lời nói này chẳng may đến tai Lã hậu, bà sợ sau này sinh biến, liền cấm cố Lưu Cung rồi ít lâu sau thì sát hại. Lã hậu lại lập con của Huệ đế là Thường Sơn vương Lưu Nghĩa lên làm vua, đổi gọi là Lưu Hoảng, đây lại là một ông vua con nữ trong lịch sử, mọi quyền hành lớn của vương triều nhà Hán vẫn nằm gọn trong tay Lã hậu.

Lã hậu nắm quyền triều chính trong 16 năm trời, cho mãi tới khi tạ thế vào năm 180 trước công nguyên mới chấm dứt.

Trước khi qua đời, bà đã phong cháu là Lã Sảo làm tướng quốc, Lã Lộc làm thượng tướng, con gái của Lã Lộc được phong làm Hoàng hậu. Dù vậy, thế lực của họ Lưu vẫn rất lớn mạnh, thừa tướng Trần Bình và thái úy Chu Bật đã ngầm ngầm liên hệ với họ Lưu, khởi binh thảo phạt họ Lã, giết chết Lã Sảo, Lã Lộc, thiếu đế Lưu Hoảng, cùng con cái của Huệ đế, rồi lập Lưu Hằng lên làm vua, khôi phục ách thống trị của dòng họ Lưu, thời đại Lã hậu đến đây chấm dứt.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tiêu Tào Lường Tướng Quốc

Tiêu Hà và Tào Tham trước đây đều làm quan lại ở huyện Bái, cùng theo Hán Cao Tổ khởi binh. Tào Tham là nguyên huân dựng nước Tây Hán, chiến công hiển hách, thương tích đầy mình, nên có khá đông người tỏ ra rất bất bình trước việc cấp bậc ông còn thấp hơn Tiêu Hà, từ đó dẫn đến mối quan hệ giữa hai người ngày một lạnh nhạt, nhưng Tiêu Hà biết rất rõ Tào Tham là một nhân tài trị nước, nên vẫn đề cử với Hán Huệ Đế cho Tào Tham sang nước Tề làm tướng quốc.

Sau khi đến nước Tề, Tào Tham bèn lập tức triệu tập các trưởng giả và một số phần tử tri thức có tài cán ở địa phương lại, khiêm tốn hỏi ý kiến họ nên làm thế nào quản lý tốt nhân dân và xây dựng nhà nước đã bị chiến tranh tàn phá. Do số người này đông tới mấy trăm người, mà mỗi người đều trình bày theo nhận thức riêng của mình, nên các biện pháp được nêu ra cũng rất khác nhau, khiến Tào Tham cảm thấy rất lúng túng, chưa biết nên bắt đầu từ đâu.

Giữa lúc đó, có một người mách với ông rằng, ở ngoại ô phía tây có một người tên là Cái Công rất giỏi về nghiên cứu học thuyết "Vô vi nhi trị", rất có tài trị nước. Tào Tham nghe xong bèn lập tức cử người đem theo nhiều lễ vật đi mời Cái Công đến. Khi Cái Công đến nơi, Tào Tham kính cẩn hành lễ, thỉnh giáo đạo trị thế yên dân. Cái Công thấy Tào Tham thật lòng như vậy, bèn kiến nghị áp dụng biện pháp "Thanh tĩnh vô vi" để quản lý nước Tề lúc bấy giờ.

Cái Công nói: "Chỉ cần quan trên thanh tĩnh, không sinh sự, không nhiễu dân, thì dân chúng tự nhiên sẽ sinh sống yên ổn. Chỉ có như vậy, kinh tế xã hội mới được khôi phục và phát triển, mới quản lý tốt được nhà nước". Tào Tham nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn lưu Cái Công ở lại nước Tề, để tiện khi hỏi mưu kế trị nước.

Hán Huệ Đế lên ngôi được hai năm thì Tiêu Hà lâm bệnh nặng, ông lại lần nữa tiến cử Tào Tham đến thay mình đảm nhiệm chức vụ thừa tướng. Tào Tham được điều đến triều đình vẫn duy trì tác phong như trước, vô vi nhi trị.

Các đại thần thấy Tào Tham không có chí tiến thủ như vậy thì vô cùng sốt ruột, họ đã đến nhà gặp ông để góp ý. Nhưng khi đến nơi thì Tào Tham mời họ cùng uống rượu. Có người nêu ra việc lớn triều đình thì Tào Tham đều phá ngang né tránh, khiến họ cảm thấy rất cụt hứng. Cuối cùng thì người nào người nấy đều say khướt rồi ra về. Hán Huệ Đế thấy vậy thì cho Tào Tham là một lão già lẩn cẩn, nên rất coi thường ông..

Tào Quật còn trai của Tào Tham lúc đó đang làm người hầu nhà vua trong cung. Một hôm, Hán Huệ Đế dặn anh ta rằng: "Khi về nhà hãy nói với cha người rằng: "Cao Tổ đã quy tiên, nhà vua hãy còn trẻ, việc lớn nhà nước đều nhờ vào thừa tướng chủ trì, vậy mà cha chỉ suốt ngày uống rượu, cơ bản không đoái hoài tới việc triều chính, cứ thế này mãi thì làm sao quản lý tốt nhà nước?", rồi chờ xem cha người phản ứng ra sao".

Tào Quật về nhà bèn đem lời dặn của nhà vua nói lại với cha. Tào Tham nghe xong, liền nổi giận mắng rằng: "Mày là một thằng ranh con, biết gì. Mà việc lớn nhà nước cũng chẳng đến lượt mày chõ mõm vào". Nói xong, bèn gọi người hầu đem roi ra đánh cho Tào Quật một trận nên thân.

Tào Quật vô cớ bị đòn thì vô cùng uất ức, khi vào cung mới nói lại cho nhà vua nghe. Hán Huệ Đế tỏ ra mất vui, mới triệu Tào Tham vào cung, hỏi ông tại sao lại làm như vậy. Tào Tham đáp rằng: "Xin hỏi bệ hạ, bệ hạ so với

tiên đế thì ai anh minh hơn?". Nhà vua đáp: "Trẫm không thể nào bì kịp tiên đế". Tào Tham lại hỏi tiếp: "Thần so với Tiêu Hà thì người nào thông minh hơn?". Nhà vua đáp: "Người có có phần đuối kém hơn so với Tiêu thừa tướng". Tào Tham nói: "Thế thì đúng rồi, bệ hạ không bằng tiên đế, thần không bằng Tiêu thừa tướng, thì pháp lệnh do tiên đế và Tiêu thừa tướng đặt ra, chúng ta chỉ có thể tiếp tục thi hành, như thế chẳng phải tốt lắm sao?". Hán Huệ Đế đến lúc này mới hiểu rõ được dụng ý của Tào Tham, đành chỉ gật đầu khen ngợi. Trong lịch sử đã gọi sự kiện này là "Tiêu quy Tào tuyền".

Sau khi nhậm chức thay Tiêu Hà, Tào Tham đã không đường đột thay đổi chế độ tiền nhiệm, mà vẫn tiếp tục kế thừa chính sách cũ, bởi lẽ thực tế đã chứng minh chính sách tiền nhiệm rất đúng đắn. Qua đó, có thể thấy Tào Tham không chỉ là một viên tướng rất dũng mãnh, mà còn là một nhà chính trị rất sáng suốt.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Bá Vương Biệt Cơ

Lưu Bang đã nhân cơ hội Hạng Vũ đang chinh phạt Điền Vinh nước Tề, bèn xuất binh từ Quan Trung đánh chiếm được Bành Thành- đô thành của Hạng Vũ, rồi chia quân cho Hàn Tín và Trương Nhĩ chinh chiến với Yển, Triệu. Còn Bành Việt dẫn quân đến Hoài Nam quấy nhiễu đường vận lương của quân Sở. Hạng Vũ được tin vô cùng giận dữ, vội vàng dẫn 30 nghìn tinh binh về vây đánh Bành Thành. Trải qua mấy trận kịch chiến, Lưu Bang bị thất bại thảm hại, mấy chục nghìn quân bị thiệt hại quá nửa, cha và vợ đều bị quân Sở bắt làm tù binh.

Lưu Bang lui giữ ở vùng Dinh Dương, Thành Cao, lại bị Hạng Vũ Tấn công, nên chẳng còn cách nào khác, đành phải cầu hòa với Hạng Vũ. Hạng Vũ đã toan đồng ý thì bị mưu sĩ Phạm Tăng phản đối. Lưu Bang thấy cầu hòa không xong, liền áp dụng kế phản gián của mưu sĩ Trần Bình, khiến Phạm Tăng bị giết chết, giảm được sức ép cho quân Hán. Sau đó hai bên cầm cự nhau trong hơn hai năm trời.

Năm 203 trước công nguyên, Hạng Vũ dẫn quân đánh Bành Việt để bảo đảm thông suốt đường vận lương, trước khi đi có dặn Tào Tư viên tướng ở lại giữ thành Thành Cao là không được giao chiến với quân Hán, nhưng nào ngờ Hạng Vũ vừa đi khỏi thì Lưu Bang dẫn quân kéo đến, ban đầu Tào Tư chỉ trấn giữ thành trì không ra nghênh chiến, về sau thật không thể nào chịu nổi quân Hán ngày nào cũng kéo đến chửi mắng, xỉ nhục, bèn quyết định vượt qua sông Phiếm Thủy, để quyết một trận tử chiến với quân Hán. Nhưng quân

Sở vừa qua sông được một nửa thì bị quân Hán đánh cho một trận tơi bời, Tào Tư phải rút kiếm tự sát. Còn bên kia, Hạng Vũ đang đánh trận nào thắng trận ấy, khi được tin Thành Cao đã thất thủ, vội kéo quân trở về rồi hai bên đối trận nhau ở Quảng Võ, bấy giờ Hạng Vũ cho áp giải cha của Lưu Bang ra trước trận, khuyên gọi Lưu Bang đầu hàng, bằng không thì sẽ giết chết Lưu Thái Công. Lưu Bang lớn tiếng đáp rằng: "Hai chúng ta đã từng là anh em, cha của tôi cũng là cha anh, nếu anh muốn giết cha anh để nấu canh thì hãy cho tôi xin một bát nếm thử". Hạng Vũ thấy dọa không nổi, bèn bắn một mũi tên làm Lưu Bang bị thương, Lưu Bang dặn quân Hán giữ vững trận địa, rồi lui về Thành Cao dưỡng bệnh. Lúc này, Hàn Tín và Trương Nhĩ đã thu được toàn thắng ở đất Tề, còn Bành Việt cũng đã cắt đứt được đường vận lương của quân Sở, Hạng Vũ đang tiến thoái lưỡng nan, thì thấy Lưu Bang cử Lục Giả đến xin cầu hòa, yêu cầu thả cha và vợ của Lưu Bang về. Đồng thời kiến nghị lấy hào sâu làm biên giới, phía tây thuộc Lưu Bang, phía đông thuộc Hạng Vũ. Hạng Vũ nhận lời rồi thả người về. Nhưng nào ngờ đây là kế hoãn binh của Lưu Bang, quân mã của Hạng Vũ bị vây khốn ở Cai Hạ. Hạng Vũ đã mấy lần phá vây đều bị thất bại. Ngu Cơ vợ của Hạng Vũ tuy theo chồng nam chinh bắc chiến, nhưng chưa thấy trận ác chiến nào rùng rợn như trận Cai Hạ. Vào lúc chập tối, nàng thấy chồng mũ giáp nhuộm đầy máu trở về, liền vội vàng bày tiệc rượu, nhưng Hạng Vũ chẳng thiết ăn uống gì, rồi lên giường ngủ. Vào lúc nửa đêm, bỗng nghe tiếng hát nước Sở thảm thiết, thê lương, bay theo gió vang vọng khắp đại doanh quân Sở, tiếng hát ấy nỉ non như khuyên nhủ, như than khóc, lúc xa lúc gần, gọi cho Quân Sở nổi nhớ quê nhớ nhà da diết, họ tới tập rù nhau bỏ trốn, các đại tướng Hạng Bá, Chung Ly Vị, Quý Bố v v, cũng đều bỏ đi cả. Trong tiếng hát ấy, Hạng Vũ thần thờ bước ra ngoài trướng, bấy giờ chỉ còn lại 800 binh sĩ trung thành đang bảo vệ quanh trướng, con ngựa Ô Truy cứ hí lên như xé, ngoảnh đầu nhìn vào trong trướng thấy nàng

Ngu Cơ, người vợ thủy chung của mình đang đứng bên ngọn đèn dầu le lói, Hạng Vũ lòng dạ rối bời, đau đớn. Nàng Ngu Cơ thấy chồng như vậy bèn

rút kiếm ra vừa múa vừa hát, rồi tự sát.

Hạng Vũ nén nỗi thương đau chôn cất vợ xong, đến canh năm cùng 800 tráng sĩ phá vây chạy về hướng đông, Quán Anh dẫn 5 nghìn quân mã bám đuổi theo. Hạng Vũ vượt qua sông Hoài, lúc này quân sĩ chỉ còn lại hơn trăm người, họ vừa đánh vừa lui, khi đến Đông Thành thì Hạng Vũ thấy bên mình chỉ còn lại có 28 người, bấy giờ quân Hán đông như kiến cỏ đã khép chặt vòng vây. Hạng Vũ đã biết dữ nhiều lành ít, mới nói với mọi người rằng: "Ta từ lúc khởi binh, đến nay kể đã 8 năm, từng đánh hơn 70 trận mà chẳng thua trận nào, nên mới được làm Tây Sở Bá Vương, nay bị vây khốn ở đây, ta sẽ chém giết một trận nữa để mọi người biết rằng, đây là trời muốn giết Hạng Vũ, chứ không phải là lỗi tại chiến trận". 28 tráng sĩ liền chia làm bốn đội phá vây, họ chém giết được hơn trăm quân Hán, khi ra đến chân núi phía đông hợp quân thì còn lại 26 người.

Đoàn người chạy đến Ô Giang, Đình trưởng Ô Giang đã sắp sẵn cho họ một chiếc thuyền con để họ qua sông. Sau đó, Hạng Vũ và 26 tráng sĩ lại mở một trận đánh giáp lá cà, chém giết được hơn mấy trăm quân Hán, họ nổi tiếp nhau ngã xuống, Hạng Vũ cũng đã bị thương nặng, bấy giờ ông nhìn thấy trong đám quân Hán, có một người trước kia từng là thủ hạ của mình, mới nói với anh ta rằng: "Tôi nghe nói ai lấy được đầu tôi thì sẽ được phong ấp vạn hộ và hai nghìn lạng vàng, vậy tôi xin dâng số của cải này cho anh". Hạng Vũ nói xong bèn rút kiếm tự sát.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tiêu Hà Đêm Trăng Đuổi Hàn Tín

Hàn Tín người Hoài Âm, xuất thân nghèo khổ, thời niên thiếu vì thiếu ăn thiếu mặc phải đi lừa ăn lừa uống, nên bị mọi người khinh thường. Một hôm, một người thợ mổ lảng nhục Hàn Tín trước mặt mọi người rằng: "Anh to xác như vậy mà cũng đi học đòi con chó đeo kiếm dài, nếu có giỏi thì hãy giết chết tôi, bằng không thì hãy chui qua háng tôi mà đi". Hàn Tín nghe xong chẳng nói chẳng rằng, do dự hồi lâu rồi chui qua háng người thợ mổ đi thẳng, mọi người nhìn thấy đều cười giễu cợt Hàn Tín.

Bấy giờ, làn sóng phản Tần ngày một dâng cao, Hàn Tín đi theo Hạng Vũ, nhưng vì không được trọng dụng bèn quyết định bỏ đi để tìm chủ khác.

Lưu Bang- một trong 18 đạo quân chư hầu là người khiến Hạng Vũ gồm kỵ nhất, nên Hạng Vũ đã chia phong cho Lưu Bang vùng đất Nam Trịnh, một miền đất xa xôi hẻo lánh ở khu vực Ba Thục và Hán Trung, xưng là Hán Vương, đồng thời còn phong khu vực Quan Trung cho Chương Đan để kiềm chế Lưu Bang. Vì thế lực yếu kém không thể so độ với Hạng Vũ, nên Lưu Bang chỉ lặng lẽ dẫn quân bản bộ đi sang Nam Trịnh.

Hán vương Lưu Bang đến Nam Trịnh, liền phong Tiêu Hà làm thừa tướng, Tào Tham, Hạ Hầu Anh, Phàn Khoái, Chu Bột v v làm tướng quân, chiêu binh mãi mã, nghỉ ngơi dưỡng sức để chuẩn bị sau này tranh giành thiên hạ với Hạng Vũ. Bấy giờ Hàn Tín nhậm chức hiệu úy dưới trướng Lưu Bang. Nhằm đánh lừa Hạng Vũ, để chứng tỏ mình rất yên tâm ở lại Hán

Trung, Lưu Bang đã làm theo mưu kế của Trương Lương đốt bỏ đường sà gỗ thông sang Quan Trung, do đó các binh sĩ vì nhớ quê hương đều rủ nhau đào ngũ, khiến Hán vương lo lắng ăn không ngon, ngủ không yên.

Một hôm, bỗng nghe báo thừa tướng Tiêu Hà đã bỏ trốn, Lưu Bang sửng sốt không hiểu ra sao, thì ba ngày sau lại thấy Tiêu Hà trở về, Lưu Bang nổi giận trách hỏi rằng: "Vì sao ông lại chạy trốn?". Tiêu Hà đáp: "Tôi không chạy trốn, mà là đi đuổi bắt người chạy trốn đó thôi ". Lưu Bang hỏi đuổi bắt ai thì Tiêu Hà đáp là Hàn Tín. Lưu Bang dùng dùng nổi giận mắng rằng: "Nay đã chạy mất mười mấy tướng quân, mà chưa hề nghe thấy ông đi đuổi, vì sao ông lại đi đuổi mỗi thằng vô danh tiểu tốt như Hàn Tín". Tiêu Hà đáp rằng: "Nghìn quân dễ được, một tướng khó tìm, một tướng quân như Hàn Tín trên đời chỉ có một, nếu đại vương cam chịu ở lại đất Hán Trung này suốt đời thì chớ dùng Hàn Tín, nhược bằng muốn đông tiến giành giật thiên hạ thì không thể không dùng Hàn Tín".

Lưu Bang nghe vậy liền cho tìm Hàn Tín đến phong làm đại tướng. Theo mưu kế của Hàn Tín, Lưu Bang đã nhanh chóng chiếm lĩnh được Tam Tần, giết chết Chương Đan, rồi nhân khi Hạng Vũ còn đang bận đánh Điền Dung, Lưu Bang dẫn quân đoạt cửa ải, chiếm được đô thành Tây Sở-Bành Thành, sau đó lại ra lệnh cho Hàn Tín và Trương Nhĩ bắc tiến, chiếm được địa bàn của Hàn, Triệu. Mấy chục nghìn quân của Hàn Tín và Trương Nhĩ đã áp sát nước Triệu.

Hàn Tín đóng quân tại nơi cách Tỉnh Kinh Khẩu, doanh trại của đại quân nước Triệu chưa đầy 30 dặm. Nửa đêm hôm đó, Hàn Tín ra lệnh cho hai ngàn kỵ binh, mỗi người cầm một lá cờ đỏ nấp sẵn ở trong núi, dặn họ đợi khi nào quân Triệu thấy quân Hán rút lui rồi đuổi theo, thì sang cướp trại quân Triệu, nhổ hết cờ của quân Triệu, cắm cờ của quân Hán lên. Sau đó, Hàn Tín còn điều 10 nghìn quân mã bày trận bên bờ sông, quân Triệu thấy vậy đều chế cười Hàn Tín. Khi trời gần sáng, Hàn Tín ra lệnh rút quân, quân Triệu quả

nhân đuổi theo, quân Hán vừa đánh vừa lui ra bờ sông, cùng hợp với 10 nghìn quân đóng ở đó, nâng số quân lên tới 200 nghìn người. Do phía sau là sông, lại không có cầu thuyền, nên quân Hán chỉ có một lối thoát là xông pha chém giết mở một con đường máu, nên khí thế tăng lên gấp bội. Trong lúc giao chiến, quân Triệu nhìn thấy doanh trại của mình đều cắm toàn là cờ đỏ của quân Hán, cứ tưởng là vua Triệu đã bị bắt, đều vô cùng hoang mang, nên bị quân của Hàn Tín đánh cho tan tác. Hàn Tín chỉ một trận san bằng đất Yển, Triệu, ít lâu sau lại chiếm được Tam Tề, cho mãi tới khi giúp Lưu Bang đánh bại được Hạng Vũ.

Sau khi lên làm vua, Lưu Bang không muốn duy trì chức vị cao của các công thần dựng nước. Trước đó, Lưu Bang đã khuyên Hàn Tín giao lại binh quyền, đổi phong làm Sở Vương. Ít lâu sau, Chung Ly Vĩ một viên đại tướng của Hạng Vũ do bị triều đình nhà Hán truy nã, mới đến trốn trong nhà Hàn Tín, Lưu Bang biết được, Hàn Tín chẳng còn cách nào khác đành phải nói lại với Chung Ly Vĩ, Chung Ly Vĩ uất ức liền rút kiếm tự sát.

Hàn Tín xách thủ cấp của Chung Ly Vĩ đến gặp Lưu Bang, Lưu Bang thấy vậy tức tối nói: "Ông chạy biệt tăm đi đâu mà bây giờ mới đến tự thú, muộn rồi", nói xong bèn ra lệnh cho võ sĩ trói Hàn Tín lại để trị tội. Các đại thần khuyên mãi, Hàn Tín mới khỏi chết và bị giáng làm Hoài Âm Hầu. Mấy năm sau, nhân khi Lưu Bang xuất binh chinh chiến, vợ Lưu Bang là Lã Hậu đã cùng Tiêu Hà bày mưu lừa Hàn Tín đến Tràng An, bắt giam trong buồng kín rồi sát hại. Thế mới thật là: "Thành sự tại Tiêu Hà, bại sự cũng tại Tiêu Hà".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hồng Môn Yến Kinh Hồn Bạt Vía

Trong phong trào khởi nghĩa chống Tần, đạo quân khởi nghĩa ở huyện Bái do Lưu Bang lãnh đạo là một lực lượng không thể coi nhẹ. Lưu Bang tự Quý người xã Phong, huyện Bái, ông đã tụ tập hơn trăm người chiếm cứ trên núi Mang Đãng.

Ít lâu sau, Lưu Bang được tin Trần Thắng và Ngô Quảng khởi nghĩa, bèn cử người sang liên hệ với hai người bạn của mình đang làm huyện lại là Tiêu Hà và Tào Tham, họ giết chết quan huyện, chiếm lấy huyện ly, nhanh chóng tụ tập được hai ba nghìn quân, Trương Lương ở Lưu Thành cũng dẫn hơn 100 người đến xin theo, Lưu Bang nghe theo lời kiến nghị của Trương Lương, đã dẫn quân đi theo Hạng Lương.

Sau khi Hạng Vũ đánh bại quân Tần ở Cự Lộc, biên chế hàng binh của Chương Đan, từ đó trở nên rất kiêu ngạo, khi được tin Lưu Bang đã chiếm được Hàm Dương, Hạng Vũ vô cùng bức tức, bèn dẫn quân đánh thẳng sang cửa ải Hàm Cốc, quân của Lưu Bang quá ít, nên quân của Hạng Vũ đã nhanh chóng chiếm được cửa ải, đánh thẳng một mạch đến Hồng Môn mới đóng quân lại, nơi này chỉ còn cách nơi đóng quân của Lưu Bang hơn 40 dặm. Khi Hạng Vũ bàn cách đối phó với Lưu Bang thì mưu sĩ Phạm Tăng trả lời rằng: "Lưu Bang là một tên vô lại, nay hắn chiếm được Hàm Dương, mà không hề tham của và mỹ nữ, qua đó đủ biết dã tâm của hắn không nhỏ, nếu không trừ bỏ hắn đi thì tất để vạ về sau."

Hạng Vũ nghe vậy bèn hạ quyết tâm tiêu diệt Lưu Bang. Hạng Bá chú của Hạng Vũ và Trương Lương thuộc hạ của Lưu Bang vốn là đôi bạn tri giao. Lưu Bang bèn nhờ Trương Lương mời Hạng Bá đến, nói rõ mình không dám phản đối Hạng Vũ, mong Hạng Bá về nói hộ và khuyên Hạng Vũ chớ nên xuất binh. Đồng thời còn bảo Trương Lương làm mối, đem con gái mình gả cho con trai của Hạng Bá. Hạng Bá vui mừng rồi tỏ ý sẽ tiến dẫn Lưu Bang đến xin lỗi Hạng Vũ.

Hôm sau, Lưu Bang dẫn theo Trương Lương, Phàn Khoái, gồm hơn 100 người đến Hồng Môn xin lỗi Hạng Vũ. Lưu Bang thành khẩn nói với Hạng Vũ rằng: "Tôi và tướng quân cùng khởi binh diệt Tần, tướng quân đánh Hà Bắc, tôi đánh Hà Nam, tôi may mắn tiến vào cửa ải trước, nhưng tôi vẫn ngày đêm mong tướng quân đến, chứ đâu có ý kháng cự với tướng quân? Ngay đến việc vua Tần đầu hàng, tôi cũng còn đợi tướng quân đến giải quyết, mong tướng quân chớ có nghe lời đồn nhảm". Hạng Vũ nghe vậy lửa giận cũng bớt đi một phần, rồi cười phá lên rằng: "Tôi vốn không nghi ngờ Bái Công, cũng chỉ vì thủ hạ của Bái Công tung tin, nên tôi mới nghĩ vậy thôi." Hạng Vũ nói xong liền nắm tay Lưu Bang giảng hòa, rồi ra lệnh bày tiệc tiếp đãi Lưu Bang. Phạm Tăng biết Lưu Bang là người tức chí đa mưu, vốn muốn nhân cơ hội này để trừ đi cho đỡ hậu hoạn, nhưng nào ngờ Hạng Vũ lại không làm như đã bàn, mà còn nói năng rất vui vẻ.

Trong bữa tiệc, Phạm Tăng đã nhiều lần giơ miếng ngọc đeo bên mình ra hiệu cho Hạng Vũ, nhưng Hạng Vũ cứ làm như không nhìn thấy, Phạm Tăng sốt ruột bèn mượn cớ ra ngoài, tìm gặp Hạng Trang em họ của Hạng Vũ và nói rằng: "Đại vương mền lòng không nở hạ thủ, nay anh vào múa kiếm trợ hứng, rồi nhân cơ hội giết quách Lưu Bang đi". Hạng Trang nghe theo liền vào phòng tiệc nói rằng: "Nay chẳng có trò gì vui cả, vậy tôi xin múa kiếm để trợ hứng". Nói xong liền rút kiếm ra, vừa múa vừa áp sát Lưu Bang, mũi kiếm đã nhiều lần sắp chạm vào Lưu Bang, khiến Lưu Bang hoảng hốt phải ngã người về phía sau để tránh.

Hạng Bá nhận rõ ý đồ của Hạng Trang, lo lắng thân gia của mình bị hại bèn nói rằng: "Hai chúng ta cùng múa cho vui". Nói xong cũng rút kiếm ra vừa múa vừa che chở cho Lưu Bang. Trương Lương thấy tình hình nguy cấp, bèn lên ra ngoài nói lại với Phàn Khoái, Phàn Khoái vội vàng một tay cầm lá chắn, một tay cầm kiếm đi vào, đám vệ binh toan ngăn lại đều bị Phàn Khoái đẩy cho ngã chống gọng.

Hạng Vũ đột nhiên thấy một đại hán vai hồ lưng gấu sấn sổ đi vào, quát hỏi là ai thì Trương Lương vội bước ra nói rằng: "Đây là người đánh xe của Bái Công, tên là Phàn Khoái". Hạng Vũ quay sang bảo vệ sĩ thưởng cho Phàn Khoái một vại rượu và một đùi lợn, Phàn Khoái dùng kiếm thái thịt ăn uống như hổ sói, chỉ một lúc là hết sạch. Hạng Vũ thấy vậy lại hỏi: "Tráng sĩ còn uống được rượu nữa không?", Phàn Khoái dừng dừng đáp: "Tôi chết cũng không sợ nữa là, còn sợ uống rượu? Ngày xưa, vua Tần giết người như rạ, khiến người thiên hạ phải làm phản.

Hoài Vương đã ra hẹn là ai vào Hàm Dương trước, thì người đó được phong làm Quan Trung Vương, nay Bái Công đã vào trước mà vẫn không làm Vương, cung điện và kho tàng đều niêm phong cẩn thận, rồi trú quân ở Bá Thượng để đợi tướng quân đến. Nay tướng quân nghe lời đồn nhằm toan hại Bái Công, làm như vậy có khác gì vua Tần tàn bạo". Hạng Vũ nghe xong chẳng biết đối đáp ra sao, Trương Lương nhân lúc đó ra hiệu cho Lưu Bang, Lưu Bang liền mượn cớ ra ngoài, rồi cùng Phàn Khoái theo đường tắt trở về Bá Thượng.

Trương Lương đoán chừng Lưu Bang đã an toàn trở về Bá Thượng, liền đem lễ vật của Lưu Bang để lại dâng cho Hạng Vũ và nói rằng: "Bái Công đã say rượu không thể đến cáo từ, có dặn tôi đem đôi chén ngọc này biểu tướng quân". Hạng Vũ nghe nói Lưu Bang đã ra về, đành phải nhận lấy chén ngọc đặt lên trên ghế. Phạm Tăng vô cùng bức tức, bèn rút kiếm chém vỡ chén ngọc rồi than rằng: "Hạng Vương thật là ấu trĩ, kẻ tranh giành thiên hạ với

Hạng Vương sau này tất là Lưu Bang, chúng ta chỉ còn chờ làm tù binh mà thôi ".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ

Sau khi Trần Thắng và Ngô Quảng dựng cờ khởi nghĩa tại Đại Trạch Hương, các nơi trong nước đều tới tấp nổi dậy hưởng ứng, Trần Thắng cử binh mã tiếp ứng các đạo nghĩa quân. Nhưng do trận tuyến quá dài, hiệu lệnh lại không thống nhất, nên các quý tộc cũ của 6 nước đã nhân cơ hội này chiếm cứ địa bàn rồi tự xưng vương, cơ bản không ủng hộ nghĩa quân, thêm vào đó, vương triều nhà Tần vốn lung lay đến tận gốc đã cử đại tướng Chương Đan, huy động toàn bộ quân đội điên cuồng đánh trả, nghĩa quân bị thiệt hại nặng nề. Ít lâu sau, Trần Thắng và Ngô Quảng lãnh tụ của nghĩa quân lần lượt bị bọn phản bội và thuộc hạ sát hại.

Trần Thắng và Ngô Quảng tuy bị hại, nhưng ngọn lửa phản Tần do họ thắp lên vẫn chưa bị dập tắt, hơn nữa càng cháy càng to, mà thanh thế lớn nhất là cuộc nổi dậy ở quận Cối Kê, thủ lĩnh của họ là Hạng Lương con trai của đại tướng nước Sở Hạng Yển, cùng cháu là Hạng Vũ. Hạng Vũ từ nhỏ mồ côi cha mẹ, do chú là Hạng Lương nuôi dạy khôn lớn. Hạng Vũ vóc người vạm vỡ, sức vóc ngàn cân, nhưng lại không thích học hành. Hạng Lương bắt phải học nhưng học được mấy ngày lại thôi, lại dạy kiếm thuật nhưng chỉ được mấy bữa lại bỏ, Hạng Lương nổi giận mắng nhiếc thì Hạng Vũ điềm nhiên trả lời rằng: "Học thì được cái tích sự gì, chẳng qua là biết viết họ tên mà thôi, còn luyện kiếm thuật thì cùng lắm cũng chỉ chém giết được mấy đứa, điều tôi muốn học ở đây là tài năng thực sự có thể chống đỡ hàng trăm nghìn quân mã". Hạng Lương nghe vậy cảm thấy thằng cháu này có chí lớn, bèn đem binh thư chiến sách tổ truyền ra cho Hạng Vũ học, Hạng Vũ rất

thông minh, nhìn qua là biết, nhưng cũng chỉ học qua loa, chứ không chịu đi sâu nghiên cứu.

Hạng Lương vốn người Hạ Tướng, nhưng vì đánh chết người, nên hai chú cháu phải chạy trốn đến sống ẩn cư ở đất Ngô Trung quận Cối Kê, thanh niên địa phương thấy họ biết chữ nghĩa và võ nghệ đều đến làm quen, Hạng Lương lại dạy họ học binh pháp và võ nghệ. Một hôm, Tần Thủy Hoàng xuống miền nam thị sát đi qua Ngô Trung, dân chúng địa phương đều kéo nhau ra xem, Hai chú cháu Hạng Lương cũng đứng trong đám đông, khi đội danh dự của Tần Thủy Hoàng đang rầm rộ đi qua trước mặt, Hạng Vũ liền buột miệng nói: "Chúng ta cũng có thể thay thế người này". Hạng Lương nghe vậy sợ đến tái mặt, vội lấy tay bịt miệng Hạng Vũ khẽ nói: "Đừng có mà nói bừa bãi, người ta tố giác thì sẽ bị giết cả họ đó". Cũng vào năm đó, Trần Thắng và Ngô Quảng phát động khởi nghĩa, Hạng Lương cho rằng thời cơ báo thù đã đến, hai chú cháu cùng giết chết quận thú Cối Kê, rồi triệu tập 8 nghìn đệ tử ở Ngô Trung nổi dậy chống lại triều đình nhà Tần.

Hai chú cháu dẫn 8 nghìn đệ tử vượt qua sông Trường Giang đánh chiếm được Quảng Lăng, rồi vượt sông Hoài tiến lên miền bắc. Trên đường đi đã thu nạp một số lực lượng chống Tần của Lưu Bang, Anh Bố, Lã Thần, Trần Anh v v, khiến số quân tăng đến bảy tám mươi nghìn người. Hạng Lương còn đón cháu của vua Sở đến xưng làm Sở Hoài Vương, rồi mở một trận kịch chiến với quân Tần ở Định Đào, Hạng Lương bị thua to rồi chết trận, Hạng Vũ và Lưu Bang đành phải rút quân về trấn giữ ở Bành Thành. Tướng Tần Chương Đan đánh bại xong quân Sở, lại ngược lên hướng bắc tiến đánh Triệu Yết, Triệu Yết chống đỡ không nổi vội cầu cứu với Sở Hoài Vương, nên Tống Nghĩa và Hạng Vũ được cử đi cứu.

Tống Nghĩa là một tên hèn nhát, khi thấy thanh thế quân Tần quá lớn mạnh, hẳn chỉ lo chốt giữ ở An Dương chứ không chịu tiến lên, Hạng Vũ nói với Tống Nghĩa rằng: "Cứu binh như cứu hỏa, quân Tần bao vây Cự Lộc, vua

Triệu khác nào như cá trong giỏ, chúng ta phải nhanh chóng vượt qua sông, hai bên trong ứng ngoài hợp thì quân Tần tất bị đánh bại". Nhưng Tống Nghĩa không chịu nghe theo. Hạng Vũ nổi giận liền giết chết Tống Nghĩa, rồi cắt lấy thủ cấp giơ lên nói với các tướng sĩ rằng: "Tống Nghĩa phản bội vua Sở, nên tôi đã thừa lệnh giết chết hắn". Các tướng sĩ phần lớn đều là thuộc hạ của Hạng Lương, nên họ đều đồng ý nghe theo lệnh của Hạng Vũ, tức thì Hạng Vũ cử Anh Bố và Phổ tướng quân dẫn 20 nghìn quân làm tiên phong, vượt qua sông Chương chiếm lấy bờ bên, cắt đứt đường vận lương của quân Tần, sau đó Hạng Vũ mới dẫn quân chủ lực vượt qua sông.

Sau khi qua sông, Hạng Vũ lệnh cho quân sĩ chuẩn bị ba ngày lương khô, đập vỡ hết nồi niêu, chọc đắm hết thuyền bè, rồi nói với các tướng sĩ rằng: "Trận đánh này chỉ có tiến chứ không có lùi, nội trong ba ngày phải đánh bại quân Tần để giải vây cho Cự Lộc". Việc làm này của Hạng Vũ đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của các tướng sĩ, trải qua 9 lần kịch chiến, quân của Hạng Vũ đánh cho quân Tần một trận tan tác chim muông. Bấy giờ, các đạo quân quý tộc cũ của các nước trước đó đến cứu Triệu, đứng trên thành nhìn xuống cũng phải khiếp đảm. họ không dám đánh ra, mà đợi tới khi quân Tần bị đánh tan rồi mới tới tập đến theo Hạng Vũ. Sở Hoài Vương bèn phong Hạng Vũ làm thượng tướng, chỉ huy toàn bộ các đạo quân phản Tần.

Trong trận đánh Cự Lộc, Hạng Vũ đã tiêu diệt được chủ lực của quân Tần, đã xoay chuyển được cục diện chiến tranh phản kháng triều nhà Tần.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trần Thắng Và Ngô Quảng Dựng Cờ Khởi Nghĩa

Tần Thủy Hoàng đã hao công tốn của vào việc xây đắp trong nhiều năm, nhằm xây dựng Trường Thành, nhà vua đã huy động hàng triệu dân phu và binh sĩ, đồng thời còn điều động 700 nghìn tù nhân đi xây dựng cung A Phòng, một cung điện hào hoa tráng lệ nhất lúc bấy giờ. Năm 210 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng băng hà trên đường đi thị sát, con trai thứ 18 là Hồ Hợi lên nối ngôi, tức Tần Nhị Thế, dưới sự dung túng và lều gạt của tên gian thần Triệu Cao, Hồ Hợi lại càng thêm táo tợn hơn, đã điều động mấy trăm nghìn dân phu và thợ đá đi xây dựng lăng mộ Tần Thủy Hoàng, lăng mộ còn chưa xây xong, lại điều mấy trăm nghìn dân phu và tù nhân đi xây dựng mở rộng cung A Phòng. Bấy giờ dân số cả nước chưa đầy 20 triệu, mà số lao dịch và binh dịch đã chiếm hơn 3 triệu người, làm lãng phí biết bao nhân lực và tài lực, phá hoại sản xuất nông nghiệp, nhân dân không được nghỉ ngơi dưỡng sức nên vô cùng căm tức.

Năm 209 trước công nguyên, đất Dương Thành bị điều động hơn 900 người đi Ngự Dương trấn giữ biên cương, nhằm quản lý số người này, hai tên quan quân áp giải đã chọn hai người binh phu mẫn cán làm đồn trưởng để giúp việc, một người tên là Trần Thắng người Dương Thành, còn một là Ngô Quảng người Dương Hạ. Hai người vốn không quen biết nhau, nhưng vì cùng là đồng hành và cùng là đồn trưởng, nên họ đã trở thành đôi bạn thân.

Đường từ Dương Thành tới Ngự Dương dài mấy nghìn dặm, bấy giờ đang là mùa mưa, đường bị ngập nước lầy lội rất khó đi, mà theo pháp lệnh thời

bấy giờ, nếu không đến tập trung đúng thời hạn thì số người này tất bị giết chết. Nhưng khi đoàn người đến xã Đại Trạch thì trời mưa tầm tã, đường đi bị nước cuốn trôi không còn lối đi, họ đành phải vào nghỉ trong một ngôi miếu hoang để đợi mưa tạnh rồi tiếp tục đi. Nhưng nào ngờ trận mưa này kéo dài tới mười mấy hôm. Trần Thắng biết đã bị lỡ thời hạn, bèn lên bàn với Ngô Quảng rằng: "Nơi này cách Ngự Dương còn rất xa, dù có tạnh mưa thì cũng chẳng đến kịp, lẽ nào chúng ta cứ chịu giương cổ để người ta chặt ư?". Ngô Quảng nói: " Hay là chúng ta trốn đi còn hơn là đâm đầu vào chỗ chết". Trần Thắng nói: "Chạy trốn mà bị chúng bắt được thì cũng bị giết chết, chi bằng ta làm phản còn hơn, nếu không thành công thì cùng lắm cũng là chết chứ gì". Ngô Quảng đồng ý, rồi hỏi Trần Thắng nên bắt đầu từ đâu. Trần Thắng suy nghĩ hồi lâu rồi đáp rằng: " Nghe nói vua Tần Nhị Thế là con út của Tần Thủy Hoàng, hắn đã đoạt vương vị của anh cả là Phù Tô, mà Phù Tô là một người trung hậu nhân nghĩa, rất có uy tín trong nhân dân, mọi người còn chưa biết Phù Tô phải chăng đã bị hại. Còn Hạng Yển là một danh tướng nước Sở, từng lập nhiều chiến công và được người nước Sở rất kính trọng, hiện cũng chẳng ai biết ông ta còn sống hay đã chết. Nay ta giả mượn danh nghĩa của hai người này, kêu gọi người nghèo trong thiên hạ cùng làm phản, người nước Sở nhất định sẽ hưởng ứng". Ngô Quảng vô cùng tán thành, rồi hai người cùng mật bàn kế sách với nhau.

Ngày hôm sau, người đầu bếp đi chợ mua về một con cá, khi mổ cá ra thì thấy bên trong có một miếng vải lụa, trên viết ba chữ "Trần Thắng Vương" bằng son đỏ, mọi người đều kháo nhau về việc này. Đêm hôm đó, trên bụi cây cạnh miếu bỗng có ánh sáng lờ mờ như ma chơi, rồi nghe tiếng con cáo nhại tiếng người kêu to: "Đại Sở hưng, Trần Thắng vương". Mọi người nghe vậy đều hú vía, họ bàn tán xôn xao và cho rằng đây là trời sai Hồ Tiên đến báo tin, nên ngày hôm sau họ cùng kéo nhau đến xem mặt Trần Thắng, thấy tướng mạo Trần Thắng na ná như chân long thiên tử, thêm vào đó Trần Thắng thường ngày đối xử tốt với mọi người, nên họ càng thêm kính trọng Trần Thắng.

Chiều tối hôm đó, Ngô Quảng nhân thấy hai tên quan quân áp giải say rượu liền nói với họ rằng: "Nay dù sao cũng đã quá hạn rồi, vậy xin hai ông hãy để chúng tôi về ", hai người nghe vậy vô cùng tức giận, một người vung roi quất vào mặt Trần Thắng, còn một người rút kiếm ra chỉ chỏ hăm dọa, mọi người thấy vậy đều xô tới, Trần Thắng thấy vậy liền nhanh tay đoạt lấy thanh kiếm rồi đâm chết hẳn, còn tên kia cũng bị Ngô Quảng đánh chết.

Trần Thắng và Ngô Quảng thấy mọi người đã đồng lòng với nhau, bèn quyết định lập tức khởi nghĩa, ông cử một tập người vào rừng đẵn gỗ chặt tre để làm khí giới, còn một tập đào đất đắp đàn tế, khâu một lá cờ trên viết một chữ Sở to bằng cái đấu, rồi mọi người cùng làm lễ ăn thề, Trần Thắng và Ngô Quảng được bầu làm thủ lĩnh, đoàn người nhanh chóng đánh chiếm được xã Đại Trạch, nông dân các nơi nghe tin, người thì đem lương thực đến úy lạo, kẻ thì vác mai cuốc đến tham gia quân khởi nghĩa, khiến số người tăng lên đông gấp mấy lần, Trần Thắng đổi hiệu xưng vương ở huyện Trần và lập quốc hiệu là "Trương Sở".

Sau khi Trần Thắng và Ngô Quảng dựng cờ khởi nghĩa, các nơi trong cả nước đều tới tấp hưởng ứng, một cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân nhằm chống lại triều nhà Tần, đã triển khai rầm rộ tại vùng Trung Nguyên.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tần Thủy Hoàng Thống Nhất Trung Nguyên

Sau khi Tần Vương Chính giết chết Kinh Kha thích khách của nước Yến, trong lòng vô cùng bức tức, bèn tăng quân cho cha con Vương Tiễn, ra lệnh phải gấp rút tấn công nước Yến, Thái tử Đan dẫn quân ra chống cự, nhưng đâu phải đối thủ của quân Tần, quân Tần nhanh chóng đánh chiếm được Kế Thành thủ đô nước Yến, vua nước Yến và Thái tử Đan buộc phải chạy trốn sang Liêu Đông, Tần Vương Chính chỉ huy quân bám đuổi theo, vua Yến chẳng còn cách nào khác, đành phải giết chết Thái tử Đan để chuộc tội và cầu hòa với nước Tần.

Tần Vương Chính hỏi mưu sĩ Liêu Úy nên giải quyết ra sao thì Liêu Úy trả lời rằng: "Nay hai nước Hàn Ngụy đã bị thôn tính, vua nước Yến chạy trốn sang Liêu Đông cũng đã cùng đường bí lối, nay trời đã trở lạnh, chi bằng đem quân đánh xuống miền nam để thu phục hai nước Ngụy và Sở".

Tần Vương Chính nghe theo, bèn lệnh cho Vương Quý dẫn 100 nghìn đại quân tiến xuống miền nam tấn công nước Ngụy, quân Ngụy chống đỡ không nổi phải lui về cố thủ ở Đại Lương, rồi cầu cứu với nước Tề, nhưng Vua Tề không chịu sang cứu, thủ đô nước Ngụy bị quân Tần khơi nước sông Hoàng Hà vào làm ngập lụt, vua Ngụy bị bắt sống và nước Ngụy từ đó bị diệt vong.

Năm sau, nước Tần lại chuẩn bị tấn công nước Sở, Tần Vương Chính mới hỏi đại tướng Lý Tín đánh Sở phải dùng bao nhiêu binh mã, Lý Tín trả lời là 200 nghìn, nhà vua lại quay sang hỏi lão tướng Vương Tiễn, thì Vương Tiễn

đáp rằng: "Sở là một nước lớn đất rộng người đông, theo ý thần thì phải là 600 nghìn quân mới đủ". Tần Vương Chính nghe vậy nghĩ bụng: "Vương Tiễn đã cao tuổi rồi nên nhát gan, thêm vào đó hai cha con ông ta đang năm bình quyền, sau này nhỡ xảy ra việc gì thì sao?". Do đó, nhà vua quyết định cử Lý Tín và Mông Điền dẫn 200 nghìn quân tiến đánh nước Sở. Vương Tiễn thấy nhà vua không tin ở mình, bèn yêu cầu cáo lão hoàn hương, Tần Vương Chính cũng nhân đà này liền nhận lời thỉnh cầu của ông.

Khi vua Sở được tin quân Tần tiến đánh, vội vàng cử đại tướng Hạng Yên thống lĩnh 200 nghìn quân ra chống cự, quân Sở do thông thuộc địa hình, đã chia quân làm 7 đường mai phục tại những nơi hiểm yếu, do quân Tần suốt ngày đêm hành quân vất vả, lại bị mai phục đánh bất ngờ, nên bị tổn thất nặng nề, buộc phải rút quân về. Bấy giờ vua Tần mới biết ý kiến của Vương Tiễn rất đúng đắn, nhà vua liền cách chức Lý Tín, rồi cho người đi mời Vương Tiễn về triều, trao cho 600 nghìn quân lại lần nữa tấn công nước Sở, Vương Tiễn dùng chiến thuật đánh chắc tiến chắc, từng bước lần tới chiếm được núi Trung Sơn rồi chốt giữ ở đó, mặc cho quân Sở nhiều phen đến thách đánh nhưng vẫn đóng chặt cửa trại không ra, hai bên cứ cầm cự nhau được hơn một năm. Hạng Yên lầm tưởng Vương Tiễn là một ông già nhút nhát, nên đã lơ là việc canh phòng. Nhưng chính vào lúc này, 600 nghìn quân mã nước Tần được nghỉ ngơi dưỡng sức, đột nhiên như nước vỡ bờ tràn sang trận tuyến quân Sở, quân Sở trở tay không kịp, chỉ chống đỡ rời rạc được một lúc, rồi toàn tuyến phòng ngự bị phá vỡ. Quân Tần thừa thắng đuổi một mạch đến chiếm được Thọ Xuân, bắt sống được vua Sở. Vương Tiễn lại ra lệnh cho quân sĩ đóng thuyền vượt qua sông Trường Giang truy kích tàn quân Sở, tướng Sở Hạng Yên thấy nước Sở đã hoàn toàn thất bại liền rút kiếm tự sát. Vương Tiễn lại ra lệnh cho con là Vương Quý dẫn quân lên miền bắc, tiêu diệt được nước Yên và thế lực tàn dư của nước Triệu, đến lúc này 6 nước Sơn Đông chỉ còn lại mỗi nước Tề mà thôi.

Vua nước Tề xưa nay không dám đắc tội với nước Tần, có việc gì xảy ra

nếu không liên quan tới mình, thì đều giả câm giả điếc, từ chối cử binh sang giúp các nước, vì ông cho rằng nước Tần ở cách xa nước Tề, mình cứ an phận thủ thường là được rồi, nhưng đến khi nhà vua nhìn thấy 5 nước kia lần lượt bị nước Tần thôn tính, mới vội vàng cử quân ra canh phòng ở biên giới thì đã quá muộn.

Năm 221 trước công nguyên, Vương Quý dẫn 100 nghìn đại quân đánh vào nước Tề, nước Tề thân cô thế cô, không nơi nào chịu đến cứu, nên mấy ngày sau quân Tần chiếm được Lâm Truy, bắt sống được vua Tề. Quân Tần thi hành chiến lược cận công viễn giao và liên hoành v v, nên đã hóa giải được khối liên hợp của 6 nước Sơn Đông, chỉ trong 10 năm đã tiêu diệt gọn 6 nước và thống nhất Trung Nguyên.

Sau khi thống nhất được Trung Nguyên, nhằm tăng cường sự thống trị của trung ương, Tần Thủy Hoàng đã lập ra một loạt chế độ chuyên chế phong kiến; Thống nhất tiền tệ và đơn vị đo lường; Xây dựng Trường Thành, và trở thành tượng trưng trong lịch sử lâu đời của dân tộc Trung Hoa, là người có đóng góp trong việc làm ổn định khu vực Trung Nguyên, đảm bảo sản xuất và đời sống của nhân dân vùng Trung Nguyên. Nhưng mặt khác, Tần Thủy Hoàng cũng rất hao công tốn của trong việc xây dựng; Thi hành chế độ binh dịch rất hà khắc; Đốt sách và chôn sống các nhà nho v v, khiến quần chúng nhân dân vô cùng căm phẫn, nên sau khi ông mất đã nổ ra cuộc khởi nghĩa rầm rộ của nông dân, lật đổ ách thống trị tàn bạo của triều nhà Tần.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Kinh Kha Thích Tần Vương

Tần Trang Tương Vương (Tức Tử Sở) lên ngôi được 3 năm thì bị bệnh qua đời, thái tử lúc đó mới có 13 tuổi lên nối ngôi, tức Tần Vương Chính, nhưng quyền bính đều nằm trong tay Lã Bất Vi, được xưng là "Thần Phụ". Năm Tần Vương Chính 22 tuổi rất muốn tự mình chấp chính, thì phát hiện Lã Bất Vi rất lộng quyền và hoành hành ngang ngược trong triều, vừa vặn lúc đó trong cung xảy ra nội loạn, kẻ cầm đầu lại có quan hệ mật thiết với Lã Bất Vi, Tần Vương Chính bèn nhân việc này bãi miễn chức vụ tướng quốc của Lã Bất Vi, phát vãng sang Ba Thục, rồi trên đường đi bức Lã Bất Vi phải tự sát. Tần Vương Chính trừ được Lã Bất Vi, một lòng muốn thống nhất Trung Nguyên, nên ít lâu sau đã khởi binh diệt được các nước Hàn, Triệu v v, và chiếm được mấy thành trì của nước Yến.

Thái tử Đan nước Yến nguyên làm con tin tại nước Tần, khi thấy nước Tần quyết ý thôn tính các nước, lại chiếm đoạt đất đai của nước Yến, bèn cải trang trốn về nước, rồi quyết định thu nạp dũng sĩ hiệp khách trong thiên hạ để ám sát vua Tần, ngăn chặn tiến trình thống nhất Trung Nguyên của nước Tần.

Qua người tiến cử, thái tử Đan nhận biết một dũng sĩ tên là Kinh Kha, khi thấy người này khí phách hiên ngang, cử chỉ phi phàm, trong lòng vô cùng mừng rỡ, liền bái làm thượng khanh, cho ra ở quán trọ rồi hàng ngày thịnh tình khoản đãi. Ít lâu sau, đại tướng Vương Tiễn nước Tần dẫn quân lên miền bắc xâm phạm nước Yến, thái tử Đan bèn cho gọi Kinh Kha đến rồi nói rằng:

"Nếu ta đem binh ra đánh quân Tần, thì chẳng khác nào đem trứng chọi với đá, nay các nước chư hầu đều khoanh tay đứng nhìn, việc liên hợp đánh Tần đã hóa thành mây khói, nay chỉ có cách là cử dũng sĩ hóa trang làm sứ thần đến gặp vua Tần, bức vua Tần hoàn trả đất đai của chư hầu, bằng không thì giết quách hắn đi, vậy ý ông thế nào?". Kinh Kha nói: "Kế này hay lắm, nhưng muốn đến gần được vua Tần, thì trước tiên phải để hắn tin rằng, chúng ta đến là để dâng lễ và cầu hòa mà thôi. Tôi nghe nói vua Tần năm mơ cũng muốn được Đốc Cáng, một mảnh đất phì nhiêu nhất của nước Yến. Ngoài ra, tướng quân Phàn Ư Kỳ nước Tần sống lưu vong ở nước Yến ta đã nhiều năm, nước Tần hiện đang treo thưởng để tróc nã, nay chỉ cần tôi đem theo bản đồ đất Đốc Cáng và đầu lâu của Phàn tướng quân, thì vua Tần nhất định tiếp kiến tôi, rồi tôi sẽ tìm cách trừ khử hắn."

Thái tử Đan tỏ vẻ khó xử nói: "Bản đồ đất Đốc Cáng thì dễ rồi, còn Phàn tướng quân cũng chỉ vì cùng đường mới đến nương nhờ tôi, thì tôi nỡ lòng nào lại hại ông ta". Kinh Kha biết thái tử không nhẫn tâm, bèn tự mình tìm gặp Phàn Ư Kỳ và nói rằng: "Vua Tần đã ngược đãi tướng quân, không những giết hết người nhà ông, mà còn treo thưởng để bắt ông, chẳng lẽ tướng quân không muốn báo thù rửa hận sao?". Phàn Ư Kỳ nghe xong nghiêng rằng nghiêng lợi những muốn ăn sống nuốt tươi vua Tần, nhưng ngặt nỗi một mình một thân thì biết báo thù sao đây?. Kinh Kha đoán biết được ý này liền nói rằng: "Nay tôi quyết định sang hạ sát vua Tần, nhưng chỉ lo không đến được gần hắn, nay vua Tần đang ra lệnh bắt tướng quân, nếu tôi đem đầu tướng quân sang đó thì vua Tần tất tiếp kiến tôi, rồi tôi sẽ thừa cơ giết chết hắn". Phàn Ư Kỳ hiểu được ý của Kinh Kha liền vui vẻ nói: "Chỉ cần giết được vua Tần, trừ hại cho nước Yến, rửa được hận cho tôi, thì tôi có tiếc gì", Phàn Ư Kỳ nói xong bèn rút gươm tự sát. Thái tử Đan được tin này, vội vàng đến phủ phục trên xác Phàn Ư Kỳ thương khóc, rồi ra lệnh hậu táng cho Phàn Ư Kỳ. Sau đó, thái tử đưa cho Kinh Kha một con dao găm rất sắc bén, rồi cử dũng sĩ Tần Vũ Dương làm trợ thủ cho Kinh Kha cùng sang nước Tần.

Mùa thu năm 227 trước công nguyên, thái tử Đan bày tiệc tiễn Kinh Kha ở bờ sông Dị Thủy.

Khi Kinh Kha đến Hàm Dương, Tần Vương Chính nghe báo sứ thần nước Yên đem bản đồ đất Đốc Cáng và đầu lâu của Phàn Ư Kỳ đến dâng thì vô cùng mừng rỡ, bèn ra lệnh tiếp kiến sứ thần trong cung Hàm Dương. Kinh Kha tay bưng hộp gỗ đựng đầu Phàn Ư Kỳ, còn Tần Vũ Dương tay nâng bản đồ, kẻ trước người sau tiến vào hoàng cung. Tần Vũ Dương thấy cung Tần uy nghiêm thì mặt mày tái mét, người run lên bần bật, đám thị vệ thấy vậy liền quát hỏi tại sao, thì Kinh Kha vội cười đáp rằng: " Nó là kẻ quê mùa thấp hèn, chưa bao giờ được nhìn thấy sự uy nghiêm của đại vương, mong đại vương thứ lỗi".

Vua Tần rất hoài nghi, bèn ra lệnh chỉ để một mình Kinh Kha đem hộp gỗ và bản đồ lên, nhà vua nghiệm qua đầu của Phàn Ư Kỳ rồi bỏ sang một bên, đoạn bảo Kinh Kha dâng bản đồ lên, Kinh Kha từ từ giở tấm bản đồ ra, vừa chỉ chỗ vừa giới thiệu, vua Tần vô cùng mừng rỡ, nhưng khi giở tới phần cuối bản đồ, thì một luồng sáng lạnh lóe lên, nhà vua giật mình nhảy lên, Kinh Kha nhanh như cắt, tay trái túm lấy vạt áo của vua Tần, tay phải rút dao đâm sang, vua Tần vùng vẫy giật đứt tay áo, rồi chạy vào sau tấm bình phong, Kinh Kha rượt đuổi theo, nhà vua lại chạy quanh một chiếc cột trụ bằng đồng, Kinh Kha vẫn bám theo sau, hai người cứ chạy vòng quanh chiếc cột thật chẳng khác nào đèn kéo quân. Các quan viên văn võ tay không tắc sắt, mà đám thị vệ lại không được phép lên điện, nên đều rời cả lên.

Trong lúc ngàn cân treo sợi tóc này, ngự y Hạ Vô Thả liền ném túi đựng thuốc về phía Kinh Kha, Kinh Kha vội né tránh, thì vua Tần nhân lúc này đã rút được thanh bảo kiếm ra, chém một nhát vào chân trái Kinh Kha, Kinh Kha ngã khụy xuống đất liền phi dao găm về phía vua Tần, nhà vua tránh thoát, dao găm phi trúng vào trụ đồng đến tóe lửa ra. Vua Tần quay lại đâm cho Kinh Kha đến 8 nhát, rồi ra lệnh cho võ sĩ lên điện kết liễu tính mạng

Kinh Kha, còn Tần Vũ Dương thì trước đó đã bị đám võ sĩ băm nát như tương.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Kỳ Hóa Khả Cư

Thái tử An Quốc Quân có hơn 20 người con trai, do Hoa Dương Thị người mà thái tử sủng ái bị bệnh vô sinh, nên vẫn còn chưa lập người kế thừa. Hạ Cơ mẹ của Tử Sở vì không được An Quốc Quân sủng ái, nên Tử Sở bị đưa sang nước Triệu làm con tin.

Do nước Tần không thủ tín, thường xuyên quấy nhiễu biên giới, thậm chí còn tấn công vào nước Triệu, nên số phận của Tử Sở càng thêm bi đát, lương thực cung ứng không kịp thời, an toàn tính mạng không được đảm bảo, nghèo rớt mùng tơi, cơ bản không giống con cái của quý tộc hoàng thất.

Bấy giờ, nước Hàn có một nhà buôn tên là Lã Bất Vi, rất giỏi nghề buôn bán, giàu có ngang bằng một nước, ông thường xuyên đi lại các nước làm ăn buôn bán. Một hôm, Lã Bất Vi tình cờ gặp công tử Tử Sở tại thành Hàm Đan, thấy công tử khốn đốn cùng quẫn như vậy liền nghĩ bụng: "Kỳ hóa khả cư, nếu kinh doanh được tốt thì ta sẽ kiếm được một món lời lớn từ người này".

Lã Bất Vi chủ ý đã định, nên mấy hôm sau liền tìm gặp Tử Sở và nói rằng: "Công tử là cháu của vua Tần, mà tại sao cuộc sống lại khốn khổ đến thế này, tôi sẽ giúp công tử được rạng rỡ cửa nhà". Tử Sở cười cay đắng nói: "Thôi tiên sinh đừng nói đùa tôi nữa, tiên sinh hãy làm rạng rỡ cửa nhà mình trước đi thì hơn ". Lã Bất Vi cười rằng: "Cửa nhà tôi sẽ rạng rỡ chỉ sau khi cửa nhà công tử đã rạng rỡ mà thôi". Tử Sở nghe lời nói có ẩn ý, vội vàng mời Lã Bất Vi cùng ngồi nói chuyện. Lã Bất Vi nói rằng: "Tôi nghe nói cha

của công tử đã được lập làm thái tử, tôi muốn giúp công tử được làm Vương thái tôn". Tử Sở nghe vậy than rằng: " Ôi, việc này đâu phải dễ dàng, có năm mơ tôi cũng không dám, tôi có hơn 20 anh em, vì không được coi trọng nên mới bị đưa sang đây làm con tin, biết đến ngày nào tháng nào mới đến lượt tôi?". Lã Bất Vi an ủi rằng: "Công tử đừng nên bi quan, mọi việc đều ở tại người, tôi đã có cách đảm bảo cho công tử sau này được làm Vương thái tôn".

Tử Sở biết rất rõ mình hiện đang khốn khổ thế này, ngay đến cải thiện cuộc sống còn là điều mơ tưởng, thì còn đâu dám nghĩ đến việc làm Vương thái tôn. Nhưng khi nghe lời nói của Lã Bất Vi rất có hy vọng, nhưng cũng chẳng biết nói gì hơn. Lã Bất Vi nói: "Cha của công tử rất sủng ái Hoa Dương phu nhân, nhưng Hoa Dương phu nhân lại mắc bệnh vô sinh, nay nếu công tử tìm cách lấy lòng phu nhân, nhận bà ta làm mẹ thì việc công tử được làm Vương thái tôn tất có hy vọng". Tử Sở nói: "Tiên sinh nói rất có lý, nhưng tôi nghèo rớt mùng tơi thế này, thì lấy gì để lấy lòng bà ta?".

Lã Bất Vi nói: "Tôi tuy không mấy giàu có, nhưng cũng xin đưa hết của cải ra để giúp công tử". Tử Sở vô cùng mừng rỡ bèn chấp tay thi lễ và nói: "Tốt lắm, nếu sau này tôi được lên làm vua, thì nguyện cùng tiên sinh hưởng thụ thiên hạ nước Tần ". Lã Bất Vi đem hết của cải của mình ra, một nửa chia cho Tử Sở dùng để kết giao với hào kiệt trong thiên hạ, mở rộng phạm vi thế lực của mình, còn một nửa thì mua các đồ kỳ chân dị bảo, rồi tự mình đưa sang nước Tần để chạy chọt cho Tử Sở.

Sau khi đến nước Tần, Lã Bất Vi trước tiên đến gặp người chị gái của Hoa Dương phu nhân, tặng cho bà rất nhiều kim ngân châu báu, rồi nhờ bà sang nói khéo với Hoa Dương phu nhân. Ngày hôm sau, Lã Bất Vi lại đem nhiều kim ngân châu báu ra nhờ bà đem sang biếu Hoa Dương phu nhân, dặn bà nói lễ vật này là của Tử Sở nhờ người từ nước Triệu đưa sang, rồi lựa lời tâng bốc Tử Sở nào là một bậc hiền lương, nào là rất kính trọng và quý mến phu

nhân, rất nhớ cha và Hoa Dương phu nhân v v.

Hoa Dương phu nhân nhận được lễ vật vô cùng mừng rỡ, người chị nhân đó liền nói rằng: "Em hiện còn trẻ và xinh đẹp, nên được An Quốc Quân sủng ái, nhưng đến khi về già thì sẽ ra sao đây? Hơn nữa em lại không có con cái. Nay Tử Sở là một người hiền minh, lại rất hiếu thảo đối với em, sao em không nhận làm con, để anh ta làm người kế thừa của An Quốc Quân, anh ta đối ơn em, thì khi tuổi về già thì em còn lo gì việc hưởng lạc vinh hoa phú quý".

Lời nói này thật trúng ý của Hoa Dương phu nhân, bà tìm gặp và nói với An Quốc Quân rằng: "Nay tôi được thái tử rất sủng ái, nhưng điều bất hạnh là tôi không thể sinh đẻ được, nay thấy Tử Sở là một người hiền minh hiếu thảo, nên tôi muốn nhận làm con và mong thái tử lập nó làm con cả, để sau này lên kế thừa vương vị, thì khi tôi già rồi còn có chỗ mà nương nhờ". An Quốc Quân nghe xong bèn lập tức nhận lời ngay, rồi ra lệnh khắc lên một miếng ngọc sang giao cho Tử Sở làm bằng chứng. An Quốc Quân thấy Lã Bất Vi là người có tài năng liền mời làm thầy của Tử Sở, Lã Bất Vi lại nhân cơ hội này đem một mỹ nữ rất cưng của mình tên là Triệu Cơ tặng cho Tử Sở. Ít lâu sau, Triệu Cơ sinh được một mụn con trai đặt tên là Doanh Chính, tức Tần Thủy Hoàng sau này.

Năm Doanh Chính lên 9 tuổi, Tần Chiêu Tương Vương qua đời, An Quốc Quân lên nối ngôi, tức Tần Hiếu Văn Vương. Ít lâu sau, Tử Sở được đón về Hàm Đan, một năm sau thì An Quốc Quân qua đời, Tử Sở lên kế vị, tức Tần Trang Tương Vương, nhà vua cử Lã Bất Vi làm tướng quốc, được phong làm Văn Tín Hầu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tín Lăng Quân Thiết Phù Cứu Triệu

"Tín Lăng Quân thiết phù cứu Triệu". Tức Tín Lăng Quân đánh cắp hồ phù để cứu nước Triệu. Sau trận đánh ở Trường Bình, quân Tần càng vây chặt Hàm Đan thủ đô nước Triệu, tình hình nước Triệu vô cùng nguy ngập, Bình Nguyên Quân một mặt tự mình sang bàn việc hợp tung với nước Sở, yêu cầu Sở xuất binh cứu Triệu, mặt khác viết thư cho em vợ mình là Tín Lăng Quân, ủy nhiệm ông giúp cầu cứu với vua Ngụy.

Sau trận đánh ở Trường Bình, quân Tần càng vây chặt Hàm Đan thủ đô nước Triệu, tình hình nước Triệu vô cùng nguy ngập, Bình Nguyên Quân một mặt tự mình sang bàn việc hợp tung với nước Sở, yêu cầu Sở xuất binh cứu Triệu, mặt khác viết thư cho em vợ mình là Tín Lăng Quân, ủy nhiệm ông giúp cầu cứu với vua Ngụy. Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ nhận được thư của anh rể, đã năm lần bảy lượt vào cung thỉnh cầu vua Ngụy xuất binh cứu Triệu, nhà vua không thể nào từ chối được, đành phải cử lão tướng Tấn Bỉ dẫn 100 nghìn quân sang cứu viện nước Triệu.

Vua Tần được tin này liền cử sứ thần sang Đại Lương cảnh cáo vua Ngụy rằng: "Hàm Đan bị đánh chiếm chỉ trong một sớm một chiều, nước nào dám cứu Triệu thì Tần sẽ thừa thế tấn công nước đó". Vua Ngụy bị đe dọa như vậy, liền cử người đi truyền lệnh cho Tấn Bỉ đóng quân trấn giữ ở Nghiệp Thành để chờ lệnh.

Bình Nguyên Quân chẳng hiểu nguyên nhân ra sao, cứ cho là Tín Lăng

Quân không thủ tín, liền viết thư sang trách rằng: "Tôi luôn luôn kính phục phẩm đức ưu tú dũng cảm vì nghĩa, cứu giúp người trong lúc lâm nguy của công tử, do đó mới cùng công tử kết làm thân thích, nay Hàm Đan đang trong cơn nguy cấp, mà chờ mãi cũng chẳng thấy quân Ngụy đến cứu, phẩm cách nghĩa hiệp của công tử đã để đâu cả rồi, cho dù công tử không nghĩ đến sự an nguy của tôi, thì cũng phải thương đến người chị của công tử, chẳng lẽ công tử muốn chị mình trở thành tù binh của quân Tần ư?". Tín Lăng Quân vừa bị oan ức, vừa sốt ruột, lại một lần nữa đến thỉnh cầu vua Ngụy ra lệnh cho Tấn Bỉ tiến quân, đồng thời phân tích mối lợi hại của sự việc, nhưng bị nhà vua từ chối.

Tín Lăng Quân chẳng còn cách nào khác, đành triệu tập hơn 1000 môn khách và hơn trăm cỗ chiến xa, kéo sang cứu nước Triệu, khi đoàn người đi qua cửa thành, Tín Lăng Quân thấy bạn là Hầu Doanh đang canh cửa, bèn đến chào cáo biệt. Hầu Doanh đã ngoài 70 tuổi, tuy nhà nghèo, địa vị thấp hèn, nhưng rất có tín nghĩa và túc trí đa mưu.

Hầu Doanh thấy Tín Lăng Quân đang liều mạng như vậy liền khuyên rằng: "Công tử đi cứu triệu thì có khác gì đem thịt sang cho hổ ăn, chỉ có uổng mạng mà thôi". Tín Lăng Quân thở dài than rằng: "Tôi cũng thừa hiểu là tự mình dẫn thân vào chỗ chết mà thôi, nhưng ngoài liều chết ra, tôi còn biết làm gì hơn". Hầu Doanh nghe xong bèn nói nhỏ với Tín Lăng Quân rằng: "Công tử là đại ân nhân của Như Cơ ái phi của Ngụy vương phải không?". Tín Lăng Quân trả lời phải, Hầu Doanh lại nói tiếp rằng: "Công tử hãy nghĩ cho kỹ, muốn cứu nước Triệu thì phải dựa vào quân đội nước Ngụy, Tấn Bỉ hiện đang thống lĩnh 100 nghìn đại quân trấn giữ ở biên giới, nếu điều động được họ thì lo gì không giải vây được cho nước Triệu?". Tín Lăng Quân bèn hỏi lại: "Nhưng trong tay tôi không có hổ phù điều binh thì làm sao được?". Hầu Doanh nói: "Một nửa hổ phù hiện nằm trong tay Tấn Bỉ, còn một nửa thì cất trong buồng ngủ của Ngụy vương, lấy được nó thì sẽ điều động được binh mã, nay người có thể giúp được công tử chẳng phải là Như Cơ ư?". Tín Lăng

Quân nghe xong khen phải, bèn lập tức làm theo kế này.

Sau khi lấy được hồ phù ra, Tín Lãng Quân lại đến cáo biệt Hầu Doanh, Hầu Doanh giới thiệu một người bạn của mình tên là Chu Hợi và nói rằng: "Chu Hợi là một dũng sĩ có một không hai của nước Ngụy, công tử đem theo anh ta, nếu Tấn Bĩ chịu nộp binh quyền thì thôi, bằng không chịu thì hãy bảo Chu Hợi ra đối phó hẳn".

Tín Lãng Quân và Chu Hợi dẫn hơn 1000 môn khách cùng kéo đến Nghiệp Thành, đến nơi bèn giả truyền tướng lệnh, bảo Tấn Bĩ giao lại binh quyền, Tấn Bĩ nhìn thấy hồ phù, nhưng lòng vẫn có chút hoài nghi bèn nói rằng: "Đây là việc quân cơ rất hệ trọng, phải chăng hãy để tôi báo rõ với đại vương trước, rồi giao nộp sau". Tấn Bĩ vừa dứt lời, thì thấy Chu Hợi từ phía sau Tín Lãng Quân bước ra, rồi hô to lên rằng: "Hồ phù này là vật chứng minh, phải chăng người không muốn nghe lệnh nhà vua, muốn âm mưu làm phản ư?". Chu Hợi vừa nói vừa rút từ trong tay áo ra một thanh sắt nặng hơn 40 cân, giáng mạnh vào đầu Tấn Bĩ chết ngay tại chỗ.

Bấy giờ, Tín Lãng Quân tay cầm hồ phù nói với các tướng sĩ rằng: "Đại vương ra lệnh, bảo tôi ra thay Tấn Bĩ đi cứu Hàm Đan, nhưng Tấn Bĩ không chịu nên đã bị giết chết, nay mọi người hãy nghe lệnh tôi, chuẩn bị xuất phát, ai giết được nhiều giặc thì sẽ trọng thưởng". Tín Lãng Quân dẫn 80 nghìn tinh binh kéo sang Hàm Đan, rồi đánh thẳng vào doanh trại quân Tần. Quân Tần không ngờ quân Ngụy lại đến chi viện nước Triệu, đều trở tay không kịp. Bấy giờ, Bình Nguyên Quân ở trong thành Hàm Đan nhìn thấy cờ hiệu của nước Ngụy, cũng dẫn quân từ trong thành đánh ủa ra, hai bên giáp công, khiến quân Tần lúng túng đành phải rút lui, người ngựa đã bị thiệt hại quá nửa.

Tín Lãng Quân giải vây được Hàm Đan, bảo toàn được nước Triệu, Triệu Hiếu Thành Vương và Bình Nguyên Quân vô cùng cảm kích, thân hành ra ngoài thành nghênh đón, Tín Lãng Quân bảo tướng Ngụy dẫn quân về nước,

còn mình vì đã giết mất Tấn Bỉ, sợ vua Ngụy truy cứu, nên cùng đám môn khách của mình đều ở lại nước Triệu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Mao Toại Tự Tiến

Sau khi đại tướng Bạch Khởi nước Tần bắn chết Triệu Quát, chôn sống 400 nghìn quân Triệu, bèn thúc quân đánh thẳng vào Hàm Đan thủ đô nước Triệu. Sau trận thua to ở Trường Bình, nguyên khí nước Triệu bị tổn thương, đã không thể nào chống đỡ nổi quân Tần, nhà nước đang trong cơn nguy cấp, Triệu Hiếu Thành Vương bảo chú mình là Bình nguyên quân Triệu Thằng phải tìm đủ mọi cách cầu cứu với nước Sở. Triệu Thằng quyết định tự mình sang nước Sở, để cùng vua Sở đàm phán hợp tung cùng chống lại nước Tần.

Triệu Thằng dự định đem theo 20 người văn võ song toàn cùng sang nước Sở, nhưng khi tuyển lựa trong đám 3000 môn khách mà chỉ được có 19 người, còn những người khác đều không đủ tư cách, Triệu Thằng còn đang do dự, thì bỗng có một môn khách đứng lên tự giới thiệu rằng: "Tôi là Mao Toại, là học trò của tiên sinh, tiên sinh thấy tôi có thể bù đủ số người này không?". Những môn khách khác thấy vậy đều cười thầm. Triệu Thằng thấy Mao Toại quá mạo muội như vậy liền hỏi: "Anh đến làm môn khách ở nhà tôi đã mấy năm rồi?". Mao Toại đáp là đã ba năm rồi. Tiếng nói vừa dứt thì cả nhà đều cười rộ lên. Triệu Thằng lắc đầu nói: "Người có tài năng trên đời thì chẳng khác nào cái dùi được bọc trong túi vải, mũi nhọn của nó sẽ lòi ra ngoài, còn anh thì mới đến đây được có ba năm, tôi chẳng thấy anh có tài cán gì hơn người cả".

Mao Toại nói: "Tiên sinh nói phải lắm, đây cũng chỉ vì tiên sinh hôm nay mới bỏ cái dùi vào túi vải, nếu như tiên sinh sớm bỏ nó vào túi, thì có phải

mũi nhọn của nó đã lòi ra ngoài từ lâu rồi không?, hôm nay chỉ mong tiên sinh bỏ tôi vào túi vải, rồi đợi xem tôi sẽ đột thủng ra như thế nào." Bình nguyên quân Triệu Thắng rất khâm phục đảm lược và tài ăn nói của Mao Toại, bèn nhận lời cho Mao Toại cùng đi. Triệu Thắng ngay hôm đó đến bái biệt vua Triệu rồi lên đường. Trên đường đi 19 người kia cứ trêu chọc Mạo Toại, Mao Toại chỉ cười chứ không nói năng gì.

Khi đoàn người đến nước Sở, Triệu Thắng và vua Sở ở trên bộ rồng bàn việc hợp tung cùng đánh nước Tần, còn 20 môn khách thì ngồi ở phía dưới. Triệu Thắng nói từ sáng đến trưa, đã khô cả cổ họng mà vẫn không sao thuyết phục được vua Sở, các môn khách đã tỏ ra rất khó chịu, nhưng cũng chẳng có ai nghĩ ra kế sách gì hơn, bấy giờ có người nhắc rằng: "Mao Toại chẳng phải muốn đâm mũi dùi ra ngoài ư?". Lại có người khê bảo Mạo Toại rằng: "Bây giờ anh hãy trở tài xem sao". Chỉ thấy Mao Toại rất bình tĩnh, tay ấn đốc kiếm bước lên bệ hô to lên rằng: "Hợp tung hay không hợp tung, chỉ dăm ba lời là có thể quyết định, chứ đâu cần phải bàn luận từ sáng đến trưa cho phí thời gian". Vua Sở thấy vậy vội hỏi là ai. Triệu Thắng đáp rằng: "Người này là môn khách của tôi". Vua Sở bèn quát rằng: "Hãy mau bước xuống dưới, ta và chủ anh đang bàn việc lớn nhà nước, không cần anh phải chõ mõm vào". Mao Toại tay ấn đốc kiếm bước lên mấy bước, cất cao giọng nói rằng: "Đại vương dám vô lễ với tôi, cũng là vì đại vương cậy nước Sở có binh nhiều người đông, nay tôi đứng cách đại vương chỉ mấy bước, mà đại vương còn dám cậy ưu thế nước Sở nữa không? Tính mạng của đại vương hiện nằm trong tay tôi, đại vương không được vô lễ với tôi ngay trước mặt chủ tôi".

Vua Sở thấy Mao Toại tay ấn đốc kiếm, lời nói mạnh bạo như vậy, liền hạ thấp giọng nói: "Vậy anh có cao kiến gì thì cứ nói". Mao Toại cũng chẳng khách sáo gì liền nói rằng: "Nghe nói đất của Thương Thang chu vi chỉ rộng có 70 dặm, nhưng sau đó đoạt được cả thiên hạ. Văn Vương đất rộng có trăm dặm mà cũng khiến nhiều nước chư hầu phải chấp tay xưng thần, họ đều

không cậy có đất rộng người đông, mà chỉ dựa vào phát huy ưu thế của mình. Nay nước Sở đất rộng 5 nghìn dặm, binh hùng tướng mạnh, thiên hạ khó có ai có thể sánh ngang hàng. Nhưng sự lớn mạnh của nước Tần, khiến nước Sở liên tiếp bị thất bại, đại tướng Bạch Khởi là cái thá gì, hễ chỉ huy mấy chục nghìn quân mã, mà cũng năm lần bảy lượt đánh bại nước Sở, trước sau đánh chiếm được Yên Thành và Ảnh Thành, phóng hỏa đốt đền thờ tổ tông của nước Sở, lăng nhục tổ tiên của đại vương, khiến người nước Triệu chúng tôi cũng phải xấu hổ thay cho đại vương, ấy thế mà đại vương lại không muốn báo thù rửa hận, nay chủ tôi nêu ra việc hợp tung, không phải chỉ riêng vì nước Triệu, cũng là vì nước Sở mà thôi."

Vua Sở bị Mao Toại nói đến mặt đỏ tía tai liền nói rằng: "Vậy cứ làm theo ý của Mao tiên sinh, Sở Triệu kết bang cùng chống lại nước Tần". Sau đó hai bên uống máu ăn thề. Mao Toại bước xuống bệ nói với 19 môn khách kia rằng: "Vậy là việc hợp tung đã định, các ông đều là một lũ bất tài, mọi việc đều ở tại người, nếu bèn bỏ lao vào làm là không có việc gì không làm được". Sau đó, vua Sở cử Xuân Thân Quân Hoàng-Yết dẫn 800 nghìn quân tinh binh sang cứu giúp nước Triệu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Triệu Quát Chỉ Thượng Đàm Bình

Năm 270 trước công nguyên, Tần Chiêu Tương Vương phong Phạm Tuy làm Thượng khanh giúp mình trị vì nhà nước, Phạm Tuy nêu ra chủ trương liên lạc với các nước xa, tiến đánh nước gần, rồi dần dần thôn tính 6 nước, tiến tới thống nhất thiên hạ, Tần Chiêu Tương Vương rất tán đồng chiến lược này rồi bàn cách thực thi.

Năm 262 trước công nguyên, vua Tần cử đại tướng Bạch Khởi tấn công nước Hàn, chỉ trong một trận đã đánh bại nước Hàn, chiếm được Dã Vương, cắt đứt mối liên lạc với Thượng Đảng. Trước tình hình nguy ngập này, quận thú Thượng Đảng là Phùng Đình đã quyết định thà đầu hàng nước Triệu, chứ quyết không đầu hàng nước Tần. Triệu Hiếu Thành Vương biết tin này vô cùng mừng rỡ, bèn lập tức cử binh mã ra tiếp quản Thượng Đảng, vua Tần thấy Thượng Đảng sắp lọt vào tay, nay lại bị nước Triệu đoạt mất thì vô cùng tức giận, bèn cử đại tướng Vương Hột dẫn quân tấn công Thượng Đảng, Triệu Hiếu Thành Vương cũng cử lão tướng Liêm Pha dẫn 200 nghìn quân đến cứu Thượng Đảng, nhưng khi đại quân đến Trường Bình thì Thượng Đảng đã thất thủ, quân Tần lại điều binh tiến đánh Trường Bình.

Liêm Pha là một tướng lĩnh từng trải nhiều thử thách, khi nhìn thấy quân Tần đang khí thế sục sôi, bèn ra lệnh cho quân sĩ đào hào, đắp lũy, để chuẩn bị phòng thủ lâu dài. Vương Hột đã năm lần bảy lượt đến thách đánh, nhưng Liêm Pha vẫn một mực án binh bất động, tình trạng này cứ kéo dài mãi đến ba năm trời, lương thực quân Tần tiếp tế không kịp, nên quân lính đã có phần

uế oải, Tần Chiêu Tương Vương thấy vậy vội vàng triệu Phạm Tuy đến bàn bạc. Phạm Tuy nghĩ ra một kế ly gián để khiến vua Triệu điều động Liêm Pha đi nơi khác. Vua Tần đồng ý liền cử người sang Hàm Đan, dùng nhiều vàng bạc mua chuộc những người bên cạnh vua Triệu, bảo họ tung tin nào là: "Liêm Pha đã già nua lại hèn nhát, cơ bản không dám đối trận với quân Tần", nào là "Liêm Pha là đồ vô dụng, đã sắp chống đỡ không nổi". Vua Triệu vốn dĩ không tin tưởng ở chiến thuật phòng thủ của Liêm Pha, nay lại nghe những lời nhảm nhí này, bèn quyết định cử Triệu Quát ra thay thế Liêm Pha

Triệu Quát con trai của danh tướng Triệu Xa, từ nhỏ say mê binh pháp, thông thuộc binh thư chiến sách, cứ nói đến việc bày binh bố trận là thao thao bất tuyệt, nên vẫn tự cho mình là thiên hạ vô địch. Danh tướng Triệu Xa rất hiểu rõ con mình chẳng qua là chỉ học thuộc mấy quyển binh thư, chứ không có kinh nghiệm thực chiến, nếu để cầm quân thì tất nhờ việc quân cơ và thí mạng quân lính, nên trước lúc qua đời đã dặn lại vợ rằng: "Đừng có cho con ra làm quan, để khỏi làm nhỡ việc lớn nhà nước, trở thành tội nhân làm mất nước Triệu".

Tướng quốc Lạn Tương Như khi được biết vua Triệu chuẩn bị phong Triệu Quát làm tướng, liền vội vàng vào cung khuyên rằng: "Triệu Quát chỉ học thuộc binh thư, chỉ giỏi bàn việc quân trên giấy tờ, chứ đâu có biết khi lâm trận phải tùy cơ ứng biến, thì làm sao lại có thể thống lĩnh đại quân?". Nhưng vua Triệu đâu chịu nghe theo. Bấy giờ, người mẹ của Triệu Quát cũng dâng lên một bản tấu chương viết rằng: "Thỉnh cầu đại vương chớ bổ nhiệm con tôi làm soái". Nhà vua liền mời bà vào cung để hỏi rõ nguyên nhân, bà đã nói lại lời trăng trối của chồng trước khi qua đời, nhưng vua Triệu chỉ một mực nói là ý trẫm đã quyết, không thể nào sửa đổi được. Bà mẹ nghe vậy than rằng: "Nếu đại vương quyết ý dùng Triệu Quát, thì một khi nó làm sai việc gì, chỉ mong đại vương đừng trách, mà liên lụy đến cả nhà tôi", vua Triệu gật đầu nhận lời.

Năm 260 trước công nguyên, Triệu Quát dẫn 200 nghìn đại quân kéo đến Trường Bình, lão tướng Liêm Pha thấy binh phù liền giao lại binh quyền, Triệu Quát trong chốc lát đã thống lĩnh 400 nghìn đại quân nước Triệu. Triệu Quát vừa nhậm chức bèn thay đổi chiến thuật phòng thủ của Liêm Pha, mà chủ động xuất kích tấn công quân Tần.

Bên kia, Phạm Tuy được tin Triệu Quát đến thay thế Liêm Pha, biết kế ly gián của mình đã thành công, liền cử tướng quân Bạch Khởi dẫn quân ra đón đánh quân Triệu, Bạch Khởi cố ý đánh thua mấy trận, khiến Triệu Quát càng thêm hí hửng cử hô quân đuổi riết, ngờ đâu toàn bộ quân Triệu đều sa vào vòng mai phục, đã mấy lần phá vây đều không ra được, 400 nghìn quân Triệu bị vây chặt trong 40 ngày, đã không được tiếp tế lương thảo, lại chẳng có viện binh đến cứu, quân sĩ chẳng còn lòng dạ nào tác chiến. Triệu Quát chỉ một mực muốn phá vây, nhưng đi đến đâu cũng bị quân Tần bắn tên ra như mưa, rồi bị trúng tên chết trong đám loạn quân, quân Triệu như rắn không đầu, đều tới tập vớt bỏ vũ khí xin đầu hàng.

400 nghìn quân Triệu trở thành tù binh cũng là một gánh nặng đối với quân Tần, vì nếu giam giữ thì không thể nào cung ứng lương thảo, mà thả họ về thì trận đánh này hóa ra công công cốc, hoặc giả thừa thế tấn công nước Triệu thì lại sợ chúng làm phản thì cũng nguy to, nên Bạch Khởi đành phải quyết định, ngoài thả 240 tên lính còn rất trẻ ra, số còn lại đều bị chôn sống ở Trường Bình, trở thành một vụ thảm sát lớn trong lịch sử.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hoàn Bích Quy Triệu

Năm 283 trước công nguyên, Triệu Huệ Văn Vương có được một hòn ngọc bích tinh khiết đẹp vô giá, gọi là Hòa Thị Bích, nhà vua nâng niu không muốn rời tay. Tần Chiêu Tương Vương được biết tin này rất thèm thuồng, liền cử sứ giả đến nói với Triệu Huệ Văn Vương rằng, nước Tần muốn đem 15 ngôi thành trì đổi lấy hòn ngọc bích thiên hạ có một không hai này. Triệu Huệ Văn Vương cảm thấy rất khó xử, bởi Tần là một nước láng giềng hổ lang không thủ tín, nếu đem ngọc sang thì mình khó có ngày trở về, nếu không đem sang thì lại sợ vua Tần tức giận, nhà vua bèn triệu tập các đại thần lại thương nghị, các đại thần bàn luận đã nửa ngày mà vẫn không tìm được cách nào hơn, bấy giờ có một hoạn quan tên là Mậu Hiền tiến cử với nhà vua rằng: "Nhà hạ nhân có một môn khách tên là Lạn Tương Như, người này rất bạo gan và có học thức, trí dũng song toàn, có thể cử đi sứ nước Tần". Tức thì nhà vua triệu Lạn Tương Như vào cung, quả nhiên thấy chàng là người rất có khoa nói và rất có kiến thức, bèn cử chàng đem theo ngọc bích sang nước Tần.

Tần Chiêu Tương Vương được tin vô cùng mừng rỡ, vội triệu quần thần tiếp kiến Lạn Tương Như. Lạn Tương Như cung kính đem ngọc bích dâng lên, nhà vua cầm xem khen ngợi không ngớt, mãi sau mới truyền cho các đại thần và cung nữ xem, mà không hề nhắc gì tới việc đổi thành trì. Lạn Tương Như đã nhìn thấu ý định của vua Tần, liền vội vàng bước tới nói rằng: "Viên ngọc bích này tuy quý hiếm thật, nhưng có một vết nứt rất khó nhận ra, hãy để tôi chỉ cho đại vương xem".

Vua Tần tin là thực liền đưa sang, thì thấy Lạn Tương Như ôm lấy ngọc bích vội lùi lại mấy bước, đến gần bên một cột trụ tức giận nói: "Đại vương hứa đổi 15 ngôi thành trì lấy ngọc bích, vua Triệu chúng tôi rất tán thành mới cử tôi đem ngọc sang đây, nhưng tôi thấy đại vương chẳng có thành tâm chút nào. Nay ngọc đang trong tay tôi, nếu mà đại vương bức ép thì đầu tôi sẽ cùng ngọc bích đâm vào chiếc cột này cho tan tành ra, đại vương đừng hòng mà lấy được ". Lạn Tương Như vừa nói vừa sấn đến bên cột. Vua Tần thấy vậy liền vội vàng gọi người đem bản đồ ra, khoanh rõ vị trí của 15 ngôi thành trì. Lạn Tương Như thấy rất khó mà đảm bảo liền nói rằng: "Trước khi cử tôi đem ngọc sang đây, vua Triệu đã ăn chay trong 5 ngày rồi mới tổ chức nghi lễ rất long trọng, nay nếu đại vương có thành ý, thì cũng nên ăn chay trong 5 ngày, bấy giờ tôi mới dâng ngọc bích cho đại vương". Tần Chiêu Tương Vương đành phải nhận lời, rồi đưa Lạn Tương Như ra nghỉ ở nhà khách. Lạn Tương Như vừa về đến nhà khách, liền cử một tên tùy tùng cải trang rồi đem ngọc bích theo đường tắt trở về nước Triệu.

Năm hôm sau, vua Tần quả nhiên tổ chức nghi lễ đón nhận ngọc bích, nhưng chỉ thấy Lạn Tương Như đi tay không thông thả bước vào điện nói rằng: "Quý quốc kể từ thời Mục Công đến nay đã trải qua hơn 20 vị hoàng đế, mà chưa hề có vị vua nào thủ tín cả. Tôi sợ bị mắc lừa thì thực là có lỗi với vua Triệu, nên đã cử người đem ngọc về nước rồi, vậy mong đại vương hãy trị tội tôi". Vua Tần nghe vậy tức giận quát rằng: "Đây rõ ràng là người giểu cột ta", rồi ra lệnh trói lại. Lạn Tương Như vẫn thản nhiên nói rằng: "Đại vương chớ nên tức giận, xét vì hiện nay Tần mạnh Triệu yếu, nếu đại vương muốn lấy ngọc bích, thì hãy cắt 15 ngôi thành trì cho nước Triệu trước, rồi cử người theo tôi sang nước Triệu nhận ngọc. Triệu đã được 15 ngôi thành trì thì đâu còn dám không đưa ngọc cho nước Tần?". Vua Tần thấy Lạn Tương Như cứ thao thao bất tuyệt cũng không tiện cắt ngang, liền cho Lạn Tương Như về nước. Kỳ thực Vua Tần cũng không có ý trao đổi thành trì, nên trò đối chác giữa hai nước cũng bỏ đó không nhắc tới nữa..

Nhưng dù sao việc Hoàn bích quy Triệu vẫn khiến Tần Chiêu Tương Vương canh cánh bên lòng, rồi quyết ý đã thua keo này lại bày keo khác. Năm 279 trước công nguyên, vua Tần cử sứ giả đến mời Triệu Huệ Văn Vương sang gặp mặt ở Miễn Trì, Vua Triệu hiểu rõ bụng dạ của vua Tần nên không dám nhận lời. Nhưng Lạn Tương Như bấy giờ đã là đại phu thì khuyên nên đi, để khỏi nước Tần coi khinh nước Triệu, rồi còn tỏ ý sẽ tháp tùng nhà vua sang nước Tần, đồng thời mời đại tướng Liêm Pha dẫn quân trấn giữ ở biên giới để đề phòng bất trắc. Tại cuộc tương hội này, Lạn Tương Như đã phát huy tài ăn nói của mình, khiến vua Triệu được mở mày mở mặt, bởi vua Tần không kiếm được cơ gì bắt nạt mình, Tần Chiêu Tương Vương vốn muốn nhân khi Triệu Huệ Văn Vương đi vắng thì khởi binh tiến đánh nước Triệu, nhưng khi được mật báo là đại tướng Liêm Pha đã trấn giữ ở biên giới, nên âm mưu này lại bị thất bại.

Triệu Huệ Văn Vương về nước liền phong Lạn Tương Như làm thượng khanh, tước vị còn cao hơn đại tướng Liêm Pha, nên giữa hai người về sau mới xảy ra chuyện "Phụ kinh thỉnh tội", như đã giới thiệu trong "Truyện thành ngữ TQ."

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Khuất Nguyên Ái Quốc Đầu Giang

Sau khi bị nước Tần đánh bại, nước Sở đã mất đi một vùng đất đai rộng lớn ở Trung Nguyên và thường xuyên bị nước Tần ức hiếp. Sở Hoài Vương muốn thay đổi cục diện này, đã cử đại phu Khuất Nguyên sang xin lỗi và kết lại liên minh Tề Sở.

Khuất Nguyên tên Bình, là một quý tộc hoàng thất nước Sở, là nhà thơ yêu nước vĩ đại và nhà chính trị, nhà tư tưởng kiệt xuất trong lịch sử TQ. Ông được học hành từ thời thơ ấu, giỏi về văn chương thơ phú, thời còn trẻ đã làm quan tới chức Tả Đồ Đại Phu.

Khuất Nguyên xuất sứ nước Tề đã làm tròn sứ mệnh. Ông đã phát huy tài ngoại giao của mình, khiến hai nước Tề Sở lại khôi phục liên minh. Tần Vương Chiêu Tương sau khi được tin Tề Sở lại liên minh với nhau, trong lòng thấp thỏm không yên, mới viết một lá thư cho Sở Hoài Vương, giả vờ thừa nhận nước Tần có lỗi và mời Sở Hoài Vương đến gặp mặt ở Vũ Quan. Sở Hoài Vương cầm thư của vua Tần mà như cầm bọc kim trên tay, do dự không quyết, nếu không đi thì sợ đắc tội với nước Tần, mà đi thì lại sợ nước Tần không thủ tín, nếu có mưu kế gì thì mình thật khó mà đảm bảo tính mạng. Nhà vua bèn triệu tập các đại thần lại thương nghị. Khuất Nguyên nói: "Nước Tần vốn hung hăng như hổ sói, không hề có chút tín nghĩa, nước ta không chỉ một lần bị chúng ức hiếp, đại vương chớ nên đi, đi thì tất sa vào cạm bẫy". Nhưng công tử Lan thì một mực khuyên vua cha nên đi và nói rằng: "Trước kia, ta coi nước Tần là kẻ thù, rút cuộc bị chết khá nhiều người,

lại mất cả đất đai, nay nước Tần chủ động giao hảo, thì ta làm sao lại có thể từ chối được?". Sở Hoài Vương tin nghe lời công tử Lan, liền lên đường đi sang nước Tần.

Nhưng sự việc xảy ra đúng như lời Khuất Nguyên đã nói, Sở Hoài Vương vừa đặt chân đến Vũ Quan nước Tần, thì bị binh mã nước Tần vây bắt rồi áp giải về Hàm Dương. Vua Tần bức Sở Hoài Vương cắt nhượng đất ở Kiềm Trung, Sở Hoài Vương không chịu liền bị giam lỏng ở nước Tần, đến lúc này nhà vua mới hối hận đã không nghe lời của Khuất Nguyên. Một năm sau, Sở Hoài Vương vì quá uất ức rồi mất ở nước Tần. Khuất Nguyên được tin nhà vua bị mất ở nơi đất khách quê người thì vô cùng thương xót, liền viết bài thơ "Chiêu Hồn".

Thái tử Hoành lên nối ngôi, tức Sở Khoảnh Tương Vương, nhà vua ngu si đần độn, không hề nghĩ tới thù nhà nợ nước, suốt ngày chỉ chìm ngập trong tửu sắc, không đoái hoài tới việc triều chính, Khuất Nguyên thấy vậy lòng dạ như lửa đốt, đã liên tiếp viết tấu chương, khuyên nhà vua hãy chiêu nạp hiền tài, cải cách nội chính, thao luyện quân mã để đợi thời cơ báo thù nước Tần. Nhưng tấu chương của Khuất Nguyên có khác nào trâu đất lặn xuống biển, không hề nhận được tin tức gì. Thì ra các bản tấu chương đều rơi vào tay công tử Lan, Lặc Thượng v v, chúng quay ra căm ghét Khuất Nguyên, rồi tìm đủ mọi cách nói xấu Khuất Nguyên trước mặt nhà vua, khiến Khuất Nguyên bị đày đến một miền đất hoang ở phía nam sông Trường Giang.

Khuất Nguyên ôm ấp chí lớn cứu nước cứu dân, ngược lại bị gian thần bài xích, nên trong lòng rất bất bình, khi đến bên sông Mịch La ở Tiêu Tương, ông thường men theo bờ sông vừa đi vừa ngâm vịnh những bài thơ do mình sáng tác, trong những năm tháng lưu vong ấy, ông cùng người địa phương cày cấy, cuộc sống rất kham khổ, ông đã viết được nhiều bài thơ nổi tiếng như Ly Tao, Quất Tụng, Cửu Chương v v, trong đó Ly Tao là nổi tiếng nhất. Trong thơ ca của mình, ông đã nguyên rủa lũ gian tham bán nước, ca ngợi

người quân tử chính trực, gửi gắm lòng yêu nước vô hạn của mình vào từng gốc cây ngọn cỏ của nước Sở.

Do lâu năm bị đầy ải, khiến tinh thần của Khuất Nguyên bị vùi dập, nhưng ông vẫn kiên nhẫn chịu đựng, quyết không khuất phục trước thế lực gian tà. Ông hy vọng vua Sở sẽ thay đổi ý định, triệu ông về để cứu nhà nước khỏi cơn nguy khốn. Nhưng thời gian cứ thắm thoát trôi qua, sự mong đợi của Khuất Nguyên đều hóa thành bong bóng, khiến lòng ông bị phẫn đến cực độ.

Một hôm, Khuất Nguyên đến dạo bên bờ sông Mịch La, ông vừa đi vừa ngâm vịnh thơ ca của mình, thì có một dân chài nhận ra ông và hỏi rằng: "Ông có phải là Tam Lư đại phu Khuất Nguyên đó không? Làm sao lại đến nông nổi này?". Khuất Nguyên đáp: "Có khá nhiều người rất bẩn thỉu, nhưng tôi là một người trong sạch. Có khá nhiều người đã uống say, duy có tôi là vẫn tỉnh táo, nên mới bị phát văng tới đây". Ngưng ông nói; "Ông hà tất phải tự cho mình thanh cao, không chịu theo gió bẻ măng, bằng không làm gì đến nông nổi này". Khuất Nguyên phản bác rằng: "Áo mặc trên người rất sạch sẽ, nào ai muốn lặn vào vũng bùn để làm nhơ bẩn nó? Tôi thà nhảy xuống sông để nuôi cá, còn hơn là đi đồng lõa với bọn gian nịnh để chà đạp nước Sở".

Năm 278 trước công nguyên, đại tướng Bạch nước Tần dẫn quân tiến đánh nước Sở, rồi chiếm được Ảnh Đô. Khuất Nguyên vì không muốn nhìn thấy nước Sở sa vào cảnh diệt vong, liền ôm một tảng đá rồi nhảy xuống sông Mịch La sóng nước cuộn cuộn, dân chúng địa phương nghe tin, đều hò nhau chèo thuyền đến để vớt xác Khuất Nguyên, nhưng không sao tìm thấy nữa, tức thì họ liền đổ gạo xuống sông, những mong cá không động chạm đến thân xác của Khuất Nguyên.

Đến mừng 5 tháng 5 năm sau, người dân địa phương lại chèo thuyền ra giữa sông, đem gạo trong ống bọc đổ xuống nước để tế Khuất Nguyên. Về sau, người ta đã dùng thuyền rồng thay thế cho thuyền con, dùng bánh tro

thay thế cho gạo tể. Hoạt động cúng tế này còn giữ mãi đến ngày nay và gọi là Tết Đoan Ngọ. Những bài thơ yêu nước của Khuất Nguyên, được người đời sau chỉnh lý thành cuốn "Sở Từ" và lưu truyền đến ngày nay.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trương Nghi, Liên Hoành Tán Liên Minh

Nước Tần trải qua cuộc biến pháp của Thương Ương, ngày càng trở nên lớn mạnh, nên bắt đầu từ thời Tần Hiếu Công, vua các triều đại đều nảy sinh tham vọng nhất thống thiên hạ, không ngừng xuất binh đánh chiếm sáu nước Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn và Yển. Các nước này đều khiếp đảm trước sự lớn mạnh của nước Tần, họ đã liên hợp lại để cùng chống đỡ nước Tần, mà lịch sử gọi là "Hợp tung".

Nước Tần muốn thống nhất thiên hạ, thì tất phải làm tan vỡ sự liên hợp của các nước, một số chính khách đã giúp nước Tần đi các nơi du thuyết, khuyên họ thân cận với nước Tần, không liên minh với nước khác, mà lịch sử gọi là "Liên hoành"

Bấy giờ, người đề xướng "Liên hoành" là Trương Nghi người nước Ngụy. Ông thời còn nhỏ gia đình nghèo khó, nhưng lại rất chăm chỉ học hành, nên thông cổ chí kim, học thức uyên bác. Thời còn trẻ ông từng đến xin làm quan ở nước Sở nhưng không toại nguyện, sau được một lệnh doãn nước Sở thu nhận làm môn khách. Một hôm, trong nhà lệnh doãn bị mất cắp một miếng ngọc quý, họ đều đổ vạ cho Trương Nghi, rồi trói ông lại đánh cho một trận thập tử nhất sinh. Khi về đến nhà, người vợ thấy chồng mình đầy thương tích liền ghen ngào nói: "Ông hàng ngày ra đi học hành để mưu làm quan, nay bị oan ức thế này thì chi bằng ở nhà còn tốt hơn". Trương Nghi hỏi vợ rằng: "Mình hãy nhìn xem lưỡi của tôi có còn không?". Người vợ đáp là lưỡi vẫn còn. Trương Nghi lại nói: "Chỉ cần có lưỡi thì tất có ngày ăn nên làm ra".

Bấy giờ, Tô Tần bạn của Trương Nghi đang đi 6 nước du thuyết về việc "Hợp Tung", ông được phong ấn tể tướng 6 nước, rất là oai phong hiên hách. Trương Nghi biết vậy liền nghĩ bụng, bên Quan Đông đều đã tin nghe lời Tô Tần, duy chỉ có nước Tần ở phía tây thì không, tức thì ông bèn lên đường sang nước Tần. Ông trình bày kế sách "Liên hoành thân Tần" của mình cho Tần Huệ Văn Vương nghe, nhà vua vô cùng mừng rỡ, liền phong Trương Nghi làm ái khanh, bắt đầu bày mưu tính kế cho nước Tần trình phạt 6 nước.

Năm 314 trước công nguyên, nước Yến xảy ra nội loạn, nước Tề nhân dịp này tấn công và chiếm được nhiều đất đai của nước Yến, tức thì nước Tề trở nên lớn mạnh, do đó việc liên minh giữa Tề Sở là một điều rất bất lợi đối với nước Tần, vua Tần liền cử Trương Nghi sang đó tìm cách phá tan khối liên minh này. Sau khi đến nước Sở, Trương Nghi trước tiên dùng nhiều vàng bạc mua chuộc tên Lặc Thường ái khanh của Sở Hoài Vương, sau đó mới đến thuyết phục Sở Hoài Vương. Ông nói: "Nay vua Tần đặc biệt cử tôi sang đây giao hảo với quý quốc, đâu có biết Đại Vương đã liên minh với nước Tề rồi, nhưng nếu Đại Vương nghe theo ý kiến của tôi, mà cắt đứt mối giao hảo với nước Tề, thì nước Tần xin biếu cho Đại Vương 600 dặm đất ở vùng Thương Vu, vậy là nước Sở được lợi, không những tiêu giảm được thế lực của nước Tề, mà còn được nước Tần tin cậy, thì há chẳng phải một công đôi việc sao?". Sở Hoài Vương nghe xong rất phấn khởi. Còn các đại thần dưới sự lung lạc của Lặc Thường, cũng tới tập tở ra tán thành, tuy chỉ có đại thần Trần Chấn là phản đối và nói rằng: "Nước Tần làm sao lại vô cớ tặng cho ta 600 dặm đất, đây cũng là vì sự liên minh giữa Sở và Tề, nếu bệ hạ cắt đứt bang giao với nước Tề, nước Tần mà không đến ức hiếp nước Sở mới là lạ. Hoặc giả nước Tần thực lòng muốn dâng cho ta 600 dặm đất, thì bệ hạ hãy cho người đi nhận đất trước, sau đó mới cắt đứt mối bang giao với nước Tề cũng chẳng muộn". Sở Hoài Vương nghe theo, liền cử người theo Trương Nghi sang nước Tần nhận đất.

Nhưng nào ngờ sau khi đến nước Tần, Trương Nghi bị ngã ngựa gãy

chân, nằm nghỉ ở nhà đến ba tháng trời không lên triều. Cùng lúc đó, Tề Tuyên Vương nghe nói nước Sở cắt đứt mối bang giao thì vô cùng bức tức, liền cử sứ thần đến gặp Tần Huệ Văn Vương, hẹn cùng nhau tấn công nước Sở. Sau khi hai nước Tần Tề liên hoành, Trương Nghi mới lên triều nói với sứ thần nước Sở rằng: "Tôi thực có lỗi, phải chăng Sở Hoài Vương đã nghe nhầm, đất đai của nước Tần, làm sao lại có thể dâng cho người khác một cách dễ dàng như vậy? Tôi nói ở đây là 6 dặm, chứ có phải 600 dặm đâu". Sứ thần nước Sở đáp rằng: "Đại Vương chúng tôi nghe rõ mồn một là 600 dặm, chứ đâu phải 6 dặm". Bấy giờ, Trương Nghi chỉ giả câm giả điếc, không nói không rằng, sứ thần nước Sở bức tức ra về.

Sở Hoài Vương nghe sứ thần về nói lại thì nổi cơn lôi đình, bèn lập tức phát binh 100 nghìn quân tiến đánh nước Tần. Đại thần Trần Chấn lại khuyên rằng: "Đánh Tần không bằng cắt đất cho Tần để phá hoại liên minh Tần Tề, rồi hẹn với Tần cùng tiến đánh nước Tề, như vậy có thể cướp lấy đất đai của nước Tề bù vào chỗ đất đai đã mất". Nhưng Sở Hoài Vương nào có chịu nghe theo, vẫn khăng khăng mở một trận kịch chiến với quân Tần ở Lam Điền, Tần Tề liên hợp với nhau cùng đánh cho quân Sở một trận thất bại thảm hại, 100 nghìn quân chỉ còn sống sót 30 nghìn, không những không thu được 600 dặm đất ở Thương Vu, ngược lại còn bị nước Tần lấn chiếm mất 600 dặm đất ở Hán Trung, buộc Sở Hoài Vương phải cầu hòa với nước Tần. Sau đó, Trương Nghi cũng dùng thủ đoạn này thuyết phục được các nước Tề, Triệu, Yên, Ngụy v.v liên hoành với nước Tần, như vậy liên minh hợp tung 6 nước do Tô Tần kiến tạo nên đã bị Trương Nghi phá tan, đặt cơ sở vững chắc cho nước Tần tiến tới thống nhất TQ.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Mạnh Thường Quân Dương Khách

Mạnh Thường Quân tên Điền Văn, là một quý tộc nước Tề, ông cùng Bình Nguyên Quân Triệu Thằng của nước Triệu, Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ nước Ngụy và Xuân Thân Quân Hoàng Yết nước Sở được gọi là bốn đại công tử trong thời kỳ Chiến Quốc. Điền Văn thích giao du với các nhân tài trong thiên hạ và thu nạp làm môn khách, ông cả thầy thu dung hơn 3000 môn khách, trong đó có không ít người là thực sự có tài năng, nhưng cũng có lắm kẻ chỉ vì miếng ăn mà đến sống ký sinh ở nhà ông.

Bấy giờ, Tần Chiêu Vương đang tìm đủ mọi cách nhằm phế bỏ việc liên minh với các nước Tề, Sở. Khi nghe nói Mạnh Thường Quân nước Tề là một nhân tài lại có thể lực, bèn cho người sang mời ông đến nước Tần và hứa sẽ cho ông giữ chức tể tướng. Mạnh Thường Quân dẫn theo một đám môn khách đến Hàm Dương, họ được Tần Chiêu Vương thân hành ra tiếp đón. Mạnh Thường Quân tặng cho nhà vua một chiếc áo bào bằng lông cáo rất quý hiếm, nhà vua rất hồ hởi, liền cử người đem lễ vật cất vào kho trong cung. Tần Chiêu Vương vốn muốn cử Mạnh Thường Quân làm tể tướng như đã hứa, nhưng vị tể tướng đương nhiệm rất ghen tức trước việc này, ông ta sợ bị mất chức, đã ngầm ngầm nhờ người đến nói với Tần Chiêu Vương rằng: "Điền Văn là một quý tộc nước Tề, thủ hạ của hắn lại đông như thế, nào ai dám đảm bảo là hắn không mưu lợi cho nước Tề, như vậy thì nước Tần chẳng nguy lắm sao?". Tần Chiêu Vương ngầm nghĩ hồi lâu rồi nói: "Đúng thế, tại sao ta lại không nghĩ tới việc này nhỉ, hãy đưa họ trở về là xong". Người kia đáp rằng: "Như thế thật không ổn, họ ở đây đã lâu tất nắm được

tình hình nước Tần ta, làm sao lại có thể để họ về một cách nhẹ nhàng như vậy?". Tức thì, Tần Chiêu Vương bèn cho giam lỏng Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân lo lắng cho tình cảnh của mình, mới đến hỏi bạn là Kinh Dương Quân người nước Tần, Kinh Dương Quân đã ám thị cho Mạnh Thường Quân hãy đến cầu cứu với ái phi Yến Cơ. Mạnh Thường Quân liền cử người đem theo lễ vật vào cung gặp Yến Cơ. Yến Cơ nói rằng: "Muốn tôi khuyên nhà vua thì cũng chẳng khó gì, nhưng phải biếu tôi một chiếc áo bào bằng lông cáo mới được". Mạnh Thường Quân biết vậy mới bàn với đám môn khách rằng: "Tôi chỉ có mỗi chiếc áo đã tặng cho vua Tần rồi thì làm sao có thể lấy lại, nay ai có thể kiếm được một chiếc áo khác?". Có một môn khách trả lời một cách ngắn gọn rằng: "Tôi đã có cách". Ngay đêm hôm đó, người môn khách này chui qua lỗ chó vào trong cung, vừa đi vừa bắt chước chó sủa rồi len vào trong kho lấy chiếc áo bào ra. Mạnh Thường Quân liền nhờ Kinh Dương Quân đem áo đến biếu Yến Cơ. Đêm đó, Yến Cơ nỉ non bên gối khuyên Tần Chiêu Vương thả Mạnh Thường Quân về nước, nhà vua quả nhiên đồng ý ngay.

Mạnh Thường Quân nhận được văn thư quá cảnh, bèn cùng đám môn khách nhanh chóng chạy ra cửa ải Hàm Cốc, khi đến nơi đã nửa đêm, quan ải còn chưa mở cửa, mọi người đang sốt ruột chưa biết tính ra sao, thì trong đám có một người bỗng bắt chước tiếng gà gáy, tức thì gà trên cửa ải cũng đều gáy theo, lính canh ải cứ tưởng là trời đã sáng, liền mở cửa ải khám văn thư, cho đám Mạnh Thường Quân đi qua cửa ải.

Mạnh Thường quân về đến nước Tề, được Tề Dấn Vương cho làm tể tướng, bấy giờ môn khách tăng lên càng đông hơn. Một hôm, có một người tên là Phùng Quán đến xin theo. Mạnh Thường Quân thấy người này ăn mặc rách rưới mới hỏi có tài cán gì, Phùng Quán thản nhiên trả lời là mình chẳng có chút tài cán gì. Mạnh Thường Quân chỉ cười và cho ở lại.

Mạnh Thường Quân nuôi hơn 3000 thực khách nên chi phí quá lớn, bỗng

lộc không đủ chi dụng, phải dựa vào tiền thuê đất đai ở Bích Thành do vua phong, nhưng có một năm không thu được tiền về, mới cử Phùng Quán đi đòi. Phùng Quán trước khi đi có hỏi Mạnh Thường Quân rằng: "Khi tôi trở về, ông có muốn tôi đem quà gì về không?". Mạnh Thường Quân ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: "Thì ông cứ xem ở đây thiếu thứ gì thì đem về ". Phùng Quán đến Bích Thành mới biết năm đó bị thiên tai mất mùa, nông dân thiếu lương ăn khổ cực hết chỗ nói, Phùng Quán bèn tập hợp họ lại, rồi đốt hết mọi giấy tờ vay nợ, khiến mọi người vô cùng cảm động. Phùng Quán trở về nói lại đúng sự thực cho Mạnh Thường Quân nghe. Mạnh Thường Quân nổi giận nói: "Trước khi đi ông nói sẽ đem quà về, nay ở đâu?". Phùng Quán đáp rằng: "Ông đã nói ở đây thiếu gì thì mua về, nhưng tôi thấy ở đây chẳng thiếu gì cả, chỉ thiếu có tình nghĩa mà thôi, nay tôi đã đem tình nghĩa về đây". Mạnh Thường Quân nghe vậy khóc cười không được, liền phất tay áo đi ra.

Hai năm sau, Tề Dấn Vương tin nghe lời bịa đặt của hai nước Tần, Sở, rất lo lắng Mạnh Thường Quân công cao lấn chúa, gây uy hiếp tới vương vị của mình, bèn thu ần tể tướng của Mạnh Thường Quân, các môn khách thấy vậy đều nối đuôi nhau bỏ đi, duy chỉ có Phùng Quán là còn ở lại. Mạnh Thường Quân uể oải trở về cố cư ở Bích Thành, dân trong thành nghe tin ông trở về, liền dắt già công trẻ ra ngoài 100 dặm để đón. Mạnh Thường Quân nhìn thấy cảnh tượng này rơm rớm nước mắt nói với Phùng Quán rằng: "Tình nghĩa mà ông đã đem cho tôi, nay tôi đã thực sự cảm nhận được rồi".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Triệu Vũ Linh Vương, Hồ Phục, Kỵ Xạ

Sau khi tam phân nước Tấn, nước Triệu do Triệu Tương Tử dựng nên từng một thời trở nên lớn mạnh, sau đó lại dần dần suy thoái. Năm 325 trước công nguyên, Triệu Vũ Linh Vương lên nối ngôi, đây là một ông vua rất có hoài bão, ông đã hạ quyết tâm cải cách để nhà nước lại trở nên lớn mạnh.

Bấy giờ người Hồ vẫn thường xuyên xuất binh quấy nhiễu biên giới các nước, họ giỏi nghề cung ngựa, mặc áo ngắn, mỗi người một ngựa, trong trận mạc vận động rất linh hoạt. Còn các tướng sĩ nước Triệu vẫn ăn mặc theo tập tục cũ nghìn năm, áo rộng ống tay dài, khi ra trận thì cưỡi chiến xa bánh gỗ do nhiều ngựa kéo, đã nặng lại chậm chạp, nên thường bị người Hồ đánh bại. Triệu Vũ Linh Vương đã thấy rõ điều này, nên đã hạ quyết tâm phải cải cách quân đội. Một hôm, nhà vua triệu tập các đại thần lại để thương nghị và nói rằng: "Nước ta phía bắc có nước Yên và Đông Hồ, phía tây có các nước chư hầu như Tần, Hàn v.v, giữa còn có nước Trung Sơn. Nếu ta không cải cách cho nhà nước lớn mạnh lên, thì bất cứ lúc nào cũng có nguy cơ mất nước, rõ ràng là trang phục của chúng ta không được gọn lăm, lao động và tác chiến đều rất bất tiện. Còn người Hồ thì sao? Họ mặc áo ngắn ống tay hẹp, chân đi ủng da rất nhanh tiện, nay ta muốn cải dùng Hồ phục, vậy các khanh nghĩ sao?". Đại thần Lâu Hoãn nghe xong rất tán thành và nói: "Chúng ta nên phỏng theo trang phục của người Hồ và học tập kỹ thuật tác chiến của họ". Triệu Vũ Linh Vương nói: "Phải lắm, chúng ta đánh trận toàn dựa vào đi bộ, nếu có dùng xe bằng ngựa kéo thì cũng rất nặng nhọc, chẳng linh hoạt chút nào, chúng ta phải học mặc trang phục người Hồ và kỹ thuật cưỡi ngựa bắn

cung của họ". Triệu Vũ Linh Vương g đã hạ quyết tâm và tự mình dẫn đầu làm trước. Tức thì nhà vua liền cùng Lâu Hoãn đổi mặc trang phục người Hồ.

Nhưng không ngờ vua tôi vừa mặc xong bước lên điện, thì cả cung đình bỗng chốc rộ lên như nước lạnh đổ lên chảo mỡ sôi. Họ người thì nói "Vua Trung Nguyên đi mặc Hồ phục thì thật chẳng ra thể thống gì ", kẻ thì chê trách Lâu Hoãn đã không khuyên vua thì chớ, lại còn vạch đường cho hươu chạy. Chứ vua là Công Tử Thành lại càng tức giận hơn ai hết, ông liền thác bệnh ở nhà không lên triều. Đại thần Phì Nghĩa thấy vậy mới khuyên vua rằng: "Nếu như thuyết phục được một người có ảnh hưởng lớn trong triều như Công Tử Thành, thì các đại thần khác cũng phải chịu nghe theo". Triệu Vũ Linh Vương gật đầu nói: "Phải lắm, nên bắt đầu từ ông chú này, trăm tin rằng ông ta nhất định sẽ chiếu cố đến đại cục".

Hôm đó, Công Tử Thành đang bức bối ở nhà thì bỗng nghe có Triệu Vũ Linh Vương đến thăm, Công Tử Thành thấy nhà vua vẫn mặc Hồ phục bèn lạnh lùng nói: "Nhà tôi nghênh đón vua Hoa Hạ, chứ không tiếp bọn Di Cảnh, mời ông hãy ra thay quần áo đã rồi tôi xin bái ân ". Triệu Vũ Linh Vương biến sắc mặt nói: "Ở nhà nghe lời bề trên, trong nước phải phục tùng nhà vua, những lễ phép này chẳng lẽ chú cũng không hiểu, là vua của một nước, trăm kêu gọi cả nước mặc Hồ phục, chú là một nguyên lão trong triều, cứ sao lại dẫn đầu phản đối?"

Công Tử Thành vẫn không chịu nhún nhường, liền bác lại rằng: "Đúng, việc lớn nhà nước thì phải nghe lời vua, nhưng ở nhà thì tôi là chú, anh phải nghe lời bề trên, nay muốn đem một nước có nền văn minh lễ nghĩa ở Trung Nguyên đi học tập Di Cảnh còn chưa khai phá là không thể được, tôi không thể theo anh làm những việc xằng bậy như vậy". Triệu Vũ Linh Vương nghe xong không những không nổi giận, mà vẫn ôn tồn khuyên rằng: "Tôi đề xướng học tập người Hồ cười ngựa bắn cung là nhằm nâng cao sức chiến đấu của quân đội, ngăn chặn kẻ địch xâm lấn, khiến nhà nước giàu mạnh lên, thế

mà chú vẫn cứ khư khư bám lấy thói cổ hủ, phản đối cải cách, chẳng lẽ chú cứ muốn giữ mãi cục diện lạc hậu này ư? Mong chú hãy đứng ra làm gương cho con cháu ". Những lời nói chân tình của nhà vua đã khiến Công Tử Thành như sáng mắt ra.

Ngày hôm sau, Triệu Vũ Linh Vương tuyên bố trong triều cả nước đều đổi mặc Hồ phục, mệnh lệnh cho quân đội phải học cưỡi ngựa bắn cung, Công Tử Thành không những dẫn đầu mặc Hồ phục, mà còn tuyên truyền cho cuộc cải cách này. Các đại thần trong triều thấy Công Tử Thành đã chịu khuất phục và dẫn đầu làm gương thì cũng chẳng ai dám nói gì, đều phải làm theo cả.

Một năm sau, nước Triệu đã có một đạo kỵ binh tinh nhuệ. Năm 305 trước công nguyên, Triệu Vũ Linh Vương thân chinh chỉ huy đạo quân này đánh bại được nước Trung Sơn, thu phục được bộ lạc gần Đông Hồ. Bước sang năm thứ 7 lại thu phục được các nước Trung Sơn, Lâm Hồ v v, mở rộng thêm biên giới, từ đó tiếng tăm của nước Triệu càng thêm vang dội, không những các nước nhỏ, mà ngay đến lớn mạnh như nước Tần cũng không dám coi thường nước Triệu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tôn Tẫn - Bàng Quyên Đấu Trí

Bàng Quyên và Tôn Tẫn đều là danh tướng trong thời kỳ Chiến Quốc TQ, hai người cùng lúc đến học tập binh pháp với một học giả nổi tiếng là Quỷ Cốc tiên sinh. Tôn Tẫn là con cháu của nhà quân sự nổi tiếng Tôn Vũ, vốn được truyền dạy về "Tôn Tử binh pháp". Còn Bàng Quyên là một người gian ngoan quỷ quyệt, vì mục đích cá nhân đã tìm đủ cách tiếp cận với Tôn Tẫn và hai người kết nghĩa làm anh em.

Bàng Quyên là người nước Ngụy, khi được tin Ngụy Huệ Vương cũng muốn học theo lối Tần Hiếu Công đã chiêu nạp các hào kiệt như Thương Ương v.v, khiến nước Tần trở nên giàu mạnh và được làm bá chủ, nên cũng muốn đến thử xem sao, anh ta vốn biết sư huynh Tôn Tẫn còn tài giỏi hơn mình, bèn đến hỏi ý xem sao, Tôn Tẫn nghe xong liền tỏ ý tán thành ngay. Trước khi chia tay, Bàng Quyên nói với Tôn Tẫn rằng: "Nếu tôi được nước Ngụy trọng dụng, thì nhất định sẽ tiến cử sư huynh để cùng nhau chung hưởng phú quý".

Bàng Quyên tuy xấu thói, nhưng cũng là một người tài ba, anh ta đem lý lẽ và phương pháp dụng binh trị nước của mình kể cho Ngụy Huệ Vương nghe, nhà vua đồng ý liền cử Bàng Quyên làm đại tướng. Từ đó, Bàng Quyên ngày ngày bày binh bố trận, thao luyện quân mã. Ít lâu sau đã đánh thắng được các nước nhỏ ở xung quanh, nước Tề là nước lớn ở phương đông cũng bị đánh bại. Nên Ngụy Huệ Vương càng thêm tín nhiệm Bàng Quyên, khiến Bàng Quyên trở nên càng ngông cuồng tự đại. Nhưng hắn cũng có một mối

lo về người sư huynh Tôn Tần, có học vấn cao lại thông thạo "Tôn Tử binh pháp", một khi được nước khác trọng dụng mà trở thành đối thủ của mình thì nguy to. Bàng Quyên bèn tiến cử Tôn Tần với Ngụy Huệ Vương, nhà vua vốn biết tiếng Tôn Tần là người tài giỏi bèn đồng ý ngay. Tức thì Tôn Tần được mời đến nước Ngụy để cộng sự với Bàng Quyên. Nhưng Bàng Quyên làm như vậy là có dụng ý xấu, hắn đã nhiều lần gièm pha Tôn Tần trước mặt Ngụy Huệ Vương, khiến nhà vua ra lệnh cắt bỏ hai miếng xương bánh chè của Tôn Tần.

Sau khi Tôn Tần bị nhục hình, Bàng Quyên lại tỏ ra vô cùng thương xót đến đón Tôn Tần về nhà mình điều trị, Tôn Tần thấy vậy rất cảm động rồi hứa sẽ truyền "Tôn Tử binh pháp" cho Bàng Quyên. Cũng may có một người coi ngục tốt bụng đã mách với Tôn Tần biết rõ sự thực. Mãi đến lúc này Tôn Tần mới biết Bàng Quyên là một tên mặt người dạ thú. Ít lâu sau, Tôn Tần bỗng bị điên dại, suốt ngày chỉ lang thang đầu đường xó chợ, có lúc còn bốc phân lợn ăn. Bàng Quyên cho người theo dõi rất lâu, thấy vậy liền cho rằng Tôn Tần đã thực sự bị điên, rồi lơ là việc theo dõi. Bấy giờ, có một sứ thần nước Tề đến nước Ngụy đã lén lút vục Tôn Tần lên xe rồi đưa về nước Tề.

Đại tướng Điền Kỵ nước Tề vốn biết Tôn Tần là một viên tướng tài, bèn tiến cử với Tề Uy Vương, nhà vua muốn phong Tôn Tần làm quan, nhưng Tôn Tần từ chối rằng: "Không có công thì không hưởng lộc, hơn nữa Bàng Quyên mà biết tôi ở đây thì thật không tiện, chi bằng đại vương cho tôi ra sống ẩn cư một thời gian, khi nào đại vương cần đến thì tôi nguyện dốc hết sức mình ". Tề Uy Vương đành phải nhận lời.

Năm 353 trước công nguyên, Ngụy Huệ Vương cử Bàng Quyên dẫn quân sang đánh nước Triệu, thủ đô Hàm Đan bị vây khốn, nước Triệu đành phải cầu viện với nước Tề, Tề Uy Vương bèn phong Điền Kỵ làm đại tướng, Tôn Tần làm quân sư cùng dẫn quân sang cứu nước Triệu. Điền Kỵ thắng đến giải vây Hàm Đan, thì Tôn Tần khuyên rằng: "Chúng ta phải hư hư thực thực thì

tình thế tất đảo ngược, nay chủ lực của quân Ngụy đều muốn kéo quân tập trung vây thành Hàn Đan, trong nước tất bỏ trống, chúng ta hãy kéo sang vây thành Tương Lăng nơi yết hầu quân sự của nước Ngụy, thì Bàng Quyên tất phải rút quân về chi viện, bấy giờ chúng ta mới chặn đánh chúng ở nửa đường thì tất đánh bại chúng". Điền Kỵ nghe theo kế này, quả nhiên Bàng Quyên bị thất bại buộc phải rút quân về nước.

Năm 342 trước công nguyên, Bàng Quyên lại dẫn quân sang đánh nước Hàn, nước Hàn phải sang cầu viện nước Tề, bấy giờ Tôn Tần lại dùng kế như trước, không trực tiếp sang giải vây cho nước Hàn, mà dẫn quân đánh thẳng vào thủ đô nước Ngụy, Bàng Quyên lại phải rút quân về cứu, nhưng khi về đến nơi thì quân Tề đã bỏ đi từ lâu. Bàng quyên bị Tôn Tần hai phen chọc tức liền ra lệnh truy kích. Tôn Tần đã dùng kế "Cắm trại giảm lò bếp" để dụ địch, khiến Bàng Quyên nhầm tưởng quân Tề đào ngũ rất đông, nên đuổi thẳng một mạch đến thung lũng Mã Lăng. Bấy giờ trời đã tối, bỗng nghe quân lính đến báo phía trước bị gỗ đổ chặn lối, Bàng Quyên vội vàng đến xem thì quả nhiên không có lối đi, trước mặt còn một cây gốc chưa bị chặt trên viết mấy chữ "Bàng Quyên tất chết dưới gốc cây này". Bàng Quyên thấy vậy sững sốt liền hô quân lui trở ra thì đã quá muộn. Bấy giờ tên đạn từ bốn bề bắn xuống như mưa, tiếng hò reo dậy đất, Bàng Quyên bị trúng tên chết, toàn bộ quân Ngụy đều bị tiêu diệt.

Từ đó, Tôn Tần lừng danh khắp các nước chư hầu, tác phẩm quân sự nổi tiếng "Tôn Tử binh pháp" còn được lưu truyền mãi đến ngày nay.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Thương Ương Nam Môn Lập Mộc

Vệ Ương nguyên họ Công Tôn, là một quý tộc đã suy đồi, vì thấy nước Vệ nhỏ yếu, không thể thi thố tài năng của mình, ông mới đi sang nước Ngụy, nhưng lại không được nước Ngụy trọng dụng, trong lúc Vệ Ương đang buồn chán, thì được tin Tần Hiếu Công đang chiêu nạp nhân tài, liền rời nước Ngụy sang nước Tần, rồi nhờ người gặp được Tần Hiếu Công, ông đem mưu lược và biện pháp khiến dân giàu binh mạnh của mình trình bày với Tần Hiếu Công và nói rằng: "Một nước muốn giàu mạnh thì phải phát triển sản xuất, dân giàu thì quân đội mới có đầy đủ lương thực, phải tăng cường huấn luyện quân đội, điều then chốt là phải thưởng phạt nghiêm minh, những nông dân thu hoạch nhiều và tướng sĩ anh dũng thiện chiến thì nhà nước phải khen thưởng, còn những kẻ lười nhác hoặc kẻ ham sống sợ chết trong chiến đấu thì phải trừng phạt, triều đình có uy tín rồi thì cải cách mới tiến hành thuận lợi, nhà nước mới giàu mạnh lên được". Tần Hiếu Công chăm chú lắng nghe và tán thành chủ trương của Vệ Ương, nhưng một số đại thần quý tộc đều hết sức phản đối, Tần Hiếu Công bèn triệu tập các đại thần lại để thảo luận vấn đề tốt xấu của biện pháp, đại thần Cam Long nói rằng: "Chế độ và lễ pháp hiện hành là do tổ tiên đặt ra, các quan lại chấp hành rất thuận tiện, mà dân chúng cũng đã quen thì không cần phải sửa đổi, nếu sửa đổi thì tất gây thành vạ lớn".

Vệ Ương nghe vậy liền phản bác rằng: "Từ xưa đến nay, không hề có lễ pháp nào là không thay đổi, những lễ pháp mà các ông quan tâm có khiến nước Tần giàu mạnh không? Chỉ cần nước Tần giàu mạnh, thay đổi lễ pháp

cũ thì có gì không đúng?". Sau đó, Vệ Ương còn nêu ra rất nhiều sự thật trình bày về tính tất yếu của việc biến pháp. Tần Hiếu Công nghe xong phần khởi nói: "Tiên sinh nói phải lắm, nước Tần tất phải thi hành tân pháp", rồi tôn Vệ Ương làm Tả Thứ Trường, nắm quyền thúc đẩy tân pháp, và còn tuyên bố nếu ai phản đối hiến pháp thì sẽ bị trị tội.

Trải qua một thời gian trù bị, Vệ Ương đã đặt ra một loạt pháp lệnh biến pháp, nhưng ông lại không cho tuyên bố ngay, bởi lẽ ông biết rất rõ pháp lệnh mới chưa có uy tín, dân chúng còn do dự chưa tin, tức thì bèn nghĩ ra một kế, ông cho dựng một chiếc cột gỗ cao hơn ba trượng ở cửa nam thành, bên cạnh dán một tờ cáo thị rằng: " Ai vác được cây cột này đến cửa bắc thành thì sẽ thưởng cho mười lạng vàng". Một lát sau, mọi người kéo đến rất đông, ai nấy đều cảm thấy kỳ lạ, rồi bàn tán xôn xao.

Vệ Ương thấy không ai chịu làm, liền tăng tiền thưởng lên 50 lạng vàng. Một lát sau bỗng có một anh chàng lực lưỡng rẽ đám đông bước ra nói: "Để tôi thử xem", rồi vác cột gỗ đi về phía cửa bắc, mọi người đều kéo theo để xem. Bấy giờ, Vệ Ương đã đợi sẵn ở cửa bắc, rồi cử người ra nói rằng: "Tốt lắm, anh là một lương dân, đã tin tưởng và chấp hành lệnh tôi", rồi đưa 50 lạng vàng thưởng cho anh chàng này. Việc này bỗng chốc được truyền đi rất nhanh, rồi vang xa khắp nước Tần, mọi người đều kháo nhau rằng: "Tả Thứ Trường là người nói sao làm vậy, mệnh lệnh của ông ta thật không chút hàm hồ. "

Vệ Ương thấy thời cơ đã chín muồi, bèn lập tức cho công bố pháp lệnh mới, pháp lệnh này thưởng phạt rõ ràng, và quy định: Quan chức dù lớn hay nhỏ hoặc tước vị cao hay thấp, đều phải lấy chiến công làm tiêu chuẩn, dù là quý tộc mà không có chiến công, thì sẽ không có tước vị; Khuyến khích phát triển sản xuất, ai sản xuất được nhiều lương thực và bông thì sẽ được miễn phu dịch, phàm những ai làm buôn bán hoặc do lười nhác mà trở nên nghèo khó, thì cả nhà đều bị đưa vào quan phủ làm nô tỳ v v. Vệ Ương do có công

nên được Tần Hiếu Công phong cho miền đất Thương Vu, nên từ đó người ta mới gọi Vệ Ương là Thương Ương.

Sau khi biến pháp, nước Tần ngày càng trở nên giàu mạnh. Năm 350 trước công nguyên, Thương Ương lại thi hành cải cách lần thứ hai, chia cả nước thành 30 huyện và cử huyện lệnh, huyện thừa ra quản lý, rồi đô từ Ung đến Hàm Dương để tiện cho việc phát triển vào Trung Nguyên, nhưng cuộc cải cách này đã bị tầng lớp cựu quý tộc phản đối, họ ngấm ngấm câu kết với hai sư phụ của công tử là Công Tử Kính và Công Tôn Giả, cùng bày mưu khiến công tử phạm pháp, Thương Ương biết vậy nhưng không hề dao động, ông không tiện trừng trị thái tử, nhưng được sự ủng hộ của Tần Hiếu Công, bèn chiếu theo luật mới cắt mũi của Công Tử Kính và thích chữ lên mặt Công Tôn Giả, nên từ đó không ai dám phản đối luật mới nữa, nhưng sự việc này cũng đã để lại cho Thương Ương một mối họa ngầm.

Luật mới thi hành được mười năm, nước Tần càng thêm giàu mạnh. Trong ngày sinh nhật của Tần Hiếu Công, Chu thiên tử đã cử người đem lễ vật đến tặng và phong Tần Hiếu Công làm "Phượng Bá", các nước chư hầu Trung Nguyên tới tập đến chúc mừng. Mấy năm sau, Tần Hiếu Công bị bệnh qua đời, thái tử lên nối ngôi, tức Tần Huệ Văn Vương, nhà vua liền nghĩ tới việc trả thù cho hai sư phụ của mình, liền ra lệnh truy bắt Thương Ương, Thương Ương trên đường chạy trốn, dân chúng bị sợ liên lụy nên không ai dám chứa chấp, Thương Ương bị bắt rồi bị năm ngựa xé xác.

Thương Ương tuy chết vì hiến pháp, nhưng hiến pháp của ông vẫn được tiếp tục thi hành tại nước

Tần, khiến nước Tần từ đó đi lên phồn vinh cường thịnh, đặt cơ sở vững chắc cho việc thống nhất

Trung Nguyên sau này.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tam Gia Phân Tấn

Cuối thời Xuân Thu, nước Tấn từng một thời bá chủ Trung Nguyên đã dần dần suy thoái, đời sau không bằng đời trước, mọi quyền hành trong triều đều rơi vào tay các khanh đại phu, đến thời Tấn Xuất Công thì nhà vua đã hoàn toàn trở thành bù nhìn của các khanh đại phu, các khanh đại phu tương đối có thể lực lúc bấy giờ là Trí thị, Triệu thị, Ngụy thị, Hàn thị, Phạm thị và Trung Hành thị, được gọi là " Lục Thị", trong đó Trí thị là có quyền lực lớn nhất, ngũ khanh phải cam chịu lép vế, kẻ khôn hồn thì tự biết giữ lấy thân, không ai dám tranh chấp.

Trí Bá Dao trong gia tộc Trí thị luôn luôn nắm giữ quyền bính, bài xích những kẻ không ăn cánh với mình để chuẩn bị cho sau này lên làm vua. Năm 458 trước công nguyên, ông trước tiên liên hợp với ba họ Hàn, Triệu và Ngụy, cùng tiêu diệt hai họ Phạm và Trung Hành, nên chỉ còn lại bốn thị, vì vậy dã tâm tiềm quyền đoạt chức của Trí thị càng lớn, ông đã nghĩ ra một độc kế để tiêu giảm thế lực của ba họ kia rồi dần dần tiêu diệt, mới nói với Triệu Tương Tử, Hàn Khang Tử và Ngụy Hằng Tử rằng, nước Tấn kể từ thời Tấn Văn Công luôn luôn là bá chủ Trung Nguyên, nay địa vị bá chủ đã bị hai nước Ngô và Việt đoạt mất. Nay nhằm chấn hưng và khôi phục lại địa vị bá chủ của nước Tấn, tôi chủ trương mỗi họ phải nộp trả 100 dặm đất và hộ khẩu cho nhà nước.

Ba họ đại phu này vốn biết dã tâm của Trí Bá Dao đã mượn danh nghĩa nước Tấn để bức họ giao trả ruộng đất, nhưng họ lại không nhất trí với nhau,

Hàn Khang Tử và Ngụy Hằng Tử đã lần lượt giao trả ruộng đất và hộ khẩu cho Trí Bá Dao, duy chỉ có Triệu Tương Tử là không chịu và nói rằng: "Ruộng đất là của cải do cha ông lập chiến công mới có, nay tại sao lại phải nộp trả?". Trí Bá Dao biết được vô cùng bức tức, liền ra lệnh cho hai họ Hàn, Ngụy, cùng liên hợp tiến đánh họ Triệu, Triệu Tương Tử biết mình không đủ sức chống đỡ với ba họ này, đành dẫn quân mã bản bộ lui về trấn giữ ở Tấn Dương. Tấn Dương nguyên là đất tổ họ Triệu, thành cao tường chắc, lương thảo đầy đủ, lại được dân chúng ủng hộ, là một cứ điểm phòng thủ rất vững trãi. Binh mã họ Triệu đã dựa vào tường thành kiên cố, khí thế sục sôi và tên nổ bắn ra như mưa, kiên trì phòng thủ ở Tấn Dương được gần ba năm trời, khiến Trí Bá Dao lúng túng không biết xử trí ra sao. Một hôm, Trí Bá Dao đến xem địa hình ở phía bắc thành Tấn Dương, thấy nước sông Phần dào dạt chảy quanh thành rồi đổ về hướng đông bắc, liền nghĩ ra một kế, nay nhân lúc nước sông Phần vơi cạn, cho quân lính đắp một đoạn đê ở trên thượng du để ngăn nước, đợi đến mùa mưa khi nước lũ đổ về thì phá đê cho nước tràn vào thành Tấn Dương. Trí Bá Dao nghĩ vậy liền ra lệnh cho binh sĩ lập tức đắp đê. Quả nhiên, khi đến mùa mưa, Trí Bá Dao lệnh cho quân sĩ phá đê, dòng nước lũ như một đàn ngựa hoang bất kham lồng lộn từ thượng du ào ào đổ xuống tràn ngập cả thành Tấn Dương, dân chúng trong thành đều phải leo lên mái nhà lánh nạn.

Sau khi thành Tấn Dương bị ngập, Triệu Tương Tử luống cuống liền cho gọi mưu sĩ Trương Mạnh Đàm đến thương nghị. Trương Mạnh Đàm hiến kế rằng: "Hai họ Hàn, Ngụy bị họ Trí bức ép tới đây chứ không phải là tình nguyện, nay tôi xin sang đó mật bàn với họ, động viên họ làm phản để cùng đối phó với họ Trí". Đêm hôm đó, Trương Mạnh Đàm lên ra khỏi thành, lần đến đại bản doanh của ba họ kia, trước sau tìm gặp Hàn Khang Tử và Ngụy Hằng Tử, hai họ này vốn đang lo cho số phận của mình, nay được Trương Mạnh Đàm bày vẽ cho, thì đều đồng ý cùng phản lại họ Trí và quyết định đêm hôm sau thì khởi sự.

Canh ba đêm hôm sau, Trí Bá Dao còn đang mơ màng, thì chợt nghe tiếng hò reo ầm ỹ, liền vùng dậy chạy ra xem, thì thấy doanh trại đã bị ngập nước. Đây là do hai họ Hàn Ngụy đã bí mật khơi nước cho tràn vào doanh trại Trí Bá Dao. Trí Bá Dao đang luống cuống thì bỗng thấy quân sĩ của ba họ Hàn, Triệu, Ngụy lướt thuyền bè từ bốn bề lao tới, quân họ Trí bị chém chết và chết đuối nhiều đến không đếm xuể, Trí Bá Dao cũng bị chém chết trong đám loạn quân.

Ba họ Hàn, Triệu, Ngụy đoạt lại đất đai đã mất, rồi cùng phân chia tài sản và đất đai của nhà họ Trí. Ít lâu sau, phần đất ít ỏi của vua Tấn cũng bị phân chia nốt. Đó chính là "Tam gia phân Tấn" nổi tiếng trong lịch sử.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Phạm Lãi Và Văn Chủng

Việt Vương Câu Tiễn nếm mật nằm gai, trải qua mấy năm cố gắng, khiến thực lực nước Việt trở nên hùng mạnh, nhà vua vô cùng mừng rỡ, thường cùng hai vị đại thần Phạm Lãi và Văn Chủng thương nghị việc thảo phạt nước Ngô.

Bấy giờ, Ngô Vương Phù Sai do được làm bá chủ, nên tỏ ra vô cùng kiêu ngạo và đam mê hưởng lạc, Câu Tiễn vẫn thường xuyên cử người sang tiến cống và bày tỏ lòng trung thành đối với nước Ngô. Lão thần Ngũ Tử Tư thấy vậy mới trách vua Ngô rằng: "Đại vương năm xưa lẽ ra không nên thả Câu Tiễn về nước, Thần nghe nói Câu Tiễn sống cuộc đời nếm mật nằm gai, đang mài sắc ý chí, chúng ta không thể lơ là về điều này ". Nhưng Phù Sai nào chịu nghe theo.

Văn Chủng được biết Phù Sai ham mê tửu sắc, bèn khuyên Câu Tiễn hãy tuyển chọn mỹ nữ trong nước đem dâng cho Phù Sai, sau tìm được một mỹ nữ tên là Tây Thi, bèn lệnh cho Phạm Lãi đưa sang nước Ngô. Phù Sai thấy Tây Thi đẹp như hắc ngọc giáng trần thì mê mẩn tâm thần, rồi từ đó càng thêm lơ là việc nước.

Hai năm sau, nước Ngô đánh bại được nước Tề, Phù Sai càng thêm hý hửng, quan lại các cấp đều đến chúc mừng, duy chỉ có Ngũ Tử Tư thì nói rằng: "Việc đánh bại nước Tề đã thấm vào đâu, nước Việt mới là nguồn gốc gây ra tai họa, chỉ có diệt xong nước Việt, thì mới trừ được hậu hoạn". Ngô

vương Phù Sai nghe vậy cảm thấy rất cụt hứng.

Ít lâu sau, Phù Sai cử Ngũ Tử Tư đi sứ nước Tề, Ngũ Tử Tư cảm thấy việc vua Ngô mất nước đã gần trong gang tấc, nên đã gửi con cho một vị đại thần nước Tề nuôi hộ, đổi họ Vương Tôn Thị. Bá Tích biết được bèn đem mách với Phù Sai và đem đặt Ngũ Tử Tư. Sau khi Ngũ Tử Tư về nước, Phù Sai bèn lập tức cử người đem một thanh kiếm sang bức Ngũ Tử Tư phải tự sát, Ngũ Tử Tư không biết nói sao mới dặn lại các tùy tùng rằng: "Ngày tận số của nước Ngô chẳng còn bao xa nữa, hãy khoét con người ta đem treo ở trên cửa đông thành Cô Tô, ta muốn nhìn xem quân đội nước Việt tiến vào ra sao."

Sau khi Ngũ Tử Tư mất, Bá Tích lên làm thừa tướng. Năm 482 trước công nguyên, Việt vương Câu Tiễn nhân lúc Ngô vương Phù Sai sang Hoàng Trì họp bang hội với các nước, bèn thống lĩnh 50 nghìn đại quân tiến đánh nước Ngô, chỉ trong ba ngày đã chiếm lĩnh được đô thành Cô Tô. Phù Sai được tin, liền vội vàng dẫn quân về nước rồi cử người sang cầu hòa với nước Việt, Câu Tiễn thấy nước Ngô bấy giờ còn khá mạnh, chưa thể nào diệt được nước Ngô, liền đồng ý lời cầu hòa rồi rút quân về nước. Bốn năm sau, Câu Tiễn lại dẫn binh tiến đánh nước Ngô, quân Ngô bị thất bại thảm hại, Bá Tích là người đầu tiên mở cửa thành ra đầu hàng, còn Phù Sai lấy vải che mặt rồi tự sát, nghe nói là không có mặt mũi nào để nhìn Ngũ Tử Tư.

Việt vương Câu Tiễn ném mật nằm gai, trả thù được nước Ngô, trong khi phong thưởng các đại thần thì chẳng thấy Phạm Lãi đâu, thì ra Phạm Lãi đã đem theo nàng Tây Thi lên thuyền qua Thái Hồ trốn sang nước khác, ông còn để lại một câu trung ngôn cho Văn Chủng rằng: "Phi điều tận, lương cung tàng, giáo thỏ tử, tẩu cầu phanh". Có nghĩa là: Chim bắn hết rồi thì cất cung, thỏ chết hết rồi thì tắt mồi chó để nấu. Đây có ý khuyên Văn Chủng nên sớm lui về sống ẩn cư. Nhưng Văn Chủng cậy mình có công, sẽ được phong quan tiến chức, nhưng nào ngờ Câu Tiễn đã cử người đưa cho ông một thanh kiếm, Văn Chủng nhìn kỹ thì chính là thanh kiếm mà Ngũ Tử Tư tự vẫn năm xưa,

bấy giờ mới hối hận mình đã không nghe lời khuyên của Phạm Lãi, đành ngửa mặt lên trời than rồi tự vẫn. Còn Phạm Lãi đi sang đất Đào Ấp làm nghề buôn bán trở nên rất giàu có, mà người thiên hạ gọi là Đào Chu Công, được thương nhân đời sau tôn thờ là thần bảo hộ.

Câu Tiễn sau khi diệt xong nước Ngô, đã giết chết tên gian thần Bá Tích, sau đó vượt sông Hoài tiến lên hướng bắc, cùng các nước Tề, Tấn, Tống, Lỗ v v hợp bang hội ở Từ Địa. Chu Nguyên Vương thừa nhận địa vị bang chủ của Câu Tiễn. Do đó, Câu Tiễn đã trở thành một vị bá chủ cuối cùng trong thời đại Xuân Thu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Câu Tiễn Nắm Mật Nắm Gai

Sau khi Ngô vương Hạp Lư đánh bại nước Sở, trở thành một cường quốc ở phương nam, bèn nảy sinh ý định mở rộng thế lực vào Trung Nguyên. Nhưng nước Việt một nước láng giềng và luôn có bất hòa với nước Ngô cũng dần dần trở nên lớn mạnh, đã tạo thành mối uy hiếp đối với hậu phương của nước Ngô. Năm 496 trước công nguyên, Vương Doãn vua nước Việt bị bệnh qua đời, vua Ngô nhân lúc nước Việt bận việc tang, bèn phát động tấn công, hai bên mở trận kịch chiến ở Huề Lý, rút cuộc quân Ngô bị thất bại thảm hại, Ngô vương Hạp Lư do bị thương, lại vì tuổi già sức yếu nên khi trở về đến nửa đường thì mất, con là Phù Sai lên nối ngôi. Phù Sai luôn luôn ghi nhớ lời cha dặn trước lúc qua đời. Nhằm tự răn mình, nhà vua đã cử một người đứng trước cửa cung, mỗi khi mình ra vào thì người này đều hô to lên rằng; " Phù Sai, người đã quên mối thù nước Việt giết cha rồi ư?". Phù Sai liền khóc nói: "Không, không dám quên, ba năm sau nhất định báo thù". Nhà vua ra lệnh cho Ngũ Tử Tư và Bá Tích khẩn trương thao luyện binh mã, để chuẩn bị tấn công nước Việt.

Hai năm sau, Ngô vương Phù Sai vì nóng lòng muốn báo thù, liền thống lĩnh đại quân tiến đánh nước Việt. Đại phu Phạm Lãi nói với Việt vương Câu Tiễn rằng: " Nước Ngô đã luyện tập binh mã trong hai năm, họ nóng lòng muốn báo thù, nên khí thế rất lớn mạnh, chúng ta chỉ nên giữ thành, chứ không ra nghênh chiến". Câu Tiễn không chịu nghe theo, liền dẫn quân ra Tiêu Sơn mở một trận kịch chiến với quân Ngô, rút cuộc quân Việt bị thất bại, Câu Tiễn chỉ còn lại 5000 quân mã chạy trốn lên núi Hội Khê, quân Ngô

thừa thắng đuổi riết rồi bao vây chặt núi Hội Khê. Câu Tiễn cuống cuống liền cùng Phạm Lãi bàn cách đối phó, Phạm Lãi nói: "Đã đến nước này, chúng ta chỉ còn cách cầu hòa mà thôi". Câu Tiễn nghe theo, liền cử đại thần Văn Chung sang dinh trại quân Ngô cầu hòa.

Văn Chung đến nơi vội quỳ gối trước mặt Phù Sai nói rằng, Câu Tiễn nguyện làm thần tử của Ngô vương, Phù Sai toan nhận lời, nhưng bị Ngũ Tử Tư kiên quyết phản đối, Văn Chung đành phải cúi đầu quay trở về, sau được biết Bá Tịch tể tướng nước Ngô là một người hiếu sắc, liền chọn một tốp mỹ nữ cùng nhiều báu vật sang biếu và nhờ Bá Tịch nói giúp, Bá Tịch nhận lời, liền năm lần bảy lượt đến khuyên Phù Sai, khiến nhà vua phải mềm lòng đã bất chấp sự phản đối của Ngũ Tử Tư, đồng ý lời thỉnh cầu của nước Việt, nhưng với điều kiện là hai vợ chồng Câu Tiễn phải được đưa sang nước Ngô. Câu Tiễn chẳng còn cách nào khác, đành phải phò thác việc lớn nhà nước cho đại thần Văn Chung, rồi cùng Phạm Lãi lên đường sang nước Ngô.

Vua Ngô sắp xếp cho hai vợ chồng Câu Tiễn đến ở trong một ngôi nhà đá bên cạnh mộ Hạp Lữ, họ hàng ngày chăn ngựa, quần áo lam lũ, ăn toàn cám và rau dại. Câu Tiễn ngày ngày đi chăn ngựa, vợ ở nhà giặt giũ nấu cơm, còn Phạm Lãi thì kiếm củi, họ tỏ ra rất an phận, nên nể, một lòng một dạ cung kính đối với vua Ngô. Nhằm bày tỏ lòng trung thành của mình, khi Phù Sai lâm bệnh, Câu Tiễn thậm trí còn nếm phân của Phù Sai để phán đoán bệnh tình,việc làm này khiến Phù Sai rất cảm động và cho rằng Câu Tiễn đã thực lòng quy thuận mình, nên ba năm sau liền phóng thích vợ chồng Câu Tiễn về nước. Sau khi về đến nước Việt, Câu Tiễn liền gắng công xây dựng đất nước, chờ đợi thời cơ để rửa hận, nhà vua lo mình thỏa mãn với hiện trạng, mà làm nhụt ý chí báo thù rửa hận của mình, nên đã tự sắp xếp cho mình một môi trường sống rất gian khổ, ông treo một chiếc mật ở giữa nhà ăn, trước khi ăn cơm đều nếm vị đắng của mật và tự nhắc nhở mình "Chớ quên nỗi nhục ở Hội Khê", còn ban đêm thì ngủ trên đồng củi rơm. Đây chính là xuất xứ của câu thành ngữ "Nếm mật nằm gai".

Câu Tiễn hàng ngày đi làm ruộng, vợ ở nhà dệt vải, khuyến khích nông dân ra sức phát triển sản xuất, tăng thêm của cải cho nhà nước, quy định trong 7 năm không thu thuế, giảm gánh nặng cho nông dân. Đồng thời còn đặt ra chính sách dân số, người già không được lấy vợ trẻ, thanh niên không được lấy vợ già, sinh đẻ được nhà nước chiếu cố, sinh con trai từ một đứa trở lên đều do nhà nước nuôi dưỡng. Do đó, chỉ trong mấy năm mà dân số nước Việt tăng lên nhanh chóng, nhà nước cũng từ yếu chuyển sang mạnh. Câu Tiễn lại ra lệnh cho Phạm Lãi huấn luyện binh mã, Văn Chủng quản lý việc lớn nhà nước và không ngừng tiến cống cho nước Ngô, loại trừ được sự hoài nghi của Phù Sai, buông lỏng việc phòng bị đối với nước Việt, tình hình vẫn trong trạng thái hòa bình, nhưng nước Việt đã nhân cơ hội này trở nên ngày càng lớn mạnh.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Khổng Tử Chu Du Liệt Quốc

Ngô Vương Hạp Lư được sự trợ giúp của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ v v, nhà nước ngày một lớn mạnh, nên có ý tranh bá với các nước chư hầu ở Trung nguyên. Trước tiên là nước Tề nước láng giềng ở miền bắc, bấy giờ Tề Cảnh Công đang chấp chính, nhà vua bổ nhiệm Yển Anh có tài trị nước làm thừa tướng, thực hiện cải cách, khiến nước Tề lại bắt đầu trở nên lớn mạnh.

Năm 500 trước công nguyên, Tề Cảnh Công và Hạp Lư muốn liên hợp với các nước chư hầu Trung Nguyên như nước Lỗ v v, cùng đối phó với sự uy hiếp của nước Ngô, khôi phục lại sự nghiệp bá chủ của Tề Hằng Công, mới hẹn với Lỗ Định Công đến mở bang hội ở thung lũng nơi giáp ranh giữa hai nước.

Bấy giờ mở bang hội phải có một đại thần đặc lực làm trợ thủ được gọi là "Tướng lễ", Lỗ Định Công liền cử tư khấu Khổng Tử đảm nhiệm việc này.

Khổng Tử tên Khuru, tự Trọng Ni, người nước Tống, do tổ tiên xảy ra xung đột với gia tộc Hoa Thị, nên buộc phải lánh nạn sang nước Lỗ, cha ở nước Lỗ vì lập chiến công nên được phong làm Ấp Đại Phu, khi Khổng Tử lên ba thì cha qua đời. Mẹ Khổng Tử là Ngạn Thị vì không chịu đựng được sự ức hiếp của gia tộc Khổng Thị, mới đem theo Khổng Tử đến sống ở Khúc Phụ.

Nước Lỗ là phong địa của Chu Công Đán thời kỳ đầu nhà Chu, còn bảo lưu khá nhiều lễ nghi phiền phức như cưới xin, ma chay, tế tổ v v, do chịu sự

ảnh hưởng của nền văn hóa cổ xưa này, nên Khổng Tử từ nhỏ đã có hứng thú đối với những lễ nghi này, ông thường bắt chước người lớn tham gia các nghi lễ, ông ham hỏi ham học và không biết mệt mỏi, nên rất tinh thông các lễ nghi của nhà Chu, tiếng tăm ngày một vang xa, có rất đông người đến xin theo học, do đó ông đã mở trường tư thục để dạy học.

Khi 35 tuổi, Khổng Tử sang nước Tề tuyên truyền với Tề Cảnh Công về đường lối chính trị của mình, Tề Cảnh Công muốn trọng dụng, nhưng thừa tướng Yến Anh thì cho rằng chủ trương của Khổng Tử không phù hợp với thực tế, không thể thực thi, nên Khổng Tử đành phải quay trở về nước Lỗ tiếp tục dạy học, cho mãi tới khi Lỗ Định Công lên ngôi, Khổng Tử mới được cử giữ chức Trung Đô Tể, năm sau được thăng làm Tư Khổng, lại điều làm Tư Khẩu, quyền Tể Tướng.

Lỗ Định Công đem việc Tề Cảnh Công hẹn mình đến lập bang hội nói lại với Khổng Tử. Khổng Tử nói rằng: "Nước Tề luôn luôn quấy nhiễu biên giới nước Sở ta, nay Tề vương hẹn với ta, ta không thể không phòng, mong đại vương hãy dẫn các Tư Mã đi theo". Lỗ Định Công nghe theo, bèn chỉ định hai vị Tư Mã cùng mình dẫn quân đi. Tại bang hội, do tài trí thông minh của Khổng Tử, khiến nước Lỗ giành được thắng lợi về mặt ngoại giao, Tổng Cảnh Công còn hoàn trả 3 nơi mà nước Tề trước đây đã lấn chiếm của nước Lỗ

Lê Sừ đại phu nước Tề cho rằng Khổng Tử làm quan ở nước Lỗ là điều bất lợi đối với nước Tề, mới bảo Tề Cảnh Công chọn 80 mỹ nữ và một ban nhạc đem tặng cho Lỗ Định Công, để ly gián Khổng Tử với Lỗ Định Công. Lỗ Định Công là một người hiếu sắc, suốt ngày chỉ uống rượu ăn chơi với đám mỹ nữ, không ngó ngàng gì tới việc triều chính, Khổng Tử vào cung khuyên ngăn thì nhà vua cũng lẩn tránh không gặp, các học trò của Khổng Tử thấy vậy đều khuyên ông từ chức, Khổng Tử cảm thấy mình ở lại nước Lỗ cũng chẳng làm nên trò trống gì, chi bằng đi sang các nước tuyên truyền chủ

trường chính trị lấy lễ trị nước của mình. Tức thì, ông đem theo học trò lên đường đi sang các nước.

Khổng Tử trước tiên sang nước Vệ, vua nước Vệ không mấy hữu hảo, lại còn nghi ngờ họ là gian tế và cử người theo dõi, Khổng Tử đành phải rời khỏi nước Vệ. Nhưng vì quá vội vàng nên một số học trò của ông bị thất lạc, trong số này có Tử Cống. Tử Cống vội vã đi khắp nơi tìm thầy thì có người mách bảo rằng: "Ở ngoài cửa đông tôi thấy có một người luống cuống như có nhà tang, không biết có phải là thầy của anh không?". Tử Cống nghe vậy liền vội vàng chạy ra cửa đông để tìm. Khổng Tử và học trò bê bết bụi đường về đến ngoại ô đô thành nước Tống, thấy trên bãi có một cây cổ thụ cành lá sum sê, Khổng Tử vô cùng thích thú liền bảo các học trò cùng diễn tập Chu lễ ở dưới gốc cây. Có người đem việc này mách với tư mã Hằng nước Tống, vị tư mã này rất căm ghét học thuyết của Khổng Tử liền tức tối mắng rằng: "Tên họ Khổng này thực là chẳng biết điều chút nào, sao hắn lại dám diễn trò cổ hủ này ngay trước mắt ta", tức thì bèn dẫn quân ra đuổi bắt.

Nhưng khi ra đến nơi thì Khổng Tử và đám học trò đã chạy trốn từ lâu. Khổng Tử dẫn học trò sang du lịch các nước Trần Sái, Sở Chiêu Vương cử người sang mời họ, nhưng khi họ về đến nước Sở thì Sở Chiêu Vương đã tin nghe lời đồn nhảm lại không trọng dụng Khổng Tử, Khổng Tử đành phải về nước Lỗ tiếp tục giảng dạy và viết ra các cuốn kinh điển như "Thi Kinh", "Dị Kinh", "Thường Thư", "Xuân Thu" v v.

Năm 479 trước công nguyên, Khổng Tử mất vào lúc 73 tuổi, các học trò của ông đã chỉnh lý ra các cuốn sách như "Luận Ngữ" v v, hình thành tư tưởng nhà nho, luôn luôn có ảnh hưởng đối với TQ và các nước trên thế giới.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Ngũ Tử Tư Quy Báo Sở Bình Vương Thù

Năm 527 trước công nguyên, Sở Bình Vương thấy nước Tấn ngày càng lớn mạnh, bèn quyết định liên hợp với nước Tần cùng đánh, mới cử đại phu Phí Vô Cực sang nước Tần cầu hôn cho thái tử Kiến, Tần Ai Công xét vì lợi ích nhà nước, bèn nhận lời gả em gái là Mạnh Doanh cho thái tử nước Sở.

Mạnh Doanh là một thiếu nữ nhan sắc, Sở Bình Vương thoát nhìn thấy nàng đã đem lòng say đắm, Phí Vô Cực là một tên tiểu nhân gian nịnh, khi đoán biết được ý của Sở Bình Vương mới nói rằng: "Nếu đại vương có ý với nàng, thì cứ giữ nàng ở lại là xong". Sở Bình Vương nghe vậy chính hợp với ý mình, liền giữ Mạnh Doanh ở lại trong cung, rồi đem người thị nữ của nàng gả cho thái tử Kiến. Sự việc này chẳng bao lâu bị lộ ra, Phí Vô Cực sợ thái tử Kiến biết, bèn xui Sở Bình Vương trục xuất thái tử ra khỏi Ảnh Đô, đi trấn giữ ở Thành Phụ. Phí Vô Cực còn chưa yên tâm, hăn lo ngại Sở Bình Vương một khi qua đời, thái tử Kiến mà lên nối ngôi thì tất báo thù mình, nên tìm đủ mọi cách để hãm hại thái tử, hăn thường xuyên khích bác trước mặt Sở Bình Vương rằng: "Nay đại vương cướp mất vợ của thái tử, thái tử tất thù oán đại vương, nay thái tử được sự trợ giúp của Ngũ Xa, đang khẩn trương chiêu binh mãi mã, ngày đêm thao luyện, để chuẩn bị sau này đánh về Ảnh Đô báo thù đại vương đó". Sở Bình Vương nghe xong bán tin bán nghi, bèn triệu Ngũ Xa đến quở trách.

Ngũ Xa là con trai của đại tướng Ngũ Cử, tính tình cương trực và một lòng trung thành với thái tử Kiến, ông cảm thấy Sở Bình Vương làm việc thật

quá đáng, và vô cùng căm ghét Phí Vô Cực, bèn nói thẳng trước mặt Sở Bình Vương rằng: "Đại vương cướp con dâu đã là một việc ngang trái, nay làm sao lại tin nghe lời đồn nhảm để tàn hại thân sinh cốt nhục của mình?". Sở Bình Vương xấu hổ đến bực tức, bèn giam Ngũ Xa vào ngục. Phí Vô Cực lại xui Sở Bình Vương phế bỏ thái tử Kiến và cử người sang ám sát thái tử. Cũng may thái tử Kiến biết trước việc này, vội đem theo công tử Thảng chạy trốn sang nước Tống. Phí Vô Cực biết Ngũ Xa có hai người con trai là Ngũ Thường và Ngũ Tử Tư, đều là kỳ tài văn võ kiêm toàn, nếu không nhổ cỏ tận gốc thì tất sinh hậu hoạn, mới lừa Sở Bình Vương bức Ngũ Xa viết thư cho hai người con trai, bảo họ đến Ảnh Đô để giết đi. Ngũ Thường vì thương cha vội đến Ảnh Đô, ít lâu sau thì hai cha con bị giết chết.

Ngũ Tử Tư không bị mắc lừa, chàng chạy trốn sang nước Tống tìm gặp thái tử Kiến, nhưng chẳng may nước Tống xảy ra nội loạn, hai người đành phải đem theo công tử Thảng chạy trốn sang nước Trịnh, yêu cầu Trịnh Định Công giúp mình báo thù, nhưng vua Trịnh không đồng ý, thái tử Kiến bèn ngấm ngầm câu kết với một số đại thần nước Trịnh, toan lật đổ Trịnh Định Công, rút cuộc sự việc bị bại lộ rồi bị giết chết. Ngũ Tử Tư vội vàng đem theo công tử Thảng chạy trốn sang nước Ngô. Trên đường đi vì sợ quân Trịnh đuổi theo, quân Sở chặn lối, nên phải đêm nấp ngày đi, mười mấy ngày sau mới đến Chiêu Quan, nơi giáp ranh giữa hai nước Sở Ngô.

Khi đến đây Ngũ Tử Tư mới cảm thấy lạnh gáy, trên cửa quan có treo tấm hình của mình, Sở Bình Vương đã sớm điều binh bày thành thiên la địa võng, kiểm tra rất cẩn mật, dù có cánh cũng không thể bay qua cửa ải. Ngũ Tử Tư đang chưa biết suy tính ra sao, thì vừa may có một cụ già tốt bụng tên là Đông Cao Công, rất đồng tình với cảnh ngộ của Ngũ Tử Tư, cụ dẫn Ngũ Tử Tư về nhà mình

ở lại mấy ngày và thịnh tình khoản đãi. Trong truyền thuyết có nói Ngũ Tử Tư vì quá lo nghĩ không ăn không ngủ được mấy ngày, nên râu tóc đều

bạc trắng. Đông Cao Công có một người bạn rất giống Ngũ Tử Tư, liền bảo ông này đi qua cửa ải trước thì bị bọn lính canh ải bắt giữ, còn Ngũ Tử Tư vì râu tóc bạc phơ nên đi qua ải trót lọt.

Ngũ Tử Tư và công tử Thảng đến thủ đô nước Ngô, tứ cố vô thân, đành phải ra thối tiêu ăn xin ở ngoài chợ. Thầy tướng Bì Ly thấy Ngũ Tử Tư tướng mạo堂堂 hoàng, nói năng cao nhã bèn tiến cử với vua Ngô và được phong làm đại phu. Bấy giờ, công tử Quang trong vương thất nhà Ngô đang âm mưu tiếm ngôi vua, Ngũ Tử Tư phát hiện vị công tử này là người tất thành nghiệp lớn, bèn tiến cử võ sĩ Chuyên Chư dùng dao găm trong bụng cá vào cung giết chết vua Ngô, công tử Quang lên nối ngôi, còn Ngũ Tử Tư được cử giữ việc quân sự nhà nước.

Năm 506 trước công nguyên, vua Ngô phong Tôn Vũ làm đại tướng, Ngũ Tử Tư làm phó tướng dẫn quân tiến đánh nước Sở, nước Sở bị thất bại thảm hại, bấy giờ Sở Bình Vương đã chết từ lâu. Ngũ Tử Tư đau đớn vì việc cha anh bị sát hại, bèn cho đào mộ Sở Bình Vương lên, rồi dùng roi quất vào xác hơn 300 roi cho hả giận.

Sau khi vua Ngô về đến đô thành Cô Tô, công đầu thuộc về Tôn Vũ, Tôn Vũ không muốn làm quan liền về quê sống ẩn dật, rồi viết ra cuốn "Tôn Tử Binh pháp", một trước tác quân sự nổi tiếng trong và ngoài nước. Còn Ngũ Tử Tư được phong làm tể tướng, giúp vua Ngô gây dựng cơ đồ bá nghiệp.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Sở Trang Vương Nhất Minh Kinh Nhân

Sau khi nước Sở bị nước Tấn đánh bại tại Thành Bộc ít lâu, Sở Thành Vương bị con trai là Thương Thần giết hại một cách tàn nhẫn. Thương Thần lên làm vua, tức Sở Mục Vương, nhà vua không cam chịu nước Sở mất đi địa vị bá chủ, liền áp dụng một loạt chính sách nước giàu binh mạnh, tăng cường huấn luyện binh mã. Nhưng trong lúc nhà vua chuẩn bị giao tranh, quyết một trận sống mái với nước Tấn, thì chẳng may bị bệnh đột ngột qua đời, con trai của nhà vua lên nối ngôi, tức Sở Trang Vương. Năm 631 trước công nguyên, nước Tấn nhân cơ hội nước Sở bận việc tang, đã thu nạp mấy nước nhỏ vốn phụ thuộc nước Sở, rồi kết thành đồng minh. Nước Sở nhận được tin này, các đại thần đều tới tấp yêu cầu nhà vua xuất binh để tranh bá với nước Tấn. Nhưng Sở Trang Vương vừa mới lên ngôi được ít lâu lại làm ngơ trước việc này, mà hàng ngày chỉ ăn chơi với đám quý phi, ban ngày thì du ngoạn săn bắn, đêm đến thì bày tiệc uống rượu, không mảy may để ý đến việc triều chính và cơ nghiệp bá chủ, mọi lời khuyên của các đại thần đều bỏ ngoài tai, tình trạng này cứ kéo dài mãi tới ba năm trời. Hơn nữa, nhằm được yên tĩnh hơn, nhà vua đã cho dựng một tấm biển gỗ trên viết: "Ai dám can ngăn thì chém chết".

Lệnh cấm tuy nghiêm, nhưng vẫn không thể nào đe dọa được các trung thần trong triều, đại thần Ngũ Cử sau khi trải qua suy nghĩ kỹ liền vào cung gặp Sở Trang Vương, đến nơi thì thấy nhà vua một tay ôm Trịnh Cơ, một tay ôm Sái Nữ, say ngất ngưỡng đang ngồi xem ca múa. Khi thấy Ngũ Cử đến liền nheo mắt hỏi rằng: "Đại phu đến đây muốn uống rượu hay vui chơi?".

Ngũ Cử đáp rằng: "Có người bảo thần đoán một câu đố, mà thần nghĩ mãi không ra, nên mới đến nhờ đại vương đoán giúp". Sở Trang Vương vội hỏi lại: "Câu đố gì mà khiến đại phu lại đoán không ra? Đại phu hãy nói ta nghe". Ngũ Cử chậm rãi nói: "Thủ đô nước Sở có một con chim lớn màu sắc rực rỡ, vô cùng đẹp đẽ, nó ung dung đậu trên đồi cao, đã ba năm trời không bay không hót, các văn võ trong triều đều không biết nó là loài chim gì?". Sở Trang Vương nghe xong đã hiểu rõ ngụ ý của Ngũ Cử, bèn cười đáp rằng: "Trẫm đoán ra rồi, đó không phải là một con chim bình thường, nó ba năm không bay, nhưng đã bay thì vút cao chọc trời. Nó ba năm không hót, mà đã hót thì khiến mọi người phải khiếp vía, khanh cứ chờ đấy mà xem". Ngũ Cử đã đoán biết được ý của Sở Trang Vương, liền vui vẻ lui ra.

Mấy tháng sau, con chim ấy vẫn im lặng như trước, không hót cũng không bay, suốt ngày đắm chìm trong tử sắc. Đại thần Tô Tông không thể nhìn được nữa, bèn khóc lóc đến gặp Sở Trang Vương, Nhà vua không hiểu ra sao liền hỏi rằng: "Tiên sinh làm sao lại thương tâm như vậy?". Tô Tông đáp: "Thần thương tâm là bởi mình sắp chết và nước Sở sắp bị diệt vong". Sở Trang Vương không hiểu bèn hỏi tại sao thì Tô Tông đáp: "Thần muốn khuyên nhưng đại vương không nghe, thì thần tất bị giết chết. Đại vương suốt ngày đam mê tử sắc, không coi việc triều chính, thì nước Sở bị diệt vong đã ở ngay trước mắt". Sở Trang Vương nổi giận mắng rằng: "Người rõ là muốn chuốc lấy cái chết, đã biết mà vẫn làm, thực là ngu ngốc đến cùng cực". Tô Tông đau đớn nói: "Thần tuy ngu ngốc nhưng đại vương còn ngu ngốc hơn thần, sau khi thần chết thì còn có tiếng thơm là trung thần, còn đại vương thì sao? Sau khi nước Sở bị diệt thì đại vương sẽ là một ông vua mất nước mà thôi".

Từ đó về sau, Sở Trang Vương quyết định lìa xa Trịnh Cơ và Sái Nữ, lập Phàn Cơ là phu nhân, chinh đốn nội chính, trọng dụng các trung thần Ngũ Cử, Tô Tông v v, đã bình định được cuộc nổi loạn của Đâu Việt Thúc, cũng trong năm đó đã thôn tính được các nước nhỏ xung quanh, mấy năm sau đánh bại được nước Tống. Năm thứ 8 lại đánh bại bộ tộc Nhung, tiến một mạch

đến ngoại ô Lạc Ung đô thành nhà Chu, rồi tổ chức một cuộc duyệt binh rầm rộ để uy hiếp nhà Chu. Chu Định Vương hoảng sợ bèn cử đại thần Vương Tôn Mãn đến úy lạo quân Sở. Trong lúc trò chuyện với Vương Tôn Mãn, Sở Trang Vương liền nhân tiện hỏi về trọng lượng và kích cỡ của 9 chiếc đỉnh trong hoàng thất nhà Chu, Vương Tôn Mãn tinh ý đã hiểu ngay chí hướng muốn chiếm đoạt thiên hạ nhà Chu của Sở Trang Vương mới khuyên rằng: "Sự giàu mạnh của một nước là nhờ vào phẩm hạnh và đạo đức của nhà vua, phải lấy đức trị nước, lấy đức phục người, hà tất phải đi hỏi đỉnh của người ta nặng nhẹ ra sao". Sở Trang Vương cảm thấy hiện còn chưa đủ thực lực để diệt nhà Chu, bèn điều vô dương oai một lúc rồi rút quân về.

Năm 597 trước công nguyên, Sở Trang Vương dấy binh đánh nước Trịnh, nước Tấn cử đại tướng Tuân Lâm Phụ dẫn quân sang giúp nước Trịnh, hai bên kịch chiến ở Giao Thành ven sông Hoàng Hà, cuối cùng quân Tấn bị thất bại thảm hại, người ngựa bị chết mất một nửa, còn một nửa tháo chạy ra bờ sông, vì thuyền ít người đông, rất nhiều người bị dón xuống nước. Đại phu Phan Đẳng khuyên Sở Trang Vương nên thừa thắng truy kích, để giết gọn quân Tấn thì Sở Trang Vương nói rằng: "Từ trận thất bại ở Thành Bộc, nước Sở ta không thể nào ngẩng mặt lên được, nay chúng ta đã thu được đại thắng, rửa được nhục xưa, thì hà tất còn giết nhiều người để làm gì".

Cuối cùng Sở Trang Vương đã trở thành bá chủ, cùng với Tề Hằng Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công được lịch sử gọi là "Xuân Thu Ngũ Bá".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tần Mục Công Tranh Bá

Sau khi Tấn Văn Công xưng bá, trong tay nắm giữ quyền tự do chinh phạt các nước chư hầu do Chu Tương Vương ban cho, bèn muốn báo thù các nước đã vô lễ với mình trong thời gian bị lưu vong, mà nước Trịnh là một trong số này.

Nước Trịnh nằm ở giữa các nước lớn, chẳng còn cách nào khác đành phải làm lành với Tấn, mà lạnh nhạt với Sở. Tấn Văn Công rất không vừa ý trước lối làm tráo trở này, liền liên hợp với nước Tấn tiến đánh nước Trịnh. Khi đang trên đường hành quân, Tần Mục Công nghe theo lời khuyên của đại thần nước Trịnh, xét vì trận đánh này sẽ chẳng mang lại lợi ích gì, chỉ a dua với người khác mà thôi, tức thì bèn kết bang với nước Trịnh, rồi rút quân trở về, để lại ba vị tướng quân dẫn 2000 quân mã giúp nước Trịnh canh giữ đô thành. Tấn Văn Công biết được tin này, trong lòng vô cùng khó chịu, nhưng vì nghĩ tới việc "Tần Tấn chi hảo", nên cũng không nổi trở mặt.

Ít lâu sau, Tấn Văn Công tạ thế, nước Tấn trong một lúc không đủ sức lực tranh bá với nước Tần. Tần Mục Công được biết Kỷ Tử- một viên tướng ở lại giúp nước Trịnh, đã nắm trong tay chiếc chìa khóa vào cửa bắc thành đô nước Trịnh, thì cho rằng thời cơ đã tới, không nghe theo lời khuyên và sự phản đối của các đại thần Kiến Thúc và Bách Lý Hề, một mực dẫn quân chinh phạt nước Trịnh. Nhưng nước Trịnh được một lái buôn báo trước việc này, bèn trục xuất các tướng sĩ nước Tần trước kia ở lại giúp nước Trịnh, nên quân nước Tần đành phải quay trở về. Trên đường về cứ tung tin là quân

nước Tần đã tiêu diệt được nước Dung Hoạt phụ thuộc nước Trịnh, khiến nước Tấn vô cùng bức tức, do đó quân nước Tần về đến nửa đường thì bị quân Tấn phục kích, toàn bộ bị tiêu diệt. Sau trận đánh này, Văn Doanh mẹ của Tấn Tương Công nguyên là công chúa nước Tần, được biết ba vị đại tướng quân của nước Tần là Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật và Bạch Ất Bình bị quân Tấn bắt làm tù binh, mới đến nói với Tấn Tương Công rằng: "Hai nước Tần Tấn kết giao với nhau vốn rất hữu hảo, đám võ phu Mạnh Minh Thị hiếu thắng đã phụng hại đến hòa khí giữa hai nước, nếu giết ba người này thì e sẽ khoét sâu thêm mối hận thù giữa hai nước, chi bằng thả họ về để vua nước Tần trừng trị chúng có hơn không?". Tấn Tương Công nghe theo lời khuyên của mẹ, liền thả ba người này ra.

Tần Mục Công được biết ba người được tha về nước, liền mặc áo vải thô ra ngoài thành nghênh đón, nhà vua không những không trị tội họ, ngược lại còn chủ động nhận lỗi về trận thất bại này, và cho họ tiếp tục nắm quyền chỉ huy và thao luyện quân đội. Ba tướng này vô cùng cảm động, bèn đem hết tài sản ra giúp đỡ những gia đình các binh sĩ tử trận.

Năm 625 trước công nguyên, Mạnh Minh Thị dẫn quân sang đánh nước Tấn. Vua nước Tấn vốn biết nước Tần sớm muộn cũng sang báo thù, nên đã chuẩn bị sẵn. Tấn Tương Công cử nguyên soái Tiên Thả (Tức con của Tiên Chấn) dẫn quân ra nghênh chiến, hai đạo quân chạm trán nhau tại Bành Nha, rút cuộc Tần bị thất bại thảm hại. Mùa thu năm đó, nước Tấn lại liên hợp với ba nước Tống, Trần, Trịnh đánh sang biên giới nước Tần, Mạnh Minh Thị lệnh cho quân sĩ chỉ canh giữa thành, chứ không được giao chiến, nhưng rút cuộc vẫn bị quân Tấn cướp mất hai thành trì.

Qua việc này, quân Tần trên dưới ai nấy đều oán trách Mạnh Minh Thị hèn nhát, các nước nhỏ ở xung quanh thấy nước Tần thất bại liên tiếp, đều nối tiếp nhau xa lìa nước Tần, không chịu sự quản thúc của nước Tần nữa.

Mùa hè năm 624 trước công nguyên, Mạnh Minh Thị lại tuyển lựa binh

mã tinh nhuệ nhất trong cả nước, chuẩn bị 500 cỗ chiến xa để mở một trận quyết chiến với nước Tấn. Tần Mục Công càng bội phần tin tưởng, đã chi ra rất nhiều lương thực và gấm vóc thưởng cho gia đình các binh sĩ. Nỗi nhục bao năm và sự khích lệ đã khiến ý chí chiến đấu của các tướng sĩ càng thêm sôi sục.

Sau khi quân Tần vượt qua sông Hoàng Hà, nhằm khích lệ quyết tâm tất thắng của các tướng sĩ, Mạnh Minh Thị đã ra lệnh đốt hết thuyền bè. Các tướng thấy không còn đường rút lui liền dũng mãnh xông pha chém giết, thế mạnh như chẻ tre đánh thẳng hết trận này đến trận khác, không những chiếm lại được trận địa, mà còn đoạt được mấy thành trì lớn của nước Tấn. Tấn Tương Công thấy thế quân Tần quá mạnh, bèn ra lệnh cho quân Tấn chỉ kiên trì phòng thủ, chứ không ra nghênh chiến. Mấy ngày sau có người nói với Tần Mục Công rằng: "Nay quân Tấn đã chịu thua không ra giao chiến, nỗi nhục ba năm của chúng ta coi như đã trả, chi bằng ta nhân cơ hội này đến nơi chôn cất các tướng sĩ tử trận năm xưa để rửa nỗi nhục này". Tức thì, Tần Mục Công thống lĩnh đại quân đến nơi xảy ra trận chiến năm xưa, để tưởng niệm các tướng sĩ tử trận.

Năm 623 trước công nguyên, Tần Mục Công thân chinh dẫn quân tiêu diệt 12 Tây Nhung, biên giới mở rộng nghìn dặm, và trở thành bá chủ các nước chư hầu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Công Tử Trọng Nhĩ Lưu Vong

Khi tuổi về già, Tấn Hiến Công chiều chuộng ái phi Ly Cơ, muốn lập con nàng là Khê Tề làm Thái tử, liền bức chết nguyên Thái tử Thân sinh. Hai người con riêng của Tấn Hiến Công là Di Ngô và Trọng Nhĩ thấy Thái tử bị bức hại liền bỏ trốn sang nước khác lánh nạn.

Trọng Nhĩ là người rất có danh vọng tại nước Tấn, khi chàng đi lánh nạn đã có các văn võ tinh anh như Hồ Mao, Hồ Yển, Triệu Suy, Tiên Chấn, Giới Tử v v đi theo. Trọng Nhĩ sống nhờ ở nước Cảnh được 12 năm, sau vì bị Tấn Huệ Công cử người sang ám sát, chàng lại phải trốn sang nước Tề. Khi chàng đi ngang qua nước Vệ, Vệ Văn Công cho rằng chàng là một công tử vận đen nên không tiếp đãi, khiến chàng phải vừa đi vừa ăn xin suốt dọc đường. Khi đoàn người đến một nơi gọi là Ngũ Lộc, thì thấy một đám nông phu đang ăn cơm trên bờ ruộng, thì cảm giác đói lại càng thêm cồn cào khó chịu, mới đến xin ăn với họ. Có một nông phu giều cọt liền bốc một nắm bùn đưa cho họ. Trọng Nhĩ rất tức giận, định bảo người đem roi quất nông phu kia, thì đại thần Hồ Yển vội vàng ngăn lại, nhận lấy nắm bùn và nói rằng: "Có đất là có nước, đất là tượng trưng cho quốc gia, đây há chẳng phải thượng thiên ban điềm lành cho Công tử ư?". Trọng Nhĩ nghe vậy đành phải làm thinh, cười khóc không được tiếp tục lên đường.

Khi đến nước Tề, Tề Hảng Công thiết tiệc khoản đãi Trọng Nhĩ và đem con gái công tộc là nàng Tề Khương gả cho chàng. Trọng Nhĩ ở lại nước Tề được 7 năm và không còn muốn đi đâu nữa, nhưng các đại thần đi theo chàng

lại mong muốn trở về nước Tấn, để giúp chàng làm nên sự nghiệp. Một hôm, họ họp mặt trong vườn dâu để bàn cách đưa chàng về nước, thì bị một thị nữ đang hái dâu trên cây nghe được, rồi đến mách với Tề Khương. Nàng mới hỏi Trọng Nhĩ rằng: "Nghe nói, chàng nay mai sắp trở về nước Tấn?". Trọng Nhĩ chối đây đẩy: "Nàng nghe ai nói vậy? Làm gì có việc đó?". Tề Khương liền khuyên rằng: "Tôi không phản đối chàng về nước, chàng cứ yên phận sống ở đây cũng chẳng được tích sự gì, chi bằng sớm trở về làm nên sự nghiệp có phải tốt hơn không?". Nhưng Trọng Nhĩ nào có chịu nghe theo. Không còn cách nào khác, nàng Khương Tề bèn chuốc rượu cho chàng uống say rồi vục lên xe. Đợi đến khi Trọng Nhĩ tỉnh rượu thì đoàn người đã rời xa nước Tề, chàng lại phải tiếp tục lưu vong.

Trọng Nhĩ cùng đoàn người đi sang nước Tào, Tào Cộng Công và Vệ Văn Công đều rất khinh thường Trọng Nhĩ liền đuổi chàng ra khỏi biên giới. Đoàn người lại phải chạy sang nước Tống. Nước Tống lúc bấy giờ đã bị thiệt hại quá nặng bởi cuộc chiến tranh với nước Sở, không đủ sức lực để giúp đỡ Trọng Nhĩ, chàng lại phải rời nước Tống sang nước chạy sang nước Trịnh, Trịnh Văn Công vì vừa kết bang với nước Sở, nên cũng không muốn tiếp đãi, nên chàng lại đành phải rời nước Trịnh chạy sang nước Sở.

Khi tới nước Sở, Trọng Nhĩ được Sở Thành Vương dùng nghi lễ nhà vua đón tiếp. Một hôm, trong khi dự tiệc, Sở Thành Vương nửa đùa nửa thật hỏi Trọng Nhĩ rằng: "Nếu tôi đưa được công tử về nước, thì sẽ lấy gì đền đáp tôi?" Trọng Nhĩ cười đáp rằng: "Ân đức của đại vương không thể lấy kim ngân tài vật để báo đáp. Nhờ hồng phúc đại vương mà tôi được trở về nước Tấn chấp chính, thì tôi sẽ khiến hai nước chung sống hòa mục. Nếu một khi hai nước xảy ra tranh chấp vì lợi ích của mình, thì tôi sẽ rút quân lui về 90 dặm để báo đền ân đức của đại vương". Sở Thành Vương nghe xong chỉ cười nhạt, thì đại tướng Thành Đắc Thần đang ngồi bên đã tức đến nghiến răng nghiến lợi. Đến khi tiệc tan, Thành Đắc Thần mới nói với Sở Thành Vương rằng: "Trọng Nhĩ nay đã ngông như thế, thì rõ là phường vong ơn bội nghĩa,

chi bằng giết quách hản đi để tránh hậu hoạn". Nhưng cũng may là Sở Thành Vương không đồng ý làm như vậy. Ít lâu sau, Tần Mục Công sai người sang đón Trọng Nhĩ, Sở Thành Vương bèn tiện thể tiễn Trọng Nhĩ cùng đoàn người sang nước Tần.

Tần Mục Công năm xưa từng giúp công tử Di Ngô về nước lên làm vua, nhưng không ngờ Di Ngô lấy ân làm oán trở mặt với nước Tần, giữa hai nước từng xảy ra chiến tranh. Sau khi Tấn Huệ Công mất, còn là Hoài Công kế vị vẫn tiếp tục đương đầu với nước Tần. Do đó, Tần Mục Công mới quyết định giúp công tử Trọng Nhĩ về nước lên làm vua, và gả con gái của mình là Văn Doanh cho Trọng Nhĩ, trở thành "Tần Tấn chi hảo".

Năm 636 trước công nguyên, Tần Mục Công cử quân hộ tống Trọng Nhĩ về nước, chẳng bao lâu thì phá vỡ đô thành nước Tấn, Tấn hoàn Công bị đâm chết, dân nước Tấn cùng lập Trọng Nhĩ lên làm vua, tức Tấn Văn Công.

Trọng Nhĩ sống lưu vong tại nước ngoài 19 năm trời, lần lượt đi khắp 8 nước chư hầu, mãi đến năm 62 tuổi mới lên làm vua. Ông chinh đốn chính trị, phát triển sản xuất, khiến nước Tấn nhanh chóng trở nên giàu mạnh. Về sau, trải qua cuộc chiến mang tính quyết định ở Thành Bô, Tấn Văn Công Trọng Nhĩ cuối cùng đã trở thành bá chủ Trung Nguyên.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tổng Tương Công Ngu Xuân

Khi tuổi về già, Tề Hằng Công bắt đầu sủng tín ba tên gian nịnh Dị Nha, Thụ Điều và Khai Phương, nhất là sau khi Quản Trọng qua đời, ba tên này lại càng ngông cuồng, chẳng coi luật pháp và nhà vua vào đâu. Đến khi Tề Hằng Công băng hà, chúng bèn chỉ định công tử Vô Khuy lên nối ngôi, còn công tử Chiêu người được Tề Hằng Công lúc sinh thời lập làm Thái Tử đành phải chạy trốn sang nước Tống, mong được Tổng Tương Công cứu giúp.

Tổng Tương Công thấy nước Tề xảy ra lục đục, đã có ý nhân dịp này đoạt ngôi bá chủ, nay lại thấy Thái Tử Chiêu đến cầu cứu, thì quả cơ hội ngàn năm có một, bèn nhanh chóng đáp lời ngay. Sau đó, Tổng Tương Công thông báo cho các nước chư hầu, điều binh đến cùng hộ tống Thái Tử Chiêu về nước lên nối ngôi vua. Nhưng vì Tổng Tương Công chẳng có mấy uy tín, nên chỉ có ba nước Vệ, Tào, Châu dẫn quân đến giúp. Tổng Tương Công chỉ huy liên quân bốn nước tấn công vào nước Tề. Do nước Tề đang trong nội loạn, không đủ sức chống đỡ, các đại thần nước Tề đành sát hại công tử Vô Khuy, ra đầu hàng liên quân, cùng lập Thái Tử Chiêu lên ngôi vua, tức Tề Hiếu Công.

Tổng Tương Công muốn mượn thế lực nước lớn để bức các nước nhỏ thuần phục mình, thì đại thần công tử Mục Di cho rằng: "Làm như vậy thật không ổn, Tống là một nước nhỏ, được làm bang chủ đối với nước Tống mà nói thật chẳng có ích lợi gì". Tổng Tương Công vẫn một mực không chịu nghe theo. Năm 639 trước công nguyên, Tổng Tương Công cho mời Tề Hiếu Công đến để cùng nước Sở bàn định lập hội đồng minh, để hai nước này ủng

hộ mình làm bá chủ. Tề Hiếu Công tuyệt đối đồng ý, còn Sở Thành Vương bề ngoài bày tỏ nhận lời, và hẹn đến mùa thu năm đó tổ chức hội đồng minh các nước chư hầu tại Mạnh Địa nước Tống.

Đến hôm đó, Tống Tương Công và Sở Thành Vương tranh cãi nhau về việc ai làm chủ đồng minh, do nước Sở thế lực lớn mạnh, nên nhiều nước chư hầu đều vào hòa với nước Sở, Tống Tương Công không chịu toan tranh cãi nữa, thì bị các quan chức nước Sở liền xúm vào bắt trói lại, rồi lập Sở Thành Vương làm chủ đồng minh. Sau nhờ được các nước khuyên giải, nên Tống Tương Công mới được tha ra.

Tống Tương Công vô cùng phẫn uất, liền trút mối căm giận lên đầu nước Trịnh lệ thuộc nước Sở. Năm 638 trước công nguyên. Tống liên hợp với các nước Vệ, Hứa v v cùng tiến đánh nước Trịnh, Trịnh đương nhiên phải cầu cứu với nước Sở. Sở Thành Vương lập tức điều quân đánh thẳng vào nước Tống, khiến Tống Tương Công hoảng hốt phải dẫn quân về giải cứu, khi quân Tống về đến Hồng Thủy thì chạm trán với quân Sở.

Đại tư mã Công Tôn Cỗ khuyên Tống Tương Công rằng: "Quân ta yếu, quân Sở mạnh, ta thật khó mà đánh thắng được, chi bằng ta cùng nước Sở giảng hòa thì hơn". Tống Tương Công vẻ tự đắc nói: "Ta là đạo quân nhân nghĩa, bất nghĩa thì làm sao thắng được chính nghĩa". Nhưng quân Sở binh hùng tướng mạnh cơ bản chẳng coi quân Tống vào đâu, họ vượt qua sông giữa ban ngày tiến đánh quân Tống. Công Tôn Cỗ thấy quân Sở đang mài miết qua sông, biết đây là thời cơ tấn công tốt nhất, mới khuyên Tống Tương Công nên nhân khi quân Sở qua sông được một nửa thì ủa vào chém giết quân Sở, thì tất giành được toàn thắng. Nhưng nào ngờ Tống Tương Công lại nói rằng: "Người ta còn chưa qua sông, mà đã đánh người ta thì thực là vô đạo đức, quân ta còn gì là đạo quân nhân nghĩa nữa?". Do đó, quân Sở nhanh chóng qua sông dàn thành thế trận, rồi tràn sang như nước vỡ bờ, quân Tống nhỏ yếu làm sao có thể chống đỡ nổi, Tống Tương Công vội chạy trốn thì bị

một mũi tên bắn vào đùi, may được các tướng lĩnh thí mạng cứu hộ, mới bảo toàn được tính mệnh.

Tổng Tương Công bỏ chạy thực mạng về đến Tổng đô Tuy Dương, ai nấy đều bàn tán oán trách Tề Tương Công tuyên chiến với nước Sở là một sai lầm, mà trận đánh cũng thật là hèn nhát. Công tử Mục Di mới đem ý kiến của mọi người nói lại với Tổng Tương Công, nhưng mãi đến lúc này Tổng Tương Công vẫn còn ôm ấp lý luận nhân nghĩa của mình và nói: "Đoàn quân nhân nghĩa thì phải lấy đức phục người, không được lợi dụng lúc người ta nguy khốn. Thấy kẻ bị thương thì không thể lại làm bị thương người ta. Thấy người râu tóc bạc phơ không được bắt. Đó mới gọi là: Quân tử bất trọng thương, bất cầm nhị mao". Công tử Mục Di nghe xong khóc dở mếu dở, liền bực tức nói: "Đánh trận là nhằm chiến thắng kẻ thù, nếu lo làm bị thương kẻ thù thì còn đánh trận làm gì, gặp người già không được bắt thì bản thân mình đi làm tù binh cho xong".

Tổng Tương Công vì quá uất ức nên chưa đầy một năm thì qua đời, trước khi nhắm mắt mới dặn lại Thái tử rằng: "Công tử Trọng Nhĩ nước Tấn là một nhân vật ghê gớm, tương lai nhất định làm bá chủ. Sau này báo thù cho ta, chiến thắng nước Sở, đều là nhờ ở người này.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tề Hằng Công Cứu Hợp Chư Hầu

Theo đà nước Tề ngày một lớn mạnh, thì dã tâm làm bá chủ chư hầu của Tề Hằng Công cũng ngày càng mạnh mẽ.

Một hôm, Tề Hằng Công hỏi Quản Trọng rằng: "Nay nước Tề ta binh hùng tướng mạnh, lương thực đầy đủ, phải chăng đã có thể hội hợp chư hầu, để cùng nhau lập ra bang ước?". Quản Trọng nói: "Chúng ta lấy tư cách gì để hợp chư hầu, mọi người đều cùng là chư hầu của nhà Chu cả, thì còn ai chịu phục ta? Nay Chu Thiên Tử tuy yếu thế, nhưng dù sao cũng vẫn là Thiên Tử, ai dám cao hơn Thiên Tử nào?". Quản Trọng nói xong bèn kiến nghị Tề Hằng Công nên mượn danh nghĩa "Tôn Vương nhường Di", để thiết lập địa vị bá chủ ở Trung Nguyên. Đó chính là tôn Chu Thiên Tử làm lãnh tụ, liên hợp các đạo chư hầu lại cùng chống cự với các bộ lạc Man, Di thường xâm lấn Trung Nguyên, sau này ai có khó khăn thì mọi người cùng giúp, ai ngang bướng thì cùng thảo phạt". Tề Hằng Công nghe xong vô cùng mừng rỡ, mới hỏi Quản Trọng nên bắt đầu từ đâu. Quản Trọng đáp rằng: "Hãy bắt đầu từ việc Thiên Tử mới lên kế vị, chúa công hãy cử đại thần sang chúc mừng Thiên Tử, rồi tiện thể nêu ra kiến nghị, nói nước Tống hiện đang xảy ra nội loạn, Tống Hằng Công vừa lên ngôi vua nhưng địa vị còn chưa vững, trong nước rối loạn không yên. Nên mong Thiên Tử ra lệnh xác định rõ địa vị đế vương của Tống Hằng Công. Như vậy trong tay chúa công có mệnh lệnh của Thiên Tử, thì mới có thể triệu tập chư hầu, lập ra bang ước, làm như thế thì còn ai dám phản đối nữa?". Tề Hằng Công nghe xong gật đầu tán thành, liền quyết định làm theo ý này.

Bấy giờ, vương triều nhà Chu chỉ còn là cái xác không, các chư hầu cơ bản không quan tâm đến công việc của Thiên Tử. Chu Ly Vương vừa mới lên ngôi, thấy có sứ thần của một nước lớn như nước Tề đến chúc mừng, đương nhiên là vô cùng mừng rỡ, bèn ủy thác cho Tề Hăng Công việc triệu tập chư hầu và xác định địa vị đế vương của Tống Hăng Công.

Năm 681 trước công nguyên, Tề Hăng Công thừa lệnh Chu Thiên Tử, thông báo với các chư hầu, hẹn ngày 1 tháng 3 thì đến dự bang hội ở Bắc Hạng của nước Tề, để cùng nhau xác định địa vị của vua nước Tống. Nhưng vì bấy giờ Tề Hăng Công còn chưa có mấy uy tín, nên chỉ có bốn nước chư hầu là Tống, Trần, Châu và Sái đến dự. Còn các nước Lỗ, Vệ, Trịnh, Tào v v thì đều im lặng để chờ đợi xem sao. Tề Hăng Công cảm thấy rất khó xử, định thay đổi lại ngày hẹn thì Quản Trọng khuyên rằng: "Bang hội lần đầu tiên không thể thất tín. Nay đã có bốn nước tới đây, thì có thể mở hội đúng thời hạn". Năm nước chư hầu hội kiến xong, đều nhất trí đề cử Tề Hăng Công làm bang chủ và lập ra bang ước.

Sau bang hội, Tề Hăng Công dẫn quân tiêu diệt nước Toại, sau đó lại đánh bại hai nước Lỗ và Trịnh, bức họ phải cầu hòa. Năm 679 trước công nguyên, Tề Hăng Công lại hẹn với các nước mở bang hội ở Tăng Địa, lần này các nước chư hầu trên cơ bản đã thừa nhận địa vị bá chủ của Tề Hăng Công. Sau khi Tề Hăng Công làm bá chủ, các chư hầu đều định kỳ tiến cống, duy có nước Sở thuộc miền đất hoang vu ở miền nam, vì không có quan hệ vãng lai với các chư hầu ở Trung Nguyên, nên sau khi lớn mạnh lên thì thủ lĩnh của họ đã coi khinh cả thiên tử, tự xưng là "Sở Vương".

Năm 656 trước công nguyên, Tề Hăng Công hợp quân 7 nước Tống, Lỗ, Vệ, Trịnh, Trần, Tào và Hứa để thảo phạt nước Sở. Sở Thành Vương được tin bèn lập tức điều động quân mã để kháng cự, rồi cử sứ giả đến trách hỏi Tề Hăng Công rằng: "Sở ở miền nam, Tề ở phương bắc, hai nước không có quan hệ vãng lai, nay có sao lại đến xâm phạm chúng tôi?". Quản Trọng liền hỏi

lại rằng: "Tuy hai nước cách xa nhau, nhưng chúng tôi đều là chư hầu do thiên tử phong, ban đầu khi Vũ Vương chia phong, đã từng ủy quyền cho Tề Thái Công, là nếu chư hầu không phục tùng Thiên Tử, thì nước Tề có quyền trừng phạt. Nay nước Sở đã lâu không tiến cống Thiên Tử là có làm sao?". Sứ giả nói: "Mấy năm không tiến cống là lỗi tại chúng tôi, sau này chúng tôi nhất định sẽ tiến cống như trước". Khi sứ giả ra về rồi, Tề Hằng Công vẫn không tin nước Sở sẽ ngoan ngoãn chịu thua như vậy, bèn cùng các chư hầu nhổ trại tiến quân vào Triệu Lăng. Sở Thành Vương không hiểu ra sao, lại cử đại thần Khuất Hoàn đến hỏi xem sao. Nhằm phô trương thanh thế của mình, Tề Hằng Công liền mời Khuất Hoàn cùng ngồi xe đến kiểm duyệt liên quân Trung Nguyên, quả là uy vũ hùng tráng, tinh binh lương đủ. Tề Hằng Cao ra về tự đắc nói với Khuất Hoàn rằng: "Quân đội chúng tôi mạnh mẽ như vậy, thì làm sao lại không thắng trận?". Khuất Hoàn ngang nhiên đáp rằng: "Quân Hầu phù trợ Thiên Tử, cứu khổ giúp yếu, chúng tôi đương nhiên rất khâm phục, đằng này ông diễu võ dương oai, cậy thế hiếp đáp người, nước Sở chúng tôi tuy không hùng mạnh, nhưng chúng tôi sẽ dựa vào thành lũy và hào nước Hán Thủy tác chiến, binh lính của ông dù có đông đến mấy, thì đã chắc gì đánh thắng được".

Tề Hằng Công thấy Khuất Hoàn trả lời cứng rắn như vậy, biết là không thể dễ dàng đánh thắng được nước Sở, hơn nữa nước Sở đã nhận lỗi và hứa sẽ tiếp tục tiến cống, thì nên làm dịu đi là hơn. Tức thì các nước chư hầu và nước Sở cùng lập bang ước, rồi ai nấy kéo quân về.

Ít lâu sau, vương triều nhà Chu xảy ra nội loạn, Tề Hằng Công giúp Thiên Tử dẹp yên nội loạn lên ngôi vương vị, tức Chu Tương Vương. Tề Hằng Công lại tụ họp các chư hầu ở Quỳ Khưu nước Tống, một lần nữa đặt ra bang ước. Đây là lần thứ 9, và cũng là lần cuối cùng. Do đó trong lịch sử mới gọi quá trình xưng bá của Tề Hằng Công là "Cửu hợp chư hầu".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Quản Bào Chi Giao

Sau khi Chu Bình Vương dời đô về Lạc Ấp rồi dựng nên triều Đông Chu. Trong lịch sử được chia làm hai thời kỳ "Xuân Thu" và "Chiến Quốc".

Thời Xuân Thu, vương triều nhà Chu suy thoái, tuy triều đình còn có Thiên Tử chí cao vô thượng, nhưng đó chẳng qua là trên danh nghĩa mà thôi, các chư hầu tương đối lớn mạnh đã mượn danh nghĩa bảo hộ Chu Thiên tử, không ngừng xảy ra các cuộc hỗn chiến và thôn tính lẫn nhau, để mở rộng phạm vi thế lực của mình, đạt tới mục đích xưng bá. Tề là nước xưng bá đầu tiên trong thời gian này, nước Tề nằm trên bán đảo Sơn Đông hiện nay, địa phận tương đối rộng lớn, vật sản phong phú và sản xuất tương đối phát triển. Ngoài các điều kiện do trời phú ra, còn có một nhân tố hết sức quan trọng đã khiến Tề Hăng Công được làm bá chủ, đó là nhờ sự trợ giúp của hiền tướng Quản Trọng, do Bào Thúc Nha tiến cử cho Tề Hăng Công.

Quản Trọng đã từng nói rằng: "Người sinh ra tôi là cha mẹ, còn người hiểu biết về tôi là Bào Thúc Nha". Quản Trọng và Bào Thúc Nha là đôi bạn tri kỷ, ban đầu họ cùng nhau làm ăn buôn bán, khi chia tiền lãi thì bao giờ Quản Trọng cũng được nhiều hơn, nhưng Bào Thúc Nha không cho rằng Quản Trọng tham của, vì ông biết rất rõ gia đình Quản Trọng tương đối khó khăn. Một hôm, nhà Bào Thúc Nha gặp việc khó xử, liền mời Quản Trọng đến giải quyết hộ, Quản Trọng đã vạch ra mấy cách giải quyết, nhưng Bào Thúc Nha làm theo đều bị thất bại, Bào Thúc Nha không cho rằng mấy cách làm này không đúng, mà là do mình vận dụng thời cơ chưa đúng mà thôi.

Quản Trọng đã từng dẫn quân đi đánh giặc, nhưng khi đến nửa đường thì lại trốn về nhà, nhưng Bào Thúc Nha không cho Quản Trọng là người ham sống sợ chết, mà cho rằng đây là Quản Trọng tự biết bảo vệ mình để phụng dưỡng cha mẹ. Bào Thúc Nha luôn luôn che chở cho Quản Trọng, bởi lẽ ông biết rất rõ Quản Trọng là một nhân tài trị nước rất hiếm có.

Năm 686 công nguyên, nước Tề xảy ra nội loạn, Tề Tương Công u mê vô đạo bị đại thần Công Tôn Vô Chi giết chết, hai người anh em của Tề Tương Công, một là công tử Củ học trò của Quản Trọng, bấy giờ đang sống ở nước Lỗ, còn một là công tử Bạch học trò của Bào Thúc Nha đang ở nước Cự, hai người được tin Tề Tương Công bị giết, đều vội vàng về nước để chiếm đoạt ngôi vua.

Lỗ Trang Công vua nước Lỗ quyết định đích thân hộ tống công tử Củ về nước, Quản Trọng mới hiến kế cho Lỗ Trang Công rằng: "Nước Cự rất gần với nước Tề, nếu để công tử Bạch về nước trước thì rắc rối to, không bằng đợi tôi đi đón đường giết chết hắn đi". Sự việc quả đúng như dự đoán, Quản Trọng dẫn quân chặn ngang đoàn người đang dẫn công tử Bạch về nước, rồi dương cung đặt tên bắn sang, chỉ nghe công tử Bạch rú lên một tiếng, miệng phun ra máu rồi gục chết trong xe.

Quản Trọng thấy vậy vội sai người về báo với Lỗ Trang Công. Lỗ Trang Công được tin bèn thông thả hộ tống công tử Củ tiến về Tề đô Lâm Truy, đoàn người sáu ngày sau mới đến nơi, nhưng nào ngờ công tử Bạch đã về nước trước và lên làm vua, tức Tề Hằng Công.

Thực ra thì công tử Bạch chưa chết, mũi tên chỉ bắn trúng tà áo, nhưng công tử sợ Quản Trọng lại bắn tiếp, nên vội cắn lưỡi cho chảy máu ra, rú lên một tiếng rồi ngã vật xuống giả vờ chết, sau đó mới cùng Bào Thúc Nha đi đường tắt về Lâm Truy lên làm vua.

Lỗ Trang Công thấy vậy vô cùng tức giận, liền khởi binh tiến đánh nước

Tề, nhưng bị quân Tề đánh cho đại bại, đuổi đến gần biên giới Tề Lỗ, dưới sức ép to lớn của nước Tề, Lỗ Trang Công buộc phải đáp ứng điều kiện, giết chết công tử Củ, bắt giam Quản Trọng rồi đem giải về nước Tề. Bào Thúc Nha đón Quản Trọng về nhà mình rồi lập tức vào cung nói với Tề Hăng Công rằng: "Quản Trọng là một nhân tài trụ cột, dù là việc trị nước an bang, hay dùng binh bố trận, tôi thực kém xa ông ta bội phần, nếu chúa công trọng dụng ông ta, thì việc bá nghiệp của chúa công tất thành công". Tề Hăng Công nghe xong bèn lạnh lùng nói: "Mũi tên của Quản Trọng xuýt nữa cướp mất mạng ta, ta làm sao lại có thể trọng dụng hắn được?". Bào Thúc Nha lại nói: "Hai bên đối trận, mỗi bên đều lo vì chủ mình. Lúc bấy giờ Quản Trọng là sư phụ của công tử Củ, ông ta bắn chúa công chính là ông ta trung thành với công tử Củ. Nay nếu chúa công tha thứ, để ông ta làm thần tử của chúa công, thì ông ta cũng sẽ trung thành với chúa công như vậy".

Tề Hăng Công nghe theo, liền thân hành đi đón Quản Trọng, khiêm tốn thỉnh giáo sách lược trị quốc an bang, xưng bá chư hầu. Tề Hăng Công phong Quản Trọng làm khanh, coi quản việc quốc chính.

Nhờ sự trợ giúp của Quản Trọng, Tề Hăng Công đã tiến hành chinh đồn nội chính và cải cách, khiến nước Tề ngày một lớn mạnh, đặt nền tảng vững chắc cho nhà vua xưng bá.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Phong Hỏa Hí Chư Hầu

Khi tuổi về già, Chu Tuyên Vương bắt đầu đắm chìm trong tửu sắc, không chăm lo tới công việc triều chính, giết hại người vô tội, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của các chư hầu, nên cuối cùng bị thù địch bắn chết.

Sau khi Chu Tuyên Vương chết, con trai là Cung Niết lên nối ngôi (Tức U Vương). U Vương lại càng là một tên hôn quân vô đạo, suốt ngày đắm mình trong tửu sắc, thường mấy tháng trời không trông coi việc triều chính. Đại thần Bao Tượng thấy Thiên Tử u mê hoang đường như vậy, đã nhiều lần khuyên ngăn, nhưng U Vương chẳng những không chịu nghe theo, ngược lại còn bắt Bao Tượng giam vào nhà lao đến ba năm trời, bị dày vò vô cùng khổ nhục. Nhằm cứu Bao Tượng ra khỏi nhà lao, người nhà ông đã tìm đủ mọi cách, nhưng vẫn chẳng có kết quả gì, sau nghe nói U Vương đang cho người đi các nơi tìm kiếm mỹ nữ, họ liền về nông thôn tìm mua một cô gái nhan sắc, biết múa lại biết hát, sau đó trang điểm và ăn mặc rất sang trọng, đặt tên là Bao Tự, đem dâng cho U Vương để chuộc tội cho Bao Tượng.

U Vương thấy Bao Tự đẹp như tiên thì tâm hồn mê mẩn, bèn lập tức ra lệnh thả Bao Tượng ra. Nhà vua bội phần say mê và chiều chuộng Bao tự, nàng muốn gì được nấy, muốn sao được vậy, nhưng vì nàng là gái thôn dã, sau khi vào cung chỉ nhớ quê hương và người thân, nên suốt ngày âm thầm chẳng cười nói gì. Nhằm khiến Bao Tự vui lòng, U Vương đã tặng cho nàng rất nhiều ngọc ngà châu báu, tìm đủ mọi cách và bày ra nhiều trò vui, duy chỉ thiếu có mỗi việc là hái trăng trên trời xuống cho nàng mà thôi. Dù vậy Bao

Tự vẫn chẳng hé nở nụ cười, U Vương chẳng còn cách nào khác, bèn ra cáo thị cho bàn dân thiên hạ, là nếu ai có cách nào khiến vương phi cười thì sẽ thưởng cho ngàn lạng vàng. Thời bấy giờ, nhằm phòng bị quân Khuyển Nhung phương tây xâm lấn, triều nhà Chu đã xây hơn 20 phong hỏa đài ở vùng núi Ly Sơn, để đề phòng một khi bị quân Khuyển Nhung tấn công thì đốt lửa làm hiệu, để các chư hầu ở xung quanh thấy lửa hiệu thì đem quân đến cứu ứng.

Bấy giờ, có một tên nịnh thần tên là Quắc Thạch Phụ, nghĩ ra một trò chơi ma mãnh, hăn đến nói với U Vương rằng: "Nay thiên hạ đang thái bình, phong hỏa đài đã lâu không sử dụng, nay thần muốn mời đại vương và vương nương cùng lên Ly Sơn chơi mấy ngày, đến đêm ta cho đốt lửa hiệu lên, để các chư hầu đều kéo quân đến, bấy giờ nhìn thấy nhiều người bị mắc lừa, thì vương nương tất cười cho mà xem". U Vương nghe xong cảm thấy rất thú vị liền cười nói: "Tốt lắm, tốt lắm, người hãy lo mà chuẩn bị đi".

Bấy giờ, U Vương dẫn Bao Tự cùng một số tùy tùng lên phong hỏa đài, rồi ra lệnh cho hơn 20 phong hỏa đài cùng lúc đốt lửa lên, tức thì khói đen bốc cao mù mịt, các chư hầu xung quanh nhìn thấy lửa hiệu, cứ tưởng là nước Khuyển Nhung đến xâm lấn, liền tập hợp binh mã từ các ngả kéo đến. Nhưng khi đến dưới chân núi Ly Sơn, thì chẳng thấy một mống quân Khuyển Nhung nào, mà chỉ nghe tiếng đàn sáo từ trên núi vọng xuống, mọi người đang ngỡ ngác chưa hiểu ra sao, thì U Vương cử người xuống báo rằng: " Đây là đại vương và vương phi đốt lửa để đùa chơi thôi, các chư hầu hãy dẫn quân về đi ". Các chư hầu bấy giờ mới vỡ lẽ, họ hậm hực dẫn quân bản bộ quay trở về. Nguyên Bao Tự cũng chẳng hiểu sự thể ra sao, khi nàng nhìn thấy mấy đạo quân từ các ngả cắm đầu đâm cổ chạy thực mạng kéo đến, vừa đến nơi thì lại hò nhau ào ào rút đi, mới hỏi U Vương là có làm sao. Sau khi nghe U Vương kể lại, Bao Tự cảm thấy rất hài hước, liền hé nở nụ cười. U Vương thấy vậy vô cùng mừng rỡ, bèn lập tức thưởng cho Quắc Thạch Phụ một nghìn lạng vàng.

Ít lâu sau, U Vương phế bỏ Thân hoàng hậu và thái tử Nghi Cữu, rồi lập Bao Tự làm hậu, con trai của Bao Tự là Bá Phục được lập làm thái tử. Người cha của Thân hoàng hậu là Thân Hầu thấy vậy vô cùng tức giận, ông biết tình cảnh của mình cũng nguy khốn đến nơi, bèn liên hợp với quân Khuyển Nhung cùng tấn công vào Cảo Kinh.

U Vương được tin liền cử Quắc Thạch Phụ đến Ly Sơn đốt lửa hiệu báo cho các chư hầu. Lửa hiệu đã đốt lên, nhưng các chư hầu đã từng một lần bị U Vương đem ra làm trò đùa, phen này vẫn cứ tưởng là U Vương lại bày trò một lần nữa, nên không ai dẫn quân đến cứu.

Cảo Kinh nhanh chóng bị phá vỡ, U Vương và thái tử Bá Phục bị bắt trên đường chạy trốn rồi bị giết chết. Bao Tự thì bị quân Khuyển Nhung bắt đem đi. Mãi đến lúc này các chư hầu mới hiểu rõ sự thực, họ nhanh chóng liên hợp với Cầm Vương kéo quân đến giải cứu. Thủ lĩnh Khuyển Nhung được tin liên quân chư hầu kéo đến, bèn ra lệnh cho quân lính cướp sạch đốt sạch, rồi rút quân ra khỏi Cảo Kinh.

Chư hầu đuổi xong Khuyển Nhung, liền cùng nhau lập thái tử Nghi Cữu lên làm vương (Tức Chu Bình Vương). Bấy giờ, Cảo Kinh đã bị phá hủy nghiêm trọng, lại xét vì nơi đây vẫn thường xuyên bị quân Khuyển Nhung sang quấy nhiễu, nên năm 770 trước công nguyên, Chu Bình Vương đã quyết định rời đô đến Lạc Ấp, rồi lập nên vương triều Đông Chu

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Quốc Nhân Bạo Loạn

Do được Chu Công Đán nhiều năm dạy bảo, Thành Vương sau khi lên nắm chính quyền, trên cơ bản vẫn kế thừa truyền thống nhân từ đối với dân của hai vị vua trước, nên xã hội ổn định, nhân dân an cư lạc nghiệp. Đến khi con vua là Khang Vương lên nối ngôi, thì cũng trên cơ bản giữ nguyên cục diện này, nên thời kỳ này là thời kỳ phồn vinh và hưng thịnh nhất của vương triều nhà Chu, mà lịch sử gọi là "Thành Khang chi trị". Nhưng đáng tiếc là không được bền lâu, đến khi con của Khang Vương là Chiêu Vương lên kế vị, thì triều nhà Chu đã bắt đầu dần dần suy thoái.

Các quý tộc chủ nô lòng tham vô đáy, ngày càng áp bức bóc lột dân, thêm vào đó chiến tranh xảy ra liên miên càng tăng thêm gánh nặng cho dân, khiến cuộc sống của dân chúng và nô lệ càng thêm cơ cực, sự phản kháng của họ đối với triều đình và tầng lớp chủ nô ngày một dâng cao. Nhằm trấn áp sự bất bình và phản đối của dân chúng, Chu Mục Vương đã đặt ra hơn 3000 đạo luật, áp dụng nhiều cực hình vô nhân đạo, nhưng hình phạt dù có tàn bạo đến mấy, cũng không thể ngăn chặn được làn sóng phản kháng của nhân dân.

Khi đến đời vua thứ 10 là Lệ Vương, thì sự mâu thuẫn trong nước lại càng trở nên sâu sắc và phức tạp. Lệ Vương là một tên hôn quân vô cùng bạo ngược, thường tin dùng tên đại thần Vinh Dĩ Công gian ngoan quỷ quyệt, tên này đã bày cho Lệ Vương nhiều mánh lới hại dân, như thi hành "Chuyên lợi", chiếm đoạt hết hồ ao, sông ngòi, đồi núi và đồng ruộng, không cho phép dân chúng sinh sống bằng tài nguyên thiên nhiên, phạm những ai lên rừng hái

thuốc, chặt củi, săn bắn, hay xuống sông bắt cá tôm, thậm chí đến uống nước, đi đường cũng phải nộp sưu thuế, tiền của. Thời bấy giờ, nông phu ở ngoài đồng gọi là "Dã nhân", còn dân thành thị gọi là "Quốc nhân". Những quốc nhân sinh sống trong thủ đô Cảo Kinh đều rất căm tức đối với chế độ bạo ngược của Lệ Vương.

Đại thần Triệu Công Hồ nghe được lời oán trách của quốc dân, liền tức tốc vào kinh dâng sớ tâu lên Lệ Vương rằng: "Tâu đại Vương, trăm họ nay đã phần nộ cùng cực, nếu không phế bỏ luật chuyên lợi, thì nhà nước sẽ không có ngày yên ổn, không thể dẹp yên loạn lớn sắp xảy ra". Nhưng Lệ Vương cơ bản không nghe theo, chỉ buột miệng nói rằng: "Vội gì, vội gì? Trẫm đã có biện pháp để đối phó". Tức thì, nhà vua ra lệnh cấm quốc nhân bàn luận việc triều chính, và cử nhiều thám tử đi theo dõi, nếu phát hiện ai bàn tán luật "Chuyên Lợi", chửi rủa quốc vương thì bắt về chém chết. Những tên thám tử kia lại nhân cơ hội này hà hiếp của dân, khiến dân chúng kinh hoàng không ai dám tụ họp bàn tán, đi đường gặp mặt cũng không dám chào hỏi nhau.

Lệ Vương thấy không ai dám bàn tán việc triều chính, thì vô cùng đắc ý, mới gọi Triệu Công Hồ đến nói rằng: "Bây giờ khanh thấy thế nào? Không ai dám nghị luận việc triều chính nữa chứ?". Triệu Công Hồ điềm tĩnh nói: "Việc đó chắc gì đã yên được, bịt miệng người ta không cho nói, thì mối nguy hiểm ấy có khác nào như ngăn một dòng sông, muốn trị nước thì phải khơi dòng, dẫn nước chảy ra biển, việc trị quốc an bang cũng vậy, phải hướng dẫn nhân dân biết cách ăn nói. Ngăn dòng thì tất vỡ đê, bịt miệng thiên hạ thì tất sinh loạn". Lệ Vương nghe xong chỉ đứng đờ đẫn chẳng nói chẳng rằng, Triệu Công Hồ thấy vậy đành cúi đầu ra về.

Đến năm 841 công nguyên, quốc nhân không thể nào chịu đựng được nữa, họ đã tổ chức cuộc bạo động rầm rộ có hàng chục nghìn dân chúng và nô lệ tham gia. Dòng người xông vào hoàng cung tìm giết Lệ Vương, Lệ Vương sợ kinh hồn bạt vía, đám vệ sĩ trong hoàng cung vốn đã chán ghét chính sách

bạo ngược của Lê Vương, nên họ đều bảo nhau giải tán cả. Lê Vương cuống cuống chỉ đem theo mấy tên tùy tùng chạy trốn một mạch qua sông Hoàng Hà, đến Phệ Ấp (Tức huyện Hoắc tỉnh Sơn Tây ngày nay) mới bảo toàn được tính mạng.

Dòng người phần nộ không tìm thấy Lê Vương, nào có chịu thôi, sau khi được biết Thái tử Tịnh hiện đang trốn trong nhà Triệu Công Hổ, họ liền kéo nhau đến vây chặt phủ ông, bắt phải đem thái tử Tịnh ra nộp. Triệu Công Hổ không còn cách nào khác, đành phải bảo con trai của mình ra mạo nhận và chết thay cho Thái tử.

Nhưng một nước không thể một ngày không có vua, lúc này Lê Vương thì đã bỏ trốn, còn "Thái tử" kia đã bị giết chết, các quốc nhân bèn đề cử Cộng Hòa Bá là người kiêm đủ đức tài lên thay Thái tử, ngay năm đó gọi là năm tứ nhất cộng hòa, mà lịch sử gọi là "Cộng hòa hành chính" cũng là bắt đầu từ năm này.

Năm thứ 14 cộng hòa, Lê Vương chết ở Phệ Ấp, bấy giờ Triệu Công Hổ mới đem việc thái tử còn sống ra công bố trước thiên hạ. Cộng Hòa Bá và Triệu Công Hổ, cùng nhiều đại thần khác đã thuyết phục được các chư hầu, rồi đưa thái tử Tịnh lên nối ngôi vua, xưng là Chu Tuyên Vương. Nhà vua thấy vương triều nhà Chu đã suy tàn, bèn quyết chí phục hưng đất nước, được sự trợ giúp của các trung thần mẫn cán như Triệu Công Hổ v v, nhà vua đã từng một thời " Trung hưng". Nhưng vì sự ảnh hưởng của cuộc bạo loạn quốc nhân lần này, nguyên khí của vương triều nhà Chu bị tổn thương quá nặng, đã không thể nào hưng vượng lên được nữa.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Chu Công Phụ Thành Vương

Sau khi diệt xong nhà Thương, Chu Vũ Vương dời đô từ Phong về Cảo Kinh, lập nên triều nhà Chu. Nhằm củng cố thiên hạ của nhà Chu, nhà vua đã phong thân quyền và các công thần làm chư hầu. Thái Công Vọng là người có công danh lớn nhất, nên được phong tại Tề, con của Chu Công Đán thì phong tại Lỗ, còn người con cả của Triệu Công Soảng được phong tại Yến. Nghe nói khi con của Chu Vũ Vương thành vương, thì cả thầy đã chia phong thành hơn 70 nước chư hầu.

Một ông vua dựng nước thường phải lo toan trăm bề, ghi nhớ công lao sáng nghiệp dựng nước gian khổ của tổ tiên, phải ngày đêm quan sát tình hình của thế lực chống đối, để bảo vệ giang sơn đã giành được, phải cảnh giác trước những âm mưu phục quốc của kẻ địch, khiến đất nước bền vững, lâu dài và chuyển từ đời này sang đời khác. Chu vũ Vương chính là một con người như vậy, ông hàng ngày lo toan việc nước đến ăn không ngon, ngủ không yên. Do quá lo nghĩ vất vả, sức khỏe của Chu Vũ Vương ngày một suy yếu, bước sang năm thứ hai thì ông lâm bệnh, rồi ngày càng nặng thêm. Chu Vũ Vương biết mình chẳng sống được bao lâu nữa, con trai thì còn nhỏ dại, không thể gánh vác được việc lớn nhà nước. Vì cơ nghiệp của Đại Chu, ông có ý muốn để người em trai của mình là Chu Công Đán lên nối ngôi vua. Chu Công Đán nghe được tin này vô cùng cảm động, một mặt tỏ ý từ chối, mặt khác cung kính cầu khẩn tổ tiên rằng: "Vũ Vương bị bệnh nặng, nhưng việc thiên hạ đang cần người đi lo toan, hãy để tôi chịu bệnh và chết thay người". Khi cầu niệm xong, ông bèn ghi lại lời cầu nguyện, bỏ vào trong tráp dùng

đai chỉ vàng buộc lại, rồi dặn người coi giữ tráp không được nói cho ai biết. Tuy Chu Công Đán và các đại thần đều mong mỗi Chu Vũ Vương chóng hồi phục sức khỏe, song bệnh tìn của nhà vua đã quá nặng, chẳng bao lâu thì là đời.

Bấy giờ người con cả của vua là Tụng mới chỉ có 13 tuổi, được các đại thần như Chu Công, Thái Công, Triệu Công nâng đỡ lên nối ngôi vua và đặt hiệu là Thành Vương. Nhưng thiên hại lúc bấy giờ còn chưa ổn định, các thế lực cũ của Ân Thương đang ngóc đầu dậy âm mưu làm phản. Xét vì Thành Vương còn nhỏ dại, không thể đối phó với tình hình hiểm ác lúc bấy giờ, nên Chu Công Đán đã quyết định đứng ra làm thay cho Thành Vương, gánh vác việc lớn nhà nước.

Quyết định này của ông đã gây nên làn sóng phản đối trong triều. Quản Thúc và Sái Thúc vốn đã có lòng ghen tỵ với Chu Công Đán, bèn nhân cơ hội này phao tin rằng: "Chu Công toan nhiếp chính, là có ý chờ dịp sau này lên thay thế nhà vua". Lời nói này nhanh chóng đồn đại khắp nơi và có khá đông người bị mê hoặc. Triệu Công, Thái Công thậm trí đến cả Thành Vương cũng sinh lòng hoài nghi Chu Công Đán.

Chu Công Đán được biết tin này, bèn đến nói với Triệu Công và Thái Công rằng: "Tôi sở dĩ né tránh lời đồn đại để gánh vác việc lớn nhà nước, cũng là vì thiên hạ hiện còn chưa thái bình, chúa công thì còn nhỏ thiếu kinh nghiệm, một khi xảy ra phiến loạn, giang sơn bị mất, thì chúng ta còn mặt mũi nào ăn nói với tiên đế? Tôi làm như vậy cũng là vì xã tắc Đại Chu, chứ không có ý gì khác". Qua đó đã xóa bỏ được mối nghi kỵ của Triệu Công và Thái Công, khiến mâu thuẫn không khoét sâu thêm. Sau đó, Chu Công Đán mượn cớ thăm viếng rồi đi sang nước Sở.

Bấy giờ, Vũ Canh khi nghe nói trong triều xảy ra lục đục, cho rằng thời cơ đã tới, bèn cùng tập đoàn Quản Thúc và Sái Thúc vốn có âm mưu cướp ngôi, cùng một số nước chư hầu Đông Di, mượn danh nghĩa phản Chu Công rồi

khởi binh làm loạn. Đứng trước tình hình nghiêm trọng này, Thành Vương cũng như Triệu Công và Thái Công đầu óc đã tỉnh táo. Nhất là sau khi họ phát hiện tờ giấy đề trong tráp, lại càng thấy rõ được đức tính cao thượng và lòng dạ son sắt của Chu Công Đán, họ tỏ ra rất hối hận, liền cử người sang nước Sở đón Chu Công Đán về.

Nhằm trấn áp quân phiến loạn, bảo vệ giang sơn Đại Chu, Chu Công Đán đã áp dụng biện pháp quả quyết, lập tức tổ chức quân đội đông chinh. Trước lúc xuất phát, Chu Công Đán đã viết một bài văn thảo phạt quân phiến loạn, sau đó dẫn quân rầm rộ tiến về hướng đông. Trải qua 3 năm chinh chiến gian khổ, trước sau trải qua các chiến dịch: Bình định được Quản Thúc và Sái Thúc; Thắng Ân, Phạt Hồ Phương, Bình Hoài Di, Đạp bằng Am và Phổ Cô; Bắc chinh tiêu diệt được nhà Đường v.v. Cuối cùng bình định được toàn bộ thế lực phiến loạn ở phía đông. Quản Thúc bị thua phải tự sát, Vũ Canh bị bắt rồi giết chết, Sái Thúc bị bắt rồi cách chức sung quân. Chu Công Đán lại phong cho em ở đất Ân, lập nên nước Vệ.

Chu Công Đán trở về lại tận tụy phò tá Thành Vương. Trong 7 năm chấp chính, ông lại tiếp tục chia phong chư hầu, đặt ra một loạt quyết sách quan trọng, khiến giang sơn vương triều nhà Chu được củng cố. Đến khi Thành vương 20 tuổi, Chu Công Đán mới bàn giao chính quyền cho nhà vua, rồi ít lâu sau thì mất.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Chu Vũ Vương Phạt Trụ

Sau khi Chu Văn Vương qua đời, con trai là Cơ Phát lên nối ngôi, xưng hiệu là Vũ Vương. Nhà vua tôn Khương Thượng làm cha, rồi mời các anh em của mình là Chu Công Đán, Triệu Công Soảng, Hoa Công Cao v v đến làm trợ thủ của mình, tiếp tục thi hành chính sách nước giàu binh mạnh của Chu Văn Vương, chuẩn bị cho sự nghiệp thảo phạt Thương Trụ Vương mà cha còn chưa hoàn thành.

Trải qua hơn một năm chuẩn bị, Vũ Vương nhận thấy lực lượng quân sự của nhà Chu đã rất lớn mạnh, sau khi bàn bạc với Khương Thượng, bèn quyết định tổ chức một cuộc diễn tập quân sự. Nhà vua và Khương Thượng dẫn quân ra bến nước Minh Tân để thao diễn. Trong khi kiểm duyệt quân đội sắp hoàn tất, thì bỗng nghe từ bốn mặt tám hướng có tiếng ầm ầm như sóng dậy, thì ra các nước chư hầu được tin Chu Vũ Vương đến Minh Tân chuẩn bị thảo phạt Trụ Vương, họ đều nô nức hưởng ứng kéo quân đến trợ uy. Chu Vũ Vương thấy vậy vô cùng cảm động, bèn lập tức cùng các nước chư hầu lập bang ước, hẹn cùng nhau phối hợp chặt chẽ và liên hợp hành động. Trong khi hội thảo, các nước chư hầu đều chỉ rằng: "Chúng ta nay binh hùng tướng mạnh, thì nên nhân cơ hội này nhanh chóng thảo phạt vua Trụ ". Nhưng Chu Vũ Vương lại cho rằng thời cơ còn chưa chín muồi, nhà Thương còn có thực lực nhất định, hơn nữa trong nội bộ còn có các đại thần tài cán như Tỷ Can, Cơ Tử, Vi Tử v v, chúng ta không thể manh động. Mặt khác, hiện còn chưa chuẩn bị được chu đáo. Các chư hầu nghe xong, đành phải dẫn quân ra về.

Sau lần thao diễn ở Minh Tân, Chu Vũ Vương một mặt tăng cường luyện binh, mặt khác bí mật sai người đi thám thính tình hình nhà Thương. Qua ba lần thám tử về báo, được biết nhà Thương đã thối nát đến cực độ, nhà vua nghe lời đồn nhảm, ám hại trung lương, Tỷ Can bị mổ bụng moi gan; Cơ Tử giả ngây giả dại bị phạt làm nô lệ. Vì Tử nhận thấy vô vọng đã trốn đi sống ẩn cư. Còn nhân dân thì không dám mở miệng trách oán. Chu Vũ Vương nhận thấy nhà nước Ân Thương đã đổ vỡ chia lìa, lòng dân phần uất, thời cơ thảo phạt vua Trụ đã chín muồi, bèn lập tức phong Khương Thượng làm đại soái, dẫn 50 nghìn quân vượt qua sông Hoàng Hà tiến về phía đông. Khi đại quân đến Minh Tân, tám trăm chư hầu cũng dẫn quân đến trợ chiến, Chu Vũ Vương bèn tổ chức đại hội ăn thề tại đây, vạch tội vua Trụ hoang dâm vô đạo, gây nhiều tội ác, khích lệ mọi người cùng đồng tâm hiệp sức, không tiêu diệt được vua Trụ quyết không lui binh. Sau khi thề nguyện xong, Chu Vũ Vương dẫn quân rầm rộ đánh sang Triều Ca đô thành của nhà Thương, đoàn quân xông pha mạnh như thể chẻ tre. Khi tiến đến Mục Dã còn cách Triều Ca khoảng 70 dặm, Chu Vũ Vương và Khương Thượng quyết định đóng quân tại đây chinh đốn quân mã.

Vua Trụ nghe được tin này bèn điều động quân mã phòng bị, các nước chư hầu nhỏ cũng dẫn quân đến cứu ứng, cộng cả thấy 700 nghìn người, rồi thân chinh dẫn đại quân ra Mục Dã bày trận, quyết một trận tử chiến với Chu Vũ Vương.

Vua Trụ nghĩ bụng, mình có 700 nghìn quân mã, còn nhà Chu chỉ có 50 nghìn người, đây quả thực là đem trứng đi chọi với đá. Nhưng ông nào có biết quân đội của Chu Vũ Vương là một đạo quân tinh nhuệ được huấn luyện rất nghiêm khắc, chiến đấu dũng cảm ngoan cường. Còn trong số 700 nghìn quân mã của ông phần lớn đều là nô lệ mới được vũ trang và những tù binh từ Đông Di đưa sang, họ hàng ngày bị vua Trụ áp bức và ngược đãi, họ căm giận vua Trụ đến xương tủy, thì còn ai chịu chết thay cho vua Trụ. Cho nên khi hai đạo quân xông vào chém giết, các nô lệ đều tới tấp vứt bỏ khí giới xin

đầu hàng, rồi phối hợp với quân nhà Chu quay lại đánh vào trận quân nhà Thương, 700 nghìn quân của vua Trụ bị đánh tan rã. Vua Trụ thấy vậy vội tìm đường chạy trốn. Khương Thượng chỉ huy quân thừa thắng đuổi một mạch đến Triều Ca. Vua Trụ trốn vào Triều Ca, biết thời vận mình đã hết, bèn ra lệnh đem vàng bạc châu báu trong cung chất đống trên Lộc Đài phóng lửa đốt, rồi tự thiêu mà chết. Dân chúng Triều Ca nghe tin vua Trụ đã chết, bèn ra nghênh đón quân nhà Chu vào thành. Chu Vũ Vương vào đến Lộc Đài, liền nhằm thi thể vua Trụ bắn ba phát tên, rồi cắt đầu vua Trụ và đầu Đát Kỷ đem treo ở dưới lá cờ trắng ngoài cung đình. Còn hai ái phi nữa của vua Trụ là Ác Lai và Phỉ Trọng cũng bị chém đầu.

Từ đó, triều nhà Thương trị vì trong hơn 600 năm đã bị diệt vong bởi tội ác tày trời của vua Trụ.

Triều nhà Chu - một vương triều mới đã ra đời tại Trung Nguyên.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Chu Văn Vương Phỏng Hiên

Hành vi bạo ngược của vua Trụ đã tăng nhanh sự chia lìa trong vương triều nhà Thương, khiến nhà Thương nhanh chóng suy vong. Trong khi đó ở lưu vực sông Vị Thủy có một bộ lạc họ Chu ngày càng trở nên lớn mạnh.

Bộ lạc này là một bộ lạc cổ xưa, nguyên sinh sống ở miền cao nguyên Thiểm Tây và Cam Túc. Sau vì bị các bộ lạc du mục như Nhung, Cảnh v v xâm nhiễu. Thủ lĩnh bộ lạc là Cổ Công Đán Phụ đã dẫn dắt cả bộ lạc di dời đến định cư tại vùng đồng bằng phía nam núi Kỳ Sơn.

Đến thời Cơ Xương cháu của Cổ Công Đán Phụ lên nối ngôi thì nhà Chu đã trở nên rất lớn mạnh. Cơ Xương sau gọi là Chu Văn Vương, là một bậc minh quân cần kiệm, chất phác, khác hẳn với vua Trụ. Vua Trụ thích săn bắn, uống rượu, bạo ngược hà hiếp thần dân, còn Chu Văn Vương thì cấm uống rượu, không cho phép quý tộc lấy săn bắn là nghề nghiệp, ông còn ra sức khuyến nông, tích cực chăn nuôi gia súc v v. Các nhân tài trong thiên hạ như Thái Diên, Thân Giáp, Hoảng Yêu, Tán Nghi Sinh v v tới tấp đến theo ông, ngay đến các nước chư hầu nhỏ cũng phải thần phục. Nhà Chu ngày càng lớn mạnh đã tạo thành mối uy hiếp đối với vương triều nhà Thương. Sùng Hầu Hồ nguyên có thành kiến với Cơ Xương đã nhân cơ hội nói xấu trước vua Trụ rằng: "Sức ảnh hưởng của Cơ Xương quá lớn, điều này thật bất lợi đối với cơ nghiệp của đại vương ". Lời nói này chính hợp với ý của vua Trụ, nhà vua liền sai người đi bắt Cơ Xương giam vào nhà lao. Khi các thần hạ đến thăm Chu Văn Vương trong nhà lao, Văn Vương bèn ám thị cho họ sang

nước Hữu Độc Thị tìm kiếm mỹ nhân, đến nước Khuyển Nhung mua tuần mã và thú lạ, cùng nhiều của cải như vàng bạc, bạch ngọc v v, thông qua tên gian thần Phí Trọng dâng lên vua Trụ để chuộc mình ra. Vua Trụ là một tuồng hiếu sắc, khi nhìn thấy mỹ nữ và nhiều của cải như vậy, thì cười híp mắt nói: "Một loại tặng vật nào cũng đủ để xá tội cho Cơ Xương". Tức thì liền ra lệnh thả Cơ Xương ra.

Văn Vương Cơ Xương sau khi trở về đô thành nhà Chu, bèn nuôi chí lớn tiêu diệt nhà Thương. Ông cân nhắc kỹ thì cảm thấy bên mình tuy đã có khá nhiều nhân tài, nhưng còn thiếu một nhân tài biết bày mưu tính kế, bèn đi khắp nơi để tìm kiếm.

Khương Thượng, tự Tử Nha là con cháu của bộ tộc Viêm Đế, sinh tại Đông Di, do ông tổ phong quốc tại Lã, nên còn gọi là Lã Thượng. Ông đi học ở các nơi nhiều năm, tuy đầy bụng kinh luân, tinh thông tam thao lục lược. Nhưng triều nhà Thương lúc bấy giờ đã quá ư đồi bại, Khương Thượng thì nhà nghèo rất mừng tơi, anh hùng không đất dụng võ. Khi nghe nói Chu Văn Vương là bậc hiền minh, bèn rời đến sông ải cư ở Xương Khê bên bờ sông Vị Thủy, để chờ đợi thời cơ.

Một đêm, Chu Văn Vương nằm mơ thấy một con gấu đang phóng đến vỗ mình, sau khi tỉnh dậy biết là điềm lành, bèn đem theo đội vệ binh lên xe ra đi. Lần ra đi này mang tiếng là đi săn bắn, nhưng kỳ thực là đi tìm kiếm nhân tài. Khi đoàn người đến bên bờ sông Vị Thủy, thì thấy một cụ già bảy tám mươi tuổi, râu tóc bạc phơ đang ngồi câu cá. Cụ không có phản ứng gì trước đoàn ngựa xe đang đi qua, mà vẫn cặm cụi ngồi câu, miệng lầm bầm nói gì đó nghe không rõ. Chu Văn Vương cảm thấy kỳ lạ, bèn xuống xe đến gần thì chỉ nghe cụ già nói rằng: "Nào hãy mau cần câu đi, cần câu đi, có ý muốn thì hãy cần câu đi". Khi Văn Vương nhìn kỹ thì thấy lưỡi câu chỉ treo lơ lửng trên mặt nước, lưỡi câu là lưỡi câu thẳng, mà lại không mắc mồi. Chu Văn Vương thấy người này không phải là tầm thường, liền ngồi xuống bắt chuyện

mới biết cụ tên là Khương Thượng, Chu Văn Vương thấy Khương Thượng ăn nói phi thường, học thức uyên bác, tinh thông binh pháp chiến sách, liền phần khởi nói: "Tổ phụ tôi khi còn sống từng nói với tôi rằng: Sau này sẽ có một nhân tài trụ cột giúp cháu hưng thịnh nhà Chu. Cụ chính là nhân tài mà tổ phụ tôi hằng mong ước". Chu Văn Vương nói xong liền mời Khương Thượng lên xe cùng về cung, hoạch định cơ đồ trị quốc an bang.

Khương Thượng quả là một nhân tài tướng soái, không phụ lòng mong mỏi, đã giúp Văn Vương một mặt tăng nhanh sản xuất, một mặt huấn luyện binh mã, trước sau tiêu diệt được các nước chư hầu vào hùa với vua Trụ như Mật Tuy, Sùng Đẳng, khiến biên giới nhà Chu càng thêm mở rộng, đặt cơ sở vững chắc cho việc tiêu diệt nhà Thương sau này.. Trong lúc Chu Văn Vương đang chuẩn bị mở mang đại nghiệp, chinh phạt vua Trụ, thì chẳng may bị lâm bệnh nặng, ít lâu sau thì mất, rất đáng tiếc chưa hoàn thành được sự nghiệp tiêu diệt nhà Thương

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Sự Tàn Bạo Vô Đạo Của Vua Trụ

Thương Thang dựng nên vương triều nhà Thương, giữa thời có sự "Trung hưng" của các đấng minh quân như Bàn Canh, Võ Đinh v v, Nhưng cuối cùng do một số vua chúa dần dần vô đạo, nhà nước dần dần suy đồi. Đến khi Trụ lên ngôi thì đã là ông vua đời thứ 30, vương triều nhà Thương nguy cơ chông chất, xã hội rối ren. Trong sách cổ người ta đã gán ghép tên của Trụ và Hạ Kiệt lại với nhau, gọi tắt là Kiệt Trụ, hai người cùng bị coi là những tên bạo chúa điển hình. Nhưng trong quá khứ, vua Trụ từng là một ông vua sáng suốt, ông có thân hình vạm vỡ, gương mặt khôi ngô tuấn tú, túc trí đa mưu và dũng cảm phi thường, đã từng dẫn quân chiến đấu trường kỳ tại khu vực Đông Di, cuối cùng san bằng được Đông Di, mở mang ra khu vực đông nam, nhân dân ở đây đã hấp thu nền văn hóa và kỹ thuật sản xuất tiên tiến của Trung Nguyên, kinh tế xã hội rất phát triển. Nhưng chiến tranh đồng thời cũng đã tiêu hao quá nhiều nguồn nhân lực và tài lực của vương triều nhà Thương, trút thêm gánh nặng và nỗi thống khổ cho nhân dân. Ách thống trị của vua Trụ trong thời kỳ cuối lại càng trở nên bạo ngược hơn. Nhằm hưởng lạc thú với ái phi Đát Kỷ, nhà vua không đếm xỉa đến sự sống chết của dân, dốc sức vào việc xây dựng cung điện, hao phí biết bao tiền của và sức người, trong 7 năm trời mới xây nên một tòa cung điện mới đặt tên là Lộc Đài, quy mô và sự hào hoa tráng lệ của nó còn trội hơn cả Dao Đài do Hạ Kiệt để lại.

Đát Kỷ ái phi của vua Trụ tuy là người có nhan sắc, nhưng lòng dạ cay nghiệt, hoang dâm và quỷ quyệt đa đoan, mụ thường xuyên xui vua Trụ bày trò hại người để mua vui. Tội ác của họ đã bị các chư hầu, đại thần, cũng như

nhân dân phản đối. Vua Trụ nghe lời Đát Kỷ đã bày ra một hình phạt, bắt những người phản đối mình bước đi trên cây trụ đồng đã nung nóng, họ bước đi được mấy bước bị cháy da nát thịt, đau đớn quằn quại. Nhà vua và Đát Kỷ không những không thương hại, mà còn vỗ tay cười nói rất thích thú.

Mọi người căm thù trước hành động dã man này, họ phỉ nhổ và nguyền rủa nhà vua. Đát Kỷ nghe được tỏ ra rất khó chịu mới hỏi vua Trụ rằng: "Nay có khá đông người phản đối đại vương, vậy đại vương có đối sách gì?". Vua Trụ nói: "Trẫm đã cho người đào một cái bể cạn, bên trong thả đến hàng vạn con rắn độc và các loài độc trùng như rết, bọ cạp v v. Ai dám phản đối thì trẫm quăng chúng xuống nuôi đám độc trùng này". Đát Kỷ nghe xong phấn khởi nói: "Đại vương cứ nói suông làm gì, không bằng làm thử xem sao". Vua Trụ liền sai người bắt mấy chục thường dân quăng xuống bể. Khi nhìn thấy những người này đau đớn kêu gào, nhà vua và Đát Kỷ đều khua chân múa tay cười nói như không.

Các đại thần trong triều thấy nhà vua và Đát Kỷ quá ư tàn nhẫn, coi mạng người như cỏ rác, liền tới tấp dâng sớ khuyên ngăn, nhưng vua Trụ không những không nghe, ngược lại còn bắt các vị đại thần này hoặc bước qua cây trụ đồng nung nóng, hoặc thả xuống bể độc trùng cho đau đớn đến chết. Vua Trụ còn ngang nhiên vơ vét của dân đem về cất giữ trong Lộc Đài, lương thực cướp bóc được thì cất đóng trong "Củ Kiêu". Ngoài ra, họ còn cho đào một cái bể trong cung, rồi đổ loại rượu ngon vào đầy bể, đem các loại thịt nướng treo xung quanh trông chẳng khác nào một cánh rừng, gọi là "Tửu trì nhục lâm" rồi cùng nhau hưởng lạc. Họ còn rút xương máu của nô lệ, sống cuộc đời dâm ô trụy lạc, còn nhân dân thì đang rên siết trong cảnh nước sôi lửa bỏng.

Vua Trụ còn bắt các mỹ nữ trong thiên hạ vào nuôi trong cung để hưởng lạc thú. Khi nghe nói người con gái của Cửu Hâu là bạch tuyết sắc giai nhân, nhà vua liền cử người đi cướp về nhốt trong cung, rồi cưỡng bức nàng làm

phi, nàng thà chết không chịu liên bị giết chết. Cửu Hầu và bạn là Ngạc Hầu nghe được tin buồn này vô cùng đau đớn, liền cùng nhau đến trách vua Trụ rằng: "Đại vương bức hại người vô tội, tất bị trời hận người oán, thiên hạ ai cũng muốn hỏi tội đại vương, sự diệt vong của triều nhà Thương không còn bao xa nữa". Vua Trụ nghe xong tức đến thất khiếu bốc khói, liền thét đem một người ra băm nát như tương, còn một người bị cắt ra từng miếng thịt đem phơi thành thịt khô. Sự tàn bạo của Vua Trụ đã tăng nhanh thêm ngày tận số của vương triều nhà Thương.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Đệ Nhất Hiền Tướng Y Doãn

Việc chiêu hiền nạp sĩ, tuyển lựa nhân tài, là một đường lối thành công của vua chúa các triều đại. Thương Thang sở dĩ lật đổ được vương triều nhà Hạ, là không thể tách rời với sự trợ giúp đắc lực của Y Doãn. Y Doãn là vị thừa tướng đầu tiên của TQ, luôn luôn là một tấm gương sáng chói trong lịch sử.

Y Doãn có tên là Chí, là một nô lệ theo vợ của Thương Thang từ nước Hữu Săn Thị sang nước Thương. Về thân thế của ông còn có một huyền thoại như sau. Bấy giờ, có một nước nhỏ gọi là nước Hữu Săn Thị. Một hôm, có một cô gái vào rừng cây dâu để hái dâu, thì chợt nghe có tiếng trẻ khóc, nàng vội vàng tìm tới thì thấy một bé trai bụ bẫm nằm trong hốc cây dâu, nàng bèn ẵm về dâng cho vua Hữu Săn Thị, nhà vua không hiểu cha mẹ đứa bé là ai, bèn sai người đi tìm hỏi. Ít lâu sau người đi trở về báo rằng: Mẹ đứa trẻ này nguyên sống ở bên bờ sông Y, khi đang chữa đứa bé thì một đêm nằm mơ thấy thần tiên đến nói rằng: " Khi đến mùa cốm thì hãy báo cho cả dân làng chạy thẳng về hướng đông, không được ngoảnh cổ nhìn lại, phải nhớ kỹ". Ít lâu sau thì đến mùa cốm, bà vội vàng báo cho cả dân làng theo mình chạy về hướng đông, có người tin thì chạy theo, người không tin thì đều ở lại. Đoàn người dật dìu nhau đi được mười mấy dặm đường, vì bà ta không nỡ bỏ mặc hàng xóm, liền ngoái cổ nhìn lại thì thấy nước sông Y dâng cao ngập cả thôn xóm. Bà hoảng hốt kêu lên, nhưng không kêu thành tiếng, rồi biến thành một cây dâu già rỗng ruột. Ít lâu sau, cô gái đi hái dâu phát hiện đứa bé trong hốc cây, vì mẹ đứa bé sống bên bờ sông Y, nên mới đặt là họ Y, về sau ông ta

làm quan đến chức Doãn, nên người đời sau mới gọi ông là Y Doãn.

Vua Hữu Săn Thị trao đức bé cho một thầy bếp nuôi nấng. Y Doãn khôn lớn rất thông minh hiếu học, đã thạo nghề nấu nướng, lại nắm vững mưu lược trị nước an bang. Khi Thương Thang đi thị sát ở miền đông, nghe nói vua Hữu Săn Thị có một con gái nét na xinh đẹp, bèn đến cầu hôn, nhà vua vốn biết tiếng Thương Thang là một ông vua hiền minh, liền vui vẻ nhận lời ngay. Y Doãn không cam chịu số phận làm người thầy bếp, bèn xin với nhà vua cho mình làm nô bộc theo hầu công chúa sang nước Thương.

Khi tới nước Thương, Y Doãn vẫn bị sắp xếp đi nấu nướng trong nhà bếp của nhà vua. Nhằm gây nên sự chú ý của Thương Thang, trong khi nấu ăn, Y Doãn cố ý làm lúc mặn lúc nhạt, khiến Thương Thang rất tức giận liền thét lời Y Doãn lên mắng nhiếc. Y Doãn thấy thời cơ đã đến, mới bình tĩnh nói: "Muối cho vừa phải thì cơm canh mới ngon, việc trị nước an bang cũng vậy, vừa không thể quá nóng vội, cũng không thể lơ là buông lỏng, phải nhận rõ chủ thứ trước sau, có mức độ thì mới chính thông nhân hòa". Thương Thang nghe xong vô cùng kinh ngạc, thấy Y Doãn tuy người ngợm xấu xí, thân phận thấp hèn, mà lại là một nhân tài khó kiếm. Thế mới thật là "Nhân bất khả mạo tướng, hải thủy bất khả đấu lượng". Tức thì, bèn xóa bỏ thân phận nô lệ của Y Doãn, cho tham gia bàn việc lớn nhà nước, một thời gian sau lại nâng Y Doãn lên làm Hữu Thừa Tướng.

Thương Thang thấy nước nhà ngày một lớn mạnh, những muốn chinh phạt Hạ Kiệt đã gây ra quá nhiều tội ác, mới hỏi Y Doãn có sách lược gì? Y Doãn nói: "Hạ Kiệt còn có thể lực nhất định, chúng ta hãy thử không đi tiến cống hần, xem hần sẽ phản ứng ra sao?". Thương Thang nghe theo. Hạ Kiệt biết được việc này vô cùng tức giận, bèn lệnh cho Cửu Di tiến đánh nước Thương. Y Doãn thấy Cửu Di vẫn còn nghe lời sai khiến của Hạ Kiệt, thì lập tức bảo Thương Thang sang xin lỗi, rồi vẫn tiếp tục tiến cống như trước. Một năm sau, vì Hạ Kiệt áp bức dân quá thậm tệ, bộ tộc Cửu Di lần lượt xa lánh

Hạ Kiệt. Y Doãn thấy thời cơ đã chín muồi, liền bảo Thương Thang đẩy binh tiến đánh và tiêu diệt được triều nhà Hạ, lập nên triều nhà Thương.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hạ Kiệt Và Thương Thang

Khởi đã phế bỏ chế độ nhường ngôi và thiết lập nên vương triều nhà Hạ. Đến hơn 400 năm trước công nguyên, Kiệt lên làm vua đã là triều vua đời thứ 16, lúc này trong cung đình bắt đầu dấy lên lối sống dâm ô trụy lạc. Hạ Kiệt là một tên bạo chúa khét tiếng trong lịch sử. Câu thành ngữ "Kiệt khuyến phê Nghiêu" đã đủ chứng minh cho sự tàn bạo này. Hạ Kiệt và một số quý tộc chủ nô bóc lột nhân dân, tầng lớp nô lệ lại càng bị áp bức thậm tệ. Hạ Kiệt còn hao phí nhiều tiền của vào việc xây dựng cung đình, rồi cùng với ái phi Muội Hỷ sống cuộc đời dâm ô trụy lạc.

Hạ Kiệt còn là người rất kiêu cách trong việc ăn uống, rượu tất phải là rượu thuần khiết, không có chút pha tạp. Còn rau, cá, thịt, cùng các đồ gia vị thì đặt một khu sản xuất riêng, có tới hàng nghìn người vất vả vì việc này, mà nhờ ai có sai sót gì là giết. Hạ Kiệt còn có một thói xấu là sau khi uống rượu say, hăm bắt người làm ngựa cho mình cưỡi, có những đại thần mệt không thể bò được nữa phải xin hăm tha thứ, thì đều bị giết chết.

Trong triều có một vị đại thần tính tình cương trực tên là Quan Long Phùng, khi thấy Hạ Kiệt làm việc tàn bạo và coi mạng người như cỏ rác, mới vào cung khuyên rằng: "Từ xưa đến nay, vua nhân hiền thì phải thương yêu dân, chăm lo việc triều chính, phải quan tâm cấp dưới và sống cần kiệm chất phác, như vậy thiên hạ mới được yên ổn. Còn như bệ hạ sống xa hoa dâm dăng, tùy ý giết người như vậy thì thiên hạ tất sinh loạn, bệ hạ làm mất lòng dân, thì giang sơn Đại Hạ tất không được dài lâu". Hạ Kiệt không những

không nghe, mà nổi cơn lôi đình mắng nhiếc, rồi thét bảo vệ sĩ lôi Quan Long Phùng ra chém chết.

Từ đó về sau, những người chính trực không ai dám khuyê can gì nữa, bên tai Hạ Kiệt chỉ còn nghe thấy tiếng nịnh hót bợ đỡ của các đại thần nhỏ nhen, Hạ Kiệt còn cho mình là đấng siêu phàm, tự ví mình là mặt trời, dân chúng vô cùng căm giận liền chỉ lên mặt trời nguyện rửa rằng: "Đến bao giờ người bị diệt vong, chúng tôi nguyện cùng người bị diệt vong". Ách thống trị của triều đình nhà Hạ đang lung lay trong cơn mưa bão.

Bấy giờ, vùng hạ du sông Hoàng Hà có một bộ lạc họ Tử dần dần trở nên lớn mạnh. Nghe nói họ là con cháu của Khế. Trong thời đại Nghiêu Thuấn, Khế từng cùng Vũ đi trị thủy, vì ông có công nên Vũ phong đất cho ông ở Thương, về sau Khế dựng nên nước Thương. Do ngành chăn nuôi và thương mại v v phát triển tương đối nhanh, đến cuối thời nhà Hạ thì nước Thương đã trở thành một bộ lạc lớn mạnh.

Thương Thang thấy Hạ Kiệt quá tàn bạo, vương triều nhà Hạ ngày một suy thoái, nhân dân khổ cực đều sôi sục căm thù, bèn quyết định lật đổ triều nhà Hạ, bề ngoài ông tỏ ra rất cung kính đối với Hạ Kiệt, nhưng bên trong thì ngầm ngầm lôi kéo các lực lượng, không ngừng mở rộng thế lực của mình.

Song song với việc làm khiến dân giàu nước mạnh, Thương Thang còn để ý từng cử chỉ và lời nói của mình để lung lạc lòng dân, tạo dựng sự hiền minh nhân nghĩa của mình. Câu thành ngữ "Võng khai nhất diện" đã thuật lại một truyện kể về Thương Thang như sau: Một hôm, khi Thương Thang đi tuần du ở ngoại ô, thấy một người đang giăng lưới bẫy chim. Chim từ các nơi bay về đều bị mắc lưới, Thương Thang thấy vậy mới nói với người kia rằng: "Anh làm như vậy chẳng phải là đuổi tận giết tiết sao? Thực là tàn nhẫn quá. Anh chỉ nên bủa lưới ba mặt thôi, để trống một mặt mới phải". Người kia tỏ ra khó hiểu bèn hỏi lại: "Để trống một mặt thì làm sao bắt được chim?". Thương Thang cảm khái nói: "Chim tự do bay lượn, muốn bay sang phải thì sang

phải, muốn bay sang trái thì sang trái, chỉ có những con chim chán đời rồi mới đâm đầu vào lưới mà thôi ".

Những lời nói này của Thương Thang đã nhanh chóng lưu truyền trong dân chúng, họ đều kháo nhau rằng: "Thương Thang đối với loài chim thú còn nhân từ như vậy, quả là một người lương thiện, bậc nhân nghĩa, chúng ta nên hết lòng ủng hộ ông ta". Bấy giờ có 40 nước nhỏ thường bị Hạ Kiệt ức hiếp, khi thấy Thương Thang là người nhân nghĩa, đều tới tập theo ông.

Thương Thang thấy thời cơ đã chín muồi, liền mượn ý chỉ của trời để động viên các tướng sĩ, rồi mở một trận quyết chiến với Hạ Kiệt ở Minh Đìều. Do Hạ Kiệt đã gây ra nhiều tội ác, các tướng sĩ không chịu ra sức, nên Hạ Kiệt bị thua to. Quân của Thương Thang nhanh chóng đánh chiếm được đô thành triều nhà Hạ, Hạ Kiệt phải chạy trốn sang Nam Sào, ít lâu sau thì ốm chết. Vương triều nhà Thương thay thế cho triều nhà Hạ, sau khi lên làm vua, Thương Thang đối xử khoan dung với nhân dân, khuyến khích họ phát triển sản xuất, giảm sưu thuế, do đó triều nhà Thương trong thời kỳ đầu là một nhà nước rất phồn vinh cường thịnh.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Đại Vũ Trị Thủy

Hoàng Hà là dòng sông mẹ của dân tộc Trung Hoa, đã thai nghén lịch sử và văn hóa hơn 5000 năm và là cái nôi của nền văn minh cổ đại TQ. Nhưng do nguyên nhân địa lý, nên nó còn là dòng sông đã gây ra nhiều tác hại lớn, nạn lũ lụt thường xuyên xảy ra, đã tạo thành một mối nguy hại lớn đối với tính mạng và tài sản của con người.

Tương truyền, khi Nghiêu còn làm đại tù trưởng, lưu vực sông Hoàng Hà đã xảy ra nạn lũ lụt lớn, cuốn trôi đi rất nhiều người, cùng nhiều gia cầm gia súc, dân chúng khổ cực hết chỗ nói.

Nghiêu nhìn những cảnh tượng này vô cùng đau lòng, liền triệu tập cuộc họp liên minh bộ lạc để bàn cách trị thủy. Mọi người đều nhất trí tiến cử Cồn đảm đương công việc này.

Cồn đã phí mất 9 năm trời vào việc trị thủy, nhưng ông ta chỉ biết mỗi việc đắp đất ngăn dòng, sửa đê điều vây lũ, rút cuộc nước lũ không thoát ra được, mực nước cứ dâng cao thì đê điều cũng đắp cao lên, nước lũ bị vây hãm khác nào một con mãnh thú đang lồng lộn trong chuồng, đến lúc vỡ đê thì hậu quả càng thêm nghiêm trọng.

Đến thời Thuấn làm thủ lĩnh liên minh bộ lạc, ông đã thân hành đi thị sát hiện trường, thấy Cồn không thạo việc trị thủy liền xử phạt ông, rồi trao việc trị thủy cho Vũ con trai ông.

Vũ là một người thông minh tài giỏi, chàng ta đã đúc rút bài học thất bại của cha, trước tiên đi khảo sát các vùng bị lũ lụt. Sau đó mới đặt ra nhiều biện pháp để dẫn nước lũ ra biển. Nhưng muốn dẫn nước lũ ra biển, thì tất phải tìm ra đầu nguồn sông và nơi thoát lũ. Tức thì, ông liền cùng người giúp việc vượt suối băng ngàn, trải qua muôn vàn khó khăn, tìm hiểu rõ về dòng sông, rồi mới thiết kế quy hoạch trị thủy.

Vũ đầu đội nón, mình mặc áo vải thô, tay cầm mai dẫn đầu các sĩ tốt cùng lao động với dân chúng, nào gánh đất khuân đá, đào mương xẻ lũ, nạo vét lòng sông, dẫn nước chảy về xuôi. Ông bên ba trên công trường trị thủy trong 13 năm, quanh năm suốt tháng ngâm mình trong bùn nước, đến nỗi móng chân và lông chân bị long rụng, nhưng ông vẫn mặc. Trong 13 năm trời, có ba lần ông đi qua trước cửa nhà mình, mà vẫn chẳng lần nào ghé thăm nhà, đã trở thành một giai thoại trong suốt mấy nghìn năm nay.

Vợ của Vũ là Đồ Sơn Thị, hai vợ chồng lấy nhau mới được bốn ngày thì Vũ đã phải ra đi trị thủy. Trước khi ra đi Vũ đã dặn vợ rằng: "Nếu sau này mình sinh được con trai thì hãy đặt tên con là Khởi, để kỷ niệm ngày tôi khởi hành đi trị thủy". Về sau, cũng chính vào lúc Vũ đi qua trước cửa nhà mình thì người vợ sinh được một mụn con trai, Vũ nghe tiếng con khóc trong nhà rất muốn vào xem, nhưng lại nghĩ đến việc trị lũ còn chưa xong, biết bao nạn dân đang phải lánh nạn trên đồi cao, nên đành dẫn lòng quay gót vội vã đi ngay.

Lao động không phụ lòng người, trải qua 13 năm lặn lội vất vả, lòng sông đã được khơi thông, dòng lũ ngoan ngoãn chảy ra biển, dân chúng vui vẻ trở về xây dựng cơ ngơi và cấy cấy trên đồng ruộng của mình, cuộc sống lại yên lành như xưa. Nhằm kỷ niệm công lao trị thủy của Vũ, người đời sau đã tôn xưng ông là "Đại Vũ".

Khi tuổi về già, Thuấn cũng như Nghiêu muốn tìm người nối ngôi mình. Vì Vũ có công trong việc trị thủy, nên mọi người đều nhất trí tiến cử ông.

Bấy giờ, sức sản xuất xã hội đã phát triển mạnh, từ đó đã nảy sinh từng lớp thị tộc quý tộc, thêm vào đó Vũ lại có công trong việc trị thủy, nên trong thực tế Vũ đã từ ngôi vị thủ lĩnh liên minh bộ lạc trở thành một quốc vương.

Khi tuổi về già, Vũ cũng triệu các thủ lĩnh bộ lạc đến để bầu người kế vị, mọi người đều nhất trí đề cử Bá Ích. Sau khi Vũ mất, Khởi người con trai của Vũ đã dựa vào thế lực của bộ lạc người Hạ, xua đuổi Bá Ích đi, rồi tự mình tuyên bố kế vị xưng vương và lập nên chính quyền nhà nước, bức các bộ lạc phải chịu sự lãnh đạo của mình. Từ đó về sau, chế độ cha truyền con nối đã thay thế cho chế độ nhường ngôi, triều nhà Hạ - một vương triều chế độ nô lệ đầu tiên của TQ ra đời.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Nghiêu Thuấn Nhường Ngôi

Các triều đại TQ đều tôn Nghiêu Thuấn là bậc minh quân thánh hiền, hành động nhường ngôi của họ luôn luôn là giai thoại được lưu truyền trong sử sách.

Sau thời Hoàng Đế, một số thủ lĩnh liên minh bộ lạc nổi tiếng lần lượt ra đời. Thí dụ như Nghiêu, Thuấn v v, họ ban đầu chỉ là tù trưởng bộ lạc thị tộc, sau mới được bầu làm đại tù trưởng liên minh bộ lạc.

Trong cuốn "Thượng Thư" có truyện "Nghiêu Điển" do người viết sử triều nhà Chu sưu tầm và biên soạn, đã tường thuật lại truyện Nghiêu, Thuấn nhường ngôi.

Bấy giờ, vì có việc hệ trọng, nên đại tù trưởng liên minh bộ lạc đã triệu tập tù trưởng các bộ lạc lại cùng bàn đối sách. Lúc này Nghiêu đã tuổi già sức yếu, ông bắt đầu nghĩ tới việc do ai kế thừa chức vụ của mình. Tức thì, ông liền hỏi ý của bốn tù trưởng của bộ lạc thị tộc Viêm Đế. Khi ông vừa nêu ra thuyết tưởng này thì có một người tên là Phóng Tề nói: "Con trai ông là một người sáng suốt, có thể đảm nhận chức vụ này". Nghiêu nghe vậy liền nghiêm nghị nói: "Không được, thằng này đạo đức còn rất kém, không có hàm dưỡng, lại hay cãi cọ với người khác ". Có một người lại đề cử rằng: "Cộng Công phụ trách về thủy lợi cũng là một người tốt chứ sao". Nghiêu lắc đầu nói: "Cộng Công là một người khéo ăn khéo nói, bề ngoài rất khiêm nhường, hòa nhã. Nhưng bên trong thì lại khác, tôi không thể tin được." Mọi

người bàn luận mãi mà vẫn chưa tìm được người nào xứng đáng, đành phải tan cuộc để bàn sau. Mấy hôm sau, Nghiêu lại triệu tập bốn tù trưởng lại bàn tiếp, các tù trưởng đều nhất trí tiến cử Thuấn. Nghiêu nghe xong liền gật gật đầu nói: "Tôi cũng từng nghe nói Thuấn là một người tốt, vậy các ông hãy giới thiệu tỉ mỉ về anh ta".

Tức thì, bốn người liền tranh nhau kể về tình hình của Thuấn. Thuấn người Đông Di, cha Cổ Tàu là một ông già hồ đồ, mẹ đẻ mất sớm, người mẹ kế cay nghiệt và đánh đá sinh được một con trai đặt tên là Tượng, anh này là một người nông cuồng làm càn, rất là vô lễ, nhưng lại được Cổ Tàu rất cưng chiều. Cả nhà đều coi Thuấn là cái gai trước mắt. Nhưng Thuấn tuy sống trong một hoàn cảnh như vậy, mà vẫn một mực kính hiếu đối với cha mẹ, thương yêu chăm sóc em, chứ không hề oán trách gì, quả là một người đạo đức cao thượng.

Nghiêu nghe xong vô cùng phấn khởi, bèn quyết định đem hai người con gái của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho Thuấn, chia cho Thuấn rất nhiều lương thực và bò cừu. Đồng thời quyết định tìm hiểu thêm về Thuấn. Người mẹ kế và em của Thuấn biết được việc này tỏ ra vô cùng ghen tỵ, họ liền bàn với Cổ Tàu tìm cách hại Thuấn bằng được mới thôi.

Một hôm, Cổ Tàu bảo Thuấn trèo lên sửa nóc nhà kho, trong khi Thuấn đang mải sửa nóc nhà, Cổ Tàu liền cất thang đi rồi châm lửa đốt. Thuấn thấy lửa bốc cháy vội vàng tìm thang để xuống, nhưng chẳng thấy thang đâu. Trong lúc nguy cấp, Thuấn liền bỏ nón trên đầu xuống, rồi hai tay cầm vành nón nhảy xuống mới thoát nạn.

Cổ Tàu và Tượng thấy Thuấn chưa chết, thì thua keo này lại bày keo khác. Một hôm, họ bảo Thuấn đi đào giếng, khi Thuấn đang hì hục đào ở phía dưới, thì họ ở bên trên liền đổ đất đá xuống rồi lèn chặt, những tường phen này Thuấn tất chết, nhưng dè dặt dưới giếng có một ngách có lỗ thông lên trên, Thuấn an toàn chui ra khỏi giếng, mà tuyệt nhiên không hề oán trách

ai, cứ thản nhiên như không có việc gì xảy ra.

Nghiêu quan sát thấy Thuấn quả là một con người thông minh nhanh trí, rất khoan dung đại lượng, khiêm đủ đức tài, bèn nhường ngôi Đại Tù Trưởng cho Thuấn. Sau khi kế vị, Thuấn không phụ lòng mong mỏi của mọi người, ông sống rất cần kiệm, cùng lao động và đồng cam cộng khổ với dân, nên được mọi người yêu mến. Một năm sau Thuấn qua đời, trước khi qua đời, Thuấn từng muốn nhường ngôi cho Đan Chu con trai của Nghiêu, nhưng vì mọi người không đồng ý, nên đành thôi.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hoàng Đế Chiến Suy Vưu

Trong thời đại viễn cổ vào hơn 5000 năm trước, có khá nhiều thị tộc và bộ lạc cư trú tại TQ, giữa họ có sự ảnh hưởng và đấu tranh với nhau trong một thời gian dài, sau có một số đi đến hòa hợp với nhau và dần dần phát triển lên. Trong đó có một bộ lạc đứng đầu là Viêm Đế, cư trú tại vùng lân cận Khương Thủy miền tây bắc TQ, do đó mới đặt là họ Khương (jiang), họ là một chi của dân tộc Khương (qiang) Tây Nhung, đã trước tiên từ phương tây du mục vào miền trung. Nghe nói họ có quan hệ họ hàng với bộ lạc Hoàng Đế sau đó cũng di nhập vào miền trung. Bộ lạc của Hoàng Đế ban đầu cư trú tại vùng lân cận Cơ Thủy, nên mới đặt là họ Cơ, Hoàng Đế đặt hiệu Hiên Viên Thị, còn gọi là Hùng Thị. sau đó mới di dời đến Trác Lộc của tỉnh Hà Bắc ngày nay, họ sống bằng nghề chăn nuôi và làm ruộng, rồi dần dần trở nên lớn mạnh.

Bấy giờ tại khu vực miền nam TQ có dân tộc Cửu Lê cũng rất lớn mạnh, dân tộc này do 9 bộ lạc liên hợp lại với nhau, mỗi bộ lạc lại có 9 thị tộc anh em, tổng cộng là 81 thị tộc, do Suy Vưu là thủ lĩnh. Trong truyền thuyết có nói Suy Vưu vai hổ lưng gấu, các thành viên trong thị tộc đều có thân hình như dã thú, hàng ngày chỉ ăn sỏi đá, đầu đồng trán sắt, tai mọc lông sắc như kiếm, bộ tộc Cửu Lê dũng mãnh thiện chiến, vẫn thường cướp bóc các bộ tộc khác, những người bị áp bức không đủ sức chống cự, nên cuộc sống rất khó cực.

Suy Vưu thường thường dẫn đầu dân tộc Cửu Lê xâm lấn bộ lạc của Viêm

Đế, Viêm Đế bị thua phải chạy sang Trác Lộc cầu cứu với bộ lạc Hoàng Đế. Hoàng Đế vì suy xét tới lợi ích của mình, bèn cùng Viêm Đế liên kết với nhiều thị tộc khác, rồi mở một trận kịch chiến với bộ tộc Suy Vưu ở đồng nội Trác Lộc.

Về cuộc chiến tranh này đã có khá nhiều truyền thuyết. Hoàng Đế cùng Viêm Đế không những liên hợp các bộ lạc cùng chiến đấu, mà còn thả 6 loài mãnh thú được thuần dưỡng như gấu, hổ, báo v v vào trận đánh, binh sĩ của Suy Vưu tuy dũng mãnh, nhưng vẫn không sao chống đỡ nổi, phải bỏ chạy tán loạn.

Trên đường chạy trốn, Suy Vưu đành phải mời "Phong bá vũ sư" đến trợ giúp. Trời đất bỗng chốc tối tăm, mây mù che phủ, cát sỏi bay mù mịt, mưa dầm chớp giạt. Hoàng Đế cũng không chịu thua kém, một mặt dùng xe chỉ nam do bộ lạc phát minh ra, hướng dẫn quân sĩ đuổi giết tàn quân của Suy Vưu trong mù mưa, một mặt mời thiên nữ "Bạt" xuống trần gian xua tan mưa gió, tức thì trời quang mây tạnh, bộ tộc Cửu Lê bị đánh bại, Suy Vưu bị bắt rồi bị giết chết. Truyện thần thoại tuy hoang đường, nhưng qua đó đã phần nào phản ánh được sự tàn khốc của cuộc chiến tranh này.

Bộ tộc Cửu Lê bị thất bại, những người còn lại một số chạy xuống phía nam, một số khác thì bị bắt làm tù binh lưu lại ở miền bắc trở thành "Lê Dân". Còn Hoàng Đế được nhiều bộ lạc ở khu vực miền trung ủng hộ, uy tín ngày càng cao. Ít lâu sau, giữa Hoàng Đế và Viêm Đế xảy ra xung đột, rồi qua ba lần kịch chiến ở Bản Tuyên, bộ tộc Viêm Đế bị thất bại, Hoàng Đế trở thành thủ lĩnh thống trị Trung Nguyên.

Trong truyền thuyết có kể về thời đại Hoàng Đế có khá nhiều phát minh. Luy Tổ người vợ cả của Hoàng Đế rất giỏi về nghề nuôi tằm, xe tơ, dệt vải. Xương Quyết sáng tạo ra văn tự. Đại Nhiêu sáng tạo ra can chi. Lang Luân chế ra nhạc cụ, cũng như dân chúng biết dùng ngọc làm binh khí, biết dựng cung điện, đóng thuyền, đóng xe, nhuộm trang phục v v. Những truyền thuyết

này chứng tỏ sức sản xuất của thời đại Hoàng Đế đã có sự phát triển nhất định.

Trong các cuốn sách của hậu thế ghi chép về thế hệ đế vương cổ như "Sơn Hải Kinh", "Đại Đới Lễ Ký" v v cũng đều bắt nguồn từ Hoàng Đế, ngay đến các học giả cổ đại cũng đều phải thừa nhận Hoàng Đế là thủy tổ của dân tộc Hoa Hạ. Do Hoàng Đế và Viêm Đế có quan hệ cận thân, sau lại dung hòa với nhau, nên người Hoa và Hoa Kiều nước ngoài đều tôn sùng hai vua Viêm, Hoàng là thủy tổ của dân tộc Trung Hoa, và tự xưng là "Con cháu Viêm Hoàng".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hòa Thượng Là Nguyên Soái

Cuối triều nhà Nguyên, cuộc đấu đá giữa các phe phái trong hoàng thất ngày càng gay gắt, tình hình xã hội rối ren, khiến đời sống nhân dân càng thêm cực khổ. Sau khi ông vua cuối cùng Nguyên Thuận Đế lên ngôi, do ăn chơi xa xỉ đã khoét rỗng kho bạc nhà nước, tình hình vật giá leo thang, nông dân các nơi không chịu đựng nổi đã vùng lên khởi nghĩa, trong đó cuộc khởi nghĩa do Chu Nguyên Chương lãnh đạo là nổi bật nhất.

Chu Nguyên Chương người Hào Châu, tức huyện Phượng Dương, tỉnh An Huy ngày nay. Gia đình xuất thân là nông dân, ông thưở nhỏ theo học trường tư thực, sau vì hoàn cảnh gia đình khó khăn phải thôi học đi thuê chăn trâu cho nhà địa chủ. Các nhân vật nổi tiếng như Từ Đạt, Thang Hòa v v sau này trở thành công thần dựng nước triều nhà Minh, đều là bạn nối khố của Chu Nguyên Chương.

Năm 1344, Chu Nguyên Chương mới 17 tuổi, bấy giờ khu vực phía bắc sông Hoài xảy ra nạn hạn hán và nạn châu chấu, kể đó dịch bệnh hoành hành, người nhà Chu Nguyên Chương bị lây nhiễm lần lượt qua đời, chỉ còn lại mỗi Chu Nguyên Chương và người anh hai. Chu Nguyên Chương bơ vơ không nơi nương tựa, mới đến làm hòa thượng trong chùa Hoàng Giác gần đó để kiếm miếng ăn. Tại đây, cậu chẳng khác gì người hầu, hàng ngày phải dậy rất sớm để làm việc, suốt ngày làm lụng rất vất vả.

Bấy giờ, vì mất mùa mà số lượng hòa thượng ngày càng tăng lên, trong

chùa thiếu lương ăn nên mọi người phải đi các nơi khất thực, Chu Nguyên Chương đi lang thang cầu khất ở vùng phía tây sông Hoài, nếm đủ mùi cay đắng, nhưng qua đó đã khiến cậu được mở rộng tầm mắt, nắm được tập tục và tình hình địa phương, rất có lợi cho việc chỉ huy tác chiến sau này.

Năm 1351, cuộc khởi nghĩa Hồng Cân bùng nổ, Quách Tử Hưng và một số người ở Hào Châu cũng tới tập nổi lên hưởng ứng. Chu Nguyên Chương được tin và đang chăm chú theo dõi sự phát triển của thời cuộc. Một hôm, Chu Nguyên Chương cho là thời cơ đã đến, liền rời khỏi chùa Hoàng Giác sang Hào Châu theo Quách Tử Hưng. Do mưu trí và dũng cảm, Chu Nguyên Chương dần dần được thăng chức và trở thành người tâm phúc của Quách Tử Hưng. Sau đó, Quách Tử Hưng còn gả người con gái nuôi là Mã Thị cho Chu Nguyên Chương, nên uy tín của Chu Nguyên Chương trong nghĩa quân ngày càng cao.

Bấy giờ, cùng khởi binh với Quách Tử Hưng có 4 người khác, họ đều tự xưng là nguyên soái, nhưng giữa bốn người này lại không ai chịu phục ai, nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Một hôm, 4 người đã liên hợp lại bắt giữ Quách Tử Hưng, còn Chu Nguyên Chương cũng xuýt bị toi mạng, sự việc này về sau cũng được sắp xếp ổn thỏa. Nhưng Chu Nguyên Chương qua đó đã nhận rõ được sự thiên cận của những người này, biết họ cũng sẽ chẳng làm được việc gì lớn. Ít lâu sau, Chu Nguyên Chương thừa lệnh về quê chiêu mộ binh mã, các bạn bè như Từ Đạt, Chu Đức v.v cũng đến theo, chỉ trong mấy ngày đã tụ tập được hơn 700 người. Chu Nguyên Chương có lực lượng riêng của mình thì không muốn ở lại thành Hào Châu, nên sau khi được sự đồng ý của Quách Tử Hưng, đã dẫn dắt đội ngũ của mình đánh nam dẹp bắc, số người đi theo mỗi ngày một đông.

Khi đoàn quân đi qua Định Viễn, có một văn nhân địa phương tên là Lý Thiện Trường đến xin gặp và được Chu Nguyên Chương phong là mưu sĩ. Một hôm, Chu Nguyên Chương hỏi Lý Thiện Trường rằng: "Nay thiên hạ

đang đại loạn, các nơi đều đang chém giết lẫn nhau, thì đến bao giờ mới được thái bình?". Lý Thiệu Trường đáp: "Cuối thời triều nhà Tần cũng từng xảy ra đại loạn như hiện nay, Hán Cao Tổ xuất thân bình dân, vì ông ta sáng suốt, lại biết dùng người và không giết hại kẻ vô tội, nên chỉ trong 5 năm đã thống nhất được thiên hạ. Nay triều đình nhà Nguyên đang hỗn loạn, thiên hạ đang bị tan rã, sao ông không học Hán Cao Tổ?".

Năm 1355, Quách Tử Hưng bị bệnh qua đời, con trai là Quách Thiên Tự kế nhiệm chức nguyên soái, Chu Nguyên Chương được phong làm phó soái. Ít lâu sau, Quách Thiên Tự tử trận, Chu Nguyên Chương được thay làm nguyên soái, tiếp quản cựu bộ của Quách Thiên Tự, thực lực càng trở nên lớn mạnh. Về sau, Chu Nguyên Chương đại phá được thủy quân nhà Nguyên, đánh chiếm được Tập Khánh, tức Nam Kinh- Giang Tô ngày nay, rồi đổi gọi Ứng Thiên Phủ và lấy đó làm căn cứ, phát triển dần xuống miền Giang Nam.

Mục lục

Thành Cát Tư Hãn
Lưu Thủ Đan Tâm Chiếu Hãn Thanh
Tên Giặc Bán Nước Tần Cối
Nhạc Phi Tinh Trung Báo Quốc
Nỗi Nhục Năm Tĩnh Khang
Đại Văn Hào Tô Thức
Tư Mã Quang Và "Tư Trị Thông Giám"
Vương An Thạch Hiến Pháp
Phạm Trọng Yêm Tâm Ưu Thiên Hạ
Khẩu Chuẩn Chống Giặc Liêu
Lý Hậu Chủ Vong Quốc
Bối Tửu Thích Bình Quyền
Trần Kiều Bình Biến
Xung Thiên Đại Tướng Quân Hoàng Sào
Kiều Tướng Quách Tử Nghi
Dương Quý Phi Thảm Tử Mã Ngụy Dịch
An Sử Chi Loạn
Tiên Thơ Và Thánh Thơ
Lý Lâm Phổ Khẩu Mật Tâm Xà
Điều Sùng Và Tống Cảnh
Nữ Hoàng Võ Tắc Thiên
Sông Chan Can Pu Và Công Chúa Văn Thành
Huyền Trang Tây Du Thịnh Kinh
Nguy Chính - Tấm Gương Của Đế Vương
Quyết Chiến Huyền Võ Môn
Tần Vương Lý Thế Dân
Lý Mật Ngưu Giác Quải Thư
Tùy Thang Vương Du Ngoạn Giang Đô
Trần Hậu Chủ Vong Quốc
Hiếu Văn Đế Cải Chế
Nhà Khoa Học Cổ Đại Tổ Xung Chi
Trận Đánh Phì Thủy
Vương Mãnh Bắt Rận Bàn Việc Thiên Hạ
Vương, Mã Cộng Thiên Hạ
Bát Vương Chi Loạn
"Văn Kê Khởi Vũ, Trung Lưu Kịch Tiếp"
Thạch Sùng Và Vương Khải So Giàu
Dương Hồ, Đỗ Dự Diệt Ngô
Tam Quốc Quy Tấn
Cúc Cung Tận Tuy, Tử Nhi Hậu Kỳ
Bảy Lần Bắt Mạnh Hoạch
Trận Xích Bích
Ba Lần Đến Lều Tranh

Trận Chiến Quan Độ

Mượn Danh Thiên Tử Ra Lệnh Cho Thiên Hạ

Vương Doãn Khéo Diệt Đồng Trác

Đồng Trác Chuyên Quyền

Hoàng Cân Quân Khởi Nghĩa (Khởi Nghĩa Khăn Vàng)

Sự Kiện "Đảng Cổ"

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Thành Cát Tư Hãn

Trong thời kỳ triều nhà Liêu và Bắc Tống, trên cao nguyên Mông Cổ có một số bộ lạc du mục lớn mạnh như: Mông Cổ, Tac ta, Mia-ơ-si v v. Trong đó, tập đoàn bộ lạc lớn mạnh nhất và có trình độ phát triển xã hội cao nhất là bộ lạc Khư lie và Nai Man ở miền trung và miền tây vùng hoang mạc cực bắc. Nhằm tranh đoạt đồng cỏ, tài sản và nô lệ, giữa các bộ lạc quý tộc Mông Cổ đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh liên miên. Đến khoảng thời kỳ đầu triều nhà Kim và Nam Tống, các quý tộc Si- den- sư Mông cổ đã liên kết thành liên bang quý tộc, bầu Hơ- pu- le- han làm vua đầu tiên thống lĩnh toàn cõi Mông Cổ, nhà vua cùng Den- pa- hai- han và Hu- thu- sư- han đều là người từng chiến đấu lâu năm với các bộ lạc Tac- ta, Mia- ơ- si cũng như triều nhà Kim. Sau khi Hu- thu-sư- han qua đời, liên bang bộ lạc Mông Cổ bị chia thành hai bộ lạc lớn, sau khi thủ lĩnh Pa- a- thu-ơ bị quân Tac- ta hãm hại bằng thuốc độc, con trai là Thiết Mộc Chân được sự giúp đỡ của mọi người đã đánh bại người Mia-ơ-si, đoạt được nhiều bộ lạc, nên lực lượng ngày một lớn mạnh.

Năm 1189, Thiết Mộc Chân lúc đó 28 tuổi được quý tộc Si -den -sư bầu làm thủ lĩnh, sự lớn mạnh của bộ lạc này đã trở thành mối uy hiếp lớn đối với địa vị bá chủ của Cha- mu- hơ, ông đã liên kết với các bộ lạc khác gồm hơn 30 nghìn quân phát động cuộc tấn công Thiết Mộc Chân, Thiết Mộc Chân đã chia 30 nghìn quân của mình làm ba ngả, kéo ra chặn đánh ở vùng gần sông Sân- hơ- ơ, một chi trên thượng du sông Khơ- lu- luân ngày nay. Cuối cùng, quân của Thiết Mộc Chân bị thất bại. Nhằm giữ gìn thực lực, Thiết Mộc

Chân đã rút lui về cố thủ ở thung lũng Chơ-lê-nia. Tuy Cha-mu-hơ giành được thắng lợi, nhưng các bộ lạc dưới quyền đều không ai tin phục. Còn lực lượng của Thiết Mộc Chân thì không ngừng lớn mạnh do các bộ tộc nô nức đi theo. Năm 1196, bộ lạc Tac- ta phản bội lại vương triều nhà Kim, triều đình cử tể tướng Wan- den- xiêng dẫn quân đi chinh phạt. Thiết Mộc Chân đã nhân cơ hội này liên hợp với bộ lạc Khơ- lia đánh bại bộ lạc Tác-ta. Sau trận thắng này, vương triều nhà Kim đã phong Thiết Mộc Chân làm thống lĩnh, có thể dùng danh nghĩa triều đình hiệu lệnh các bộ lạc Mông Cổ. Đến năm Khánh Nguyên thứ 6, liên quân Thiết Mộc Chân và triều đình đã đánh bại liên quân Thai- hao- u và Mia- ơ- si ở phía tây thượng du sông Khư-lu-luân ngày nay.

Năm 1201, Thiết Mộc Chân đánh bại liên quân 11 bộ lạc do Cha Mu Hơ làm thủ lĩnh, mà lịch sử gọi là "Trận đánh sông The-ni". Đến năm Gia Thái thứ 2, liên quân Thiết Mộc Chân và triều đình cuối cùng đã đánh bại liên quân Nai- man, Thai- hao- u, Tac-ta và Mia-ơ-si ở vùng Khu- hao-điên, sau đó lại dụ hàng được một số bộ lạc ở vùng Hu-lun-pây-ơ. Như vậy, khu vực phía tây kể từ thượng lưu sông Han Nan đến phía đông từ Đại Hưng An Lĩnh đến cao nguyên Mông Cổ đều thuộc quyền kiểm soát của Thiết Mộc Chân.

Từ đó, trong cuộc chiến tranh đoạt ngôi vua này, địa vị lãnh tụ của Thiết Mộc Chân đã rất rõ ràng, số ít người không chịu phục tùng như Cha- mu- hơ đã không thể nào đứng vững chân, đành dẫn một số ít thuộc hạ rời khỏi bãi chăn nuôi. Sau đó, Thiết Mộc Chân trải qua nhiều trận chiến đấu, lại lần lượt tiêu diệt được một số bộ lạc trên cao nguyên Mông Cổ, cuối cùng thống nhất được toàn cõi Mông Cổ. Ông được thủ lĩnh các bộ tộc Mông Cổ đề cử làm vua, đó chính là Thành Cát Tư Hãn tiếng tăm lừng lẫy. Sau khi lên ngôi vua, Thành Cát Tư Hãn đã dựng nên chế độ quân sự và chính trị, sử dụng văn tự Mông Cổ, khiến Mông Cổ trở thành một nhà nước lớn mạnh.

Cuộc chiến tranh thống nhất các bộ lạc Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn

chiếm địa vị hết sức quan trọng trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc, trong chiến tranh đã thể hiện được đầy đủ sự hùng tài đại lược và nghệ thuật chỉ huy quân sự cao siêu của Thành Cát Tư Hãn. Trong chiến tranh khinh hết mọi kẻ địch, chú trọng phân rõ địch ta, kết bạn gần đánh kẻ xa, tránh gây ra lẫn kẻ thù và coi trọng việc nắm vững tình hình địch, qua đó biết mình biết ta thì mới trăm trận trăm thắng. Đồng thời, nhấn mạnh tập trung ưu thế binh lực, chia cắt bao vây để đạt tới việc tiêu diệt gọn từng toán quân. Chiến thuật cơ động và linh hoạt, khi đánh xa thì phải tốc chiến tốc thắng, "Chiến thuật vảy cá" được sáng tạo trong thời kỳ này đã trở thành di sản ưu tú trong nghệ thuật chỉ huy chiến tranh.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lưu Thủ Đan Tâm Chiếu Hãn Thanh

Năm cuối triều Nam Tống, dân tộc Mông Cổ miền bắc đã kết thúc cục diện tương tàn tranh đoạt ngôi vua trong nội bộ vào năm 1271, dựng nên triều nhà Nguyên, sau đó chĩa mũi nhọn xâm lược vào Nam Tống. Năm 1273, tể tướng Bá Ngạn thống lĩnh 200 nghìn quân đánh vào Tương, Phần, lấy đó làm đột phá khẩu rồi xuôi dòng Trường Giang đi xuống, chưa đầy hai năm đã áp sát Lâm An thủ đô Nam Tống. Quân Mông Cổ đi đến đâu là ở đó xác chết đầy nội, máu chảy thành sông, làng mạc hoang vu tang tóc. Nam Tống đang đứng trước mối uy hiếp nghiêm trọng, Văn Thiên Tường là một anh hùng dân tộc vĩ đại chống xâm lược đã xuất hiện trong tình thế này.

Tháng 1 năm 1275, toàn tuyến phòng thủ của quân Tống bên sông Trường Giang bị quân Nguyên phá vỡ, triều đình buộc phải hạ chiếu cho các địa phương tổ chức binh mã cần vương. Văn Thiên Tường bèn lập tức quyên tiền làm quân phí, chiêu mộ các hào kiệt địa phương tổ chức thành một đạo nghĩa quân gồm hơn 10 nghìn người tiến về Lâm An. Ông được triều đình phong làm chỉ huy Bình Giang, dẫn quân ra cứu viện Thường Châu. Nhưng vì thế lực quân Nguyên quá lớn mạnh, tuy nghĩa quân Giang Tây chiến đấu rất anh dũng, nhưng cuối cùng vẫn không sao chống đỡ nổi quân Nguyên.

Năm 1277, trước sức ép tấn công toàn diện của quân Nguyên, Văn Thiên Tường trên đường rút lui về Hải Phong lại bị tướng Nguyên Trương Hoảng Phạm chặn đánh, rồi bị bắt làm tù binh. Sau khi uống thuốc độc tự sát không thành, Văn Thiên Tường bị Trương Hoảng Phạm bức viết thư dụ Trương Thế

Kiệt đầu hàng. Văn Thiên Tường nói: "Tôi đã không thể bảo vệ được cha mẹ, thì chẳng lẽ lại đi dạy người ta phản bội lại cha mẹ mình ư?". Trương Hoảng Phạm vẫn một mực bức ép ông phải viết thư. Văn Thiên Tường bèn chép một câu trong bài thơ "Quá linh đình dương" mà mình đã viết trước đây đưa cho hắn. Khi Trương Hoảng Phạm đọc tới hai câu: "Đời người xưa nay ai chẳng chết. Để lại lòng son rọi ngàn thu", thì hắn không còn biết nói gì nữa.

Triều Nam Tống bị diệt vong, Nguyên Thế Tổ lệnh cho Trương Hoảng Phạm áp giải Văn Thiên Tường về Đại Đô, giam lỏng trong Hội Đồng Quán. Vua Nguyên trước tiên cử Lưu Mộng Viêm nguyên là tả thừa tướng Nam Tống nay đã quy hàng nhà Nguyên, đến dụ Văn Thiên Tường đầu hàng, nhưng bị Văn Thiên Tường mắng cho một trận thậm tệ rồi quát đuổi đi. Nguyên Thế Tổ tức giận bèn quyết định tự mình xét hỏi Văn Thiên Tường, nhưng cũng bị ông từ chối.

Từ đó, Văn Thiên Tường bị ngồi tù đến 3 năm, ông nhận được thư của con gái, qua đó được biết vợ và hai con gái đều làm nô lệ trong cung, trong thư cũng ám thị ông chỉ có đầu hàng thì gia đình mới mong có ngày đoàn tụ. Văn Thiên Tường lòng đau như cắt, ông không muốn vì vợ con mà mất hết khí tiết, mới viết thư cho em gái nói rằng; "Nhận được thư của Liễu Nữ, lòng đau như cắt, đời người ai chẳng có tình ruột thịt máu mủ, nhưng nay đã đến nước này chỉ cần một chết mà thôi, không còn cách nào khác".

Trong thời gian ngồi tù, Văn Thiên Tường đã viết được khá nhiều bài thơ. Thí dụ như "Chỉ nam hậu lục" gồm 3 quyển, "Chính khí ca", đều là những danh tác bất hủ. Nguyên Thế Tổ thấy uy hiếp và dụ dỗ cũng không thể khuất phục được Văn Thiên Tường, bèn quyết định triệu kiến để khuyên Văn Thiên Tường. Nhưng Văn Thiên Tường vẫn một mực không chịu quỳ gối trước mặt vua, Nguyên Thế Tổ cũng không bức ép chỉ nói rằng "Người ở đây đã lâu ngày rồi, nếu chịu quy thuận trung thành với trẫm, thì trẫm có thể ban cho người một chức tước nào đó". Văn Thiên Tường bác lại rằng: "Tôi là tể tướng

của Đại Tổng, nay nhà nước bị diệt vong thì tôi chỉ mong được chóng chết mà thôi, chứ không mong được sống lâu làm gì". Nguyên Thế Tổ lại hỏi rằng: "Vậy ông muốn thế nào?". Văn Thiên Tường đáp: "Chỉ mong được chóng chết là đủ rồi". Nguyên Thế Tổ chẳng còn cách nào khác, đành ra lệnh hành quyết Văn Thiên Tường.

Ngày hôm sau, Văn Thiên Tường bị đưa ra pháp trường, trước khi hành hình, viên giám quan hỏi ông rằng: "Tể tướng còn điều gì muốn nói không? Nếu hối hận còn có cơ hội khỏi chết". Văn Thiên Tường quát lên rằng: "Chết thì chết, còn gì phải nói". Sau khi Văn Thiên Tường mất, người ta phát hiện trong túi ông có một bài thơ viết rằng: "Khống viết thành nhân, Mãnh viết thủ nghĩa, tình kỳ nghĩa tận, sử dĩ nhân trí. Độc thánh hiền thư, sở học hà sự? Nhi kim nhi hậu, thứ kỷ vô hồn". Văn Thiên Tường mất vào lúc 47 tuổi.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tên Giặc Bán Nước Tần Cối

Tần Cối là một đại thần thời Bắc Tống, hai vợ chồng hãn cùng hai vua Huy Tông và Khâm Tông bị giặc Kim bắt làm tù binh, hãn luôn khom lưng quỳ gối trước mặt Kim Thái Tông, khiến nhà vua rất vui lòng, rồi cử hãn đến làm tham mưu quân sự dưới trướng của đại tướng Đạt Lai. Trong khi lực lượng chống giặc Kim của Nam Tống ngày một lớn mạnh, Nhạc Phi và Hàn Thế Trung lãnh đạo các tướng sĩ đánh cho giặc Kim sứt đầu mẻ trán, khiến chúng không thể trụ vững chân tại Trung Nguyên, thì triều nhà Kim bèn cử vợ chồng Tần Cối trở về Nam Tống làm nội gián.

Tần Cối về đến Việt Châu, khi lần đầu tiên được nhà vua triệu kiến, Tần Cối đã ra sức khuyên Cao Tông nên nghị hòa với giặc Kim, hãn thậm chí còn thay triều đình viết sẵn một bức thư cầu hòa, điều này chính hợp với ý vua bèn cử hãn làm Lễ bộ thượng thư, hơn hai tháng sau lại phong hãn là phó Tế tướng, rồi hơn nửa năm sau giữ chức Tế tướng kiêm Khu mật sứ, nắm đại quyền quân chính Nam Tống. Tần Cối lợi dụng chức quyền câu kết với giặc Kim, bức hại trung lương, chính thức sắp đặt trò bỉ ổi bán nước cầu vinh. Tần Cối xúi giục Tống Cao Tông phát ra 12 tấm lệnh bài triệu hồi Nhạc Phi đang liên tiếp đánh thắng giặc Kim trên chiến trường, đã tạo cơ hội cho Ngột Thuật điều chỉnh lại lực lượng đánh xuống miền nam, có rất nhiều Châu, Huyện của Hà Nam vốn được Nhạc Phi thu phục, lại bị rơi vào tay giặc. Tần Cối mượn cơ này liền cử đặc sứ sang nước Kim cầu hòa và ký "Thiệu hưng hòa nghị". Ngột Thuật thấy Nhạc Phi sẽ là mối họa của nước Kim, nên hãn đã sai sứ giả đưa mật thư đến thúc Tần Cối tìm cách hãm hại Nhạc Phi.

Nhạc Phi rất căm phẫn bởi vợ chồng Tần Cối đã gán ghép cho mình đủ thứ tội danh, nhưng ngặt nỗi lại không thể biện bạch vào đâu, ông đành chủ động thôi chức Khu mật phó sứ và nhanh chóng được nhà vua phê chuẩn, nhưng Tần Cối nào có chịu thôi, hắn câu kết với đại tướng Trương Tuấn mua chuộc Vương Quý và Vương Tuấn là bộ tướng của Nhạc Gia Quân, vu khống tướng quân Trương Huấn muốn chiếm cứ Tương Dương, phát động binh biến và giúp Nhạc Phi đoạt lại binh quyền, đồng thời còn vu khống Nhạc Vân con của Nhạc Phi từng viết thư cho Trương Hiến mật bàn về việc này. Do đó, Trương Hiến bị bắt giam vào ngục chùa Đại Lý.

Tần Cối còn mời vua Cao Tông ra lệnh bắt Nhạc Phi và Nhạc Vân đến chùa Đại Lý, rồi cử Ngự sử trung thừa Hà Thao xét hỏi. Nhạc Phi chẳng nói chẳng rằng, bèn cởi áo cho Hà Thao xem bốn chữ "Tinh trung báo quốc" thích trên lưng mình. Hà Thao tỏ ra kinh ngạc không hỏi thêm gì nữa, liền bảo đưa Nhạc Phi về ngục. Hà Thao quay lại xem qua bản án, ông thấy việc khép tội Nhạc Phi mưu phản chẳng có bằng cứ gì, đành phải báo lại với Tần Cối. Tần Cối một mực muốn đưa Nhạc Phi vào chỗ chết, bèn ngấm ngấm sai người thù dệt tội danh và bức Nhạc Phi viết lời cung, Nhạc Phi chỉ viết lên tám chữ "Thiên nhật chiêu chiêu, thiên nhật chiêu chiêu". Phàm những người mình oan cho Nhạc Phi đều bị Tần Cối khép tội, lão tướng Hàn Thế Trung không thể nhịn được đã đến hỏi Tần Cối rằng: "Ông bảo Nhạc Phi mưu phản thì chứng cứ đâu?". Tần Cối ngạo mạn nói: "Nhạc Phi viết thư cho Trương Hiến, tuy không có chứng cứ, nhưng việc này rất có thể là có". Hàn Thế Trung tức giận nói: "Rất có thể, làm sao có thể khiến người thiên hạ phục".

Tần Cối đang do dự vì ép cung không được, mà lập tức giết chết Nhạc Phi cũng không xong, thì vợ hắn còn cay độc hơn hắn, mụ lạnh lùng nói rằng: "Phải biết bắt hổ dễ, mà thả hổ thì khó". Tần Cối nghe vậy liền viết lên một mảnh giấy, rồi sai người bí mật đưa cho ngục tốt. Vào một đêm tháng 1 năm 1142, vị anh hùng dân tộc mới có 39 tuổi này bị hại tại đình Phong Ba, cùng bị hại còn có Nhạc Vân và Trương Hiến. Đây là một tội lỗi do hôn quân và

gian thần gây nên, khiến thần dân đều phần nộ.

Sau khi Tống Cao Tông mất, Nhạc Phi mới được giải oan, người ta đem hài cốt Nhạc Phi chôn cất trên đồi bên bờ Tây Hồ phong cảnh tươi đẹp, về sau lại dựng Nhạc Miếu ở phía đông ngôi mộ, tượng Nhạc Phi trong bộ nhung giáp ngồi ở chính giữa điện, phía trên tường có một bức hoành phi bốn chữ "Hoàn ngã sơn hà" bút tích của Nhạc Phi, tượng Tần Cối được đúc bằng gang, cùng Vương Thị đang còng tay quỳ trước mộ, có đôi câu đối viết rằng: "Thanh sơn hữu hạnh mai trung cốt. Bạch thiết vô cô chú ninh thần".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Nhạc Phi Tinh Trung Báo Quốc

Nhạc Phi là một nhân vật anh hùng triều Nam Tống, lúc thiếu thời rất chăm chỉ học hành và luyện tập võ nghệ. Năm 1126 công nguyên, quân nhà Kim xâm lấn Trung Nguyên, đã mở màn cho cuộc đời cung ngựa chống giặc bảo vệ đất nước của Nhạc Phi. Truyền rằng, trước khi ra đi, người mẹ đã thích lên lưng Nhạc Phi bốn chữ "Tinh trung báo quốc", nó trở thành một tín hiệu mà Nhạc Phi suốt đời phải noi theo.

Nhạc Phi giỏi mưu lược, trị quân nghiêm minh. Trong suốt cuộc đời chinh chiến của mình, ông đã trước sau chỉ huy 126 trận đánh và chưa từng thua trận nào. Nhạc Phi không để lại cho đời sau một tác phẩm quân sự nào, nhưng về tư tưởng quân sự và sách lược cầm quân của ông, chúng ta chỉ có thể tìm thấy trong những bức thư, các bản tấu chương, hoặc trong thơ từ của ông mà thôi. Hậu thế đã gom lại biên tập thành "Nhạc võ mục di văn", cũng còn gọi là "Nhạc trung võ văn vương tập".

Sau khi tòng quân, vì chiến đấu dũng cảm nên Nhạc Phi nhanh chóng được thăng làm Khiêm Nghĩa Lang. Bấy giờ, thủ đô Khai Phong đang bị giặc Kim vây khốn, Nhạc Phi theo phó soái Tông Trạch đến cứu viện, đã đánh cho giặc Kim nhiều trận bị thua to. Cùng năm, thành Khai Phong bị thất thủ, hai vua Huy Tông và Khâm Tông bị bắt, vương triều Bắc Tống bị diệt vong. Tháng 5 năm Tĩnh Khang thứ 2, Khang vương Triệu Cấu lên ngôi, tức Tống Cao Tông, đã rời đô đến Lâm An và dựng lên triều Nam Tống. Nhạc Phi dâng thư yêu cầu Tống Cao Tông thu phục lại đất đai đã mất, nhưng bị nhà

vua cách chức. Ông đi theo đô thống Hà Bắc Trương Sở và được làm chỉ huy Trung Quân, chiến đấu với giặc Kim ở vùng núi Thái Hàng và lập được nhiều chiến công. Sau khi về Đông Kinh, Nhạc Phi được phong chức Võ Công Lang. Đến khi lão tướng Tông Trạch qua đời, ông lại đi theo Đỗ Xung lúc đó đang trấn giữ ở Khai Phong.

Năm Kiến Viêm thứ 3, tướng Ngột Thuật nước Kim lại dẫn quân đánh xuống miền nam, Đỗ Xung bỏ thành Khai Phong trốn xuống miền nam, Nhạc Phi bắt buộc phải đi theo. Mùa thu năm đó, Ngột Thuật tiếp tục nam tiến, Đỗ Xung trấn giữ ở Kiện Khang hoảng sợ chưa đánh đã xin đầu hàng, giặc Kim vượt qua sông Trường Giang nhanh chóng chiếm được Lâm An, Việt Châu, Minh Châu v v, Tổng Cao Tông thất thế buộc phải sang lưu vong ở Hải Thượng. Nhạc Phi chỉ huy quân đơn độc tác chiến ở vùng địch hậu, nhưng vẫn liên tiếp đánh thắng 6 trận đánh. Đến khi giặc Kim bao vây Thường Châu, Nhạc Phi lại dẫn quân đến giải vây và đánh thắng 4 trận liền. Năm sau, Nhạc Phi mai phục ở núi Ngưu Đầu đại phá giặc Kim, chiếm lại được Kiện Khang, buộc giặc Kim phải rút về miền bắc.

Năm Triệu Hưng thứ 3, vì có công tiêu diệt lũ đầu khẩu Lý Thành và Trương Dụng, Nhạc Phi được Tổng Cao Tông tặng một lá cờ gấm trên thêu bốn chữ "Tinh Trung Nhạc Phi". Tháng 4 năm sau, Nhạc Phi đánh lên miền bắc, thu phục lại 6 quận Tương Dương, Tín Dương v v. Tháng 12 cùng năm, Nhạc Phi lại đánh bại giặc Kim ở Lữ Châu, buộc chúng phải lui về miền bắc. Năm Triệu Hưng thứ 5, Nhạc Phi thu biên 50-60 nghìn tinh binh, khiến Nhạc Gia Bình càng thêm lớn mạnh, năm sau đã lần lượt chiếm lại được Y Dương, Lạc Dương, Thương Châu v v, và tiếp tục vây khốn khu vực Trần, Sái. Nhưng mãi đến lúc này, Nhạc Phi mới thấy mình đã đi quá sâu vào vùng địch hậu, thêm vào đó lại không có viện binh, nên đã viết lại một câu thiên cổ tuyệt xướng "Đãi từng đầu, thu thập cự sơn hà, triều thiên khuyết".

Năm Triệu Hưng thứ 7, Nhạc Phi được thăng làm Thái Úy. Ông đã nhiều

lần kiến nghị Tống Cao Tông bắt phạt để thu phục Trung Nguyên, nhưng nhà vua đều từ chối. Năm Triệu Hưng thứ 9, Cao Tông và Tần Cối đã nghị hoà với nhà Kim, Nam Tống phải chấp tay xưng thần và cống nạp cho nhà Kim. Nhạc Phi vô cùng tức giận đã nhiều lần kháng nghị bằng cách xin thôi chức về quê. Năm sau, Ngột Thuật phế bỏ bang ước rồi dẫn quân đánh xuống miền nam, Nhạc Phi được lệnh dẫn quân ra chống cự, rồi liên tiếp thu hồi được Trịnh Châu, Lạc Dương v.v.

Trong khi Nhạc Phi chiêu binh mãi mã tại thị trấn Chu Tiên, liên lạc với quân khởi nghĩa Hà bắc, đang tích cực chuẩn bị vượt qua sông Hoàng Hà để đoạt lại đất đai bị chiếm, thì Cao Tông và Tần Cối chỉ mong muốn cầu hòa, đã phát đi 12 đạo kim tự bài ra lệnh cho Nhạc Phi phải rút quân về. Nhạc Phi phẫn uất ngửa mặt lên trời than rằng: "Thập niên chi công, hủy vu nhất đán. Sở đặc Châu Quận, nhất triều toàn hưu. Xã tắc giang sơn, nan dĩ trung hưng", rồi gạt lệ dẫn quân quay trở về.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Nỗi Nhục Năm Tịnh Khang

Lý Cương tự đặt cho mình các biệt danh Lương Khê tiên sinh, Lương Khê ẩn sĩ và Lương Khê bệnh tẩu. Ông làm việc cho ba đời vua Huy Tông, Khâm Tông và Cao Tông, sống trong thời kỳ dân tộc đang đứng trước nguy cơ hết sức nghiêm trọng, ông từng 6 lần bị triều đình cách chức, bị phát vãng đến các tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây, Phúc Kiến, Vân Nam, cuối cùng đến Hải Nam nơi chân trời góc biển. Ông rất thấu hiểu nỗi thống khổ của nhân dân, đã mạnh bạo thỉnh nguyện cho nhân dân, dù nhiều lần bị cách chức nhưng vẫn không thể làm lung lay tấm lòng yêu nước của ông. Lý Cương là người tính tình cương trực. Do ông yêu cầu cải cách chính trị, đình chỉ bạo lực và phòng ngừa ngoại tộc xâm lấn, mà được năm quyền và được điều đến làm quản lý thế vụ ở huyện Sa. Đến năm Tuyên Hòa thứ 7, ông được vào triều nhậm chức Thái Thường Tiểu Khanh.

Năm Tuyên Hòa thứ 7, nhà Tống và nước Kim cùng liên hợp chống giặc Liêu. Mùa đông năm đó, nước Kim hủy bang ước rồi tiến quân xuống miền nam áp sát Biện Kinh. Đứng trước tình hình này, Lý Cương đã nhiều lần vạch rõ: "Giữa nước Liêu và Đại Tống trước kia từng đặt bang ước với nhau, sự tồn vong của nước Liêu cũng sẽ trực tiếp liên quan đến sự tồn vong của Đại Tống, nếu ta liên hợp với Kim đánh Liêu thì có khác nào đi kết bang với loài hổ lang, hậu hoạn khôn lường". Nhưng Tống Huy Tông lại nghe theo lời xu nịnh của lũ gian thần, không những đồng ý liên hợp với nước Kim đánh nước Liêu, mà còn giáng chức Lý Cương xuống chinh lý sử sách nhà nước. Tuy vậy, Lý Cương vẫn cứ dâng thư phản đối việc liên Kim kháng Liêu, Tống

Huy Tông nổi giận lại lần nữa cách chức ông xuống làm quan thuế vụ ở huyện Sa. Lý Cương lại dâng lên nhà vua cuốn "Ngự nhung ngũ sách", chủ trương thu phục lòng người, đối xử ưu đãi với nhân dân, tích góp tiền của để tăng cường sức nước. Nhưng nhà vua không chấp thuận và bày tỏ muốn bỏ Biện Kinh trốn xuống miền nam, giao cho Thái tử ở lại giữ Biện Kinh. Lý Cương liền chết viết huyết thư khuyên nhà vua nên nhường ngôi cho Thái tử, để hiệu triệu thiên hạ chống giặc Kim. Tống Huy Tông làm theo, rồi cuống cuồng chạy trốn xuống Trấn Giang.

Lý Cương cực lực phản đối việc bỏ trốn, ông chủ trương kiên quyết chống trả, vua Tống Khâm Tông chấp thuận và phong ông làm Binh Bộ Thị Lang. Năm Tĩnh Khang thứ nhất, Tống Khâm Tông ngự giá thân chinh, nhưng quân Tống bị thua mấy trận liền, mà tình hình Biện Kinh lúc đó càng trở nên nguy ngập, tể tướng Bạch Thời Trung và Lý Bang Ngạn khuyên nhà vua bỏ trốn. Lý Cương biết tin này liền xin gặp vua và nói rằng: "Thái Thượng Hoàng nhường ngôi cho bệ hạ, chính là mong bệ hạ trấn giữ kinh thành, bệ hạ làm sao lại có thể bỏ trốn?". Sau đó, Lý Cương còn nêu ra nhiều kế hoạch phòng thủ, mong nhà vua đoàn kết quân dân cùng nhau trấn giữ, đợi tới khi viện binh các nơi kéo đến rồi sẽ tổ chức phản công. Tống Khâm Tông liền phong Lý Cương làm Thượng Thư Tả Thừa, kiêm phụ trách toàn tuyến phòng thủ Biện Kinh.

Nguyên soái nước Kim thấy dùng sức mạnh quân sự không thể giành được thắng lợi, bèn quyết định dùng kế dụ hàng. Bấy giờ, triều đình nhà Tống đang ngập ngụa trong bầu không khí đầu hàng và đồng ý cắt đất xin cầu hòa. Dưới sự thao túng của phái đầu hàng, đứng đầu là Lý Bang Ngạn đã bãi miễn hết mọi chức vụ của Lý Cương và Chung Sư Đạo, rồi đến nhận lỗi và xin cầu hòa với giặc Kim. Phái chủ chiến đứng đầu là thái học sinh Trần Đông, đã cùng hơn trăm nghìn quân dân dâng thư yêu cầu cách chức Lý Bang Ngạn. Trước sức ép này, Tống Khâm Tông đành phục chức cho Lý Cương và Chung Sư Đạo. Sau khi triều nhà Tống nhận cắt nhượng ba thị trấn

ở Hà Bắc, quân nước Kim mới chịu rút về.

Chiến dịch bảo vệ Biện Kinh giành thắng lợi, Lý Cương được phong làm Quốc Bá, nhưng ít lâu sau lại bị cách chức điều đến Ninh Giang. Mùa thu năm Tĩnh Khang thứ nhất, giặc Kim lại đánh xuống miền nam, Thái Nguyên đã thất thủ, Biện Kinh bị vây hãm, Tống Khâm Tông vội triệu Lý Cương vào kinh, nhưng Lý Cương chưa đến nơi thì cả hai vua Huy Tông và Khâm Tông đều đã bị bắt, triều Bắc Tống bị diệt vong, mà lịch sử gọi là "Năm Tĩnh Khang nhục nhã".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Đại Văn Hào Tô Thức

Tô Thức, hiệu cư sĩ Đông Pha, người My Sơn- My Châu, là nhà văn và nhà thư họa triều Bắc Tống. Thời Tống Nhân Tông, ông tham gia thi Bộ Lễ, với bài "Hình thưởng trung hậu luận" đỗ bậc tiến sĩ. Ông trước sau đảm nhiệm các chức vụ Chánh án tòa án tối cao; Đại học sĩ viện hàm lâm phủ Phụng Tường; Thẩm phán phủ Khai Phong v v. Trong thời gian năm Hy Ninh vua Tống Thần Tông, ông nhận thấy luật mới do tể tướng Vương An Thạch đặt ra đã gây bất tiện cho dân, nên đã dâng thư phản đối, sau đó ông bị điều đến làm thông phán ở Hàng Châu. Ba năm sau, lại bị điều đi làm Tri Châu tại Mật Châu, Từ Châu, Hồ Châu v v. Bấy giờ, đã có người cố ý xuyên tạc các câu thơ của ông với dã tâm đen tối.

Năm Nguyên Phong thứ 2, khi Tô Thức nhậm chức ở Hồ Châu chưa được 3 tháng, do ông viết thơ châm biếm luật mới nên bị bắt vào tù, mà lịch sử gọi là "Điều đài thi án". Sau khi ra tù, ông bị giáng chức đến làm phó sứ đoàn luyện ở Hoàng Châu. Do địa vị thấp hèn, Tô Thức buộc phải dẫn cả nhà đi khai hoang trồng cấy để mưu kế sinh nhai. Ông đặt biệt hiệu "Đông Pha cư sĩ" là chính vào thời kỳ này.

Đến năm Nguyên Phong thứ 7 thời vua Tống Thần Tông, Tô Thức phụng mệnh rời Hoàng Châu đến nhậm chức ở Nhữ Châu. Do dậm trường vất vả, đứa con trai nhỏ của ông chẳng may qua đời, Tô Thức đau đớn vì mất con mà lộ phí cũng đã gần hết, đành phải xin với nhà vua tạm thời không đi Nhữ Châu, cho phép mình về tạm sống ở Thường Châu nghỉ ngơi một thời gian.

Nhưng khi Tô Thức trên đường về Thường Châu thì được tin vua Tống Thần Tông băng hà, Tống Triết Tông lên kế vị, Tư Mã Quang nhậm chức tể tướng. Tô Thức được triệu vào kinh, chỉ trong hai năm mà ông từ thái thú Đăng Châu được thăng vọt lên làm Hàn lâm học sĩ, rồi đến lễ bộ thượng thư. Do ông bất đồng với hiến pháp mới, nên đã tự xin đi nơi khác, ông lại được điều đến làm thái thú Hàng Châu sau 16 năm xa cách.

Tại Hàng Châu, Tô Thức có một công trình thủy lợi lớn, đó là đắp đê Tây Hồ mà thế nhân gọi là Đê Tô. Về sau, Tô Thức lại được triệu vào kinh, nhưng ít lâu sau lại bị điều đi Dĩnh Châu, sau đó còn mấy lần được triệu vào kinh nhậm chức, rồi cũng lại bị giáng chức xuống làm quan ở Huệ Châu, Đạm Châu v.v. Đến năm đầu thời vua Tống Huy Tông thì bị bệnh qua đời tại Thường Châu, hưởng thọ 66 tuổi. Văn chương của Tô Thức bay bổng, khoáng đạt. Ông là một trong tám đại gia hai triều Đường Tống. Thơ ông sáng sủa và khỏe khoắn, ông sành về ví von và khoa trương, phong cách thể hiện hết sức độc đáo, có một số bài thơ đã phản ánh về nỗi thống khổ của nhân dân, chỉ trích tầng lớp thống trị, có khá nhiều tác phẩm gây ảnh hưởng đối với hậu thế như: "Niệm nô Kiều – Xích Bích hoài cổ" v.v. Các tác phẩm thư pháp của ông đều hấp thu tinh hoa của các nhà thư pháp nổi tiếng như: Lý Ung, Từ Hạo, Ngạn Chân Khanh, Dương Nghi Thức v.v. Ông và Sái Dương, Hoàng Đình Kiên, Mễ Phát được gọi là "Tống tứ gia".

Tô Thức thời trẻ học lối thư pháp của "Nhị vương", thời trung niên học của Ngạn Chân Khanh, Dương Nghi Thức, khi về già học của Lý Bắc Hải, đồng thời còn hấp thu tinh hoa của các nhà thư pháp hai triều Tấn và Đường. Ông có thói quen cầm bút ngang, nên nét chữ dẹt và mập, đây là thủ pháp sáng tạo nghệ thuật đã làm phong phú và phát triển kỹ thuật thư pháp truyền thống, chứ không mô phỏng một cách máy móc.

Nhà thư pháp Hoàng Đình Kiên đã chia tác phẩm thư pháp của Tô Thức làm ba thời kỳ, đầu, giữa và cuối. Thời kỳ đầu thì nét chữ mềm mại, thanh tú.

Thời kỳ giữa thì khép tròn, khỏe khoắn. Còn thời kỳ cuối thì chững chạc, khoan thai. Tác phẩm tiêu biểu trong thời kỳ đầu có "Trị bình thiếp", nét chữ là lượn, phóng khoáng. Tác phẩm trong thời kỳ giữa có "Hoàng Châu hàn thực thi thiếp", đây là hai bài thơ được viết trong thời gian Tô Thức đang ngồi tù rồi bị điều đi Hoàng Châu vào năm Nguyên Phong thứ 5. Tuy ý thơ có phần ưu tư, buồn bã, nhưng văn thơ lại rất bay bổng, khoáng đạt. Nét chữ và cách dùng mực của ông cũng uyển chuyển, bay lượn theo ý thơ. Tiên Vu Xu triều nhà Nguyên đã gọi lối hành thư của ông là đứng vào hàng thứ ba, sau "Lan đình tự" của Vương Hi Chi và "Tế trí cảo" của Ngạn Chân Khanh. Thời kỳ cuối có các tác phẩm hành thư như "Động Đình xuân sắc phú" v v.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tư Mã Quang Và "Tư Trị Thông Giám"

Tư Mã Quang còn gọi là Tồn Thủy tiên sinh, xuất thân tiến sĩ, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như: Ngự sử trung thừa, Học sĩ Viện hàn lâm, Thị độc v.v, do bất đồng chính kiến với Vương An Thạch, nên ông đã cáo lui về sống ở Lạc Dương, dồn tâm huyết vào viết sử trong 15 năm. Sau khi Tống Triết Tông lên ngôi, Cao Thái Hậu can dự việc triều chính, Tư Mã Quang được điều lên triều đình đảm nhiệm chức Thượng thư tả bộc xạ, kiêm Môn hạ thị lang.

Trong cuộc biến pháp, giữa Tư Mã Quang và Vương An Thạch đã xảy ra bất đồng nghiêm trọng. Nhằm giải quyết nguy cơ trước mắt, Vương An Thạch chủ yếu muốn thông qua biện pháp mạnh bạo cải cách kinh tế và quân sự. Còn Tư Mã Quang thì cho rằng nên thông qua việc chấn chỉnh luân lý cương thường để bó buộc tư tưởng của mọi người vào khuôn phép chế độ hiện hành, chủ trương này thuộc loại cải cách trên cơ sở "Thủ thường". Qua hiến pháp của Vương An Thạch, có thể thấy Tư Mã Quang là một người già dặn và về mặt chính trị.

Trước tình hình không thể cộng sự với Vương An Thạch, Tư Mã Quang lui về sống ở Lạc Dương viết sử ký. Năm Bình Trị đầu tiên thời vua Tống Anh Tông, Tư Mã Quang dâng lên nhà vua bộ sách "Lịch niên đồ" gồm 25 quyển, hai năm sau lại dâng bộ sách "Thông chí" gồm 8 quyển, được Tống Anh Tông và Tống Thần Tông khen ngợi và ủng hộ. Tống Anh Tông cho phép Tư Mã Quang thành lập một ban viết sử và tự lựa chọn các quan chức

giúp việc. Tổng Thần Tông nhận thấy bộ sách này đã giám định về quá khứ, rất có lợi đối với việc trị nước, nên mới đặt tên là "Tư trị thông giám" và tự tay viết lời dẫn. Ngoài cho phép Tư Mã Quang được mượn sách tư liệu của nhà nước ra, nhà vua còn tặng sách cũ ở Dĩnh Đế cho Tư Mã Quang để tham khảo, mọi chi phí viết sách đều do nhà nước đài thọ.

Cùng viết sử với Tư Mã Quang còn có các ông Lưu Thử và Phạm Tổ Ngu, họ đều là nhà sử học bậc nhất thời bấy giờ. Trải qua nhiều năm cố gắng, cuối cùng đã đưa "Thông giám" đạt tới đỉnh cao huy hoàng, sự thành công này đều quyết định bởi công lao tận tụy của chủ biên Tư Mã Quang.

Trên thực tế, ý nghĩa của việc viết "Thông giám" đã vượt xa ý muốn của tác giả, nó không chỉ khiến tầng lớp thống trị có cơ sở tham khảo về "Tư trị", mà còn là sách tham khảo cho cả xã hội. Ông Hồ Tam Tỉnh người viết lời chú rất thấm thía ý nghĩa sâu xa của bộ sách này. Ông nói: "Thông giám" không chỉ viết về trị loạn, mà còn có Lễ nhạc, Lịch số, Thiên văn, Địa lý v.v. Ông Vương Minh Thịnh triều nhà Thanh cũng nói: "Đây là sách trên đời không thể thiếu và học giả không thể không đọc". Lịch sử ngót nghìn năm đã chứng minh, "Thông giám" cũng như "Sử ký" đã được mọi người coi là pho sử học quý báu, được lưu truyền rộng khắp và đem lại nhiều bổ ích. Giới nghiên cứu xưa nay đã khiến nó trở thành một môn học vấn chuyên môn, tức "Thông giám học". Hiện nay, việc nghiên cứu đang triển khai với nhiều tầng thứ và góc độ khác nhau, nó sẽ đem lại càng nhiều tri thức cho sự nghiệp tiến bộ loài người.

Tư Mã Quang suốt đời viết được rất nhiều sách, trong chuỗi tác phẩm "Thông giám" còn có "Thông giám cử yếu lịch" 80 quyển, "Lịch niên đồ" 7 quyển, "Kê cổ lục" 20 quyển, "Bản triều bá quan công khanh biểu" 6 quyển. Ngoài ra, còn có 20 thể loại khác gồm hơn 200 quyển, đây là thành quả nghiên cứu và biên soạn Sử học, Kinh học, Triết học, Y học, Thi từ v.v của Trung Quốc, chủ yếu có các tác phẩm "Hàn lâm thi thảo", "Chú cổ văn hiếu

kinh", "Dị thuyết", "Chú thái huyền kinh", "Chú Dương Tử", "Thư nghị", "Du sơn hành ký", "Tục thi thuyết", "Tư Mã Quang văn chính công tập" v v. Tuy Tư Mã Quang có bầu nhiệt huyết trị nước, nhưng do chính kiến bất đồng mà không có càng nhiều cơ hội để trực tiếp tham dự chính sự.

Sau khi Tống Thần Tông qua đời, Tư Mã Quang lúc đó đã 67 tuổi lên nhậm chức tể tướng, ông đã liên tiếp đặt ra luật mới, nhưng vì quá lao tâm tổn sức trong công việc, nên chỉ sau hơn một năm thì qua đời. Tin buồn truyền ra, người kinh thành đều bãi chợ đeo tang, khắp phố phường đều than khóc thảm thiết, hàng ngũ đưa tang lên tới mấy chục nghìn người. Một tể tướng trong xã hội phong kiến mà được đông đảo nhân dân chân thành viếng tang như vậy thì quả là hiếm thấy.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vương An Thạch Hiến Pháp

Vương An Thạch là nhà chính trị và nhà văn triều Bắc Tống, từ nhỏ chăm chỉ học hành, trước năm 20 tuổi theo cha ngao du các nơi, đi khắp mọi miền đất nước, đã tận mắt chứng kiến lũ quan liêu, cường hào và địa chủ áp bức nông dân, khiến nhiều gia đình mất hết ruộng đất, cuộc sống vô cùng cực khổ, thêm vào đó vương triều Bắc Tống áp dụng chính sách đối ngoại thỏa hiệp, nên mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt, quốc phòng và tài chính đang đứng trước nguy cơ nghiêm trọng, tình hình này đã khiến Vương An Thạch nuôi chí cải cách chính trị, đặt cơ sở tư tưởng cho việc thi hành hiến pháp sau này.

Năm Khánh Lịch thứ 2, Vương An Thạch thi đỗ tiến sĩ, trước sau đảm nhiệm các chức vụ Phán Quan Hoài Nam, Tri Huyện Huyện Ngân, Tri Châu Thường Châu v v, làm quan địa phương tại vùng Giang Chiết hơn 16 năm trời, ông bước đầu thúc đẩy thi hành cải cách tại khu vực thuộc quyền cai quản của mình, qua đó đã bộc lộ tài năng chính trị rất xuất sắc.

Sau khi về kinh nhậm chức ít lâu, Vương An Thạch đã trình lên Tống Nhân Tông một bức thư vạn ngôn, trong đó bàn về tình hình chính trị, tường thuật kế hoạch nước giàu binh mạnh, nhưng đáng tiếc là không được triều đình chấp thuận.

Sau khi Tống Thần Tông lên ngôi, nhà vua rất tán thưởng chủ trương hiến pháp của Vương An Thạch, đến năm Hy Ninh thứ 2 đã bổ nhiệm ông làm

phó Tể Tướng, năm sau lại phong làm Tể Tướng, chủ trì thành lập cơ cấu biến pháp. Vương An Thạch đã bắt đầu từ việc "Lý Tài" và "Chỉnh Quân", ban bố một loạt luật pháp mới. Việc thúc đẩy luật mới trên một mức độ nào đó đã hạn chế được cường hào tập trung thế lực, làm dịu được nguy cơ quân sự và tài chính nhà nước.

Cuộc biến pháp của Vương An Thạch đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của tập đoàn địa chủ quan liêu. Tuy ông gắng sức loại trừ dị nghị, một lòng một dạ thúc đẩy luật mới, nhưng cuối cùng vì thân cô thế cô, dưới sự thao túng và phỉ báng của phe chống đối, đến năm Hy Ninh thứ 7 ông buộc phải từ chức. Năm sau, ông lại nhậm chức tể tướng, nhưng vì vua Tống Thần Tông lúc này đã mất hứng thú đối với việc tiếp tục cuộc cải cách, trong nội bộ phe biến pháp xảy ra lục đục, con trai ông lại lâm bệnh, nên năm sau ông lại từ chức trở về Giang Ninh và sống ở đó gần 10 năm trời. Năm Nguyên Phong thứ 8, Tống Thần Tông bị bệnh qua đời, phái thủ cựu lên chấp chính, nên luật mới đã hoàn toàn bị phế bỏ. Vương An Thạch vô cùng buồn chán, đến năm đầu đời vua Tống Triết Tông thì qua đời.

Vương An Thạch rất coi trọng vai trò xã hội của văn học, ông chủ trương văn chương phải "Vụ vi hữu bổ vu thế, dĩ thức dụng vi bản", ông đồng thời cũng rất coi trọng chức năng của nghệ thuật. Ông có sự phân tích mạnh bạo đối với luận văn chính trị, với thái độ rõ ràng, nghị luận sâu sắc, bút pháp khỏe khoắn, đã hình thành một phong cách nghệ thuật hết sức nhạy bén và dẻo dai. Thí dụ trong bài "Đáp Tư Mã Giác nghị thư", đã biểu hiện được thái độ chính trị không thỏa hiệp trước phái thủ cựu và tấm lòng cao cả không đắn đo trước sự được mất cá nhân của ông. Tuy bài viết ngắn gọn chỉ có mấy trăm chữ, nhưng ý nghĩa mạch lạc, ngôn ngữ giản dị và trong sáng, đây chính là sức mạnh để bác lại đối phương.

Trong bài tạp ký "Du Bao Thiên Sơn ký", Vương An Thạch đã kết hợp chặt chẽ giữa du ký với lý lẽ một cách rất tự nhiên, ông gửi gắm triết lý sâu

sắc vào hiện tượng cuộc sống đời thường, càng khiến người đời phải suy nghĩ. Tác phẩm thơ ca của Vương An Thạch chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của Đỗ Phủ và Hàn Dũ, nội dung phần lớn đều phản ánh về nỗi cơ cực của nhân dân và các vấn đề xã hội khác, thủ pháp biểu hiện phần lớn đều là tản văn, dễ nghị luận, ngôn ngữ mộc mạc mà sung sức. Phong cách những bài thơ của ông sáng tác khi tuổi về già cũng có sự thay đổi, ông đã dung hòa nhuần nhuyễn giữa tình với cảnh, rất hàm súc và tế nhị, nhưng lại ít nhắc tới mâu thuẫn hiện thực. Ông cũng có một số bài từ có phong cách rất cao nhã.

Vương An Thạch viết khá nhiều tác phẩm hay, thí dụ như "Tự Thuyết", "Chung Sơn nhật lục" v v, nhưng phần lớn đều đã thất lạc. Hiện còn giữ lại được có "Lâm Xuyên tập", "Lâm Xuyên tập thập di", "Chu quan tân nghĩa" trong "Tam kinh tân nghĩa", "Lão Tử chú" v v. Các bài viết và thơ của ông đã phản phui sự ngang trái của thời đại, phong cách khoáng đạt và khỏe khoắn, ông là một trong 8 đại gia hai triều Đường Tống.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Phạm Trọng Yêm Tâm Ưu Thiên Hạ

Năm 1014 công nguyên, Tống Chân Tông dẫn bá quan sang Hào Châu? Tức huyện Hào, tỉnh An Huy ngày nay? vào hành hương Thái Thanh Cung, đoàn người ngựa rầm rộ đi qua Nam Kinh, khiến cả thành phố trở nên náo động, mọi người nô nức kéo nhau đến chiêm ngưỡng long nhan, duy có một học trò là vẫn đóng cửa ngòai trong nhà lặng lẽ đọc sách. Khi một người bạn học chạy đến báo anh ta rằng: "Hãy mau ra mà xem, đây là dịp may hiếm có, chớ nên bỏ lỡ ". Anh ta vẫn cúi đầu vào trang sách, miệng lầm bầm rằng: "Sau này gặp cũng chẳng muộn", rồi lại chăm chú học tiếp. Năm sau, anh chàng thi đỗ tiến sĩ, được gặp mặt vua. Người này chính là Phạm Trọng Yêm, nhà cải cách tư tưởng vĩ đại triều Bắc Tống sau này.

Phạm Trọng Yêm từ nhỏ cha mất sớm, người mẹ Tạ Thị đành phải ẵm con tái giá với một người họ Chu ở huyện Trường Sơn- Sơn Đông. Năm 21 tuổi, Phạm Trọng Yêm theo học tại chùa Lễ Tuyên trên núi Trường Sơn, trải qua những năm tháng học tập hết sức gian khổ. Sau khi thành đạt, trong hơn mười mấy năm sau đó, Phạm Trọng Yêm luôn đảm nhiệm một chức quan nhỏ tại địa phương. Do ông làm được nhiều việc ích nước lợi dân, nên được điều đến trung ương, phụ trách chỉnh lý và hiệu đính sách trong lầu sách của nhà vua. Sau đó, vì ông làm méch lòng Lưu Thái Hậu, nên bị phát vãng đến phủ Hà Trung.

Sau khi Lưu Thái Hậu qua đời, Phạm Trọng Yêm lại được triệu vào triều đình nhậm chức Hữu Tư Giám. Năm 1033 công nguyên, các vùng Kinh Đông

và Giang Hoài xảy ra đại hạn và nạn châu chấu, Phạm Trọng Yêm dâng sớ xin nhà vua cử quan viên đi cứu nạn, vua không những không nghe, mà còn lao vào viên ăn chơi xa xỉ. Phạm Trọng Yêm tức giận bèn đến chắt vấn nhà vua, vua chẳng biết nói sao đành cử ông đi chống hạn. Phạm Trọng Yêm đến vùng bị hạn, mỗi khi đến đâu đều mở kho phát gạo và tuyên giảm phần nào mức tô thuế, ông còn đem cỏ dại mà dân ăn trong lúc đói kém đến dâng nhà vua, mong vua đưa cho mọi người trong hoàng gia cùng xem. Do Phạm Trọng Yêm mạnh dạn dâng sớ khuyên vua, khiến nhà vua tức giận lại đuổi ông ra khỏi triều đình.

Tháng 4 năm 1034 công nguyên, tình hình giữa Tống và Hạ vừa được hòa hoãn, Tống Nhân Tông lại điều Phạm Trọng Yêm về Đông Kinh nhậm chức phó Tế Tướng, cùng phó sứ Khu mật là Phú Bật và Hàn Kỳ v v gánh vác việc triều chính. Bấy giờ, bộ máy quan liêu trong triều đình không ngừng bành trướng, hiệu xuất hành chính ngày một thấp, số lượng quân đội ngày một tăng lên, mỗi hiểm họa trong và ngoài nước luôn luôn xảy ra, đã tăng thêm gánh nặng cho dân, tình hình tài chính nhà nước bị thiếu hụt nghiêm trọng. Đứng trước tình hình này, vua Tống Nhân Tông đã năm lần bảy lượt triệu gặp đám người Phạm Trọng Yêm, đốc thúc họ phải lập tức đưa ra phương án.

Cuối năm đó, Phạm Trọng Yêm cử một tốp An Sát Sứ đi các nơi kiểm tra hành vi quan lại, ông mỗi khi nhận được báo cáo của họ, đều không do dự gạch ngay tên những người không xứng chức trong danh sách quan chức. Phú Bật và Hàn Kỳ thấy vậy rất lo ngại đều khuyên ông, nhưng Phạm Trọng Yêm điềm nhiên trả lời rằng: "Một nhà khóc còn hơn là bao nhiêu nhà phải khóc".

Có khá nhiều quan viên chính chức trong triều đều ca ngợi chiếu lệnh cải cách của Phạm Trọng Yêm,, nhưng cuộc cải cách này đã xúc phạm tới thế lực phong kiến mục nát, hạn chế đặc quyền của đại quan liêu, nên họ đã tụ tập lại đả kích chính sách mới, vu khống đám Phạm Trọng Yêm kéo bè kết phái và mưu toan lập thế lực riêng.

Vua Tống Nhân Tông vốn không để ý tới những lời nói này, nhưng khi thấy thế lực phản đối chính sách mới ngày càng mạnh mẽ, nên cũng bị giao động và mất hết lòng tin đối với cuộc cải cách. Nhà vua cách chức Phạm Trọng Yêm và điều ông đi Đặng Châu.

Sau khi đến Đặng Châu, Phạm Trọng Yêm đã viết bài "Nhạc Dương lâu ký" nổi tiếng, ca ngợi phong cảnh thơ mộng trên hồ Động Đình, ông mượn cảnh tả tình, khuyên các chí sĩ chớ thương sót trước cảnh ngộ của mình, gạt bỏ sự được mất cá nhân, hãy "Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ". Hai câu này đã khái quát được sự đeo đuổi và chuẩn mực làm người của Phạm Trọng Yêm. Đồng thời, cũng đã khái quát được tư tưởng vì nước vì dân của ông.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Khấu Chuẩn Chống Giặc Liêu

Khấu Chuẩn là tể tướng nổi tiếng triều Bắc Tống, ông túc trí đa mưu, dũng cảm hơn người. Nghe nói, Khấu Chuẩn lúc 5 tuổi theo cha đến làm việc trong phủ một gia đình quyền quý, vì bức cửa quá cao, nên cậu bé phải bò lết mới qua được, chủ nhà thấy vậy cười nhạo rằng: "Cậu bé chân ngắn", Khấu Chuẩn liền đáp rằng: "Cũng chỉ tại bức cửa nhà ông quá cao mà thôi", khiến ai nấy nghe xong đều cảm thấy kinh ngạc.

Tài năng của Khấu Chuẩn được vua Tống Thái Tông rất coi trọng. Năm 994 công nguyên, Khấu Chuẩn được triệu vào triều đình nhậm chức Tham Tri Chính Sự. Ông làm Giản Nghị Đại Phu và Khu Mật Phó Sứ chưa đầy hai năm, vì tính tình cương trực nên đắc tội với các nhà quyền quý, Tống Thái Tông tin nghe lời đồn nhảm đã cách chức Khấu Chuẩn, rồi điều ông đến làm tri phủ Thanh Châu cách xa kinh thành.

Khấu Chuẩn rời kinh chưa được một năm, thì công việc trong triều đình đã rối như mớ bòng bong. Tống Thái Tông đành phải hạ chỉ triệu Khấu Chuẩn về kinh khôi phục chức cũ. Khấu Chuẩn đã nêu ra lấy "Tiến hiền thoái bất tiêu" làm cương lĩnh, mạnh dạn tiến hành cải cách chính trị. Tống Thái Tông bấy giờ đã tuổi già sức yếu, không còn quả quyết và khí khái như trước, mặt khác lại lo ngại Khấu Chuẩn sẽ gây điều rắc rối, nên lại lần nữa miễn chức Tham Tri Chính Sự của Khấu Chuẩn, điều ông đi nhậm chức thứ sử Đặng Châu. Khấu Chuẩn vốn đang dồn tâm huyết vào việc thúc đẩy cải cách, còn chưa hiểu đầu đuôi ra sao, thì lại lần nữa bị rơi xuống đáy vực.

Mãi tới khi con trai Tống Thái Tông là Tống Chân Tông-Triệu Hằng lên nối ngôi, vị vua trẻ và sung sức này vốn rất hâm mộ tính tình khảng khái, đảm lược và tài ba hơn người của Khấu Chuẩn, duy có một điều khiến nhà vua không vừa ý là tính khí cương trực của ông. Nhưng sau khi cân nhắc kỹ, vua Tống Chân Tông vẫn bổ nhiệm Khấu Chuẩn giữ chức tể tướng. Khấu Chuẩn trải qua bao lần lên voi xuống chó, lại một lần nữa từ đáy vực leo lên trung tâm quyền lực của vương triều nhà Tống, đạt tới đỉnh cao chốn quan trường, trở thành viên tể tướng chỉ đứng dưới một người, mà đứng trên hàng trăm triệu người.

Năm 1004 công nguyên, quân Liêu ở phương bắc ồ ạt tiến xuống miền nam, chỉ trong một ngày mà triều đình đã nhận được năm tin cấp báo của địa phương. Vua Tống Chân Tông thất kinh, các quan văn võ trong triều đều khiếp đảm, nội thành Khai Phong đang nháo nhác trước cơn giông tố sắp ập đến. Trước tình hình nguy ngập này, một tốp đại thần phái đầu hàng trong triều chủ trương bỏ chạy về Nam Kinh hoặc Thành Đô để bảo toàn tính mạng, riêng có Khấu Chuẩn là chủ trương chống lại giặc Liêu, những lời lẽ chính trực của ông đã khiến các quan văn võ trong triều không ai còn dám nói đến việc bỏ chạy nữa.

Dưới sự chỉ huy của Khấu Chuẩn, quân Tống đã giành được thắng lợi. Nhưng tại mặt trận hướng Sàn Châu, Tống Chân Tông nhát gan không dám vượt qua sông Hoàng Hà, Khấu Chuẩn lại phải khuyên mãi, mới dẫn được Tống Chân Tông đang trong do dự sang đến bờ bắc sông Hoàng Hà. Giữa lúc hai bên đối trận nhau, vua Tống Chân Tông khác nào từ trên trời xuống xuất hiện trên thành lầu bắc Sàn Châu. Các tướng sĩ quân Tống đứng từ xa nhìn thấy cờ rồng phấp phới, tức thì tiếng hò reo nổi lên vang xa tới mấy chục dặm, khiến quân Liêu sợ khiếp vía, hàng ngũ trở nên lộn xộn. Khấu Chuẩn thấy vậy liền chỉ huy quân Tống nhanh chóng đánh sang, quân Liêu trở tay không kịp phải bỏ chạy tán loạn, tên chủ soái bị bắn chết, hơn nửa số quân bị bắt làm tù binh.

Sau trận thắng lớn này, hai bên Tống và Liêu đã ký bang ước hòa mục láng giềng. Từ đó, biên giới hai nước không còn xảy ra chiến tranh, nhân dân an cư lạc nghiệp, vương triều Bắc Tống được yên ổn trong hơn 70 năm trời.

Các đại thần ban đầu chủ trương bỏ chạy, nay thấy Khấu Chuẩn lập chiến công thì rất lo bị ông hành tội, nên họ đã câu kết với nhau vu khống Khấu Chuẩn. Vua Tống Chân Tông vốn có lòng nghi kỵ Khấu Chuẩn từ lâu, nay lại nghe những lời nói nhảm nhí của lũ tiểu nhân, vua nổi cơn lôi đình, bèn lập tức bãi miễn chức tể tướng của Khấu Chuẩn, điều ông xuống làm tri châu Thiểm Châu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lý Hậu Chủ Vong Quốc

Tống Thái Tổ sau khi trải qua "Bối tửu dịch binh quyền", đã ổn định được ách thống trị nội bộ. Bây giờ, Trung Nguyên vẫn còn 10 nước thời Ngũ Đại là Bắc Hán, Nam Đường, Ngô Việt, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Bình v.v. Tống Thái Tổ không chỉ muốn thiết lập triều Bắc Tống, mà còn có dã tâm thống nhất Trung Nguyên.

Nam Đường là một chính quyền cát cứ lớn nhất trong số 10 nước, có đất đai màu mỡ và không bị chiến tranh tàn phá như vùng Trung Nguyên, nền kinh tế phát triển, nhà nước giàu mạnh. Nhưng các đời vua Nam Đường lại là những người bất tài, đã khiến nhà nước dần dần trở nên suy yếu. Lý Dục là vua đời thứ 3 và cũng là ông vua cuối cùng của triều Nam Đường, mà lịch sử gọi là Hậu chủ Nam Đường. Ông là con trai thứ 6 của Đường Nguyên Tông, vì 5 người anh đều mất sớm nên mới được nối ngôi, nhưng khi ông lên làm vua thì cũng là thời kỳ triều Nam Đường đã suy yếu đến kiệt quệ.

Lý Dục theo đạo phật, suốt ngày say sưa trong thơ từ ca phú. Trung Quốc có khá nhiều hoàng đế ham mê chơi chữ, mà người thực sự có tu dưỡng về văn học thì chẳng có mấy ai, nhưng Lý Dục lại là người rất nổi bật về mặt này. Trong cuốn "Từ lâm kỷ sự" đã khen ông từ nhỏ thông minh lanh lợi, giỏi văn chương, thư họa và thông âm luật. Khi ông lên ngôi thì triều Nam Đường đã lung lay đến tận gốc, mà ông vẫn điềm nhiên không để ý tới chính sự. Lý Dục là một người nhu nhược, nhằm giữ vững địa vị của mình, ông hàng năm đều tiến cống cho Bắc Tống rất nhiều vàng bạc châu báu. Về sau, khi thấy

Tổng Thái Tổ liên tiếp tiêu diệt 3 nước nhỏ ở xung quanh, nhà vua mới hoảng hốt gửi thư cho Tổng Thái Tổ, bày tỏ muốn xóa bỏ quốc hiệu Nam Đường, xin đổi xưng mình là "Giang Nam quốc chủ".

Tháng 9 năm 974 công nguyên, Tổng Thái Tổ cử hai tướng Tào Bân và Phan Mỹ dẫn 100 nghìn đại quân chia làm hai đường thủy bộ tiến đánh Nam Đường. Tào Bân theo đường thủy đã nhanh chóng chiếm được Kim Lăng. Trong lúc nguy khốn như vậy mà Lý Dục vẫn thản nhiên cầm cùi trong thư từ ca phú. Sau khi nghe tiếng ngựa chiến hí vang bốn bề, nhà vua mới sợ hãi nhớ mình còn chưa cáo biệt thái miếu đền thờ tổ tông, lần này rời khỏi Giang Nam thì biết bao giờ trở lại. Nhà vua lặng lẽ nhìn tòa cung điện nơi mình đã sinh sống trong mấy chục năm nay mà lòng đau khôn tả, một khi mình bị bắt thì không biết sẽ bị đẩy ải đến đâu, nhà vua không dám nghĩ tiếp nữa

..... Bấy giờ, quân Tống đã tiến vào cửa cung, Lý Dục vội vàng thay quần áo trắng, sai người bưng

ngọc tử, rồi dẫn hơn 45 người trong cung ra đầu hàng.

Tổng Thái Tổ nói một cách mỉa mai rằng: "Nếu Lý Dục cũng gắng công trị nước như làm thư từ ca phú, thì đâu đến nỗi bị bắt như ngày hôm nay". Sau khi Lý hậu chủ bị bắt, Tổng Thái Tổ phong ông làm "Vi Mệnh Hầu", đối xử với ông nhạt nhẽo như một người khách lạ. Từ đó về sau, hậu chủ sống cuộc đời tù túng cách biệt với thế giới bên ngoài tại Biện Kinh, ông thực sự trở thành một người lẻ loi trên đời, tuy cũng có chức tước, nhưng thực ra cũng chẳng khác gì tù nhân, các đại thần trước đây cũng chẳng còn ai liên hệ với ông, bởi lẽ một ông vua lạc phách trầm luân đã mất nước, đã không có tác dụng may mắn đối với các cự thần Giang Nam đang háo hức mưu cầu danh tước.

Nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ, thí dụ như Từ Huyền vẫn không quên hậu chủ, cũng bởi quá đau buồn vì mất nước nên chưa dám mạo muội đến

thăm ông.

Những bài viết của Lý Dục sau khi bị mất nước rất hay, đã đạt tới trình độ đăng phong tạo cực, mà nổi tiếng nhất là bài Đậu mỹ nhân: "Xuân hoa thu nguyệt hà thời liễu, vãng sự chi đa thiếu. Tiểu lâu tạc dạ hữu đông phong, cố quốc bất kham hồi thủ nguyệt minh trung. Điều lan ngọc thể ứng do tại, chỉ thị chu ngạn cải. Vãn quân năng hữu kỷ đa sâu? Khấp tự nhất giang xuân thủy hướng đông lưu". Nghe nói, Tống Thái Tông nghe xong bài từ liền nổi cơn lôi đình, nhân đó nói ông có "Cố quốc chi tư", mới ban cho ông một liều thuốc độc gọi là "Khuyên cơ tán", khiến ông uống đứt ruột mà chết.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Bối Từ Thích Bình Quyền

Triệu Khuông Dận "Hoàng bào gia thân, báii hô vạn tuế" trở thành nguyên huân khai quốc triều nhà Tống. Cũng có thể do giang sơn xã tắc lọt vào tay một cách dễ dàng, Triệu Khuông Dận rất lo ngại người khác cũng sẽ dùng thủ đoạn tương tự để cướp đoạt ngôi vị của mình, nên ông nảy ra ý định bãi miễn binh quyền của một số tướng lĩnh. Sau khi bàn kỹ với Triệu Phổ, việc mỗi xé lần này chủ yếu là nhằm vào hai vị đại tướng cầm quân Thạch Thủ Tín và Vương Thâm Kỳ.

Một buổi tối sau buổi chiều, Triệu Khuông Dận bày tiệc mời các tướng lĩnh cầm quân đến dự. Khi từ quá tam tuần, Tống Thái Tông ra hiệu cho các thái giám bên cạnh ra ngoài, tay nâng chén mời các tướng và nói rằng: " Nếu trăm không được các khanh giúp sức thì đâu có được địa vị như ngày hôm nay. Nhưng các khanh đâu có biết, làm vua cũng có cái khó của vua, thà làm Tiết Độ Sứ còn thoải mái hơn. Trăm không giấu giếm gì các khanh, một năm nay mà trăm không đêm nào được ngủ yên giấc cả". Thạch Thủ Tín nghe vậy thất kinh vội bẩm rằng: "Bệ hạ sao lại nói như vậy, nay thiên mệnh đã định, ai còn dám có lòng dạ nào khác".

Triệu Khuông Dận ra vẻ thành khẩn nói: "Các khanh đều là người đáng tin cậy, đương nhiên không có ý này nọ. Nhưng chỉ lo các tướng sĩ dưới quyền các khanh có lòng tham quyền quý, muốn khoác hoàng bào lên người các khanh, mà các khanh không muốn cũng không được". Thạch Thủ Tín và các tướng lĩnh nghe xong, biết là tai họa sắp giáng xuống đều cúi đầu ứa

nước mắt nói: "Chúng thần ngu muội đều không nghĩ tới điều này, mong bệ hạ chỉ cho một lối thoát". Triệu Khuông Dận nói: "Cuộc đời khốn khó, những kẻ tham mộng quyền quý chẳng qua cũng là mong tích góp của cải, để con cháu đời sau có được cuộc sống thư thái. Các khanh sao không trao lại binh quyền, rồi về quê làm ông quan nhàn nhã, mua nhà tậu đất gây cơ nghiệp cho con cháu há chẳng tốt lắm sao?". Thạch Thủ Tín cùng các tướng đều vội vàng bái tạ. Buổi chiều ngày hôm sau, Thạch Thủ Tín và các tướng mỗi người đều dâng một bản tấu chương, nói mình đã tuổi già sức yếu và xin từ chức, mà lịch sử gọi là "Bối tửu dịch binh quyền".

Sau đó, Thạch Thủ Tín và các tướng cũng được nhà vua bổ nhiệm làm Tiết Độ Sứ, họ không được cử đi các nơi nhậm chức mà ở lại kinh thành, chỉ hưởng bổng lộc chứ không gánh vác việc nước. Sau khi truất binh quyền của đại thần, Triệu Khuông Dận vẫn chưa yên tâm, lại tiến hành cải cách binh chế, cuộc cải cách này nhằm đạt tới mục đích, binh không tướng cố định, tướng không lính cố định, lính là người canh phòng ở các Châu, triều đình chỉ điều cho quan phủ một Dịch Sứ, chứ không hề thao luyện võ nghệ.

Điều này thành ra lính không biết tướng, tướng không biết lính, người có tài chỉ huy quân đội không thể trực tiếp cầm quân, người trực tiếp cầm quân lại không thể điều động quân đội. Tuy điều này có thể ngăn ngừa xảy ra binh biến, nhưng lại tiêu hao năng lực tác chiến của quân đội. Do đó, thời kỳ Bắc Tống mới thường xuyên bị người Khế Đan, Tây Hạ, Liêu và Kim xâm phạm, rút cuộc đều là vương triều nhà Tống phải xin cầu hòa, rồi cống tiến làm hao phí biết bao nhiêu tiền của.

"Bối tửu dịch binh quyền" đã khiến chức võ quan trở nên hư danh, họ mang danh là Tiết Độ Phòng Ngự Sứ, nhưng kỳ thực chẳng quản việc gì, mà vẫn hưởng bổng lộc theo phẩm cấp. Trong thực tế, quan chức quản lý quân chính là do triều đình lâm thời sai phái, nhưng cũng chính vì vậy mà họ chỉ cười ngửa xem hoa, chứ chẳng làm được việc gì nên hồn cả.

Mặc dù triều nhà Tống đã xử dụng danh hiệu Đài, Tỉnh, Chùa, Giám, Viện, Bộ của triều nhà Đường và Ngũ Đại, đặt ra quan chức. Ngoài ra còn có Huân, Tước, nhưng đều là danh hiệu lĩnh bổng lộc, chứ không làm việc và quản lý công việc, những người thực sự làm việc và quản lý công việc thì đều là người luôn phiên lưu động. Triều đình nhà Tống áp dụng chế độ quan liêu này đã hình thành một bộ máy trùng lặp và chồng chéo.

Mặt khác, nhằm lôi kéo các quan chức, địa chủ và phú thương ủng hộ mình, Triệu Khuông Dận đã trăm phương nghìn kế bảo vệ lợi ích của họ, dung túng họ đè nén áp bức nhân dân, công khai mua quan bán tước. Nơi nào bị dân phản đối quá mạnh thì cùng lắm là miễn chức hoặc điều đi nơi khác, rất ít tử hình hoặc tịch thu tài sản.

"Bối tửu dịch binh quyền" của Triệu Khuông Dận chỉ có thể khiến quan chức và đại thần không làm phản, chứ không thể khiến nước giàu dân mạnh. Cục diện này thành ra "Binh vô chế, dụng vô tiết, nước vô pháp độ, tất cả đều là tạm bợ mà thôi".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trần Kiều Bình Biển

Sau cuộc "An Sử chi loạn", các phiên trấn Trung Nguyên bị cát cứ rồi xảy ra hỗn chiến, thêm vào đó triều đại luôn thay đổi càng khiến kinh tế thêm suy sụp, nhân dân nếm đủ mùi cay đắng của chiến tranh, việc thống nhất đất nước, phát triển sản xuất, nhân dân được an cư lạc nghiệp đã trở thành xu thế tất yếu và điều mong mỏi của mọi người. Năm 954 công nguyên, Hậu Chu thái tổ Quách Uy qua đời, ông không có con trai, người con nuôi là Sài Vinh lên nối ngôi mà lịch sử gọi là Chu Thế Tông.

Cùng năm, Bắc Hán nhân cơ hội Thái tổ mới mất đã khởi binh tiến đánh Hậu Chu. Tướng quân Triệu Khuông Dận theo Sài Vinh dẫn quân ra chặn đánh, hai bên xảy ra trận kịch chiến ở Cao Bình, tức phía đông bắc Tấn Thành, tỉnh Sơn Tây ngày nay. Triệu Khuông Dận là người có ảnh hưởng lớn nhất trong chiến dịch này. Bấy giờ, quân đội Bắc Hán thanh thế lớn mạnh, hai viên đại tướng của Hậu Chu hoảng sợ đã bỏ chạy, khiến quân ngũ trở nên náo loạn. Trước tình hình nguy ngập này, Triệu Khuông Dận bước ra hô to lên rằng: "Chúa nguy thì thần phải chết, nay thời cơ thí mạng tận trung đã tới". Dứt lời, ông dẫn đám quân kỵ của mình xông thẳng sang trận địch. Quân Bắc Hán luống cuống trước kiểu đánh liều mạng này đều hoảng hốt bỏ chạy, Hậu Chu lật được tình thế và giành được thắng lợi.

Sau đó, từ năm 956 đến năm 958 công nguyên, Sài Vinh từng ba lần tấn công Nam Đường, Triệu Khuông Dận đều dẫn đầu binh sĩ xông pha chém giết, nên liên tiếp được thăng quan tiến chức.

Một hôm, Sài Vinh uống rượu say ngồi nhìn Triệu Khuông Dật hồi lâu rồi nói rằng: "Ông mặt vuông tai to, có tướng mạo bậc đế vương, sau này tất làm nên cửu ngũ chi tôn". Triệu Khuông Dật giật mình vội nói rằng: "Thần không chỉ mặt vuông tai to, mà sức khỏe như trâu, nhưng tất cả đều thuộc về hoàng thượng. Đừng nói là mặt vuông tai to, mà ngay đến tim gan của thần, một khi hoàng thượng cần tới thì cứ sai người đến đem đi, thần cũng không từ chối".

Mùa xuân năm 959 công nguyên, khi Sài Vinh dẫn quân sang đánh Khế Đan, trên đường tình cờ nhặt được một tấm biển gỗ trên đề "Điểm Kiểm tác thiên tử". "Điểm Kiểm" là một chức vụ tương đương chức tư lệnh quân đội trực thuộc hoàng gia, chức vụ này chỉ có người được nhà vua tin cậy đảm nhiệm. Sài Vinh thấy vậy trong lòng cảm thấy thấp thỏm không yên. Khi đoàn quân trên đường trở về, Sài Vinh đột nhiên lâm bệnh, nhà vua bèn ra lệnh cách chức Điểm Kiểm, đưa Triệu Khuông Dật lên thay thế.

Cùng năm, Chu Thế Tông- Sài Vinh qua đời, thái tử Sài Tông Huấn mới 7 tuổi lên nối ngôi.

Mùa xuân năm sau, dưới sự thao túng của Triệu Khuôn Dật cùng các tướng lĩnh, quan chức Trấn Châu và Định Châu đã báo bậy lên triều đình là, Bắc Hán đã liên hợp với nước Liêu đang tiến quân xuống miền nam để đánh nước Chu, mong triều đình hãy nhanh chóng điều quân cứu viện. Tể tướng Phạm Chất và Vương Bạc không nắm được tình hình, bèn cử Triệu Khuông Dật thống lĩnh quân tinh nhuệ trong cả nước đi chống cự.

Triệu Khuông Dật dẫn quân đến Trần Kiều Dịch thì dừng lại rồi phát động cuộc binh biến. Có một người thân tín nêu kiến nghị lập Triệu Khuông Dật lên làm vua, các tướng đều nhất trí đồng ý, sau đó cử người đến Khai Phong dặn hai viên tướng cầm quân ở kinh thành là Thạch Thủ Tín và Vương Thâm Kỳ làm nội ứng. Sáng hôm sau, Trần Kiều Dịch chợt nổi lên tiếng trống vang trời, tiếng reo dậy đất. Triệu Khuông Dật vừa tỉnh rượu vội bước

ra khỏi trướng, thì thấy rất nhiều tướng lĩnh tay cầm khí giới đang đứng đợi ở bên ngoài, các tướng thấy Triệu Khuông Dận đều hô to lên rằng: "Chư tướng vô chủ, nguyện bầu Điểm Kiếm làm Thiên Tử". Sau đó, mọi người cùng rước Triệu Khuông Dận vào trong trướng, có người đã chuẩn bị sẵn hoàng bào khoác lên người Triệu Khuông Dận, các tướng đều đồng loạt quỳ xuống tung hô vạn tuế.

Trưởng thư ký Triệu Phổ là một người túc trí đa mưu, ông đã trình bày với mọi người đạo lý "Hưng vương dị tính, tuy vận thiên mệnh, thực hệ nhân tâm", tức muốn cuộc binh biến thành công thì phải hấp thu bài học lịch sử tàn sát đẫm máu trước đây, nên vỗ về quân thần Hậu Chu, giảm bớt trở ngại, giải quyết việc chuyển giao quyền lực bằng biện pháp hòa bình, ông yêu cầu họ phải quân kỷ nghiêm minh và ổn định lòng dân. Biện pháp này đều được các tướng lĩnh đồng tình và ủng hộ. Ít lâu sau, Triệu Khuông Dận dẫn quân vào kinh thành, phế truất vua Sài Tông Huấn, rồi ngồi lên bảo tọa Hoàng đế.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Xung Thiên Đại Tướng Quân Hoàng Sào

Hoàng Sào, người Oan Câu - Tào Châu, từ nhỏ được học hành và tài năng hơn người, ông say mê kích kiếm kỵ xạ, đã mấy lần tham gia khoa cử đều không đỗ đạt. Trong bài thơ vịnh cúc của ông với tựa đề "Bất đệ hậu phú cúc" viết rằng: "Đãi đáo thu lai cửu nguyệt bát, Ngõa hoa khai hậu bách hoa sát. Xung thiên hương khí thấu Tràng An, Mãn thành tận đối hoàng kim giáp." Hoàng Sào đã quyết định thông qua khởi nghĩa vũ trang lật đổ ách thống trị phản động của triều nhà Đường, thành lập chính quyền riêng của nhân dân lao động. Về sau, ông được quân khởi nghĩa bầu làm lãnh tụ, dẫn đầu 600 nghìn đại quân đánh chiếm được Tràng An, dựng lên ngọn cờ "Chính quyền nông dân đại Tề", thực hiện được hoài bão chính trị và lý tưởng cao cả của mình.

Vào những năm cuối cùng của triều nhà Đường, Vương Tiễn Chi đã tụ tập 3000 quần chúng dựng lên ngọn cờ đầu tiên tuyên chiến với triều nhà Đường tại Bộc Dương, Hoàng Sào cũng tụ tập mấy nghìn quần chúng ở Oan Câu hưởng ứng. Ít lâu sau, hai đạo quân này tập kết ở Tào Châu, Hoàng Sào được bầu làm lãnh tụ thứ hai, dưới sự ủng hộ của nhân dân, họ đã đánh chiếm được nhiều Châu Huyện ở vùng lân cận, khiến số quân tăng đến mấy chục nghìn người. Quân triều đình và nghĩa quân nổ ra một trận kịch chiến giữa bao vây và phản bao vây. Hoàng Sào tùy cơ ứng biến, xé lẻ đội ngũ nhanh chóng luồn vào vùng núi Nghi Mông độc lập tác chiến, sau đó nghĩa quân đột nhập Hà Nam, nhảy ra khỏi vòng vây của quân Đường.

Giai cấp thống trị nhà Đường thấy bao vây bị thất bại, bèn dùng thủ đoạn dụ hàng để phân hóa và tiêu diệt nghĩa quân, nghĩa quân chia binh làm hai đường. Một do Vương Tiên Chi chỉ huy tiến vào Hoài Nam, Nhữ Nam của Hà Nam. Còn một do Hoàng Sào chỉ huy đi lên hướng bắc hoạt động tại các vùng Tế Nam, Khúc Phủ của Sơn Đông. Ba năm sau, Vương Tiên Chi chiến bại tại Hoàng Hải rồi bị giết chết, Thượng Nhượng dẫn tàn binh chạy vào núi Trà Nha, Hoàng Sào cũng kéo mấy nghìn người đến nhập bọn, rồi đánh chiếm Nhữ Châu, sau đó gây thanh thế sắp đánh Lạc Dương. Khi vương triều nhà Đường điều quân đến cố thủ Lạc Dương, thì nghĩa quân lại đột nhiên ngoặt xuống phía nam, đánh chiếm các thị trấn quan trọng của Dương Châu, triều đình vội điều Tiết Độ Sứ -Tiết Năng dẫn quân đến cứu. Hoàng Sào đánh cú đòn gió vào Dương Châu, rồi dẫn quân quay sang hướng tây nam, nghĩa quân như một con rồng lượn luồn lách giữa trùng vây của quân Đường.

Lúc này đội ngũ nghĩa quân đã phát triển đến mấy chục nghìn người, các thủ lĩnh nhất trí bầu Hoàng Sào làm Vương, xưng hiệu "Xung thiên đại tướng quân". Nghĩa quân dần dần tiến tới áp sát Đông Đô Lạc Dương, khi thấy tuyến phòng thủ ở Giang Hoài sơ hở, Hoàng Sào thừa cơ tiến xuống phía nam, bắt đầu một cuộc vạ lý trường chinh đi khắp nửa đất nước Trung Quốc.

Năm 878 công nguyên, nghĩa quân Hoàng Sào xuất phát từ Bộc Dương tiến vào miền trung Hà Nam, chia thắng mũi nhọn vào Lạc Dương, Triều đình vội điều binh chi viện thì Hoàng Sào đã nhân sơ hở này tiến về Giang Hoài, vượt qua sông Trường Giang, quét sạch toàn cõi Giang Tây. Sau đó, Hoàng Sào dẫn quân xuống đánh chiếm Việt Châu và Phúc Châu. Mùa xuân năm 879 đánh chiếm Quảng Châu, sau đó lại chia quân đánh chiếm Quế Lâm, kiểm soát toàn bộ khu vực Lĩnh Nam. Lần nam chinh này đã chứng tỏ đầy đủ sức mạnh to lớn của chiến tranh nông dân. Đến năm Quảng Minh thứ nhất, quân Hoàng Sào vượt qua Ngũ Lĩnh, từ Hồ Tương đánh đến Giang Chiết, ép sát Quảng Lăng, các thành trấn nơi nghĩa quân đi qua đều lần lượt

đầu hàng. Đại quân Hoàng Sào vượt qua sông Hoài đi lên hướng bắc đánh chiếm Lạc Dương.

Nghĩa quân Hoàng Sào tiếp tục tây tiến chiếm được Thiểm Châu, Quắc Châu và ép sát Đồng Quan, trận công kiên Đồng Quan là một trận đánh then chốt để dọn đường đánh chiếm Tràng An và làm lung lay chính quyền phản động triều nhà Đường. Cuối cùng, toàn tuyến quan quân nhà Đường bị tan vỡ, vua Đường Hy Tông ra Khai Viễn Môn chạy trốn xuống phía nam đến Lạc Cốc, tể tướng Lư Tiệp tự sát, các văn võ bá quan không kịp chạy trốn đều kéo nhau đến Bá Thượng xin đầu hàng Hoàng Sào. Nghĩa quân tiến vào Tràng An được nhân dân nhiệt liệt tiếp đón. Năm 881, Hoàng Sào lên ngôi Hoàng Đế tại điện Hàm Nguyên Tràng An, đổi quốc hiệu Đại Tề.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Kiêu Tướng Quách Tử Nghi

Trong số 9 Tiết Độ Sứ tham gia cuộc bình định "An Sử chi loạn" thì Quách Tử Nghi và Lý Quang Bật lập chiến công hiển hách nhất. Đường Túc Tông không muốn trao binh quyền cho họ nên không lập chủ soái, mà chỉ cử tên hoạn quan Ngự Triều Ân thống lĩnh toàn bộ quân vụ. Khi quân Đường vây đánh Nghiệp Thành, Quách Tử Nghi đã khơi dòng sông Chương cho nước dâng ngập thành, khiến nội thành thiếu lương ăn phải bắt chuột ăn thay bữa, nên chuột bán với giá đắt 4 nghìn tiền một con. Đây chính là thời cơ đánh chiếm thành tốt nhất, nhưng vì không có chủ soái thống nhất chỉ huy, nên đã bỏ lỡ mất cơ hội này, khiến Sử Tư Minh có dịp trở tay cướp mất lương thảo của quân Đường, hai bên xảy ra một trận kịch chiến. Giữa lúc hai bên đang xô xát nhau thì trời bỗng nổi cơn cuồng phong khiến trời đất tối tăm, cát sỏi bay mù mịt, giáp mặt nhau mà chẳng phân rõ địch ta, khiến hai bên đều bị tổn thất nặng nề. Nhằm trốn tránh trách nhiệm, Ngự Triều Ân đã đổ hết lỗi lên đầu Quách Tử Nghi khiến ông bị cách chức, Lý Quang Bật được điều đến thay giữ chức phó nguyên soái. Năm 792 công nguyên, vì thiếu lương thực và lòng quân nao núng, một tướng lĩnh tên là Vương Nguyên Chấn mượn cơ quân lính nhớ Quách Tử Nghi đã phát động cuộc binh biến, giết chết đô thống Lý Quốc Trinh. Đường Túc Tông được tin vội phong Quách Tử Nghi làm Phần Dương Vương ra trấn thủ ở Giáng Châu. Quách Tử Nghi không vì Vương Nguyên Chấn ủng hộ mình mà tha thứ, đã giết chết Vương Nguyên Chấn cùng 40 người mưu phản khác, mới ổn định được tình thế.

Năm 763 công nguyên, Thổ Phiên tiến quân về phía đông uy hiếp kinh sư, Đại Tông phong Ung vương Lý Thức làm nguyên soái, Quách Tử Nghi làm phó soái dẫn quân ra trấn thủ Hàm Dương. Do Quách Tử Nghi sống lâu năm tại kinh sư, trong tay không có quân đội, ông chỉ chiêu mộ được hơn 2000 quân kéo đến Hàm Dương chống chọi với 200 nghìn quân địch. Ông từng cử người cấp báo với nhà vua, nhưng vì có gian thần gây khó dễ nên người này không gặp được nhà vua.

Quân Thổ Phiên áp sát Tràng An, vua Đại Tông lật đặt trốn ra Thiểm Châu. Lúc này Quách Tử Nghi đang đóng quân tại Thương Châu, ban ngày sai quân lính đánh trống phát cờ, khoa trương thanh thế, ban đêm thì đốt nhiều đồng lửa hò reo, khiến quân Thổ Phiên chẳng hiểu đầu đuôi ra sao. Trong khi đó, ban đêm ở thành Tràng An cũng có mấy trăm người đánh trống hô hoán lên rằng, Quách Tử Nghi đang dẫn đại quân tiến tới, khiến quân Thổ Phiên nháo nhác đành phải rút quân về phía tây.

Tháng 12 năm đó, Đại Tông trở lại Tràng An. Khi Quách Tử Nghi đến nghênh đón, nhà vua tỏ vẻ hối hận nói với Quách Tử Nghi rằng: "Nếu trăm nghe theo lời khuyên của khanh, thì đâu đến nỗi xảy ra loạn lớn như thế này".

Sau khi "An Sử chi loạn" kết thúc, Tiết Độ Sứ Hà Đông-Thân Vân Kinh hoà nghị Bộc Cố Hoài Ân cầu kết với người Hồi Hột mưu làm phản, vua Đại Tông muốn diệt trừ đi thì có người kiến nghị rằng, quân lính của Bộc Cố Hoài Ân đều là cựu bộ của Quách Tử Nghi, nếu cử ông ta đến thống lĩnh đội quân này thì Bộc Cố Hoàn Ân cũng chẳng làm nên trò trống gì. Quách Hy Thính con trai Quách Tử Nghi nghe vậy giật mình vội giữ cương ngựa cha lại nói rằng: "Bọn chúng đều là loài hổ lang, cha là đại nguyên soái làm sao lại tự dẫn thân vào hang cọp". Quách Tử Nghi đáp rằng: "Nay đang cơn chiến loạn, hai cha con ta có chết thì nhà nước mới mong thoát nạn. Ta lấy lời thành khẩn để thuyết phục họ, nếu họ thuận phục thì tứ hải chi phúc, bằng

không cũng chỉ hy sinh một mình cha, nhưng có thể bảo toàn được mọi người".

Khi Quách Tử Nghi đến Phần Châu, người Hồi Hột tỏ ra rất kinh ngạc, đại nguyên soái Hồi Hột giương cung đặt tên đứng trước cửa trận, Quách Tử Nghi cởi bỏ áo giáp, ném cây thương sắt xuống đất rồi thúc ngựa từ từ đi tới, người này nhận ra Quách Tử Nghi liền vội vàng xuống ngựa hành lễ, Quách Tử Nghi cũng nhảy xuống ngựa bước tới nắm tay nguyên soái Hồi Hột. Quân Thổ Phiên bấy giờ thấy hai bên sẽ liên kết với nhau thì mình sẽ chẳng có cơ hội gì nữa, nên ngay đêm đó đều kéo nhau bỏ chạy cả Quách Tử Nghi một đời cung ngựa, từng lập nhiều chiến công, đến tuổi 84 mới gác thương bỏ giáp cáo biệt sa trường, thiên hạ vì có ông mà được yên ổn trong hơn 20 năm, uy danh ông cũng càng thêm lừng lẫy.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Dương Quý Phi Thảm Tử Mã Nguy Dịch

Dương Quý Phi, tự Ngọc Hoàn, người huyện Vĩnh Tế, châu Đường Phố? Tức huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay??Cha Dương Huyền Viêm từng làm Tư hộ Thục Châu rồi mất sớm. Năm Khai Nguyên thứ 3, Dương Ngọc Hoàn được tuyển vào phủ hoàng tử Thọ vương Lý Mạo làm Thọ Vương Phi. Đến năm Khai Nguyên thứ 4, Võ Huệ Phi được vua Đường Huyền Tông sủng ái nhất qua đời, mà mấy nghìn cung thiếp ở hậu cung chẳng có người nào vừa ý vua, những kẻ nịnh hót mới mách với vua rằng, nàng dâu của vua là một đấng tuyệt sắc giai nhân.

Tháng 10 năm Khai nguyên thứ 8, khi Đường Huyền Tông đến suối nước nóng Ly Sơn thì tình cờ gặp Dương Ngọc Hoàn, nhà vua tỏ ra rất ái mộ, bèn lệnh cho nàng xuất gia rồi cưới cho Lý Mạo một người vợ khác, sau đó nhà vua mới ngấm ngấm đón Dương Ngọc Hoàn vào cung. Trong cuốn "Cựu Đường Thư" tả rằng: Dương Ngọc Hoàn tư chất phong diễm, giỏi ca múa, thông âm luật, trí tuệ hơn người, trong cung đều gọi là "Nường Tử", mọi lễ nghi đưa đón đều coi như hoàng hậu. Trong "Trường hận ca" có bài thơ rằng: "Thiên sinh lệ chất nan tự khí, Nhất triều tuyển tại quân vương tặc, Hồi đầu nhất tiếu bách mi sinh, Lục cung phần đại vô nhan sắc". Năm Nguyên Bảo thứ 4, Dương Ngọc Hoàn được phong làm Quý phi, bấy giờ nàng mới có 27 tuổi, còn Đường Thái Tông thì đã 61 tuổi.

Mỗi khi Quý Phi đi xe ngựa đều do tên hoạn quan Cao Lực Sĩ điều khiển, trong phòng thêu của Quý Phi có tới 700 thợ thêu, những người đến dâng của

báu vật lạ cứ nườm nượp không ngớt. Kinh lược sứ Lĩnh Nam Trương Cửu Chương và trưởng sử Quảng Lăng Vương Dực vì dâng của báu mà được phong làm quan. Do đó, bá quan đều đua nhau lao vào việc dâng biếu. Dương Quý Phi thích ăn vải Lĩnh Nam thì đều có người tìm đủ mọi cách đưa vải tươi đến Tràng An. Đây chính là thời kỳ cuối triều vua Đường Huyền Tông đang nhanh chóng đi đến mục nát. Dương Quý Phi được vua sủng ái thì cả nhà họ Dương cũng mát may mát mặt, ngoài cha đã chết được truy phong là Thái úy và Tề Quốc Công ra, ba người chị gái của quý phi đều lần lượt được phong là Hàn Quốc phu nhân, Quắc Quốc phu nhân và Tần Quốc phu nhân, có thể tự do ra vào hoàng cung, họ tiêu tiền như nước, chỉ riêng khoản chi son phấn của ba người mỗi năm đã lên tới hàng nghìn quan tiền.

Sau khi được mỹ nữ đẹp nghiêng nước nghiêng thành, Đường Huyền Tông suốt ngày chăm chú vào việc tiêu pha hưởng lạc, toàn quyền chính sự đều phó thác cho Dương Quốc Trung. Tháng 6 năm 756 công nguyên, phiên quân của An Lộc Sơn đánh vào Đồng Quan, vua Đường Huyền Tông bỏ mặc bá quan, dẫn anh em nhà họ Dương trốn khỏi Tràng An, đồng thời sai một tên hoạn quan đi tiền trạm báo cho các nơi chuẩn bị tiếp đón, nhưng nào ngờ tên hoạn quan này đã bỏ trốn, nên đoàn người Đường Huyền Tông đi được nửa ngày, mà dọc đường không có người nào dâng cơm nước cả, một số người địa phương thấy vậy mới đem một ít bánh cao lương dâng lên, nhưng Đường Huyền Tông không sao ăn được, chỉ ngồi nhìn mà ứa nước mắt.

Đoàn người đi được ba ngày thì đến Mã Ngụy Dịch, đám vệ binh của vua không có cơm ăn đều đổ lỗi lên đầu tể tướng Dương Quốc Trung, do đó đã xảy ra cuộc binh biến. Đường Huyền Tông không những không bắt tội các tướng sĩ đã giết chết tể tướng, ngược lại còn vỗ về họ. Nhưng các tướng sĩ này vẫn chưa hả dạ, đại tướng Trần Huyền Lễ lớn tiếng nói rằng: "Dương Quốc Trung mưu phản đã bị giết thì Dương Quý Phi cũng phải như vậy". Vua Đường Huyền Tông giật nảy mình, hồi lâu mới nói rằng: "Quý Phi hàng ngày ở trong cung, làm sao mà biết Dương Quốc Trung làm phản?". Cao Lực

Sĩ biết không giết Dương Quý Phi thì không thể làm dịu cơn thịnh nộ của các tướng sĩ, mới khuyên nhà vua nên làm theo, nhà vua đành bảo Cao Lực Sĩ đem Dương Quý Phi ra thắt cổ chết, rồi chôn vào một khe núi ở phía bắc Mã Nguy Dịch, bấy giờ Dương quý Phi mới có 38 tuổi.

Sự kiện này là một đòn giáng mạnh đối với Đường Huyền Tông, sau đó nhà vua quyết định nhường ngôi cho thái tử Lý Hanh cũng đang theo đoàn chạy nạn. Tại đây, hai cha con vua chia tay nhau, Đường Huyền Tông chạy xuống phía nam đến Tứ Xuyên, còn Lý Hanh ngược lên hướng bắc thu tập tàn binh bại tướng, ít lâu sau làm lễ lên ngôi tại Linh Võ, tôn Đường Huyền Tông làm Thái Thượng Hoàng.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

An Sử Chi Loạn

Đến cuối thời vua Đường Huyền Tông, nhằm kiểm soát và phòng ngự các dân tộc thiểu số ở các khu vực xung quanh, chức vụ Tiết Độ Sứ đã tăng đến 10 người, họ ngoài quản lý quân sự ra, còn kiêm nhiệm quản lý dân chính và tài chính.

Sau khi Lý Lâm Phổ lên nắm quyền, hẳn không những bài xích văn quan trong triều đình, mà các Tiết Độ Sứ ở miền biên thùy cũng bị liên lụy. Bấy giờ, trong các tướng lĩnh này có một số người Hồ, Lý Lâm Phổ chủ trương trọng dụng người Hồ, với lý do là họ rất thiện chiến và đáng tin cậy, nên đã đề bạt một số người Hồ làm Tiết Độ Sứ.

An Lộc Sơn là một người ngang tàng, thông hiểu ngôn ngữ Lục Phiên, hẳn từng là tướng quân trong cánh quân Bình Lữ, nhưng vì vi phạm quân lệnh, đánh thua trận nên bị áp giải đến kinh sư. Tế tướng Trương Cửu Linh thoát nhìn biết hẳn sau này tất làm phản, đã thỉnh thị nhà vua trừ bỏ cho khỏi hậu hoạn. Nhưng Đường Huyền Tông lại cho rằng An Lộc Sơn là một nhân tài, nên không chịu nghe theo. Sau An Lộc Sơn dựa vào tài nịnh hót được thăng làm Tiết Độ Sứ - Bình Lữ, chưa đầy ba năm lại kiêm nhiệm Tiết Độ Sứ - Phạm Dương.

An Lộc Sơn bề ngoài tỏ ra rất trung thành, nhưng bên trong lại rất xảo trá, hẳn thường đem các loài thú quý hiếm tặng cho nhà vua và mua chuộc những người bên cạnh vua, đồng thời cử người ở lại kinh sư thu lượm tin tức. Một

hôm, vua Đường Huyền Tông chỉ vào bụng An Lộc Sơn nói đùa rằng: "Bụng to như thế này, bên trong đựng những gì vậy?". An Lộc Sơn chẳng hề do dự đáp rằng: "Chẳng có gì khác ngoài một trái tim trung thành". Về sau, An Lộc Sơn lại được nhà vua phong làm Quận Vương, và xây cho hắn một ngôi phủ đệ rất hoa lệ ở Tràng An. Sau khi dọn vào Vương Phủ, An Lộc Sơn hàng ngày hầu hạ nhà vua uống rượu vui chơi, Dương Quý Phi còn nhận An Lộc Sơn làm con nuôi, khiến hắn càng tự do ra vào nơi cung đình.

Cuối thời vua Đường Huyền Tông, tình hình triều chính mục nát, cấm quân suy yếu. Do nhà vua quá tin dùng tể tướng Lý Lâm Phổ, chiều chuộng Dương Ngọc Hoàn và đại phong gia tộc Dương Thị, những người này ăn chơi xa xỉ, bại hoại kỷ cương, khiến các đại thần trong triều rất căm ghét nhưng không ai dám nói ra.. Năm 742 công nguyên, cả nước có hơn 570 nghìn quân, trong đó số quân đóng ở vùng biên giới chiếm tới 490 nghìn quân. Sau khi Lý Lâm Phổ chết, Dương Quốc Trung anh họ của Dương Quý Phi lên kế nhiệm chức tể tướng.

Do bất hòa với Dương Quốc Trung, tháng 11 năm 775 công nguyên, An Lộc Sơn mượn danh nghĩa thảo phạt Dương Quốc Trung đã khởi binh tại Phạm Dương, các châu huyện ở vùng Hà Bắc đều bị tan rã, quân lính bỏ chạy hoặc ra đầu hàng, còn phần lớn đều bị giết chết. Quân phiến loạn hùng hổ tiến về Lạc Dương, 150 nghìn quân gồm bộ binh và kỵ binh xuất phát từ đồng bằng Hà Bắc, dọc đường đi bụi tung mù mịt, tiếng trống vang trời, vùng Trung Nguyên trong 100 năm nay không xảy ra chiến tranh, dân chúng mấy đời nay chưa hề nhìn thấy cảnh tượng chém giết. Các quan chức địa phương kẻ chạy trốn người xin đầu hàng. Phiến quân của An Lộc Sơn tiến thẳng một mạch xuống miền nam.

Tin ở Phạm Dương nổi loạn truyền tới Tràng An, vua Đường Huyền Tông vẫn cho là lời đồn nhảm, về sau tin cấp báo cứ tới tấp truyền đến, nhà vua lúc này mới cuống cả lên, vội triệu tập các đại thần đến thương nghị. Các đại

thần chưa ai từng trải qua cuộc biến loạn lớn như vậy, nên ai nấy đều sợ đến rụng rời chân tay. Đường Huyền Tông thấy vậy vội cử đại tướng Phong Thường Thanh đến Lạc Dương chiêu mộ 60 nghìn quân chặn đánh, do những binh sĩ này chưa trải qua huấn luyện chính quy, nên đã nhanh chóng bị tiêu diệt, Lạc Dương bị thất thủ.

Tháng giêng năm sau, An Lộc Sơn xưng Đại Yến Hoàng Đế tại Lạc Dương, đến tháng 6 đã đánh bại quân Đường tại Đồng Quan rồi tiến thẳng về Tràng An, Đường Huyền Tông thấy nguy cấp liền bỏ chạy xuống miền nam. Về sau, trong nội bộ quân phiến loạn xảy ra lục đục, An Lộc Sơn bị con trai là An Khánh Tế giết chết, quân Đường đã nhân cơ hội này phản công chiếm lại được Tràng An và Lạc Dương. Ít lâu sau, bộ tướng của An Lộc Sơn là Sử Tư Minh đã giết chết An Khánh Tế và đánh chiếm lại Lạc Dương, cũng xưng là Đại Yến Hoàng Đế, nhưng sau đó cũng bị con trai là Sử Triều Nghĩa giết chết. Cuộc phiến loạn kéo dài trong suốt 8 năm trời này được lịch sử gọi là "An Sử chi loạn", và cũng là bước ngoặt khiến triều nhà Đường từ hưng thịnh đến suy thoái.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tiên Thơ Và Thánh Thơ

Lý Bạch và Đỗ Phủ là hai thi hào kiệt xuất và vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc. Họ chịu khó học hỏi và hấp thu tinh hoa của các bậc tiền bối, hòa nhập linh cảm của mình, sáng tạo nên văn thơ có phong cách hết sức độc đáo. Họ viết được khá nhiều tác phẩm thơ ca ưu tú, được người đời sau ngâm vịnh và truyền tụng trong hàng nghìn năm nay, đây là những áng thơ quý báu nhất trong kho tàng văn học Trung Quốc.

Lý Bạch, tự Thái Bạch, quê ở Thành Kỷ - Lũng Tây, ông ôm ấp chí lớn muốn đạt thành tựu về mặt chính trị, nhưng ông là người sống không gập thời, có tài không biết dùng vào đâu, cũng chẳng có cơ hội nào để ông trổ tài năng của mình trên chính trường. Nhưng về mặt văn học thì ông lại là một nhà thơ tầm cỡ đầy tài năng. Có thể nói ông là một nhà thơ lãng mạn vĩ đại nhất tiếp sau Khuất Nguyên.

"Lý Bạch đầu tư thi bách thiên". Qua đó có thể thấy tính cách của ông rất hào phóng. Thơ của ông phóng khoáng, bay bổng và lưu loát, ông yêu non sông tổ quốc và nâng niu ca ngợi nó bằng cả bầu nhiệt huyết của mình. Khi đứng trước dòng sông Hoàng Hà đang cuộn cuộn chảy về xuôi, ông liền thốt lên rằng: "Chàng không thấy, nước sông Hoàng Hà trên trời xuống, tuôn ra biển đâu còn trở lại". Khi nhìn con đường vào đất Thục quanh co hiểm trở, ông buột miệng ngâm rằng: "Thục đạo chi nan, Nan vu thượng thanh thiên".

Bằng sức tưởng tượng của mình, ông đã miêu tả núi Thiên Lao trong ảo

mộng, khiến nó trải hiện ra một vẻ đẹp hùng vĩ của tiên cảnh trần gian, qua đó cũng biểu hiện được khát vọng và sự theo đuổi của ông đối với tự do và chân lý. Với thủ pháp khác nhau, ông còn mô tả những người phụ nữ với hình tượng rất khác nhau, thổ lộ những ước mơ và nguyện vọng của họ, ca ngợi tâm hồn đẹp đẽ và trong trắng của họ, ông đồng cảm sâu sắc với các tầng lớp phụ nữ bị xã hội phong kiến đè nén và bức hại. Thơ của ông có tiết tấu hài hòa trôi chảy, tình cảm chân thực hào phóng, ngôn ngữ sinh động khoáng đạt. Ví như câu: "Thanh thủy xuất phù dung. Thiên nhiên khứ điều sức".

Ông mượn thơ để bày tỏ quan điểm và nỗi bất bình của mình đối với xã hội, trong thơ ông cũng chứa đựng sự yêu ghét rất mạnh mẽ, ông chế giễu sự mục nát và đen tối của xã hội với câu: "Lạc bút kinh phong vũ, Thi thành khắp quỷ thần".

Do không thực hiện được ý chí của mình, nên trong thơ ông cũng đã thể hiện phần nào sự tiêu cực như câu: " Chung cổ soạn ngọc bất túc quý. Dẫn nguyện trường túy bất nguyện tỉnh".

Đỗ Phủ, tự Tử Mỹ, sinh tại huyện Củng- Hà Nam, xuất thân gia đình quan lại. Thời vua Đường Huyền Tông là thời kỳ Lý Lâm Phủ và Dương Quốc Trung lộng quyền trong triều, do địa vị xã hội thấp hèn và trải qua sự rèn đúc của cuộc đời nghèo khổ, Đỗ Phủ đã thấy rõ bộ mặt bất công của xã hội, trong thơ ông đã dùng cảm vạch trần sự tàn bạo và cuộc sống xa xỉ của tầng lớp thống trị, đồng thời cũng nhen nhóm trong ông một tấm lòng yêu tổ quốc và đồng tình với cảnh ngộ cơ hàn của nhân dân. "Chu môn tửu nhục thối. Lộ hữu đông tử cốt", đây quả là một sự so sánh rất mạnh mẽ, đã phản ánh sâu sắc tình trạng xã hội xấu xa thời bấy giờ. Thơ của Đỗ Phủ đã ký tải sự hưng suy biến đổi của triều đại, được gọi là Sử Thi. "Bình xa hành" là một bài thơ chính trị phản đối sự hiếu chiến của triều nhà Đường, cũng là bài thơ sớm nhất của Đỗ Phủ lột tả về cuộc sống khổ cực của nhân dân. Còn bài "Thạch hào lại" thì thông qua việc cường bức trưng binh, khiến thân nhân cốt nhục ly

tán, nhân dân bị tan cửa nát nhà, đã phản ánh được nỗi thống khổ của nhân dân trong thời kỳ "An Sử chi loạn".

Năm 744 công nguyên, Lý Bạch 44 tuổi được Đường Minh Hoàng tặng vàng rồi cho về quê, ông rời Tràn An lên đường về Đông đô Lạc Dương, vừa vắn lúc này Đỗ Phủ cũng đang chu du tại Lạc Dương, hai nhà thơ vĩ đại này không hẹn mà gặp nhau thật là ý trời sai khiến. Nhà thơ Văn Nhất Đa đã ví cuộc tương ngộ này là một lần va chạm giữa mặt trời và mặt trăng. Hai người thấy nhau như gặp lại bạn cũ. Năm đó họ cùng nhau du ngoạn nước Lương và nước Tống. Năm sau, hai người lại du ngoạn nước Tề và nước Lỗ. Đỗ Phủ viết rằng: "Dư diệc đông mộng khách, Liên quân như đệ huynh, Túy miên thu cộng bị, Huê thủ nhật đồng du". Tuy về sau hai người không còn gặp lại nhau nhưng lần gặp mặt của hai nhà văn học tầm cỡ này tại Lạc Dương, đã trở thành một giai thoại trong lịch sử Trung Quốc.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lý Lâm Phổ Khẩu Mật Tâm Xà

Lý Lâm Phổ nguyên làm Lại bộ thị lang, hẳn là một người xảo quyết, khéo mua chuộc và lôi kéo các hoạn quan và phi thiếp, nên nắm được mọi sở thích của nhà vua rồi tìm cách bợ đỡ, khiến vua Đường Huyền Tông rất hài lòng. Bấy giờ, trong triều có ba tể tướng, Trương Cửu Linh là một nhà thơ tầm cỡ và là đại học sĩ nổi tiếng triều nhà Đường; Bùi Diệu Khanh cũng là một trọng thần trong triều đình, còn Lý Lâm Phổ là người kiến thức nông cạn, bất học vô thuật, chỉ hơn người mỗi việc nịnh hót. Do đó, hẳn rất ganh tị với hai người này. Trương Cửu Linh và Bùi Diệu Khanh đều là người hiền lành tốt bụng, nên Lý Lâm Phổ càng không coi họ vào đâu. Bấy giờ vua Đường Huyền Tông tại vị đã lâu, mỗi khi bàn việc nước là hai người đều biện giải đâu ra đấy, có lý có lẽ, riêng Lý Lâm Phổ mặt mặt tâng bốc phụ họa theo, mặt khác lại tìm cách phá đám, để bài xích hai vị tể tướng này.

Năm Khai Nguyên thứ 24?Tức năm 736 công nguyên?, khi Đường Huyền Tông tuần du Lạc Dương xong đang chuẩn bị trở về Tràng An. Trương Cửu Linh và Bùi Diệu Khanh đều cho rằng lúc này đang là mùa nông bận, việc đưa đón dọc đường sẽ tăng thêm gánh nặng cho nông dân, ảnh hưởng đến sản xuất, nên đều khuyên nhà vua đến mùa đông mới lên đường trở về kinh sư, Lý Lâm Phổ đứng bên nheo mắt nói rằng: "Tràng An và Lạc Dương có thể coi là đông cung và tây cung của hoàng gia, hoàng thượng muốn ngự giá đi đâu chẳng lẽ nào lại còn phải chờ thời cơ ư? Nếu lo ảnh hưởng đến việc nông, thì hãy ban lệnh miễn thuế cho tất cả những nơi ta đi qua là được chứ gì ". Đường Huyền Tông nghe xong rất phấn khởi, liền hạ lệnh lên đường. Cứ

gãi ngựa lần này của Lý Lâm Phổ thật là khéo léo và thật đúng lúc đúng chỗ.

Lý Lâm Phổ là người đã tiến cử Tiêu Mân làm Hộ bộ thị lang, vị này cũng là phường bất học vô thuật, dốt đặc cán mai. Một hôm, khi Tiêu Mân cùng đi khánh điệu với Trung thư thị lang Nghiêm Đình Chi, hắn đã đọc một câu trong Lễ Ký là "Chứng thường phục tích" thành ra "Chứng thường phục lập". Nghiêm Đình Chi ngơ ngác cố ý như nghe không rõ vội hỏi lại, thì Tiêu Mân vẫn đọc lại như cũ, Nghiêm Đình Chi chỉ lắc đầu mới đến phàn nàn với Trương Cửu Linh rằng: "Trong triều làm sao lại nảy ra một nhân vật "Phục lập thị lang" thế này". Sau đó, Trương Cửu Linh với lý do "Bất học vô thuật" đã tiến hành luận tội Tiêu Mân, khiến hắn bị điều xuống làm Thứ sử Kỳ Châu. Lý Lâm Phổ vô cùng căm tức, hắn ngấm ngầm tìm cách bức hại Nghiêm Đình Chi. Người vợ trước của Nghiêm Đình Chi sau khi ly hôn đã tái giá với Thứ sử Úy Châu Vương Nguyên Viêm, người này vì phạm tội tham nhũng hiện đang bị giam trong nhà lao, Nghiêm Đình Chi đã từng chạy chọt để giải cứu hắn. Lý Lâm Phổ bèn nhân việc này sai người dâng sớ kiện lên Đường Huyền Tông, vu cáo Nghiêm Đình Chi là người che chở cho Vương Nguyên Viêm, thì cũng phải bắt vào tù như Vương Nguyên Viêm. Trương Cửu Linh biết việc này liền vội vàng đến tâu với nhà vua rằng: "Đây có thể do nhầm lẫn, hai việc này thật khác xa nhau, chứ Nghiêm Đình Chi làm gì có chuyện dính líu tới vụ tham nhũng của Vương Nguyên Viêm". Đường Huyền Tông cười nói rằng: "Khanh không biết đấy thôi, tuy nói xa mà vẫn có dính líu với nhau đó". Nghiêm Đình Chi nghe xong, không biết vì quá lo lắng hay vì giận dữ mà mặt tái nhợt, ông không nói được gì hơn, đành quay ra ủy thác Bùi Diệu Khanh tìm cách cứu giúp Nghiêm Đình Chi. Lý Lâm Phổ lại nhân đà này tố cáo Bùi Diệu Khanh và Trương Cửu Linh đều là đồng đảng của Nghiêm Đình Chi. Do Đường Huyền Tông vốn có thành kiến đối với Trương Cửu Linh, bèn lập tức ban chiếu bãi miễn chức vụ tri chính sự của ông và Bùi Diệu Khanh, còn Nghiêm Đình Chi thì bị điều xuống làm Thứ sử Lạc Châu.

Trong 19 năm làm tể tướng, Lý Lâm Phổ luôn luôn được vua Đường Huyền Tông rất tin cậy, trong triều ai nấy đều sợ hãi và không ai dám tâu kiện gì nữa.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Diêu Sùng Và Tống Cảnh

Đường Trung Tông sau khi phục vị liền trao việc triều chính cho hoàng hậu Võ Thị, triệu hồi dùng lại Võ Tam Tư, khiến triều chính trở nên rất hỗn loạn. Năm 710 công nguyên, sau khi Đường Trung Tông qua đời, Lý Long Cơ con trai của Đường Nhuệ Tông khởi binh giết chết Võ hoàng hậu, đưa Đường Nhuệ Tông trở lại làm vua. Hai năm sau, Nhuệ Tông nhường ngôi cho Lý Long Cơ, tức Đường Huyền Tông. Lý Long Cơ khi lên ngôi tuy còn trẻ, nhưng lại một lòng một dạ muốn khôi phục sự nghiệp của Đường Thái Tông, nhà vua đã phong Diêu Sùng làm tể tướng nắm việc triều chính, xoay chuyển được bộ mặt hỗn loạn thời Đường Trung Tông, khiến vương triều nhà Đường lại trở nên hưng vượng.

Trong thời kỳ này tại Sơn Đông ba năm liền xảy ra nạn châu chấu phá hoại hoa màu, nông dân bị mất mùa chỉ còn biết đốt hương mong trời phù hộ. Diêu Sùng dâng tấu chương xin diệt nạn châu chấu, Đường Huyền Tông đồng ý và giao việc này cho Diêu Sùng phụ trách. Nhưng vì các quan viên địa phương còn chưa nhận thức được việc này, nên các đại thần do triều đình cử xuống đều bị họ ngăn trở. Qua sự cố gắng dàn xếp của Diêu Sùng, cuối cùng phong trào diệt châu chấu mới được triển khai và thu được hiệu quả, Diêu Sùng do đó được người đời sau ca tụng.

Diêu Sùng khéo giải quyết mọi công việc triều đình, nên được Đường Huyền Tông rất tin cậy. Nhưng hai người con trai của ông là Diêu Di và Diêu Dị thích giao du với khách và nhận quà cáp của họ, nên hai người bị các đại

thần trong triều và nhân sĩ xã hội phê bình, làm mất danh dự của Diêu Sùng. Một người đồng liêu của Diêu Sùng tên là Triệu Hải vì nhận lễ vật quý hiếm của người Phiên, nên bị Đường Huyền Tông tống vào ngục tử tù. Diêu Sùng một mặt thừa nhận Triệu Hải có tội, mặt khác tìm mọi cách để giải cứu, khiến Đường Huyền Tông rất bức tức. Diêu Sùng không còn cách nào khác, đã xin nhà vua cho phép mình từ chức về quê làm ruộng, đồng thời tiến cử Tổng Cảnh lên thay chức tể tướng.

Tổng Cảnh là một người nghiêm minh, chính trực, sau khi làm tể tướng, ông dám phạm thượng dâng tấu chương nói thẳng với nhà vua. Ông trước sau nêu nhiều kiến nghị với vua Đường Huệ Tông và Đường Huyền Tông. Trong thời Đường Huệ Tông, ông rất chán ghét các đại thần đưa họ hàng thân thích lên làm quan trong triều, đã nêu ra chủ trương "Dù là người có tư cách và học vấn, nhưng phi người tài đều không nhận". Bất chấp cả sự phản đối và ngăn cản của công chúa Thái Bình, ông quả quyết bãi miễn hàng nghìn quan chức vô đức vô tài, nên đã bị công chúa miễn chức tể tướng. Sau khi Đường Huyền Tông lên ngôi, nhà vua nhận thấy Diêu Sùng và Tổng Cảnh là nhân tài biết sử dụng quan lại mới, nên lại phong Tổng Cảnh làm tể tướng. Từ đó, Tổng Cảnh vẫn nêu ra nguyên tắc "Lượng tài nhiệm nhân". Nhằm vào việc những người nịnh hót khi đến gặp vua thường hay bắt những người xung quanh phải lánh mặt, nên đã nêu ra chủ trương khi bá quan tấu sự phải có gián quan và sử quan đứng ở bên cạnh. Đường Huyền Tông rất tôn trọng Tổng Cảnh và dùng lễ đưa đón thầy đối với ông, nhiều kiến nghị và ý kiến của ông đều được nhà vua chấp thuận và thi hành. Do đó bộ mặt triều chính ngày một thay đổi.

Tổng Cảnh trước sau làm tể tướng được 4 năm, ông không khúm núm trước quyền quý, dốc sức sửa đổi hủ tục, làm việc theo pháp luật và không mưu cầu lợi riêng. Tương truyền, người chú của ông là Tổng Nguyên Siêu sau khi được đưa vào hàng ngũ quan dự bị, đã nhiều lần đến gặp Bộ Lại xin được ưu tiên chiếu cố. Tổng Cảnh biết việc này đã lệnh cho Bộ Lại không

được vì tư hại công. Theo sử sách ghi chép, theo quy định của triều nhà Đường, hàng năm các địa phương đều cử người đến báo cáo công tác với nhà vua và tể tướng, sử giả mỗi khi vào kinh đều đem theo nhiều của báu vật lạ đến biếu tặng và bợ đỡ người quyền quý, có khá nhiều quan lại đã nhận quà tặng này, các sử giả do đó được thăng quan tiến chức. Tống Cảnh bất mãn trước việc này, sau khi xin ý kiến của nhà vua, ông liền ra lệnh bắt mọi người phải trả lại lễ vật.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Nữ Hoàng Võ Tắc Thiên

Võ Tắc Thiên là một nữ hoàng duy nhất trong lịch sử TQ, bà có tài năng tuyệt đỉnh và minh mẫn hơn người, nhưng bà cũng là một người lòng dạ rất ác nghiệt. Trong thời gian tại vị đã dùng mọi thủ đoạn hết sức cứng rắn để thống trị vương triều của mình.

Võ Tắc Thiên từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, rất khéo ăn nói và hiểu biết hơn người. Cha bà thấy con gái có tố chất nhân tài, đã dày công vun đắp, khiến bà hiểu biết việc đời và thông thuộc sử sách. Khi Võ Tắc Thiên 13 tuổi đã đọc qua rất nhiều sách, bà là người hiểu rộng nhớ lâu, có cơ sở nhất định về mặt thơ ca từ phú, mà nhất là thư pháp, chữ viết của bà đẹp tuyệt vời. Năm Trinh Quan thứ 11? Tức năm 637 công nguyên?, Võ Tắc Thiên 14 tuổi vì có nhan sắc được tuyển vào cung phong làm Tài Nhân. Sau khi vào cung, Võ Tắc Thiên giỏi về mọi mặt, thiện giải ý người, thêm vào đó lại có nhan sắc, nên được Đường Thái Tông rất mến mộ và phong làm Mi Nương. Một thời gian sau, Thái Tông lại phát hiện Võ Tắc Thiên rất có học thức, thông hiểu lễ nghi, bèn điều vào ngự thư phòng hầu hạ việc nghiên bút. Sự thay đổi này khiến Võ Tắc Thiên bắt đầu tiếp xúc với công văn hoàng gia, nắm được một số việc lớn trong cung đình, được đọc các pho điển chương quý hiếm, khiến tầm nhìn càng thêm mở rộng và dần dần hiểu biết đường lối chính trị và quyền thuật chốn quan trường.

Năm 649 công nguyên, sau khi Đường Thái Tông băng hà, Võ Tắc Thiên và tất cả các cung phi được đưa vào chùa Cảm Nghiệp ở Tràng An làm ni cô.

Lý Trị người con trai thứ 9 của Thái Tông lên nối ngôi, vì trước kia đã từng có gian dữu với Võ Tắc Thiên, nên hai năm sau lại điều Võ Tắc Thiên vào cung phong làm Chiêu Nghi, hiệu Thần Phi. Từ đó, Võ Tắc Thiên bắt đầu lao vào cuộc tranh sủng với Vương hoàng hậu và Tiêu Thúc phi.

Tháng 10 năm Vĩnh Huy thứ 6?Tức năm 655 công nguyên?Cao Tông ban chiếu phế bỏ Vương Thị, chính thức lập Võ Tắc Thiên làm Hoàng hậu. Từ đó, mọi quyền hành trong hoàng cung đều lọt vào tay Võ Thị.

Sau khi lên ngôi Hoàng hậu, Võ Tắc Thiên liền lạm dụng thân phận mình tham dự vào chính sự. Trong 5 năm từ năm 655 đến năm 659 công nguyên, Võ Tắc Thiên đã thanh trừ kẻ kình địch trên chính trường, bức chết Thượng thư Chư Toại Lương và Trung thư Trường Tôn Vô Kỵ, bãi miễn chức vụ những ai ủng hộ hai người này.

Năm Hiên Khánh thứ 5?Tức năm 660 công nguyên?Đường Cao Tông mắc bệnh nhức đầu không nhìn rõ được vật gì, phải ủy thác Võ Tắc Thiên giúp xử lý chính sự. Do đó, Võ Tắc Thiên đã từ tư cách tham chính chuyển sang chấp chính, bà tuy nấp sau màn nhưng vẫn giật dây toàn bộ thực quyền trong triều đình. Về sau, Cao Tông cảm thấy hối hận, liền hạ mật lệnh cho Trung thư thị lang Thượng Quan Nghi khởi chiếu phế bỏ Hoàng hậu. Nhưng việc này bị bại lộ, Võ Tắc Thiên ra tay trước đã giết chết Thượng Quan Nghi, ý đồ của Cao Tông không thực hiện được, ngược lại khiến Võ Tắc Thiên càng cảnh giác hơn.

Do Võ Tắc Thiên xử lý chính vụ đâu ra đấy, khiến quần thần đều rất kính phục, tuy Cao Tông rất ghét bà độc đoán, nhưng có rất nhiều việc lớn lại không thể không giao cho Võ Tắc Thiên.

Từ năm Thượng Nguyên thứ nhất?Tức năm 674 công nguyên?Võ Tắc Thiên với danh nghĩa "Thiên Hậu" bắt đầu chấp chính. Trong 16 năm sau đó, Võ Tắc Thiên đã làm rất nhiều việc để chuẩn bị đoạt ngôi Hoàng đế. Về việc

kế thừa ngôi vị, Cao Tông vốn muốn đưa con cả là Lý Huyền lên nối ngôi, Võ hậu đã không nghĩ đến tình máu mủ liền đầu độc Lý Huyền chết, lập người con trai thứ là Lý Hiền làm Thái tử. Nhưng về sau Võ Tắc Thiên lại phế Lý Hiền xuống làm thường dân, lập con trai thứ ba là Lý Hiễn làm Thái tử. Năm 683 công nguyên, Lý Hiễn lên ngôi vua, một năm sau lại bị Võ Tắc Thiên phế bỏ cải phong làm Lư Lăng vương, lập con trai thứ tư là Lý Đán lên ngôi vua.

Năm 690 công nguyên, Võ Tắc Thiên thấy thời cơ đã chín muồi, liền phế Lý Đán xuống làm vương rồi bước lên ngôi báu, đổi nhà Đường thành nhà Chu, tự hiệu "Thánh Thần Hoàng Đế", đổi Đông Đô Lạc Dương thành Thần Đô, bấy giờ Võ Tắc Thiên đã 67 tuổi.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Sông Chan Can Pu Và Công Chúa Văn Thành

Hơn 1300 năm trước, công chúa Văn Thành triều nhà Đường đã rời đô thành Tràng An? Phía tây bắc thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây ngày nay?, đi sang Tây vực gần 3000 km, trải qua muôn vàn khó khăn đến cao nguyên vùng tuyết, kết duyên với vua Thổ Phiên - Sông Chan Can Pu, đã mở ra một thời đại mới của tình hữu nghị Hán - Phiên. Truyện Sông Chan Can Pu và công chúa Văn Thành đến nay vẫn còn được lưu truyền trong dân gian Hán - Tạng.

Năm Trinh Quan thứ 8?Năm 634 công nguyên?, Sông Chan Can Pu lên ngôi vua xưng hùng trên cao nguyên vùng tuyết, lập nên vương triều Thổ Phiên và tích cực mưu cầu thiết lập quan hệ mật thiết với triều nhà Đường. Bắt đầu từ năm 634 công nguyên, nhà vua đã hai lần cử thừa tướng Lu Tông Chan sang Tràng An cầu hôn. Mãi đến năm 641 công nguyên, Đường Thái Tông mới nhận lời gả công chúa Văn Thành cho Sông Chan Can Pu. Tức thì, công chúa Văn Thành cùng sứ giả và thị tùng lên đường sang Tây vực.

Sông Chan Can Pu nhận được tin vô cùng mừng rỡ, vội dẫn đoàn người đến nghênh đón ở Pai Hai?Tức huyện Ma Tua, tỉnh Thanh Hải ngày nay?, dựng nên hành cung Pai Hai, rồi hai người dị tộc kết thành vợ chồng tại đây.

Khi hai vợ chồng đi qua Duy Su,?tức tỉnh Thanh Hải ngày nay??thấy nơi đây khí hậu mát mẻ, phong cảnh thơ mộng, bèn quyết định ở lại đây một tháng. Họ dựng lều bên khe núi, công chúa Văn Thành khi nhàn rỗi lại đưa

thóc giống và hạt cải đem theo ra truyền dạy cho người địa phương cách trồng và phương pháp chưng cất rượu, khiến người dân ở đây vô cùng cảm kích. Khi công chúa lên đường trở về La Sa, mọi người đều bịn rịn không nỡ chia tay, họ đã bảo lưu di chỉ ngôi lều của nàng và khắc hình nàng trên đá, rồi năm nào cũng đến thăm viếng.

Khi công chúa Văn Thành về tới La Sa, bà con địa phương nô nức kéo đến vừa hát vừa múa nồng liệt đón mừng. Thời bấy giờ, triều nhà Đường đã thịnh hành Phật giáo, công chúa Văn Thành là một tín đồ Phật giáo, nàng đem theo tháp Phật, kinh thư và tượng Phật vào Phiên, rồi ít lâu sau ra lệnh xây dựng chùa Đại Chiêu, pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni đặt tại ngôi điện lớn trong chùa cũng do nàng đưa từ Tràng An đến, trong hai gian điện ở hai bên ngôi điện lớn này, còn đặt tượng Sông Chan Can Pu và công chúa Văn Thành trông rất sống động, sau đó, nàng còn cho xây chùa Tiểu Chiêu, Phật giáo từ đó bắt đầu dần dần truyền vào Tây Tạng, nàng còn đặt tên cho 8 ngọn núi như Diệu Liên, Kim Cương, Bảo Bình v.v cho đến nay vẫn còn sử dụng. Công chúa Văn Thành một mặt tuyên truyền Phật giáo, cầu phúc tiêu tai cho nhân dân Tây Tạng. Mặt khác, còn đem 5 loại giống ngũ cốc và hạt cải đem theo phân phát và truyền dạy cho người địa phương trồng trọt. Đồng thời, còn đem theo nhiều sách kỹ thuật sinh vật và y học, xúc tiến sự phát triển của xã hội Thổ Phiên.

Sông Chan Can Pu rất yêu quý công chúa Văn Thành, nhà vua đã ra lệnh xây dựng cung Pu Ta La cho nàng, trong đó bao gồm 1000 cung thất nguy nga tráng lệ, nhưng về sau đều bị hủy hoại bởi sét đánh bốc cháy và chiến tranh tàn phá. Trải qua hai lần trùng tu mở rộng vào thế kỷ 17, mới hình thành quy mô như ngày nay. Ngôi lầu chính trong cung gồm 13 tầng, cao 117 mét, rộng hơn 360 nghìn mét vuông, trong cung còn giữ được rất nhiều bích họa, trong đó có bức tranh vua Đường Thái Tông tiếp sứ giả Lu Tông Chan sang cầu hôn; Tranh công chúa Văn Thành vượt muôn vàn khó khăn đến Tây Tạng, cùng cảnh tượng người dân địa phương nồng liệt đón mừng khi nàng

đến La Sa, màu sắc tươi tắn và hình tượng nhân vật rất sống động.

Sau khi công chúa Văn Thành đến Tây Tạng, mối quan hệ giữa Trung Nguyên và Thổ Phiên càng thêm gắn bó, trong hơn 200 năm sau đó không còn xảy ra chiến tranh, sứ thần và nhà buôn hai bên qua lại đồn dập.

Sông Chan Can Pu là một nhân vật hùng tài đại lược, đã thống nhất được Tây Tạng, xúc tiến chính trị, kinh tế, văn hóa của Thổ Phiên phát triển, có đóng góp to lớn cho sự thống nhất và phát triển của một quốc gia gồm nhiều dân tộc. Còn công chúa Văn Thành là một phụ nữ thông minh giỏi giang, không quản ngại gian nan vất vả đến với Tây vực, đã có đóng góp mang tính lịch sử trong việc xúc tiến giao lưu kinh tế văn hóa giữa hai nước Đường-Phiên, tăng cường mối quan hệ thân thiện, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai dân tộc Hán - Tạng.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Huyền Trang Tây Du Thánh Kinh

Huyền Trang nguyên họ Trần, tên Húy, pháp danh Huyền Trang, sinh tại làng Trần Bảo, huyện Câu Thi, Lạc Châu.(Tức làng Trần Hà, thị trấn Câu Thi, huyện Ân Sư, tỉnh Hà Nam ngày nay). Thời nhà Tùy, Phật giáo đã tương đối thịnh hành, khắp nơi trong cả nước đều có chùa chiền. Trần Tổ người anh thứ hai của Huyền Trang lúc bấy giờ đang xuất gia tại chùa Tĩnh Thổ - Lạc Dương, khi thấy em mình thông minh hiếu học, thường dẫn Huyền Trang đến đạo trường theo đọc kinh Phật. Khi lên 13 tuổi, Huyền Trang được cao tăng Trịnh Thiện Quả phá lệ tuyển làm tăng lữ. Sau khi xuất gia, Huyền Trang và anh cùng ở trong chùa Tĩnh Thổ. Bấy giờ, Cảnh pháp sư giảng kinh "Niết Bàn" trong chùa, Huyền Trang chăm học đến quên ăn quên ngủ, sau đó lại học "Nhiếp đại thừa luận". Cậu có biệt tài đã nghe là thuộc, khiến mọi người đều rất kinh ngạc, có lần họ bảo cậu tọa thiền thuật lại, cậu đọc sang sảng và rất lưu loát, giọng chẳng khác gì thầy giảng, nên từ đó tiếng tăm Huyền Trang ngày một vang xa.

Huyền Trang từng đến chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu giảng "Nhiếp luận" và "Tỳ Đàm" cho các danh sĩ tăng lữ. Năm sau, Huyền Trang từ Kinh Châu đi lên hướng bắc du ngoạn các nơi, thăm viếng các cao tăng danh sĩ, sau đó quay về Tràng An theo học hai vị Đại sư Pháp Thường và Tăng Biện, trở thành một danh nhân tại Tràng An. Huyền Trang du lịch các nơi, dạo qua nhiều chùa chiền, am hiểu sâu rộng học thuyết của các môn phái. Nhưng trải qua nhiều năm miệt mài nghiên cứu, Huyền Trang cảm thấy học thuyết của các môn phái này đều không nhất trí với nhau trong việc giải

thích kinh điển Phật giáo, hơn nữa những sách cổ được dịch ra Hán văn cũng không diễn đạt được đầy đủ nguyên ý. Nhằm khắc phục tình trạng này, Huyền Trang đã quyết định sang Ấn Độ thỉnh kinh.

Năm Trinh Quan thứ nhất (tức năm 627 công nguyên?) Huyền Trang trà trộn trong đám nạn dân ra khỏi Tràng An, bắt đầu cuộc hành trình dài đặc nổi tiếng trong lịch sử. Trong thời kỳ giao thông đường biển chưa phát triển lúc bấy giờ, sự giao lưu chính trị, kinh tế, văn hóa giữa TQ với các nước phương tây, đều tiến hành trên con đường tơ lụa nối liền giữa lục địa Á Âu. Huyền Trang trước tiên đến Lan Châu, sau đến Lương Châu- một thành phố quan trọng trên đường hành lang hà tây Cam Túc. Khi Huyền Trang tiến vào sa mạc đến nước Cao Sang (tức Tu Lu Phan ngày nay?), vua Cao Sang muốn giữ lại làm người chủ trì chùa viện, nhưng bị Huyền Trang từ chối. Nhà vua đành chuẩn bị hành trang và lộ phí cho Huyền Trang, đồng thời còn viết thư và gửi quà tặng quốc vương của 24 nước, và cử Ngự sử Hoan Bồi cùng 25 công dịch hộ tống Huyền Trang lên đường. Huyền Trang vượt qua muôn núi nghìn sông đến Nhiệt Hải (tức hồ Issyk kul trong địa phận Liên Xô cũ?) sau đó men theo Nhiệt Hải đi lên hướng tây bắc đến thành Su De (tức thành Tokmak của Liên Xô cũ?), Huyền Trang gặp vua Tây Đột Quyết, được nhà vua nhiệt tình tiếp đãi, rồi cử người thông thạo ngôn ngữ các nước đi theo làm phiên dịch. Huyền Trang từ đây bắt đầu đi xuống phía nam, đến khu vực nằm giữa hai dòng sông Amu và Syrdarya thuộc Liên Xô cũ, vượt qua sông Amu và núi Hindu Kush, tiến vào địa phận miền bắc Ấn Độ, cả thầy đi qua 110 nước lớn nhỏ, cuối cùng đến thánh địa Phật giáo Thiên Trúc.

Chuyến du lịch của Huyền Trang không những dành được thành công to lớn về mặt Phật học, hơn nữa còn xúc tiến sự giao lưu văn hóa giữa phương đông và phương tây. Năm 645 công nguyên, Huyền Trang đem theo 600 bộ kinh Phật trở về Tràng An sau hơn 10 năm xa cách. Từ đó về sau, Huyền Trang dốc sức vào việc phiên dịch kinh Phật đem từ Thiên Trúc về, đồng thời cùng em trai biên soạn ra cuốn "Đại Đường tây vực ký". Hai em trai của

Huyền Trang là Huệ Lập và Ngạn Kinh còn viết ra bộ sách "Truyện pháp sư Tam Tạng chùa Đại Từ Ân" gồm 10 quyển. "Đại Đường tây vực ký " lấy địa danh làm chính, còn "Truyện pháp sư Tam Tạng chùa Đại Từ Ân" thì lấy con người làm chính, được học giả hiện nay coi là hai tác phẩm lớn để nghiên cứu về tuyến giao thông giữa TQ và phương tây, cùng Trung Á thời nhà Đường, cũng như lịch sử, dân tộc, ngôn ngữ và tôn giáo Ấn Độ.

Do lao tâm vì công việc, Huyền Trang mất vào ngày 5 tháng 2 năm Tân Đức thứ nhất, số người đưa tang lên tới hơn 1 triệu người, còn đứng dọc hai bên đường có khoảng hơn 30 nghìn người, chiếc tiểu đựng xương đỉnh của pháp sư Huyền Trang hiện còn cất giữ tại viện bảo tàng lịch sử Nam Kinh.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Ngụy Chính - Tấm Gương Của Đế Vương

Sau khi quân Ngõa Cường do Lý Mật lãnh đạo bị thất bại, Ngụy Chính theo Lý Mật vào cửa ải xin đầu hàng triều nhà Đường, nhưng hai người ở lại đã gần một năm mà vẫn không được trọng dụng. Năm sau, Ngụy Chính tự xin đi Hà Bắc để chiêu dụ. Sau khi được chuẩn tấu, Ngụy Chính đi thẳng sang Lê Dương khuyên Từ Thế- một viên tướng của Lý Mật đang trấn giữ tại đây đầu hàng triều nhà Đường. Ít lâu sau, Đậu Kiến Đức đánh chiếm được Lê Dương, Ngụy Chính bị bắt sống. Đến khi Đậu Kiến Đức bị thất bại, Ngụy Chính lại trở về Tràn An, được Thái tử Lý Kiến Thành phong làm Đông Cung Điều Thục. Ngụy Chính thấy sự mâu thuẫn giữa Thái tử và Tần vương Lý Thế Dân ngày càng gay gắt, đã từng nhiều lần khuyên Thái tử phải ra tay trước để áp đảo đối phương, nhưng Lý Kiến Thành vẫn cứ do dự không sao quyết định được.

Ngày 4 tháng 6 năm Võ Đức thứ 9, Tần vương Lý Thế Dân đã trước tiên áp đảo đối phương, phát động sự biến đẫm máu ở Huyền Võ Môn, giết chết Thái tử Lý Kiến Thành và Tề vương Lý Nguyên Cát. Sau sự kiện này, Tần vương Lý Thế Dân trách hỏi Ngụy Chính rằng: "Ông đã để anh em chúng tôi tàn sát lẫn nhau là có làm sao?". Ngụy Chính chẳng hề tỏ ra sợ sệt liền ung dung đáp rằng: "Nếu Thái tử Kiến Thành chịu nghe theo lời tôi, thì đâu đến nỗi phải bỏ mạng như ngày hôm nay". Lý Thế Dân rất khâm phục trước lời nói thẳng thắn của Ngụy Chính, không những không bắt tội, mà còn phong ông chức Giám quan, sau đó còn thường xuyên mời ông vào trong cung hỏi về chính sự.

Năm Trinh Quan thứ nhất, Ngụy Chỉnh được thăng làm Thượng thư tả thừa. Bấy giờ, có người kiện ông đã tự đề bạt họ hàng thân thích mình làm quan, Đường Thái Tông liền cử Ngự sử đại phu Ôn Ngạn Bác đi điều tra, kết quả là không có bằng chứng, chỉ là lời bịa đặt mà thôi. Dù vậy, Đường Thái Tông vẫn cử người đến nói rằng: "Sau này phải xa lánh sự hiềm nghi, đừng gây nên việc rắc rối như vậy nữa". Ngụy Chỉnh bèn lập tức vào gặp vua và nói rằng: "Tôi nghe giữa vua tôi phải phối hợp và nâng đỡ lẫn nhau, nếu không kể kiệm công làm việc, mà chỉ chú ý về xa lánh điều hiềm nghi, thì sự hưng vong của nhà nước thật khó mà biết được". Ông đồng thời thỉnh cầu Đường Thái Tông nên coi mình là lương thần chứ không phải là trung thần. Đường Thái Tông hỏi lương thần và trung thần có gì khác nhau? thì Ngụy Chỉnh đáp rằng: "Bản thân mình được thơm lây, vì đã khiến nhà vua trở thành một ông vua sáng suốt, con cháu kế thừa nhau, phúc lộc vô cương, thì đó là lương thần. Còn như khiến bản thân mình bị giết, nhà vua trở thành một ông vua bạo ngược, nhà và nước đều mất cả, chỉ còn lại hư danh mà thôi, thì đó là trung thần. Có thể nói là khác nhau một trời một vực ". Đường Thái Tông nghe xong liền gật đầu khen phải.

Do Ngụy Chỉnh không sợ mang tiếng phạm thượng, dù là trong khi nhà vua đang nổi nóng, ông vẫn dám tranh cãi lại chứ không chịu nhún nhường, nên Đường Thái Tông lắm lúc cũng phải kính nể ông.

Đường Thái Tông có một con chim ưng, nhà vua thường để nó đậu trên vai và tỏ ra rất đặc ý. Khi nhà vua nhìn thấy Ngụy Chỉnh từ đằng xa đi tới, bèn nhanh chóng dấu con chim vào trong áo. Ngụy Chỉnh cố ý nán lại rất lâu, khiến con chim bị chết ngạt mà nhà vua cũng chẳng dám nói sao. Năm Trinh Quan thứ 12, Ngụy Chỉnh thấy Đường Thái Tông dần dần trễ nải xử lý việc chính sự, lao vào ăn chơi phù phiếm, bèn dâng lên bản tấu chương nổi tiếng "Thập tiệm bất khắc chung sơ", trong nói rõ về mười điều thay đổi và mười điều phải suy nghĩ lại.

Năm Trinh Quan thứ 16, Ngụy Chỉnh ốm nặng nằm liệt giường, ông sống cần kiệm, vô gia cư. Đường Thái Tông bèn ra lệnh đem nguyên vật liệu chuẩn bị xây cung điện của mình ra dựng nhà cho Ngụy Chỉnh. Ít lâu sau, thì Ngụy Chỉnh mất. Đường Thái Tông đến khóc nói rằng: "Một người dùng đồng làm gương, có thể nhìn thấy mình ăn mặc có đoan trang hay không; Dùng lịch sử làm gương, có thể thấy được nguyên nhân nhà nước hưng vong; Dùng người làm gương, thì sẽ phát hiện mình làm đúng hay sai. Nay Ngụy Chỉnh chết đi là ta thiếu mất một tấm gương tốt".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Quyết Chiến Huyền Võ Môn

Đường cao tổ Lý Uyên có bốn người con trai, con thứ ba Lý Huyền Bá mất sớm, còn lại con cả Lý Kiến Thành, con thứ Lý Thế Dân, con thứ tư Lý Nguyên Cát. Lý Uyên lập Kiến Thành làm Thái tử, Thế Dân làm Tần vương, còn Nguyên Cát làm Tề vương. Tần vương Lý Thế Dân là một người dũng cảm, mưu trí, chiến công hiển hách, lại được nhiều nhân tài giúp sức, vẫn có Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, võ có các dũng tướng Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo v.v. Khiến Thái tử Kiến Thành lo lắng cậu em này sẽ uy hiếp đến ngôi vị của mình, nên đã vào hòa với Nguyên Cát cùng bài xích Lý Thế Dân.

Hai người tìm cách biểu tiền của mua chuộc các ái phi của Đường Cao Tổ, riêng có Lý Thế Dân thì không làm như vậy. Sau khi Lý Thế Dân chiếm được Đông Đô, các quý phi đến đòi lấy các báu vật trong cung triều nhà Tùy và xin cho thân thích của mình ra làm quan, nhưng đều bị Lý Thế Dân từ chối. Do đó, họ thường nói xấu Lý Thế Dân và tâng bốc Thái tử trước mặt Đường Cao Tổ.

Nhà vua nghe theo rồi dần dần xa lánh Lý Thế Dân. Năm 624 công nguyên, tổng quản Khánh Châu- Dương Văn Can làm phản, việc này có dính líu với thái tử Lý Kiến Thành. Lý Uyên ra lệnh cho Lý Thế Dân đi dẹp loạn, và hứa sau khi dẹp xong sẽ lập Lý Thế Dân lên làm Thái tử, nhưng sau đó Lý Uyên lại nuốt lời hứa, nên càng khoét sâu thêm sự mâu thuẫn giữa các con.

Vào một buổi tối, Thái tử mời Lý Thế Dân sang nhà uống rượu, rồi bỏ thuốc độc vào rượu, Lý Thế Dân bị ngộ độc, nhưng may được Hoài An Vương Lý Thần Thông nhanh chóng đem về Tần Vương phủ cứu mới thoát chết. Hai anh em Thái tử thấy hồng keo này lại bày keo khác, họ bày kế mua chuộc các dũng tướng của Lý Thế Dân, đã viết một lá thư và đem tặng một xe vàng cho Uất Trì Kính Đức, nhưng bị Uất Trì Kính Đức từ chối. Hai anh em vẫn không cam tâm, dưới sự nâng đỡ của Lý Uyên, họ tìm cách điều Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối ra khỏi Tần Vương phủ, để làm suy giảm vây cánh của Lý Thế Dân.

Bấy giờ quân Đột Quyết đang đánh xuống miền nam, Thái tử xin cho Lý Nguyên Cát thay Lý Thế Dân dẫn quân bắc phạt, đồng thời điều đại tướng Uất Trì Kính Đức, Tần Thúc Bảo, cùng tinh binh của Lý Thế Dân giao cho Lý Nguyên Cát chỉ huy, rồi đợi khi đoàn quân lên đường thì ngầm ngầm thủ tiêu Lý Thế Dân. Một quan chức của Lý Kiến Thành biết được mưu mô này vội phi báo với Lý Thế Dân, Lý Thế Dân bèn quyết định hạ thủ trước để trừ hậu hoạn.

Lý Thế Dân trước tiên đem việc này nói với vua cha, đồng thời tố cáo việc Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát gây dân loạn trong cung. Lý Uyên liền ra lệnh cho ba anh em cùng vào cung để chất vấn. Lý Thế Dân dẫn Uất Trì Kính Đức cùng nhiều người khác đến mai phục trong Huyền Võ Môn, đồng thời ra lệnh cho Cao Sĩ Liêm thả hết tù nhân ra giúp sức. Lý Thế Dân vốn đã mua chuộc được tướng canh cửa Huyền Võ Môn của Lý Kiến Thành. Khi Lý Kiến Thành đến nơi thấy là người của mình mới dám vào triều.

Giữa lúc này thấy Lý Thế Dân cưỡi ngựa xông tới, hai bên xảy ra trận kịch chiến, Lý Kiến Thành bị Lý Thế Dân bắn chết lăn xuống đất. Lý Nguyên Cát cũng bị Uất Trì Kính Đức bắn chết. Sự việc xảy ra tại Huyền Võ Môn nhanh chóng truyền đến Đông Cung và Tề Vương phủ. Các võ tướng Bành Lập, Tiết Vạn Triệt, Tạ Thúc Phương v v vội vàng dẫn tinh binh đến cứu

ứng, nhưng họ không sao đánh chiếm được Huyền Võ Môn, liền quay sang tấn công Tần Vương phủ. Uất Trì Kính Đức vội cắt thủ cấp của Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đem sang treo trước Tần Vương phủ, những người ở Đông Cung và Tề Vương phủ nhìn thấy vậy đều kéo nhau bỏ chạy.

Sau đó, Uất Trì Kính Đức vào cung gặp vua nói rằng: "Thái Tử và Tề Vương gây phiến loạn, nên đều bị Tần Vương trừng trị, vì Tần Vương sợ kinh động bệ hạ, nên sai thần đến hộ giá". Lý Uyên chẳng còn biết nói sao, bèn giao các tướng cho Lý Thế Dân chỉ huy, và lập Lý Thế Dân làm Thái Tử. Tháng 8, Lý Uyên thoái vị, Lý Thế Dân lên ngôi(Tức Đường Thái Tông).

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tần Vương Lý Thế Dân

Cuối triều nhà Tùy, do phu dịch và binh dịch quá nặng nề, dân chúng vì quá khổ cực đều tới tập vùng lên phản kháng, trong cuộc chiến tranh phản Tùy này, các đạo quân khởi nghĩa đã đẩy ách thống trị của triều nhà Tùy đến bờ vực sụp đổ. Thái Nguyên - một miền đất quan trọng và là nơi giành giật của nhà binh tại Hà Đông. Nhằm đàn áp phong trào khởi nghĩa của nông dân, Tùy Thang Vương đã bổ nhiệm Đường quốc công Lý Uyên làm Tuyên úy đại sứ Hà Đông, dẫn quân ra trấn thủ ở Thái Nguyên. Sau khi đến nhậm chức, Lý Uyên tự biết mình không đủ sức trấn áp quân khởi nghĩa, mặt khác Tùy Thang Vương là người rất đố kỵ, tình hình chính sự lúc bấy giờ lại rất nhiều loạn, bản thân mình cũng khó bảo toàn được tính mạng. Hơn nữa, có khá nhiều người mà đứng đầu là Bùi Thúc đều khuyên ông nên khởi binh làm phản, cuối cùng ông mới hạ quyết tâm phản lại nhà Tùy. Trước hết, ông cử Lý Thế Dân, Lưu Văn Tĩnh, Trương Tôn Thần Đức v v, đi các nơi chiêu mộ binh mã, cả thảy được hơn 10 nghìn người. Cùng năm, Lý Uyên tổ chức lễ ăn thề, rồi tuyên bố chính thức khởi nghĩa. Ông một mặt cử Lưu Văn Tĩnh xuất sứ Đột Quyết, thỉnh cầu vua nước này khởi binh chi viện, mặt khác chiêu mộ thêm binh mã rồi tiến quân xuống miền nam. Bấy giờ, quân Ngõa Cương đang kịch chiến với Vương Thế Xung ở Lạc Dương. Lý Uyên đã nhân cơ hội này đánh chiếm Quan Trung và Tràng An. Năm sau, Lý Uyên diệt trừ Dương Hựu rồi tự lập làm vua, dựng nên triều nhà Đường. Cùng lúc với việc Lý Uyên chiếm Tràng An, trừ quân Ngõa Cương ra, đạo quân khởi nghĩa Hà Bắc của Đâu Kiến Đức và đạo quân Giang Hoài của Đỗ Phục Uy cũng đang tiến

đánh quân Tùy ở các nơi. Năm đại nghiệp thứ 14, Tùy Thang Vương bị giết, đông đô Lạc Dương rơi vào tay Dương Đồng và đại thần Vương Thế Xung. Vương Thế Xung lập Dương Đồng lên làm vua, rồi núp dưới chiêu bài triều nhà Tùy diên cuồng trấn áp quân khởi nghĩa. Năm Võ Đức thứ 2, Vương Thế Xung đánh bại quân Ngõa Cương, đoạt được chính quyền và đổi quốc hiệu là Trịnh. Lý Thế Dân con trai thứ của Lý Uyên là một người thiện chiến và có tài năng về mặt lãnh đạo.

Khi Lý Thế Dân dẫn quân ra cửa ải, các châu quận ở Hà Nam đều tới tấp quy hàng, nên đã nhanh chóng bao vây Lạc Dương, rồi ngày đêm công thành, nhưng vì thành Lạc Dương rất kiên cố, binh lính đã tỏ ra mệt mỏi và chán nản, Lý Thế Dân khích lệ các tướng sĩ rằng: "Chúng ta đã tới đây thì phải chung sức chung lòng, các châu ở phía đông hiện đã lần lượt đầu hàng, chỉ còn có mỗi thành Lạc Dương này mà thôi, nay xem ra chúng cũng chẳng cố thủ được bao lâu nữa, thắng lợi đang trong tầm tay, chúng ta cố sao lại có thể bỏ dở được". Trong khi Vương Thế Xung đang trong cơn nguy cấp, hơn 10 nghìn quân Hà Bắc do Đâu Kiến Đức lãnh đạo ban đầu cũng chỉ tọa sơn quan hổ đấu chứ không đến cứu viện, sau thấy quân của Vương Thế Xung bị đánh bại thảm hại, mới chịu đứng ra dàn xếp. Đâu Kiến Đức viết thư sang khuyên Lý Thế Dân hãy rút về Đồng Quan để giảng hòa, Lý Thế Dân không chịu, rồi cùng các tướng bàn cách đối phó với Đâu Kiến Đức.

Tiết Thu- thuộc hạ của Lý Thế Dân cho rằng, Vương Thế Xung hiện chỉ thiếu mỗi lương thực mà thôi, một khi họ được tiếp tế thì việc thắng thua thật khó lường, chỉ bằng trong khi ta vây khốn thành Lạc Dương, Tần vương nên thân chinh dẫn tinh binh đánh chiếm Hồ Lao Quan, làm rối loạn hậu phương của Đâu Kiến Đức thì chúng tất bị thất bại. Lý Thế Dân thuận theo kế này, liền dẫn kỵ binh tinh nhuệ thẳng tiến về Hồ Lao Quan. Đây là chiến dịch Hồ Lao Quan nổi tiếng trong lịch sử chính thức mở màn. Năm Võ Đức thứ 3, Lý Thế Dân dẫn quân đến Hồ Lao Quan, trước tiên cắt đứt đường vận lương của quân Hạ, khiến Đâu Kiến Đức đành phải đào hào đắp lũy để cố thủ, lâu ngày

rồi binh lính tỏ ra chán nản, có rất nhiều người đã chạy trốn. Lý Thế Dân dùng kế thả hơn nghìn con ngựa ở bờ bắc sông Hoàng Hà, để tạo giả tượng khiến Đâu Kiến Đức lầm tưởng quân Đường đã dùng hết lương thảo, sau đó lén về Hồ Lao Quan đốc chiến.

Đâu Kiến Đức quả nhiên mắc mưu, liền hạ lệnh xuất quân ra bày thành trận thế, nhưng đợi mãi đến trưa mà vẫn chẳng thấy quân nhà Đường ra ứng chiến. Nguyên là Lý Thế Dân dùng kế đợi tới khi quân Hạ đã sụt giảm khí thế và tỏ ra rất mệt mỏi, sau đó mới ra lệnh cho toàn quân đánh tràn sang như thác đổ triều dâng, Đâu Kiến Đức bị bắt sống, Vương Thế Xung ở Lạc Dương bị cô lập đành phải mở cửa thành ra xin đầu hàng.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Lý Mật Ngưu Giác Quảĩ Thư

"Lý Mật ngưu giác quảĩ thư", tức Lý Mật treo sách trên sừng trâu.

Gia đình Lý Mật đời đời đều làm quan, nên xuất thân của ông đã có tác dụng quan trọng đối với sự từng trải trong suốt đời mình. Thời niên thiếu, ông được đưa vào làm thị vệ trong cung đình Tùy Thang Vương. Ông tính nết ma lanh, khi Tùy Thang Vương nhìn thấy cho là người không thực thà liền cho thôi việc về nhà. Lý Mật chẳng hề tỏ ra phiền não, sau khi về nhà liền chăm chú vào việc đọc sách, quyết chí làm một người có học vấn.

Lý Mật thích đọc binh thư và thuộc lòng quyển sách này. Trong khi đọc sách, ông có thói quen thường treo sách lên sừng trâu vừa đi vừa đọc. Một hôm, Việt Quốc Công-Dương Tố đi qua nhìn thấy tỏ ra rất kinh ngạc, mới theo sau hỏi Lý Mật tại sao lại chăm chỉ như vậy?. Lý Mật quay lại nhận ra Dương Tố liền vội vàng cúi chào. Dương Tố hỏi ông đọc sách gì? Lý Mật trả lời " Truyện Hạng Vũ", rồi hai người cùng trò chuyện với nhau, học vấn của Lý Mật khiến Dương Tố rất khâm phục. Sau khi về nhà, Dương Tố gọi con là Dương Huyền Cảm đến nói rằng: "Học vấn và tài năng của Lý Mật còn vượt trội hơn mấy anh em các con, sau này có việc gì cần kíp thì hãy đến bàn với anh ta". Nên từ đó Dương Huyền Cảm rất kính phục Lý Mật, rồi hai người kết thành đôi bạn sống chết có nhau.

Dương Huyền Cảm là con của công thần dựng nước, lại hiếu học và giỏi nghề cung ngựa, thêm vào đó lại là một ông quan nghiêm minh chính trực,

nên được mọi người tôn trọng. Năm 613 công nguyên, khi Tùy Thang Vương chinh phạt Cao Ly lần thứ hai, liền ra lệnh cho Dương Huyền Cảm lúc đó đang làm Lễ Bộ Thượng Thư, đến Lê Dương đốc thúc và vận chuyển lương thực. Dương Huyền Cảm nhận thấy chế độ bạo ngược của Tùy Thang Vương đã khiến nhân dân cả nước tỏ ra rất bất mãn, nông dân các nơi vùng lên khởi nghĩa, mà Tùy Thang Vương đang dẫn quân chủ lực ra chiến trường xa tại Liêu Đông, hậu phương bỏ trống, muốn nhân cơ hội này khởi binh để lật đổ triều nhà Tùy, ông bèn cử người đến Tràng An đón Lý Mật về Lê Dương.

Lý Mật bày cho Dương Huyền Cảm ba kế: Thượng, trung và hạ sách, nhưng Dương Huyền Cảm vì quá nóng vội đã theo hạ sách dẫn quân từ Lê Dương đánh vào Đông Đô, trên đường đi lại được nông dân nô nức tham gia, số quân lên tới 100 nghìn người, họ liên tiếp đánh thắng mấy trận. Bấy giờ, Tùy Thang Vương đang đánh trận tại Liêu Dương, nhận được cấp báo liền cử đại tướng Vũ Văn Thuật dẫn đại quân tiến đánh Dương Huyền Cảm, Dương Huyền Cảm chống đỡ không nổi toan lui quân về Tràng An, Vũ Văn Thuật dẫn quân đuổi kịp rồi bao vây chặt, Dương Huyền Cảm bị chém chết, Lý Mật bị bắt sống. Trên đường đi, Lý Mật đã thuyết phục các tù nhân đem tiền của ra biểu người áp giải rồi trốn thoát.

Năm 616 công nguyên, Lý Mật đi theo Thôi Nhượng lãnh đạo quân khởi nghĩa Ngõa Cương Trại. Cuối năm Đại Nghiệp thứ 6, Thôi Nhượng khởi binh phản Tùy, họ từng nhiều lần đánh bại các cuộc bao vây của quân Tùy, đội ngũ phát triển tới hơn 10 nghìn người.

Là một người giỏi mưu lược, Lý Mật đã dần dần hình thành thế lực riêng của mình trong nội bộ quân khởi nghĩa. Ông không những hiệu lệnh nghiêm minh, mà đời sống cũng rất giản tiện, phạm những tiền của thu được trong chiến trận, ông đều đem chia cho các tướng sĩ, nên mọi người đều biết ơn và ngả theo ông. Mùa xuân năm 617 công nguyên, Lý Mật khuyên Thôi Nhượng nên nhân lúc Tùy Thang Vương đi du ngoạn ở Tây Đô, tấn công vào Đông

Đô. Thôi Nhượng nghe theo, rồi cử người sang dò thám tình hình. Quan viên nhà Tùy phát hiện việc này bèn tăng cường phòng ngự. Lý Mật lại thay đổi kế hoạch tập kích Hưng Lạc Xương.

Hưng Lạc Xương là kho lương lớn nhất của triều nhà Tùy, chu vi thành dài hơn 20 dặm, trong thành đào thành 3000 kho, mỗi kho chứa 8000 thạch lương thực.

Sau khi chiếm được Hưng Lạc Xương, quân Ngõa Cương lập tức ra lệnh mở kho phân phát cho nhân dân. Trận tập kích này không những thu được nhiều quân lương, mà còn cứu tế cho đông đảo nhân dân, nên được nhân dân ủng hộ. Trận đánh này càng nâng cao danh vọng của Lý Mật, ông được Thôi Nhượng tiến cử làm trại chủ, đổi hiệu là Ngụy Công, sau lại được các đạo nghĩa quân xác lập địa vị bang chủ.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tùy Thang Vương Du Ngoạn Giang Đô

Tùy Thang Vương - Dương Quảng, con trai thứ của Dương Kiên, là ông vua đời thứ 2 triều nhà Tùy, rất tài ba và đầu óc tinh táo, nhưng lại là người tàn bạo khét tiếng trên đời. Ông vờ vĩnh tỏ ra khiêm nhường chất phác để lấy lòng cha, khiến nhà vua phải phế bỏ con trưởng Dương Dũng. Đến khi Dương Kiên lâm bệnh nặng, bộ mặt thật của ông mới lộ ra.

Tháng 7 năm 604 công nguyên, Văn Đế bệnh nặng nằm liệt giường, Dương Quảng cho rằng thời cơ mình lên ngôi vua đã tới, liền vội vàng viết thư cho Dương Tố, hỏi ông nên xử lý ra sao hậu sự của Văn Đế. Nhưng nào ngờ bức thư này bị đưa nhầm vào bọc thư của Dương Tố gửi cho Văn Đế. Nhà vua nổi giận lập tức truyền gọi Dương Quảng vào cung để trách hỏi. Nhưng giữa lúc này bỗng thấy ái phi tất tưởi chạy vào, mếu máo kể với nhà vua về việc mình vừa bị Dương Quảng trêu ghẹo. Văn Đế càng thêm tức tối liền gọi đại thần Liễu Thuật vào khởi thảo chiếu thư phế bỏ Dương Quảng, lại lập Dương Dũng lên làm Thái tử. Dương Quảng không cam tâm liền sát hại Văn Đế, sau đó viết một đạo di chúc giả bắt Dương Dũng phải tự sát, rồi lên ngôi vua.

Trong thời kỳ Tùy Thang Vương tại vị, nhà vua đã ra lệnh xây dựng nhiều công trình kiến trúc cỡ lớn, chỉ riêng công trình xây dựng Đông Đô, mỗi tháng phải chiêu mộ 2 triệu dân công và ngày đêm không ngừng thi công. Trong khi đó, nhà vua còn điều động hơn triệu dân phu đi mở sông đào, phía tây từ Tây Uyển Lạc Dương, đến phía đông là Sơn Dương bên bờ sông Hoài?

Tức Hoài An-Giang Tô ngày nay?.

Tháng 8 năm Đại Nghiệp đầu tiên, Tùy Thang Vương rất khao khát được thưởng ngoạn phong cảnh xứ nước Giang Nam, nên mặc dù công trình này còn chưa đào đắp xong, nhà vua đã đáp thuyền từ Lạc Dương sang Giang Đô, thuyền rồng cao 45 thước, rộng 50 thước, dài 200 thước, gồm 4 tầng. Tầng trên có chính điện và hai nội điện, hai tầng giữa có 160 buồng đều được khắc nạm bằng hoa văn vàng ngọc. Còn tầng dưới là buồng ngủ của các hoạn quan và thị vệ, thuyền do 1080 người kéo. Riêng đoàn thuyền của hoàng hậu có tới 9 chiếc và nhỏ hơn, chỉ có 900 người kéo. Cả đoàn thuyền của nhà vua và hoàng hậu gồm 36 chiếc. Ngoài ra còn có hàng nghìn chiếc thuyền lớn rất sang trọng của các cung nhân, công chúa, ni cô, đạo sĩ, sứ giả các nước, vệ sĩ v v. Đoàn thuyền kéo dài hơn 200 dặm, dọc hai bên bờ sông còn có 200 nghìn kỵ binh hộ tống, võ ngựa khua vang, cờ xí rợp trời. Thuyền rồng của Tùy Thang Vương đã đi được hơn 50 ngày, mà thuyền của tùy tùng mới bắt đầu xuất phát từ Lạc Dương. Trong phạm vi 500 dặm nơi thuyền rồng Tùy Thang Vương đi qua, các châu huyện đều phải cung ứng lương thực, cùng những thứ sơn hào hải vị, các cung nhân ăn không hết đều đổ đi.

Tháng 7 năm 616 công nguyên, thuyền rồng của Tùy Thang Vương lại đi Giang Đô lần thứ 3, bấy giờ các nơi miền bắc và khu vực Trung Nguyên đều đã xảy ra chiến loạn, các đại thần trong triều tới tập dâng biểu khuyên ngăn Tùy Thang Vương hủy bỏ chuyến du ngoạn, nhà vua tức giận bèn ra lệnh đem những người này ra giết sạch. Sau khi đến Giang Đô, Tùy Thang Vương ra lệnh cho tổng quản Dương Châu Vương Thế Xung tuyển chọn mỹ nữ ở xứ Giang Hoài vào cung, tất cả gồm hơn 100 người, nhà vua mỗi ngày bắt các mỹ nữ luôn phiên hầu hạ, suốt ngày đắm chìm trong tử sắc. Do thi hành chính sách tàn bạo, nên Tùy Thang Vương lên ngôi chưa được mấy năm, mâu thuẫn xã hội ngày càng thêm gay gắt, nguy cơ chính trị càng khiến các nước xung quanh nhăm nhe nhòm ngó..

Ngày 17 tháng 3 năm 618 công nguyên, Tả đồn vệ tướng quân Vũ Văn Hóa phát động cuộc đảo chính, khi dẫn quân xông vào trong cung Giang Đô, không hề bị phản kháng và ngăn chặn, liền ào ào tiến thẳng vào buồng ngủ của Tùy Thang Vương, nhà vua bị người dùng khăn thắt cổ chết, hai người con trai và một đứa cháu cũng bị giết chết. Tiêu hoàng hậu và các cung nhân dùng ván giường làm áo quan, tạm chôn cất cho Tùy Thang Vương.

Tháng 8 năm đó, thái thú Giang Đô-Trần Lăng lại đem cải táng ở dưới công đài Tây Ngô trong thành Giang Đô. Cái chết của Tùy Thang Vương đã lôi kéo theo vương triều nhà Tùy bị diệt vong.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trần Hậu Chủ Vong Quốc

Trước tình hình miền bắc nhiều loạn, vương triều Nam Trần tạm thời có một cục diện bình ổn. Triều nhà Trần từ khi Võ Đế dựng nước, thiên hạ dần dần trở nên yên ổn, được gọi là miền đất trù phú ở Giang Nam. Nam Bắc triều lại ở vào một thời kỳ cát cứ lớn trong lịch sử Trung Quốc. So với thời Xuân Thu Chiến Quốc, thì nhà vua đã mất hết tư duy cải cách và chí tiến thủ, vua tôi hoặc chú trọng tìm thú vui, hoặc thừa cơ hưởng lạc, say sưa trước cảnh tượng anh ca yến vũ, chính trị hủ bại càng làm tăng thêm sự tranh quyền đoạt lợi trong nội bộ cung đình, và anh em trong hoàng tộc tương tàn lẫn nhau. Ai lên làm vua cũng đều đắm chìm trong tửu sắc, mỹ nữ từng đàn.

Trần Thúc Bảo là ông vua cuối cùng của Nam triều, sau khi lên ngôi chỉ ngập trong tửu sắc, ngâm vịnh. Bước sang năm thứ 3 sau khi lên ngôi, khi nhà nước còn chưa đứng vững, mà ông đã cho xây 3 ngôi lầu các là Lâm Xuân, Kết Kỳ và Vọng Tiên rất tráng lệ ở trước điện Chiếu Quang, cánh cửa và cửa sổ đều làm bằng gỗ trầm hương và gỗ đàn hương, trong lầu trang hoàng toàn bằng vàng ngọc châu báu, khoản chi phí khổng lồ xây cung điện hoa lệ này đều rơi vào đầu đám dân đen, nhiều khoản thuế cứ nối tiếp nhau ra đời, thu phạt vô tội vạ đã dẫn đến lạm dụng hình phạt, khiến nhà giam chật ních những phạm nhân.

Đô quan Thượng thư Khổng Phạm là một trong những người được Trần Thúc Bảo tin cậy nhất, hẳn biết rất rõ Trần Thúc Bảo không muốn nghe thấy những lời chỉ trích đối với lỗi lầm của mình, nên mỗi khi có thư của các đại

thần dâng lên, hần liền tìm đủ mọi cố rồi gửi trả lại. Khổng Phạm khua môi múa mép khen những lỗi lầm của Trần Hậu Chủ là đạo đức tốt đẹp, những lời nói mỹ miều này khiến Trần Thúc Bảo bay bổng như tiên, khen ngợi không ngớt lời và càng thêm tin dùng Khổng Phạm.

Trần Thúc Bảo sống cuộc đời xa hoa trụy lạc, nhà vua suốt ngày cùng các phi tần, quan văn du ngoạn yến ẩm, không hề quan tâm tới chính sự. Quý phi Trương Lệ Hoa là người được Trần Thúc Bảo yêu chiều nhất, nhà vua suốt ngày ôm nàng ngồi trên gối "Cùng bàn việc lớn nhà nước". Trương Lệ Hoa ngoài có tài biện luận và nhớ dai, còn giỏi về việc nhìn sắc mặt là biết ý chủ nhân, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều biết trước, sau đó mới tâu với hậu chủ rồi cùng nhà vua bàn cách giải quyết. Các đại thần có ý kiến bất đồng liền bị bôi nhọ, gièm pha. Trương quý phi nói gì nhà vua làm vậy, do đó các hoạn quan và thị vệ trong triều đều câu kết với Trương Lệ Hoa.

Trong khi Trần hậu chủ cùng đám phi tần và quan văn đắm chìm trong ca múa tử sắc, thì tai nạn tày trời dần dần giáng xuống. Năm 587 công nguyên, Tùy Văn Đế sau khi bình định xong sự xâm lấn của Đột Quyết, bèn bắt tay vào việc chuẩn bị tiêu diệt nước Trần, nhà vua ra lệnh cho đóng nhiều chiến thuyền trên thượng du thành Kiến Khang, để chờ thời cơ xuôi dòng tiến sang phía đông.

Triều đình nhà Trần đang run rẩy trước sự đe dọa của quân Tùy, duy có Trần hậu chủ là vẫn ăn chơi phè phỡn như xưa, nhà vua lòng dạ thấp thỏm không yên, đêm ngủ thường giật mình tỉnh giấc vì cơn ác mộng, nên muốn học các đời vua trước cắt tóc đi tu để chuộc lại lỗi lầm của mình, mới cho xây một ngôi chùa phật cao 7 tầng ngay trong thành Kiến Khang, để cầu nguyện phật linh phù hộ. Thế nhưng bảo tháp 7 tầng còn chưa xây xong liền bị một trận hỏa hoạn thiêu cháy sạch, đám cháy lớn lan khắp cả kinh thành, dân chúng đều bị liên lụy. Đứng trước cảnh tượng kinh thành trong biển lửa ngút trời, Trần Thúc Bảo ứa lệ ngửa mặt than rằng: "Đây chính là trời muốn giết

ta".

Khi quân Tùy đánh vào hoàng cung, các quan văn võ trong triều mạnh ai người nấy chạy, nhưng chẳng thấy bóng hậu chủ đâu. Thì ra, nhà vua đã kéo theo Trương quý phi và Khổng quý phi chạy vội ra phía sau điện Cảnh Dương, khi thấy một chiếc giếng cạn liền nhảy xuống nấp trong đó. Về sau, quân Tùy bắt được mấy tên thái giám mới biết được nơi ẩn náu của hậu chủ.

Vậy là Triều nhà Trần - một triều đại cuối cùng của Nam triều đã bị diệt vong. Trung Quốc kể từ khi triều Tây Tấn bị diệt vong vào năm 316 công nguyên, trải qua hơn 270 năm chia cắt lại đi đến thống nhất.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hiếu Văn Đế Cải Chế

Hiếu Văn Đế triều Bắc Ngụy là một nhà chính trị, nhà cải cách rất có tài năng trong lịch sử Trung Quốc. Ông thuận theo thời cuộc, tư duy nhạy bén, đã đặt ra một loạt cải cách xúc tiến văn hóa luôn luôn được người đời truyền tụng. Ông cho rằng dân tộc Tiên Ty phải Hán hóa thì mới có thể củng cố chính quyền và thống nhất nam bắc. Tuy Tiên Ty- Bắc Ngụy lúc bấy giờ đã trở nên giàu mạnh, nhưng vẫn còn rất man rợ và mê muội so với khu vực Trung Nguyên. Một dân tộc lạc hậu làm sao có thể thống trị một dân tộc còn tiên tiến hơn mình, là một vấn đề quan trọng đặt ra trước mắt giai cấp thống trị Tiên Ty.

Bấy giờ, nội bộ giai cấp thống trị Tiên Ty xảy ra lục đục, mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc hết sức gay gắt, giai cấp thống trị Tiên Ty thường xuyên phát động chiến tranh, bắt bớ, cướp của và gia súc, bắt tù binh lao động như nô lệ. Sau khi thống nhất miền bắc, ách thống trị của Tiên Ty đối với nhân dân các dân tộc càng thêm tàn bạo, tô thuế chồng chất, phu dịch liên miên, cường bức nhân dân các dân tộc làm bộ binh đi đầu trong trận mạc, còn kỵ binh Tiên Ty đi sau đốc chiến, nên đã vấp phải sự phản kháng của các dân tộc, trong 100 năm sau khi lập nên triều Bắc Ngụy, cả thảy đã nổ ra 7 đến 80 mươi cuộc khởi nghĩa và bạo loạn của các dân tộc, trong thời kỳ thống trị của Hiếu Văn Đế cũng đã có hơn 10 cuộc bạo loạn xảy ra. Do đó, Hiếu Văn Đế đã đặt trọng tâm của cuộc cải cách vào vấn đề Hán hóa Tiên Ty, nhằm mục đích lợi dụng nền văn minh tiên tiến của dân tộc Hán để chinh phục sự man rợ và mê muội, hoàn thiện thể chế nhà nước. Nhà vua đã làm gương đổi

tên mình là Nguyên Hùng.

Thời cổ Trung Quốc rất tin cậy thuật phù thủy, những người này thường dùng mai rùa hay cọng cỏ để xem bói, biết trước được ý trời và ma quỷ để phán đoán sự cát hung họa phúc của người đời, nó có sức ràng buộc rất lớn đối với sinh hoạt chính trị xã hội. Sự mê tín này đã hoành hành trong thời đại chế độ nô lệ Thương Chu, và kéo dài mãi đến thời kỳ chế độ phong kiến.

Đầu năm thời Bắc Ngụy, địa vị của phù thủy vẫn rất cao, bấy giờ toàn dùng mù phù thủy, nhà nước hàng năm tổ chức hai lần cúng tế, bấy giờ từ nhà vua đến văn võ bá quan đều phải nghe theo lời mù phù thủy.

Sau khi Hiếu Văn Đế lên ngôi, nhà vua tiến hành cải cách, nhưng phái quý tộc bảo thủ và đại thần trong triều đã câu kết với đám phù thủy, lợi dụng sự mê tín để quấy nhiễu và phá hoại cải cách. Hiếu Văn Đế nhận thấy muốn thực thi cải cách thì trước tiên phải đối phó với sự mê tín này.

Năm 485 công nguyên, Hiếu Văn Đế lúc đó mới 19 tuổi đã hạ chiếu cấm thuật bói toán dị đoan.

Năm 491 công nguyên, Bắc Ngụy xảy ra đại hạn, ruộng đồng khô nứt, một đám quan chức đã dâng tấu chương lên Hiếu Văn Đế xin cho tế thần cầu mưa. Nhà vua đáp rằng: "Thành Thang và Tề Cảnh khi trước gặp hạn nào có tổ chức tế thần cầu mưa đâu, họ dựa vào sức người chiến thắng thiên tai, hiện nay các nơi đều bị hạn, nếu thần có linh thiêng thì cũng không nên an hưởng sính lễ". Ít lâu sau, Hiếu Văn Đế hạ chiếu quyết định giảm số lượng đèn miếu trong cả nước

Năm 493 công nguyên, Hiếu Văn Đế triệu tập quần thần ở Bình Thành? Tức Đại Đồng tỉnh Sơn Tây ngày nay? để bàn thảo việc dời đô sang Lạc Dương. Thái úy Cáng Phi khuyên rằng: "Nếu muốn rời đô thì phải bói quẻ dữ lành đã rồi sẽ rời sau". Hiếu Văn Đế lập tức phản bác rằng: "Đó là cách làm

cổ hủ, trước kia Chu Công và Chiêu Công làm theo quẻ bói chọn khu vực Y, Lạc dựng đô, nhưng hiện nay không có người như Chu Công và Chiêu Công nữa rồi, chẳng cần phải bói toán gì cả".

Việc Hán hóa và thiên đô đều bị người Tiên Ty phản đối, thái tử cũng phản đối chính sách này, nên cuối cùng bị phế bỏ rồi bị giết chết. Sau khi rời đô, Nguyên Hùng càng ra sức chiêu nạp các nho sĩ ở Trung Châu, đến năm thứ hai sau khi rời đô, với danh nghĩa Tề Minh Đế có mưu đồ tiềm quyền, Nguyên Hùng đã thân chinh dẫn đại quân đánh xuống miền nam, vượt qua sông Hoài tiến thẳng về Thọ Xuân, nhà vua có ý muốn tiến xuống phía nam sông Trường giang, nhưng vì ba thị trấn quan trọng ở phía nam sông Hoài là Thọ Xuân, Khư Di và Hoài Âm đều chưa đánh chiếm được, đành phải cử sứ giả sang khiển trách Tề Minh Đế rồi rút quân về. Đến năm 21, lại đánh xuống Nam Dương, Tân Dã, nhà vua thân chinh dẫn quân đánh Nhữ Nam. Năm sau, Tề Minh Đế mất mới rút quân về. Đến năm thứ 23, Nguyên Hùng lại lần nữa đánh xuống miền nam, khi đến thành Mã Khuyên bị lâm bệnh nặng, trên đường rút quân về thì qua đời tại trung quân.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Nhà Khoa Học Cổ Đại Tổ Xung Chi

Tổ Xung Chi, tự Văn Viễn, là nhà toán học, nhà thiên văn và nhà chế tạo cơ giới nổi tiếng thời Nam Bắc Triều, nguyên quán huyện Tù, quận Phạm Dương. Vào cuối triều Tây Tấn, gia đình chạy loạn đến sống ở Giang Nam. Ông tổ từng làm quan phụ trách thợ xây dựng các công trình trong triều đình nhà Tống, có kiến thức khoa học kỹ thuật và nghiên cứu về thiên văn lịch pháp.

Năm 461 công nguyên, Tổ Xung Chi làm việc trong phủ thứ sử Nam Từ Châu, trước sau đảm nhiệm các chức vụ Tòng sự sử, tham quân công phủ của Nam Từ Châu. Tuy cuộc sống ổn định, nhưng ông vẫn miệt mài nghiên cứu học thuật và đạt được thành tựu to lớn. Năm 33 tuổi, ông đã biên soạn ra cuốn "Đại Minh Lịch", mở ra kỷ nguyên mới cho trang sử lịch pháp, sự tính toán trong lịch pháp của ông về số ngày hồi quy năm chỉ kém có 50 giây so với sự trắc định của khoa học hiện đại; Số ngày mặt trăng quay một vòng cũng chỉ kém chưa tới 1 giây so với sự trắc định của khoa học hiện đại.

Năm 462 công nguyên, Tổ Xung Chi thỉnh thị Tống Hiếu Võ Đế ban bố lịch mới, có một viên đại thần tên là Đới Pháp Hưng đứng ra phản đối, ông cho rằng Tổ Xung Chi thay đổi lịch cũ là một hành vi lừa kinh phản đạo. Tống Hiếu Võ Đế đành cho gác việc đó lại, cho mãi tới khi Tổ Xung Chi mất được 10 năm, Đại Minh Lịch của ông mới được đem ra sử dụng.

Về mặt toán học, Tổ Xung Chi đã viết lời chú giải cho cuốn "Cửu chương

toán thuật" và cuốn "Trùng Sai" của Lưu Vi. Ông còn viết ra cuốn "Xuyết thuật" được triều nhà Đường đưa vào "Toán kinh thập thư", trở thành sách toán học của trường Quốc Tử Giám triều nhà Đường. Bấy giờ, học "Xuyết thuật" phải mất 4 năm.

Ngoài ra, Tổ Xung Chi và con đã vận dụng phương pháp khéo léo giải quyết việc tính toán thể tích hình cầu. Phương pháp này phương tây gọi là nguyên lý Cavalieri. Thế nhưng sự phát hiện của Cavalieri là sau Tổ Xung Chi đã hơn nghìn năm. Nhằm kỷ niệm hai cha con Tổ Xung Chi đã có đóng góp to lớn phát hiện nguyên lý này, người ta đã gọi nó là "Nguyên lý Tổ Thị". Tổ Xung Chi cũng là người rất có tài ba về mặt phát minh khoa học. Ông đã chế tạo ra một loại xe chỉ nam, dù cho xe quay như thế nào thì người bằng đồng trên xe vẫn cứ chỉ tay về hướng nam. Ông còn chế tạo ra "Thuyền nghìn dặm", khi đem chạy thử trên sông Tân Đình, một ngày có thể đi được 100 dặm, ông đã lợi dụng sức nước quay cối xay thóc, chế tạo ra máy tính giờ. Ngoài ra, Tổ Xung Chi còn giỏi về âm luật, chơi cờ, viết ra cuốn tiểu thuyết "Thuật dị ký". Tổ Xung Chi viết khá nhiều sách, nhưng phần lớn đều đã thất truyền.

Tổ Xung Chi đích thực là một nhân vật bác học đa tài hiếm có. Cuối triều nhà Tống, Tổ Xung Chi đến Kiến Khang nhậm chức Yết Giả Bộc Xạ, sau đó cho mãi đến khi triều nhà Tống bị diệt vong, ông đã bỏ nhiều công sức vào việc nghiên cứu chế tạo cơ giới.

Khi Tổ Xung Chi tuổi về già, tình hình chính trị xã hội đen tối, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, Ngụy Vương của Bắc Triều đã thừa cơ điều đại quân đánh xuống miền nam. Tổ Xung Chi rất quan tâm tới tình hình chính trị đương thời. Vào quãng thời gian giữa năm 494 đến năm 498 công nguyên, khi ông đảm nhiệm chức hiệu úy Trường Thủy đã viết bài "An biên Luận", kiến nghị triều đình nên khai khẩn đất hoang, phát triển nông nghiệp, ổn định lòng dân, củng cố quốc phòng. Tề Minh Đế đọc qua bài này định cử Tổ Xung

Chi đi tuần sát tứ xứ, tạo dựng một số ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh. Nhưng vì chiến tranh xảy ra liên miên, kiến nghị này cuối cùng vẫn không thực hiện được. Năm 500 công nguyên, Tổ Xung Chi qua đời, hưởng thọ 72 tuổi. Nhằm kỷ niệm ông, người ta đã đặt tên cho dãy núi ở phía sau mặt trăng là "Dãy núi Tổ Xung Chi", đặt tiểu hành tinh 1888 là "Tiểu hành tinh Tổ Xung Chi".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trận Đánh Phì Thủy

Năm Kiến Nguyên thứ 18, Phù Kiên bàn kế thảo phạt nước Tấn, nhà vua về đặc ý nói với các đại thần rằng: "Ta kế thừa đại nghiệp đã được gần 30 năm, nay bốn bề bình an, riêng chỉ có phía đông nam là chưa chịu quy hàng, mỗi khi nghĩ tới việc chưa hoàn thành đại nghiệp thống nhất là ta ăn không ngon, ngủ không yên. Nay binh lực của ta đã có khoảng 970 nghìn người, ta muốn thân chinh dẫn quân sang đánh nước Tấn, các khanh thấy thế nào?". Thượng thư tả bộc xạ Quyền Dực phản đối rằng: "Thần cho rằng không nên đánh nước Tấn, nước Tấn tuy yếu nhưng họ vẫn có khá nhiều nhân tài như Đại Ác, Tạ An, Hằng Xung v v, họ quân thần hòa mục, trên dưới đồng lòng, nên hiện chưa phải là lúc tiêu diệt nước Tấn".

Thái tử tả vệ suất Thạch Việt nói: "Nay Tuế Tinh và Trấn Tinh đang vây lấy Ngưu Đầu, vận may đang thiên về nước Tấn, người Di Hạ đều hướng về vua Tấn, họ có sông Trường Giang hiểm trở, nội bộ lại không có hiện tượng chia rẽ, thần cho rằng ta nên nghỉ ngơi dưỡng sức để chờ thời cơ". Phù Kiên phản bác rằng: "Ta nghe khi Võ Vương đánh vua Trụ đều ngược với Tuế Tinh mà vẫn giành được thắng lợi. Phu Sai và Tôn Hạo dựa vào thiên nhiên hiểm trở mà vẫn bị diệt vong, nay ta có lắm quân nhiều tướng như vậy thì hiểm trở nào có thể ngăn nổi?". Phù Dung nói: "Nay xuất binh, một là không hợp với lẽ trời. hai là nước Tấn không có sơ hở gì, ba là quân ta tác chiến quá nhiều đã rất mệt mỏi, không đánh mới là kế thượng sách". Phù Kiên lẩm bẩm rằng: "Người mà cũng nói như vậy thì ta còn bàn bạc với ai? Nay ta có mấy trăm nghìn binh mã, lương thực khí giới chất cao như núi. Tuy ta không dám

xứng minh chủ, nhưng cũng không phải là ông vua dẫn độn, nhân đà chiến thắng mà đánh nước địch đang trong cơn hấp hối, thì còn lo gì không đánh nổi. Lẽ nào để chúng gây hậu hoạn cho nhà nước ư? "

Phù Kiên vốn là người rất tôn trọng ý kiến của người khác, nhưng riêng về việc đánh nước Tấn là rất cố chấp. Tuy các đại thần trong triều đều dâng thư khuyên ngăn, nhưng nhà vua vẫn khăng khăng làm theo ý mình.

Năm Kiến Nguyên thứ 19, Phù Kiên ban bố lệnh tấn công nước Đông Tấn, quy định cứ 10 người dân thì cử một người tòng quân, trưng dụng ngựa công và ngựa tư của các Châu. Đại quân xuất phát từ Tràng An, cờ xí rợp trời, trống trận vang lừng, đội ngũ kéo dài hơn nghìn dặm. Khi Phù Kiên đến Hạng Thành thì quân mã Lương Châu mới đến Hàm Dương, quân Thục Hán đang xuôi dòng đi xuống, binh mã U Châu và Dục Châu mới chỉ đến Bành Châu, đông tây cách xa nhau hàng 10 nghìn dặm. Đại quân bề ngoài thanh thế to lớn, nhưng thực tế thì trận tuyến quá dài, nên lực lượng bị phân tán. Tháng 10, tiên phong Phù Dung đánh chiếm được Thọ Xuân, liền cử người đến báo với Phù Kiên rằng: "Quân địch rất ít, rất dễ đánh nhưng lo chúng chạy trốn mất, vậy mong các đạo quân nhanh chóng tiến xuống phía nam". Phù Kiên được tin bèn dẫn 8 nghìn khinh kỵ đi suốt ngày đêm đến Thọ Xuân, rồi cử hàng tướng Chu Tự sang khuyên quân Đông Tấn đầu hàng.

Chu Tự nguyên là tướng triều Đông Tấn trấn giữ ở Tương Dương, vì thất bại bị bắt làm tù binh và được tiền Tần phong làm Độ chi thượng thư. Chu Tự sang Đông Tấn mới hiến kế với đô đốc Tạ Huyền rằng: "Nếu đại quân của nước Tần kéo đến thì thật khó mà nghênh địch, nay nhân lúc các đạo quân của chúng còn chưa tới thì hãy mau chóng đánh đòn phủ đầu, chỉ cần đánh bại được đạo quân tiên phong của chúng, thì tất giành được toàn thắng ". Tức thì quân Tấn thủy bộ cùng tiến. Phù Kiên đứng trên thành Thọ Xuân nhìn xuống, thấy quân Tấn trận thế tề chỉnh, khí thế oai hùng thì mặt biến sắc. Bấy giờ quân Tấn yêu cầu quân Tần lui về, nhường lối để quân Tấn vượt qua sông

Phì Thủy rời hai bên quyết một trận sống mái. Phù Kiên muốn tương kế tựu kế, để đợi khi quân Tấn đang vượt sông thì cho kỵ binh đánh tràn vào, bèn ra lệnh cho quân rút về phía sau. Bất đồ nghe tiếng Chu Tự ở hậu quân hô to lên rằng: "Quân Tần thất bại, quân Tần bị đánh bại rồi". Quân lính nghe vậy chẳng hiểu ra làm sao, đều hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Quân Tấn thừa cơ nhanh chóng vượt qua sông đánh thốc vào. Phù Dung luống cuống chống đỡ không nổi liền bị quân Tấn chém chết, quân Tần thấy vậy liền dầm đạp lên nhau chạy tháo thân. Phù Kiên thoát chết chạy ra đến Hoài Bắc, nhà vua rơm rớm nước mắt nói với Trương phu nhân rằng: "Ta còn mặt mũi nào trị vì thiên hạ nữa".

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vương Mãnh Bắt Rận Bàn Việc Thiên Hạ

Vương Mãnh tự Cảnh Lược, người huyện Kịch-Bắc Hải, sau rời đến ở Ngụy Quận. Ông là đại thần tiền Tần thời kỳ 16 nước, là nhà chính trị, nhà quân sự và thống soái kiệt xuất. Ông xuất thân nghèo khổ, thời còn nhỏ từng làm nghề bán ky. Sau khi khôn lớn, Vương Mãnh bảnh trai, thông hiểu binh thư, tính tình cẩn trọng và rất có hoài bão. Một số con em sĩ tộc dung tục đều khinh thường ông, nhưng ông cũng không muốn quen thân với họ. Điều không ai ngờ là sau khi Từ Thống nhìn thấy ông, liền mời ông ra làm Công Tào, nhưng bị Vương Mãnh khước từ, rồi rời đến sống ẩn cư ở Hoa Sơn để chờ đợi thời cuộc.

Bấy giờ, phương bắc xảy ra chiến tranh liên miên, thủ lĩnh thị tộc Phù Hồng thừa cơ tự lập làm Vương, ít lâu sau bị bộ tướng đầu độc chết, con là Phù Kiện đã theo lời di huấn dẫn quân chạy sang miền tây, đến năm Vĩnh Hòa thứ 7 chiếm lĩnh Quan Trung, dựng đô tại Tràng An, đổi quốc hiệu là Tần, rồi năm sau xưng đế, nhà nước mỗi ngày một lớn mạnh. Năm vĩnh Hòa thứ 10, Hằng Ôn bắc phạt, Vương Mãnh mặc quần áo rách đến xin gặp, ông vừa bắt rận vừa bàn việc lớn thiên hạ. Năm Vĩnh Hòa thứ 11, Phù Kiện mất, con là Phù Sinh lên nối ngôi. Phù Sinh tính tình tàn bạo, lên ngôi chưa được hai năm đã đẩy triều tiền Tần đến bờ vực sụp đổ. Phù Kiện con của Phù Hồng là một người hùng tài đại lược, các đại thần trong triều thấy triều chính hỗn loạn, bèn kiến nghị Phù Kiện lật đổ Phù Sinh. Thượng thư Lã Bà Lâu nhân đó đã tiến cử Vương Mãnh với Phù Kiện. Phù Kiện sau khi giết chết Phù Sinh lên ngôi vua, liền phong Vương Mãnh làm Trung Thư Thị Lang, phụ trách

việc cơ mật. Về sau Vương Mãnh được cử đến nhậm chức huyện lệnh Thủy Bình, để chỉnh đốn trật tự xã hội vốn rất xấu tại đây. Vương Mãnh chấp pháp nghiêm minh, khiến các cường hào địa phương rất tức tối, họ liên danh viết thư vu khống Vương Mãnh, khiến ông bị giam vào nhà lao. Phù Kiên thân trình hỏi tội rằng "Chính sách phải lấy đức làm gốc, người vừa làm huyện lệnh mà đã giết chết vô số người là có làm sao?". Vương Mãnh trả lời rằng: "Bệ hạ không chê thần bất tài cho ra làm quan, thần chỉ một lòng muốn trừ hại cho cho nhà nước, giết một người để răn nhiều người khác, bằng không sao gọi là chấp pháp nghiêm minh, như vậy há chẳng phải phụ lòng bệ hạ ư?". Phù Kiên nghe như vỡ lẽ, thi hành chính trị đạo đức là không thông, bèn ra lệnh phóng thích Vương Mãnh, sau đó miễn chức Tả Thừa Tướng của Trình Trác, đưa Vương Mãnh lên thay để giám sát các quan trong triều. Vương Mãnh ngày càng được Phù Kiên tin cậy.

Phàn Thế là quý tộc có công trong triều đã lảng nhục Vương Mãnh trước mặt mọi người rằng: "Cha ông tôi cùng gây dựng cơ nghiệp với tiên đế, mà tôi còn chưa dám nắm quyền hành, còn ông chưa lập nên công cán gì mà cũng chuyên quyền đại nhiệm? Đây có khác gì tôi vất vả cấy cấy để ông ăn". Vương Mãnh trả lời rằng: "Người đang làm sứ quân cũng chỉ là tên đồ tể, tôi mới thực sự là người cấy cấy mà thôi". Phàn Thế tức giận quát mắng rằng: "Ta thề treo ngược đầu người trên cổng thành Tràng An, bằng không, ta không sống trên đời này nữa". Vương Mãnh đem lời khiêu khích này của Phàn Thế nói lại với Phù Kiên. Phù Kiên nói: "Phải trừ bỏ người này thì mới mong trị nổi các quan". Hôm sau, Phàn Thế nghe Phù Kiên hỏi Vương Mãnh trong buổi chiều rằng: "Ta muốn để Dương Bích làm phò mã, vậy Dương Bích là người thế nào?". Phàn Thế nghe vậy nổi giận nói: "Dương Bích là con rể của thần, việc hôn nhân đã đặt từ lâu, sao bệ hạ lại có thể để Dương Bích làm phò mã". Vương Mãnh vội trách Phàn Thế rằng: "Đất trời đều là của hoàng thượng, ông dám cướp rể với hoàng thượng là muốn làm ông vua thứ hai ư? Thật chẳng ra thể thống gì nữa."

Phàn Thế nổi giận hùng dũng toan xông vào đánh Vương Mãnh, các thị vệ vội ngăn lại, Phàn Thế tức tối chửi toáng lên. Phù Kiên không thể nhịn được nữa liền quát lòi Phàn Thế ra chém. Sau đó, Phù Kiên phong cho Vương Mãnh các chức Thị Trung, Trung Thư Lệnh v v. Cường Đức là em vợ của Phù Kiên, vì hăn trắng trợn cướp của giết người nên bị xử tội chết, Cường thái hậu đến gặp Phù Kiên xin tha thứ, Phù Kiên thể thoái thác đành phải ra lệnh ân xá, nhưng khi sứ giả phóng ngựa đến pháp trường thì Cường Đức đã bị chặt đầu đem giễu giữa chúng dân.

Được sự nâng đỡ của Phù Kiên, Vương Mãnh đạt được thành công lớn về mặt chính sách pháp trị, ông chỉ trong một năm được thăng 5 chức, khiến các quan ai nấy đều phải khâm phục.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vương, Mã Cộng Thiên Hạ

Cuối thời Tây Tấn, một số sĩ tộc phương bắc nhận thấy tình hình Trung Nguyên trở nên rối ren, đều tới tập di rời xuống miền nam đến Giang Đông. Đông Hải Vương-Tư Mã Việt nắm quyền hành Tây Tấn lúc đó đã phong cháu là Tư Mã Thụ làm An đông tướng quân, phụ trách trấn thủ Nghiệp Thành, việc Tư Mã Thụ xuống miền nam này là do Vương Đạo dày công sắp đặt, chính sự cuối thời Tây Tấn hết sức rối loạn, khiến Vương Đạo cảm thấy sắp xảy ra cuộc chiến loạn quy mô, xuống miền nam thì ít ra cũng tránh được tai nạn, nên ông đã thuyết phục được hoàng phi Đông Hải là Bùi Thị giúp mình tác thành việc Tư Mã Thụ ra trấn thủ Nghiệp Thành.

Năm Vĩnh Gia thứ nhất, Tư Mã Thụ đang phải đối mặt với việc làm thế nào tranh thủ được sự ủng hộ của các sĩ tộc Giang Nam, ở đây tuy không âm ỷ mầm chiến loạn như Trung Nguyên, nhưng cũng là một miền đất rất rắc rối. Sĩ tộc Giang Nam vừa mới tiêu diệt xong Quảng Lăng tướng-Trần Mẫn toan cát cứ Giang Đông, lực lượng của họ khiến Tư Mã Thụ nhận thấy, nếu không đảm bảo được quyền lợi của sĩ tộc Giang Nam, thì thật khó mà đứng vững chân tại đây. Phần lớn các đại tộc Giang Nam lúc này cũng mong có một hoàng thất Tây Tấn, có sức hiệu triệu và tôn trọng lợi ích của họ đến trấn giữ Giang Nam, đưa cục diện chính trị miền nam vào trạng thái ổn định. Nhưng các dòng họ lớn Giang Nam vốn rất chú trọng xuất thân thì cho rằng, Tư Mã Thụ không phải là chính gốc hoàng thất, đã không có danh vọng, lại không có nghiệp tích.

Do những nguyên nhân trên, nên Tư Mã Thụ đến Nghiệp Thành đã được hơn nửa năm trời, mà các dòng họ lớn ở địa phương vẫn không có một nhà nào chịu gần gũi. Vương Đạo thấy vậy đã bàn bạc với người anh họ là Vương Đôn làm thứ sử Thanh Châu lúc bấy giờ đang ở Nghiệp Thành, quyết định tìm một cơ hội thích hợp, diễn một màn kịch cho các nhân sĩ phương nam xem, nhằm nâng cao danh vọng của Tư Mã Thụ.

Năm Vĩnh Gia thứ 2, theo tập tục cầu may của địa phương, các quan viên thành Kiến Nghiệp theo lệ phải tổ chức một hoạt động tế lễ hàng năm bên bờ sông để cầu phúc tiêu tai. Theo sự sắp xếp của Vương Đạo, Tư Mã Thụ ngồi kiệu đẹp lộng lẫy, phía trước có đội quân danh dự đánh thanh la mở đường, đoàn người rầm rộ hộ tống đi xem lễ. Vương Đạo, Vương Đôn cùng các danh sĩ đại tộc miền bắc cưỡi ngựa cao to đi sau đội quân danh dự. Các lãnh tụ sĩ tộc phương nam như Kỷ Chiêm, Cố Vinh v.v thấy Vương Đạo và Vương Đôn là những nhân vật nổi tiếng đều tôn kính Tư Mã Thụ như vậy, thì lo mình thất lễ với Tư Mã Thụ, nên đều đứng xếp hàng ở hai bên đường nghênh đón. Hoạt động tế lễ đã đạt được hiệu quả, Vương Đạo lại bày cách cho Tư Mã Thụ, thông qua lời kéo các nhân sĩ tai to mặt lớn như Kỷ Chiêm, Cố Vinh để thực hiện sự quy thuộc của cả tập đoàn sĩ tộc Giang Nam. Tức thì Vương Đạo đại diện cho Tư Mã Thụ đến thăm viếng những người này, khiến các vị này tới tập đến bái kiến. Tư Mã Thụ mời họ ra làm quan, và cho phép họ tham gia các hoạt động quân sự cơ mật. Dưới sự sắp xếp của Vương Đạo, Tư Mã Thụ lại thu hút nhân tài các sĩ tộc phương bắc. Chính quyền Giang Đông với sĩ tộc nam bắc làm nòng cốt đã bước đầu hình thành.

Năm 317 công nguyên, Tư Mã Thụ xưng Tấn Vương tại Kiến Nghiệp. Năm sau vua Tấn bị hạ sát, Tư Mã Thụ chính thức xưng đế, tức Tấn Nguyên Đế. Nhà vua phong Vương Đạo làm tể tướng nắm việc triều chính. Còn Vương Đôn làm đô đốc quân sự 6 châu, các quan chức quan trọng trong triều đình đều do gia tộc Vương Thụ đảm nhiệm. Vương triều Đông Tấn trên thực tế đều do Vương Đạo và Tư Mã Thụ nắm giữ. Nên bấy giờ thường lưu

truyền một câu nói là "Vương dĩ Mã, cộng thiên hạ".

Sau khi ổn định vương vị, Tư Mã Thụ không vừa ý với cục diện "Vương Mã Cộng thiên hạ", liền trọng dụng Lưu Khôi và Điều Hiệp, ngầm ngầm tiến hành bố trí quân sự, mưu đồ bài trừ thế lực của Vương Đạo, nhưng Vương Đôn đã khởi nghĩa trước tại Võ Xương, đánh bại Lưu Khôi, giết chết Điều Hiệp. Về sau, dưới sự khuyên ngăn của Vương Đạo, mới lui quân về Võ Xương, chính quyền Đông Tấn vẫn do Vương Đạo nắm giữ. Tư Mã Thụ thấy không thể làm lung lay thế lực của Vương Đạo thì vô cùng uất ức, ít lâu sau thì ốm chết trong cung Kiến Khang.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Bát Vương Chi Loạn

Tấn Võ Đế cho rằng, sở dĩ triều nhà Ngụy bị diệt vong là vì không giao quyền lực cho con em hoàng tộc, khiến vương thất bị cô lập. Nên nhà vua đã phong cho các con em cùng họ làm vương, cho phép các vương đều có quân đội và tự thống lĩnh, trấn thủ các nơi hiểm yếu. Ông cho rằng làm như vậy thì các vương sẽ ủng hộ vương thất, ách thống trị của dòng họ Tư Mã sẽ được củng cố vững vàng. Nhưng ngờ đâu kết quả thì ngược lại, đã để lại cho hậu thế tai họa gây rối, chém giết và tranh đoạt quyền lợi lẫn nhau.

Năm 290 công nguyên, Tấn Võ Đế lâm bệnh nặng, vì thái tử là người khiếm trí, tuy đã ngoài 30 tuổi nhưng vẫn khiến nhà vua không được yên tâm, mới lập di chiếu cho phép cha của hoàng hậu là Dương Tuấn và chú là Nhữ Nam Vương-Tư Mã Lương cùng gánh vác việc triều chính. Nhưng Dương Tuấn có tham vọng càng lớn hơn, đã thông đồng với hoàng hậu viết một bản di chiếu giả, chỉ định riêng mình nắm toàn bộ việc triều chính. Sau khi Tấn Võ Đế qua đời, thái tử Tư Mã Trung lên nối ngôi, tức Tấn Huệ Đế. Nhà vua không để tâm vào việc trị nước, nên mọi quyền hành vẫn nằm trong tay Dương Tuấn. Các chư hầu không phục, đều đang chờ đợi thời cơ để nhúng tay vào. Hoàng hậu Giả Nam Phượng là một người cay nghiệt và hiểm độc, bà không nỡ lòng để quyền bính nhà nước rơi vào tay Vương Tuấn, đã ngầm ngầm câu kết với Nhữ Nam Vương-Tư Mã Lương và Sở Vương-Tư Mã Vĩ tuyên bố Dương Tuấn mưu làm phản rồi giết chết, đưa Tư Mã Vĩ lên nắm việc triều chính, Tư Mã Lương thấy vậy sinh ra mâu thuẫn với Tư Mã Vĩ. Giả hoàng hậu bèn lợi dụng Tư Mã Vĩ giết chết Tư Mã Lương, rồi quay sang vu

vạ cho Tư Mã Vĩ rồi giết nốt.

Sau đó, Giả hoàng hậu lấy danh nghĩa thái tử viết một lá thư bức Tấn Huệ Đế thoái vị, rồi kiếm cớ mời thái tử đến uống rượu, nhân lúc thái tử say rượu lũ lẫm, lừa thái tử chép lại bức thư đó. Ngày hôm sau, Giả hoàng hậu triệu tập Tấn Huệ Đế và các đại thần trong triều lại, rồi tuyên bố thái tử mưu làm phản, mọi người xem thư đều nhận ra chữ viết của thái tử, nên thái tử bị phế truất. Các đại thần trong triều vốn rất bất mãn với mưu kế hiểm độc và chuyên quyền của Giả hậu, nay lại mưu đồ phế bỏ thái tử, khiến họ càng thêm bức tức, nên mới dẫn tới sự kiện "Bát vương chi loạn" sau này.

Sau khi thái tử bị phế bỏ, Triệu Vương Luân đang nắm quyền chỉ huy cấm quân lúc đó thấy thời cơ đã tới, bèn tung tin là các đại thần đang bí mật bàn bạc để giúp thái tử hồi phục lại ngôi vị. Giả hoàng hậu vô cùng hoảng hốt, bèn sai người bỏ thuốc độc cho thái tử uống chết. Việc làm này khiến Triệu Vương Luân càng có cơ hơn, lập tức cử cấm quân hiệu úy Tề Vương-Tư Mã Quýnh vào cung bắt Giả hậu. Tề Vương đến nơi tuyên bố rằng: "Tôi phụng chiếu thư của Hoàng thượng đến bắt hoàng hậu". Giả hậu nghe vậy liền quát lên rằng: "Mọi chiếu thư của hoàng thượng đều do ta phát ra, sao lại có chiếu thư nào khác?". Tề Vương bất chấp Giả hậu làm ầm lên, liền rút kiếm chém chết, Giả hậu chuyên bày mưu hại người, nay lại rơi vào cạm bẫy của người khác.

Triệu vương-Tư Mã Luân lên nắm việc triều chính, hẳn được thăng đến chức tể tướng còn chưa vừa ý, lại còn giam lỏng Tấn Huệ Đế, rồi tự xưng hoàng đế, các đồng đảng đều được làm quan. Thời bấy giờ trên chót mũ các quan đều có cắm đuôi chồn, vì trong một lúc phong người làm quan quá nhiều, nên đuôi chồn không đủ dùng đành phải dùng đuôi chó để thay thế. Do đó trong dân gian mới có câu ca dao rằng: "Điều bất túc, cẩu mao tục". Cụm từ "Cẩu vĩ tục điều" còn được dùng mãi tới ngày nay.

Chư hầu các nơi nghe tin Triệu vương Tư Mã Luân lên làm vua, ai nấy

đều không phục, giữa họ lại xảy ra tranh chấp sát phạt nhau. Tham gia cuộc hỗn chiến này có Triệu vương-Tư Mã Luân; Tề Vương- Tư Mã Quýnh; Trường Sa Vương-Tư Mã Nghĩa; Đông Hải Vương-Tư Mã Việt. Thêm vào đó là Nhữ Nam Vương -Tư Mã Lượng và Sở Vương-Tư Mã Vĩ đã bị giết chết, trong lịch sử gọi là "Bát vương chi loạn". Cuộc chém giết đẫm máu này đã lan rộng tới Lạc Dương, Tràn An và khu vực rộng lớn ở phía nam và phía bắc sông Hoàng Hà, chiến tranh kéo dài trong 16 năm, các vương nối tiếp nhau bị tử trận, chỉ còn lại mỗi Đông Hải Vương-Tư Mã Việt. Ông đánh thuốc độc chết vua Tấn, rồi lập em vua là Tư Mã Sí lên làm vua, tức Tấn Hoài Đế, vương triều Tây Tấn từ đó càng thêm suy thoái.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

"Văn Kê Khởi Vũ, Trung Lưu Kích Tiếp"

Có nghĩa là nghe tiếng gà gáy thì dậy tập võ, gõ mái chèo vào mạn thuyền đang đi trên dòng nước. Trong thời kỳ vương triều Tây Tấn đoán mệnh, chiến tranh xảy ra liên miên, biển Hoa Hạ thành một cảnh đau thương tang tóc, khiến Hung Nô ở phương bắc càng thêm ngăm nghe nhòm ngó tới mảnh đất phì nhiêu và trù phú này. Chúng thấy thời cơ đã tới, bèn khởi binh đốt phá cướp bóc, chiếm thành đoạt đất ở các vùng miền bắc, nạn thù trong giặc ngoài khiến vương triều Tây Tấn càng thêm kiệt quệ, dân chúng không có một ngày nào được yên thân. Khi đất nước đang lung lay trong cơn bão táp này, có một số tướng sĩ đầy nhiệt huyết vẫn kiên trì trấn thủ ở miền bắc, Lưu Côn là một người nổi bật nhất trong số này. Lưu Côn từ nhỏ đã chăm học và luyện võ. Thời ông và bạn học tên là Tổ Định cùng làm Chủ bộ ở Tư Châu, hai người thường nằm ngủ một nơi cùng bàn việc cứu nước. Một hôm, trời vừa rạng sáng, Tổ Định đánh thức Lưu Côn dậy cùng tập võ, rồi từ đó mỗi khi nghe tiếng gà gáy là họ thức dậy miệt mài khổ luyện, về sau hai người đều trở thành danh tướng của triều nhà Tấn, anh dũng tiêu diệt giặc nhằm thu phục Trung Nguyên. Tinh thần "Văn kê khởi vũ" của họ đã khích lệ người đời sau.

Năm 308 công nguyên, Tấn Hoài Đế phong Lưu Côn làm thứ sử Bính Châu, ông dẫn hơn nghìn binh lính xông pha trận mạc, vượt bao khó khăn mới tới được Tấn Dương. Nhưng thành Tấn Dương lúc này chỉ còn là đồng gạch vụn, xác chết ngổn ngang, dân chúng lưu li thất sở, cảnh tượng vô cùng thê lương, ông bèn chỉ huy quân lính tu sửa thành trì, nhà cửa, chôn lấp xác

chết, triệu tập dân chúng khai hoang trồng cấy. Ông thân chinh cùng binh sĩ giữ vững thành trì, khiến quân Hung Nô không tiến được một bước, dân chúng Tấn Dương được an cư lạc nghiệp. Ông còn dùng kế ly gián làm tan rã đội ngũ quân địch, có hơn 10 nghìn quân Hung Nô đã xin đầu hàng ông, nên ông được vua Tấn phong làm đại tướng quân thống lĩnh quân sự Bính Châu, trong khi phần lớn quân lực miền bắc Tây Tấn bị đánh tan, thì duy chỉ có Lưu Côn là vẫn kiên trì cố thủ.

Khi Lưu Côn được tin Tổ Địch khởi binh bắc phạt thì vô cùng mừng rỡ, lúc này gót sắt của quân Hung Nô đã dày xéo lên phần lớn vùng đất Trung Nguyên, khiến người phương bắc tới tấp chạy xuống miền nam lánh nạn. Tổ Địch dẫn hơn mấy trăm hương thân tới lưu vực sông Hoài, rồi tổ chức dân chạy loạn lại bắt đầu gian khổ lập nghiệp, ông đem lương thực và quần áo nhà mình phân phát cho mọi người, nên họ kính trọng ông và đều mong ông dẫn dắt họ sớm ngày thu phục lại Trung Nguyên. Nhưng Tư Mã Thụ lúc này còn chưa lên ngôi và cũng không có ý định này. Tổ Địch đã khẳng khái trình bày trước nhà vua và chủ động xin tác chiến, đồng thời thề kiên quyết thu phục lại Trung Nguyên, Tư Mã Thụ đành phải đồng ý rồi cử ông làm thứ sử Dự Châu, nhưng chỉ cấp phát cho ông khẩu phần của 1000 người và 3000 tấm vải, còn việc binh mã và vũ khí thì tự mình lo liệu. Nhân dân được tin đều tới tấp kéo nhau đến theo ông, nên lực lượng của ông tăng lên nhanh chóng. Khi đoàn thuyền của ông đang vượt qua sông Trường Giang để đi lên hướng bắc, ông cầm mái chèo đập vào mạn thuyền thề trước các binh sĩ rằng: "Lần này quyết thu phục được Trung Nguyên, bằng không sẽ chẳng vượt qua sông này lần nữa".

Sau khi vượt qua sông, Tổ Địch dẫn quân lao vào cuộc giao chiến với Hung Nô, vì ông túc trí đa mưu, nên thường lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, trải qua nhiều trận đánh đẫm máu, quân của Tổ Địch đã chiếm lại toàn bộ đất đai ở phía nam sông Trường Giang, đuổi quân Hung Nô ra phía bắc sông Hoàng Hà và hang ổ của chúng ở vùng tây bắc. Sau khi Tấn Nguyên

Đế-Tư Mã Thụy lên ngôi, xét vì Tổ Địch từng nhiều lần lập chiến công, nên đã phong ông làm Trấn Tây Tướng Quân.

Trong thời đại bão táp thù trong giặc ngoài lúc bấy giờ, Lưu Côn và Tổ Địch đã chung lưng đấu cật cùng chung một lý tưởng thu phục Trung Nguyên, họ mỗi người một ngả ra chiến trường biên giới, dẫn đầu các tướng sĩ xông pha trận mạc, lập nên chiến công hiển hách, nên được nhân dân quý mến và ủng hộ. Nhưng do Tấn Nguyên Đế quá u mê, sự tranh quyền đoạt lợi của các thế lực cường hào và trong triều đình đã dẫn tới nội loạn, khiến Lưu Côn và Tổ Địch cuối cùng vẫn không sao thực hiện được đại nghiệp thu phục Trung Nguyên. Nhưng chí lớn thời còn niên thiếu và tinh thần cao thượng khi nhà nước có nạn thì đứng ra gánh vác, anh dũng giết giặc, không chùn bước trước khó khăn của họ vẫn còn ghi tạc trong sử xanh.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Thạch Sùng Và Vương Khải So Giàu

Sau khi thống nhất cả nước, Tấn Võ Đế rất đặc ý, cho rằng mình đã làm vua thì khỏi phải lo toan tới việc gì nữa, nên hàng ngày chỉ lao vào cuộc sống hưởng lạc hoang dâm vô độ. Sự mở đầu ăn chơi này của nhà vua, đã khiến các đại thần trong triều coi việc bày vẽ làm ra vẻ giàu sang là điều rất hãnh diện.

Thạch Sùng tự Quý Luân, là một nhà văn thời Tấn Võ Đế, từ nhỏ thông minh lanh lợi, hơn 20 tuổi làm huyện lệnh Tu Vũ. Năm Nguyên Khang thứ nhất nhậm các chức vụ Nam trung lang tướng, thứ sử Kinh Châu, sống cuộc đời xa hoa đàng điếm. Trong cuốn "Ngũ Lâm" có một đoạn viết rằng: Khi Lưu Thực người Tây Tấn sang thăm nhà đại phú hào Thạch Sùng thì bỗng đau bụng, liền đi vào nhà xí của gia đình này, thì thấy bên trong có một chiếc giường rộng, chăn chiếu trên giường bày biện rất sang trọng, hai bên có hai tỳ nữ xinh đẹp tay cầm túi hương đứng hầu. Lưu Thực vội lui ra nói với Thạch Sùng rằng: "Xin lỗi. Tôi đã đi nhầm vào buồng ngủ của ông". Thạch Sùng thản nhiên nói: "Ông có nhầm lẫn gì đâu, đó chính là nhà xí gia đình tôi". Lưu Thực ngơ ngác đành đi vào, mới biết đó là hai tỳ nữ canh nhà xí, trong túi hương có đựng thanh gỗ mềm dùng để chùi dít. Nhưng Lưu Thực ngồi rặn mãi không ra, đành phải sách quần ra nói với Thạch Sùng rằng: "Tôi đi tìm nhà xí khác cho xong việc".

Vương Khải là em trai của hoàng hậu vua Tấn Tư Mã Viêm, chức vụ Tả Tướng Quân, rất được Tấn Võ Đế tin cậy, hãnh ý thế hà hiếp nhân dân và vợ

vết của cải. Vì là ngoại thích nên quyền lực của hắn có cao hơn Thạch Sùng, nhưng về mặt giàu sang thì Thạch Sùng có phần vượt trội hơn. Thạch Sùng có bao nhiêu tiền thì không ai biết, nhưng tiền của của hắn ở đâu ra? Nguyên khi trước Thạch Sùng làm thứ sử Kinh Châu được mấy năm, trong thời gian này, ngoài bòn mút xương tủy của dân ra, hắn còn dính líu vào các vụ cướp bóc. Khi có sứ thần hoặc nhà buôn nước ngoài đến địa phận Kinh Châu, là hắn cử tay chân đến bắt chẹt, thậm chí còn công khai cướp của giết người, nên hắn trở thành tên phú hào lớn nhất thời bấy giờ. Nhằm chứng minh ai là người giàu có nhất, bọn chúng đã bày ra cái trò ai xa hoa phung phí nhất để phân chia cao thấp. Trong sử sách có một đoạn viết rằng, Vương Khải dùng đường mạch nha để rửa nồi cơm, thì Thạch Sùng dùng nến làm củi đốt. Vương Khải đi đâu thì dùng tơ lụa trải đường dài 40 dặm, thì Thạch Sùng dùng nhiều điều trải dài 50 dặm. Vương Khải lấy nến Hồng Thạch xây tường, thì Thạch Sùng dùng bột gia vị xây tường. Tấn Võ Đế biết việc này đã không khuyên ngăn thì chớ, lại còn nhiều lần bỏ tiền của ra trợ giúp, những mong hắn thắng cuộc. Có một lần, nhà vua tặng cho Vương Khải một cây san hô cao hơn hai thước, Vương Khải rất đặc ý bèn đem ra khoe với Thạch Sùng, nào ngờ Thạch Sùng lấy thép như ý ra đập mấy cái khiến cây san hô bị nát vụn, Vương Khải nổi giận thì Thạch Sùng thản nhiên đáp rằng: "Cái này có đáng là bao, tôi đền ông là xong chứ gì". Tức thì, gọi người nhà đem ra rất nhiều cây san hô loại cao hơn hai thước, còn loại cao hơn bốn năm thước thì có tới sáu bảy cây, khiến Vương Khải hết sức kinh ngạc. Mấy hôm sau, Thạch Sùng mời Vương Khải đến nhà cùng giám định báu vật, trước tiên họ cùng ngồi uống rượu xem người vợ lẽ xinh đẹp của Thạch Sùng biểu diễn ca múa, Vương Khải ngây ngất trước sắc đẹp của nàng. Một lát sau, nhà bếp bưng lên một món canh tuyệt thế, trông tựa như canh chân giò trong suốt như thủy tinh, Vương Khải nếm một thìa rồi chăm chú nhìn hồi lâu, mà vẫn không biết là canh gì. Thạch Sùng cười nói rằng: "Thực không dấu gì ông, đó là bàn chân nhỏ người vợ lẽ của tôi vừa ca múa lúc này, ông thấy mùi vị thế nào?". Vương Khải kinh tởm lợm giọng trực nôn mửa, thì Thạch Sùng nói

rằng: "Sắc đẹp loại ấy thì trong nhà tôi có tới mấy nghìn người, để hôm khác tôi đưa sang cho ông tắm bổ". Vương Khải nghe mà kinh tởm, tự nghĩ mình không nên và cũng không thể so giàu với người này, nên màn kịch nhố nhăng và hoang đường này đến đây mới coi như kết thúc.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Dương Hồ, Đỗ Dự Diệt Ngô

Trên núi Tương Dương Hồ Bắc có một bia miếu được gọi là "Bia đọa lệ", do người địa phương dựng để kỷ niệm Dương Hồ, nhà chính trị và nhà quân sự nổi tiếng triều Tây Tấn. Dương Hồ tự Thúc Tử, nguyên người Nam Thành huyện Phí, xuất thân từ dòng họ nổi tiếng, tướng mạo khôi ngô, kiêm đủ đức tài. Cuối triều nhà Ngụy từng đảm nhiệm các chức vụ Trung thư thị lang, Bí thư giám, Tướng quốc v v, nắm việc bí mật quân sự, đến thời Tấn Võ Đế lại được thăng làm Thượng thư tả bộc xạ, Vệ tướng quân.

Nhằm bình định Đông Ngô, Tấn Võ Đế đã cử Dương Hồ dẫn các đạo quân Kinh Châu ra trấn thủ ở Tương Dương. Dương Hồ đến nơi đã thực hiện chính sách hòa dịu đối với quân dân Đông Ngô. Có một lần, thuộc hạ của ông từ biên giới dắt về một đứa trẻ, khi hỏi ra mới biết là con trai của một viên tướng bên Đông Ngô. Dương Hồ bèn lập tức cử người dẫn đứa trẻ về. Viên tướng này rất cảm động, ngày hôm sau bèn dẫn quân bản bộ đến đầu hàng. Một lần khác, tướng Ngô-Đặng Hương xâm phạm Hạ Khẩu bị bắt sống, Dương Hồ đối đãi rất tử tế rồi tha về. Đặng Hương rất cảm động rồi cũng quay lại xin theo Dương Hồ. Dương Hồ rất thích săn bắn, mỗi khi nhặt được con thú do bên Đông Ngô bắt, là ông đều cử người đưa sang trả. Do đó, phẩm cách của ông không những được các tướng sĩ Đông Ngô khen ngợi, mà ngay đến Lục Kháng là viên tướng Đông Ngô đang cầm quân đối địch với ông cũng tỏ ra hết sức khâm phục. Vùng đất Kinh Tương do lâu năm xảy ra chiến loạn, dân chúng lưu ly thất sở. Dương Hồ đã nhân đó tạm thời ổn định biên giới, áp dụng chính sách giảm miễn sưu thuế, khuyến khích phát triển sản

xuất. Quân dân Đông Ngô cũng chịu ân nghĩa này, đều tới tấp xin quy thuộc Dương Hổ.

Năm Hàm Ninh thứ nhất, Dương Hổ vì quá mệt mỏi lâm bệnh rồi mất, quân dân địa phương được tin lòng buồn vô hạn, các tướng sĩ bên Đông Ngô đều ngổ lời thương tiếc. Hai năm sau, Đông Ngô được bình định, Tấn Võ Đế rơm rớm nước mắt nói tại bữa tiệc mừng công rằng: "Dương Hổ là người có công lớn nhất". Dương Hổ là một vị quan thanh liêm. Trong thời kỳ Ngụy Tấn, các quan đều hay bày vẽ kiểu cách môn đệ, kéo bè kết phái với nhau, nhưng Dương Hổ không làm như vậy, ông thường xuyên tiến cử hiền tài với nhà vua gánh vác các chức vụ quan trọng, mà không hề để những người này biết đến mình. Ông rất căm ghét và kiên quyết đấu tranh với những kẻ xu nịnh gian trá, ông sống giản dị và thường đem bổng lộc của mình phân chia cho người nhà cùng các tướng sĩ, nên trong nhà ông chẳng có chút dư dôi nào, ông không ham danh lợi đã từ chối tước vị Nam Thành Hầu do nhà vua ban cho. Trước lúc qua đời, ông còn dặn người nhà phải đơn giản việc tang, không được mai táng theo thân phận Nam Thành Hầu.

Sau khi Dương Hổ mất, nhân dân Tương Dương đã đến dựng miếu lập bia kỷ niệm trên núi Nghiễn Sơn, nơi Dương Hổ sinh thời từng đến du ngoạn. Mỗi khi đi qua đây, mọi người đều nhỏ lệ thương tiếc, nên người ta mới gọi bia này là "Bia đọa lệ". Người đời sau đã bằng hình thức nhìn bia nhỏ lệ để tưởng nhớ công đức của người đã khuất.

Đỗ Dự người Đỗ Lăng-Kinh Triệu, xuất thân dòng họ hoạn quan trung thành với chính quyền Tào Ngụy, từ nhỏ học nhiều biết rộng, nhưng vì có dính líu vào sự chuyên quyền và bài xích của dòng họ Tư Mã, đến hơn 30 tuổi mới được Tư Mã Chiêu trọng dụng, sau đó lại nhiều lần được Tấn Võ Đế cử ra trấn giữ cửa ải biên giới, trong thời gian này đã nêu ra hơn 50 kiến nghị nhằm giữ yên biên giới và làm giàu mạnh đất nước, đều được triều đình chấp thuận và thực thi, đồng thời còn tiến hành phát minh khoa học và sửa đổi lịch

pháp v v. Cuối cùng đảm nhiệm chức chỉ huy tây tuyến trong trận chiến tranh diệt Ngô, có đóng góp to lớn đối với sự nghiệp thống nhất của triều Tây Tấn.

Đỗ Dự là người do Dương Hổ tiến cử trước khi qua đời, vua Tấn - Tư Mã Viêm đã phong Đỗ Dự làm Trấn nam đại tướng quân phụ trách mọi việc ở Kinh Châu. Ít lâu sau, Đỗ Dự dâng biểu phạt Ngô, được vua Tấn phong làm đại đô đốc dẫn 100 nghìn quân tiến về Giang Lăng, sau khi thành Vô Xương đầu hàng, Đỗ Dự đã phản đối chính sách quân sự tiêu cực của Hồ Phấn, cùng các tướng đánh thẳng vào Kiến Nghiệp, lập nên công trạng to lớn trong chiến dịch tiêu diệt Đông Ngô.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Tam Quốc Quy Tấn

Sau khi Tư Mã Chiêu bức chết Ngụy chủ Tào Mao, đưa Tào Hoán mới 15 tuổi lên nối ngôi (tức Ngụy Nguyên Đế?). Tư Mã Chiêu nhận thấy trong nội bộ đã ổn định, bèn nhân lúc tướng Thục-Khương Duy đang lánh nạn ở Đạp Trung, bèn chia quân làm ba đường tiến đánh Thục Hán.

Hậu chủ Lưu Thiện là một người u mê tốt độ, sau khi Gia Cát Lượng qua đời thì mọi thói xấu đều lòi ra, lại hay tin nghe lời tên hoạn quan Hoàng Hạo, khiến các đại thần trung trực trong triều hết sức bất bình, nên chính quyền nhà Thục Hán ngày một suy đồi. Đại tướng Khương Duy đã tuân theo lời di huấn của Gia Cát Lượng 9 lần bắc phạt Trung Nguyên, nhưng vì lực lượng nước Thục Hán lúc đó đã quá yếu kém, nên chẳng thu được kết quả gì, về sau Khương duy lại bị tên gian thần Hoàng Hạo tìm đủ mọi cách bức hại, nên đành mượn cớ ra làm ruộng ở Đạp Trung để lánh nạn.

Quân Ngụy trước tiên cử Đặng Ngải dẫn một đạo quân tiến về Đạp Trung để chế ngự Khương Duy, khiến quân chủ lực do Khương Duy chỉ huy không thể dứt ra được, để chủ lực nước Ngụy do Chung Hội chỉ huy tiến đánh Bình Dương và Hán Trung là hai bức bình phong thiên nhiên của quân Thục. Vì lực lượng quá chênh lệch, nên ít lâu sau Hán Trung thất thủ. Khương Duy cố thủ tại Kiếm Các đã chặn đứng được mấy trăm nghìn đại quân của Chung Hội. Ngụy tướng Đặng Ngải thấy chủ lực nước Thục Hán đều tập trung ở Kiếm Các, bèn dẫn một đạo tinh binh vòng theo đường mòn phía tây Kiếm Các tiến xuống phía nam, đi được hơn 700 dặm mà vẫn không bị quân Thục

phát hiện, mãi tới khi quân Ngụy xuất hiện tại Giang Dầu, tướng Thục canh giữ ở đây có năm mơ cũng không tin là quân Ngụy đánh đến phía sau mình nhanh đến như vậy, nên trở tay không kịp đành phải xin dâng thành đầu hàng. Ít lâu sau, Miên Trúc lại bị thất thủ, con trai Gia Cát Lượng là Gia Cát Chiêm và cháu Gia Cát Thường đều hiến thân vì nước. Đặng Ngải thừa thắng dẫn quân đánh thẳng vào Thành Đô. Lưu Thiện u mê và hèn nhát, đã nghe theo lời Hoàng Hạo dẫn văn võ bá quan ra xin đầu hàng. Chính quyền Thục Hán do Lưu Bị, Gia Cát Lượng cùng nhiều người khác trải qua trăm cay nghìn đắng mới sáng lập nên từ đó bị diệt vong.

Nhà Thục Hán bị diệt vong ít lâu, Tư Mã Chiêu bị bệnh qua đời, con là Tư Mã Viêm cũng học theo Tào Phi, đã phế truất vua Ngụy Tào Hoán, tự lập làm hoàng đế?Tức Tấn Võ Đế?, thiết lập nên một vương triều mới là triều nhà Tấn. Sau khi triều nhà Tấn ra đời, trong Tam Quốc chỉ còn lại chính quyền Đông Ngô, nhưng cũng đã quá suy tàn.

Năm 279 công nguyên, một số đại thần triều nhà Tấn cho rằng thời cơ đã chín muồi, liền tới tấp dâng thư lên Tấn Võ Đế khuyên nên nhanh chóng khởi binh tiêu diệt Đông Ngô. Qua cân nhắc kỹ lưỡng, Tấn Võ Đế bèn quyết định chia quân làm ba đường tiến đánh Đông Ngô, cử Trăn Nam đại tướng quân Đỗ Dự dẫn đạo quân trung độ đánh vào Giang Lăng; An Đông tướng quân Vương Hồn dẫn đạo quân phía đông đánh vào Hoành Trung; Còn một đạo quân đường thủy do thứ sử Ích Châu- Vương Tuấn chỉ huy xuôi theo dòng Trường Giang đánh vào Kiến Nghiệp.

Hai đạo quân do Đỗ Dự và Vương Hồn chỉ huy đều đánh đến đâu thắng đến đó, duy chỉ có cánh quân đường thủy của Vương Tuấn khi đến Tỹ Quy, thì bị quân Đông Ngô dùng xích sắt và cọc sắt ngăn chặn trên mặt sông, nên bị lỡ mất thời hạn. Nhưng Vương Tuấn là một người túc trí đa mưu, liền ra lệnh cho quân sĩ ghép mấy chục chiếc bè gỗ, dùng toàn bằng gỗ to, rồi cử mấy người giỏi nghề sông nước điều khiển bè từ thượng du lao xuống, bao

nhieu xích sắt và cọc sắt đều bị bè gỗ cuốn theo. Sau khi loại trừ được chướng ngại, đạo quân của Vương Tuấn đã nhanh chóng hợp quân với cánh quân của Đỗ Dự cùng đánh thẳng vào Kiến Nghiệp. Còn cánh quân của Vương Hồn sau khi đã đánh bại 30 nghìn quân Đông Ngô tại Giang Bắc, cũng đang nhanh chóng tiến về hướng Kiến Nghiệp. Ngô vương Tôn Hạo mãi đến lúc này mới cuống cuồng cử tướng quân Trương Tượng dẫn 10 nghìn thủy binh ra chặn đánh quân Tấn. Khi ra đến nơi, Trương Tượng nhìn thấy chiến thuyền của quân Tấn đậu đầy mặt sông thì đã khiếp vía, không đánh đã xin đầu hàng. Chiến thuyền của Vương Tuấn thuận buồm xuôi gió thẳng tiến về Kiến Nghiệp, đưa hơn 80 nghìn quân đổ bộ lên bờ, rồi như sấm vang chớp giạt xông thẳng vào chiếm thành Kiến Nghiệp. Đến đây, thời đại Tam Quốc tuyên bố kết thúc, triều nhà Tấn đã thống nhất được cả nước.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Cúc Cung Tận Tụy, Tử Nhi Hậu Kỳ

Gia Cát Lượng sau khi bình định xong Nam Trung, trải qua hai năm trù bị, đến mùa đông năm 227 công nguyên lại kéo quân ra Hán Trung, bắt đầu thực thi kế hoạch bắc phạt Trung Nguyên của mình.

Trước khi rời Thành Đô, Gia Cát Lượng đã trình một bản tấu chương lên Hậu Chủ, mong Hậu Chủ chớ có lẩn cẩn, nên đối xử tốt với các hiền thần, xa lánh kẻ tiểu nhân và thưởng phạt phải nghiêm minh. Bản tấu chương này chính là "Tiền xuất sư biểu" nổi tiếng trong lịch sử.

Ba năm sau, Gia Cát Lượng cử Triệu Vân và Đặng Chi chiếm Tà Cốc, rồi tiến đánh Mi Thành. Quân Ngụy được tin bèn điều quân đến đây cố thủ. Gia Cát Lượng đã nhân cơ hội này tự mình dẫn đại quân từ hướng tây đánh vào Kỳ Sơn. Quân Ngụy giữ ở đây chống đỡ không nổi đều phải bỏ chạy, khiến ba quận Thiên Thủy, An Định và Nam An ở phía bắc Kỳ Sơn đều xin đầu hàng. Bấy giờ Tào Phi đã chết, con là Tào Tuấn lên nối ngôi bèn tức tốc cử đại tướng Trương Cáp dẫn 50 nghìn quân ra Kỳ Sơn chặn đánh, đồng thời ngự giá thân chinh đến Tràn An đốc chiến.

Gia Cát Lượng chiếm được Kỳ Sơn, đang gấp rút chuẩn bị tiến quân vào Tràn An, nhận thấy phía tây Tần Lĩnh có một địa điểm chiến lược gọi là Nhai Đình, nơi này tuy không rộng lắm, nhưng là đường yết hầu ra vào Hán Trung, là mảnh đất giành giật của nhà binh, bèn cử tham quân Mã Tắc và đại tướng Vương Bình ra trấn giữ. Nhưng vì Mã Tắc không tuân theo cách bố trí

của Gia Cát Lượng và bất chấp lời khuyên của Vương Bình, nên bị đại quân của Trương Cáp vây khốn trên núi rồi bị đánh bại. Nhai Đình thất thủ, khiến Hán Trung rơi vào tình trạng nguy cấp, Gia Cát Lượng buộc phải dẫn quân về Hán Trung, gạt lệ chém Mã Tắc rồi viết biểu lên Hậu Chủ tự xin giáng chức ba cấp. Mùa đông năm đó, Gia Cát Lượng lại lần nữa ra Kỳ Sơn, chiếm lĩnh được Đại Tản Quan, Trần Thương Đạo, thu phục được hai quận Vô Đô và Âm Bình, chém chết tướng Ngụy-Vương Song, mới loại trừ được cục diện bị động của nhà Thục Hán.

Mùa xuân năm 234 công nguyên, Gia Cát Lượng lại ra Kỳ Sơn lần thứ 6 đánh nước Ngụy, Ngụy Chủ cử Tư Mã Ý dẫn quân ra đối địch, quân Ngụy đào hào đắp lũy tại Ngũ Trượng Nguyên cố thủ, rồi mặc cho quân Thục hàng ngày đến khiêu chiến vẫn không chịu ra, hai bên cứ cầm cự nhau được hơn trăm ngày, Gia Cát Lượng muốn chọc tức để Tư Mã Ý phải ra nghênh chiến, bèn cử người đưa một bộ váy áo đàn bà cùng son phấn sang biếu tặng Tư Mã Ý, các tướng sĩ nước Ngụy thấy vậy đều nghiến răng nghiến lợi đòi ra quyết một trận sống mái với quân Thục, nhưng Tư Mã Ý là một tay bợm già gian ngoan lọc lõi, cứ tỉnh bơ như chẳng có việc gì xảy ra. Trong lúc Gia Cát Lượng đang vắt óc tìm cách hoàn thành đại nghiệp bắc phạt, nhưng vì quá mệt mỏi nên đã ốm liệt giường tại đại dinh quân Thục, bệnh tình mỗi ngày một nặng thêm. Hậu Chủ được tin vội cử đại thần Lý Phúc đi suốt ngày đêm đến Ngũ Trượng Nguyên. Lý Phúc đến nơi thấy thừa tướng đang hấp hối trên giường liền khóc nức lên, Gia Cát Lượng từ từ mở mắt ra nhìn thấy Lý Phúc thì đoán biết ngay dụng ý, liền nói qua hơi thở rằng: "Tôi biết ông đến muốn hỏi về việc gì, người đó là Tưởng Hoãn ". Lý Phúc vội hỏi rằng: " Còn sau Tưởng Hoãn thì người nào lên kế nhiệm?". Gia Cát Lượng nói là Phí Vĩ. Lý Phúc còn muốn hỏi tiếp thì Gia Cát Lượng đã nhắm mắt lại, không còn nói gì nữa. Một lát sau, anh tài một đời Gia Cát Lượng đã từ trần tại đại dinh quân Thục, hưởng thọ 54 tuổi.

Khương Duy cùng các tướng lĩnh nước Thục đã làm theo sự sắp đặt của

Gia Cát Lượng lúc sinh thời, vẫn giữ bí mật không phát tang, mà đem di thể Gia Cát Lượng đặt ngồi trong xe, rồi bố trí các đạo quân từ từ rút lui, thám tử quân Ngụy dò biết tin Gia Cát Lượng đã mất liền vội báo với Tư Mã Ý, Tư Mã Ý lập tức dẫn đại quân đuổi theo, nhưng vừa ra khỏi Ngũ Trượng Nguyên, thì bỗng nghe tiếng trống trận vang lừng, rồi thấy quân Thục quay trở lại ồ ạt xông tới. Tư Mã Ý rất lo ngại bị trúng kế, bèn vội vàng ra lệnh cho quân Ngụy rút lui. Đây chính là "Gia Cát Lượng chết dọa chạy Trọng Đạt sống? Tức tự Tư Mã Ý?". Khương Duy thấy quân Ngụy đã chạy xa, mới ra lệnh cho quân Thục trật tự rút lui, khi đại quân đi vòng qua lưng Tà Cốc mới cho dựng phướn trắng phát tang, rồi từ từ rút về Hán Trung. Tư Mã Ý biết được tin này liền than vãn rằng: "Khổng Minh quả là một kỳ tài trong thiên hạ".

Gia Cát Lượng đã không thực hiện được nguyện vọng thống nhất Trung Nguyên, nhưng trí tuệ và phẩm cách của ông còn lưu danh muôn thuở, ông đã thực sự "Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu kỷ" vì sự nghiệp củng cố và phát triển của nhà Thục Hán.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Bảy Lần Bắt Mạnh Hoạch

Sau khi Lưu Bị quy tiên, Lưu Thiện 17 tuổi lên nối ngôi cha tại Thành Đô, nhưng mọi việc lớn nhỏ trong triều đều do Gia Cát Lượng lo liệu, tình hình nước Thục lúc đó rất nguy ngập, phía bắc có Tào Tháo, đông có Tôn Ngô, nam có các bộ tộc thừa cơ nổi loạn, dân chúng trong nước thì hoang mang dao động. Tướng quân Đặng Chi cảm thấy rất lo ngại mới đến nói với Gia Cát Lượng rằng: "Hậu Chủ còn nhỏ tuổi lại vừa lên nối ngôi, lòng dân chưa được ổn định, việc cấp bách nhất hiện nay là liên kết với Đông Ngô, chỉ khi nào phía đông yên ổn rồi thì mới có thể bắc phạt Trung Nguyên". Gia Cát Lượng vốn đã có ý này, bèn quyết định cử Đặng Chi xuất xứ Đông Ngô. Sau khi đến Đông Ngô, Đặng Chi đã trình bày rõ sự lợi hại của việc bang giao, khiến Tôn Quyền rất tán thưởng liền quyết định hai nước nối lại bang ước.

Bấy giờ, các cường hào Ích Châu đã nhân cơ hội Lưu Bị mới mất liền phát động nổi loạn, đồng thời còn lôi kéo Mạnh Hoạch- một thủ lĩnh của dân tộc thiểu số ở Nam Trung cùng tham gia. Gia Cát Lượng trải qua hai năm trù bị, đã quyết định tự mình dẫn quân đánh xuống miền nam. Trước khi lên đường, tham quân Mã Tắc kiến nghị rằng: "Nam Trung địa thế hiểm trở, lại xa xôi hẻo lánh, lòng mưu phản của dân địa phương đã có từ lâu, nay ta dùng vũ lực để chinh phục thì sau này họ vẫn sẽ lại làm phản, đánh thành không bằng công tâm, không nên lấy việc chiếm đất đai làm mục đích, mà phải coi việc thu phục lòng người là chính, tôi không hiểu ý thừa tướng thế nào?". Gia Cát Lượng khen rằng: "Ý này hay lắm, tôi cũng từng nghĩ như vậy, Mạnh Hoạch là người có uy tín cao tại địa phương, chỉ có chinh phục được người

này thì dân chúng địa phương mới chịu tin ở ta".

Khi dẫn quân xuống miền nam, gia Cát Lượng trước tiên cử hai tướng Lý Khôi và Mã Trung bình định các đạo quân phiến loạn tại quận Việt Hy v v, tiêu diệt thế lực cát cứ của cường hào tại Cao Định và nhiều nơi khác, đồng thời cử người đi thám thính tình hình của Mạnh Hoạch, sau khi được biết hẳn là một người hữu dũng vô mưu, không thông hiểu binh pháp, Gia Cát Lượng mới đặt ra kế hoạch tác chiến.

Một hôm, đại tướng Vương Bình đột nhiên dẫn quân xông vào doanh trại của Mạnh Hoạch, Mạnh Hoạch vội vàng ra nghênh chiến, nhưng vừa đánh được mấy hiệp thì Vương Bình quay ngựa tháo chạy, Mạnh Hoạch cậy có đông người liền bám đuổi theo nên toàn bộ đều lọt vào ổ mai phục, Mạnh Hoạch bị bắt sống. Khi bị áp giải tới trường trung quân, Mạnh Hoạch những tưởng mình sẽ bị chém chết, nhưng nào ngờ Gia Cát Lượng đã tự tay cởi trói cho hắn và khuyên đầu hàng. Mạnh Hoạch tỏ ra không phục nói rằng: "Tôi sợ ý nên mới bị trúng kế, như vậy bảo tôi phục sao được". Gia Cát Lượng cười bảo rằng: "Không phục cũng chẳng hề gì, chúng ta lại đánh tiếp". Sau đó, Gia Cát Lượng dẫn Mạnh Hoạch tới xem dinh lũy và trận thế của quân Thục, rồi hỏi ý Mạnh Hoạch thấy thế nào?. Mạnh Hoạch vẻ ngạo mạn trả lời rằng: "Tôi trước đây chẳng hiểu hư thực ra sao nên mới thất bại, nay tôi đã thấy rõ trận thế của ông, thì còn lo gì không đánh nổi". Gia Cát Lượng ung dung cười đáp rằng: "Đã vậy thì ông hãy về chuẩn bị thật chu đáo, chúng ta hẹn gặp nhau trong trận đánh".

Sau khi trở về, Mạnh Hoạch đã nhân một đêm không trăng sao, dẫn một đạo quân tinh nhuệ đến cướp trại, khi đến gần dinh quân Thục mà vẫn chưa bị phát hiện, Mạnh Hoạch hí hửng tung kiếm hô quân lính xông vào, bấy giờ mới phát hiện trong trại chẳng có một mống người. Mạnh Hoạch biết bị trúng kế, liền vội vàng hô quân rút lui thì đã muộn, lúc này bốn bề lửa sáng rực trời, tiếng reo dậy đất, quân Thục như thác đổ triều dâng từ bốn bề ập tới,

Mạnh Hoạch lại bị bắt sống và dẫn tới trung quân, Gia Cát Lượng ôn tồn nói rằng: "Nay ông lại bị bắt, vậy lần này đã phục chưa?". Mạnh Hoạch đáp: "Lần này là tự tôi dẫn thân tới, nếu mà bắt được tôi trong trận đánh thực sự thì tôi mới chịu phục". Gia Cát Lượng lại tự tay cời trói cho Mạnh Hoạch và lấy rượu thịt khoản đãi. Sau khi Mạnh Hoạch ăn uống xong, Gia Cát Lượng nói rằng: "Bây giờ ông hãy về chuẩn bị, chúng ta lại đánh tiếp".

Qua hai lần giao chiến, Mạnh Hoạch biết Gia Cát Lượng là người giàu mưu trí, nên lần này không dám manh động, hãn đưa quân đến bờ nam Lư Thủy đào hào đắp lũy phòng thủ. Gia Cát Lượng đã điều một phần binh lực đến bờ bên, giả dạng sắp vượt sông để thu hút chủ lực của Mạnh Hoạch, rồi cử hai đạo quân tinh nhuệ vượt sông ở thượng và hạ du, hai đạo quân từ hai hướng đánh ép lại, quân Mạnh Hoạch không kịp đề phòng nên đều bị tóm gọn. Mạnh Hoạch lần này lại cãi bướng rằng: "Người Hán các ông thật là xảo quyệt, tôi không canh phòng ở mặt sau, nên mới bị các ông tập kích, tôi vẫn không chịu phục". Gia Cát Lượng lại lần nữa thả hổ về rừng, rồi cứ thế bảy lần bắt lại bảy lần thả Mạnh Hoạch, đến lần cuối cùng Mạnh Hoạch ứa nước mắt nói rằng: " Lòng nhân nghĩa của thừa tướng xưa nay thật hiếm có, nếu tôi còn không biết cảm ơn lòng nhân nghĩa này thì còn mặt mũi nào trong thiên hạ, người phương nam chúng tôi từ nay sẽ không làm phản nữa". Gia Cát Lượng nghe xong vô cùng mừng rỡ, vội sai đặt tiệc khoản đãi, rồi trịnh trọng tuyên bố tại tiệc rượu rằng: "Quân Thục sẽ toàn bộ rút khỏi những nơi đã chiếm đóng, triều đình sẽ không chiếm đất, cử quan viên trú quân tại đây, mọi việc vẫn do Mạnh Hoạch và thủ lĩnh các bộ lạc cùng cai trị". Từ đó về sau, vùng Nam Trung càng trở nên yên ổn, loại trừ được mối lo ở hậu phương Thục Hán.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trận Xích Bích

Sau khi tiêu diệt xong thế lực của Viên Thiệu, thống nhất miền bắc, Tào Tháo muốn đánh xuống miền nam để quét sạch Lưu Biểu trấn giữ ở Kinh Châu và Tôn Quyền ở Giang Đông, tiến tới thống nhất Trung Quốc. Trải qua mấy năm nghỉ ngơi dưỡng sức và mở rộng thế lực. Năm 208 công nguyên, Tào Tháo huy động đại quân đánh xuống miền nam.

Trong lúc Lưu Bị đang thao luyện quân mã ở vùng Phàn Thành, Tân Dã để chống đỡ quân Tào thì Kinh Châu Mục- Lưu Biểu bị ốm chết, người con trai thứ là Lưu Tông bấy giờ mới có 14 tuổi, dưới sự thao túng của tập đoàn Sái Thị gia tộc mẫu hệ lên nối ngôi vua, những người này vì khiếp đảm trước thế lực lớn mạnh của Tào Tháo, đã dẫu Lưu Bị rồi bảo Lưu Tông viết biểu xin đầu hàng Tào Tháo. Lưu Bị rơi vào cảnh ngộ trước sau đều có quân địch vây ép, bèn quyết định đưa quân mã rút về Giang Lăng. Tào Tháo được biết Giang Lăng có chứa khá nhiều lương thảo, rất lo bị Lưu Bị tranh đoạt mất, liền tự mình dẫn khinh kỵ đuổi gấp. Vì quân của Lưu Bị mang theo nhiều đồ nặng, thêm vào đó lại có mấy trăm nghìn dân chúng đi theo, nên khi đến dốc Tràn Bản- Đường Dương thì bị quân Tào đuổi kịp, quân của Lưu Bị bị đánh tan tác, mà đường đi Giang Lăng lại bị quân Tào phong tỏa, nên đành phải dẫn quân chạy về Hạ Khẩu hợp quân với người Giang Hạ do Lưu Kỳ con của Lưu Biểu thống lĩnh. Sau đó, Lưu Bị cử Khổng Minh đến Sài Tang để bàn với Tôn Quyền về việc liên hợp chống lại quân Tào. Với tài hùng biện của mình, Khổng Minh đã nhanh chóng thuyết phục được Tôn Quyền, rồi quyết định cử Chu Du, Trình Phổ và Lỗ Túc dẫn 50 nghìn quân ra Xích Bích hạ

trại.

Bấy giờ, đại quân của Tào Tháo theo Giang Lăng thuận dòng đi xuống, tàu thuyền ngàn chiếc, cờ xí rợp trời, nhưng vì quân Thanh, Từ ở miền bắc chỉ thạo về đánh bộ, chứ không quen thủy chiến, nên người nào người nấy đều hoa mắt chóng mặt vì say sóng. Bàng Thống lúc đó đang sống ẩn cư tại Giang Đông đã đến khuyên Tào Tháo, nên dùng xích sắt buộc ghép các chiến thuyền lại, thì binh sĩ sẽ khỏi bị say sóng, Tào Tháo quả nhiên làm đúng như vậy. Chu Du được biết tin này bèn nảy ra một kế, liền cùng lão tướng Hoàng Cái bày ra kế khổ nhục. Một hôm, có một người đến xin gặp Tào Tháo rồi lục soát trên người hắn có một bức thư trên viết: "Hoàng cái tôi là nguyên lão ba triều, nay thừa tướng dẫn quân xuống miền nam, tôi đã ra sức khuyên ngăn để cứu dân chúng Giang Đông, nhưng nào ngờ Chu Du không biết điều muốn đem trứng ra chọi với đá, đã đánh tôi nát thịt da với tội danh làm nhiễu loạn lòng quân, nay nghĩ lại cũng chỉ vì mình gắng sức vì Đông Ngô mới đến nông nỗi này, nay viết thư này xin đầu hàng thừa tướng, tôi nguyện làm tiên phong cùng diệt Chu Du, để rửa sạch nỗi nhục này. " Tào Tháo xem thư bán tín bán nghi, sau cử người sang thám thính, mới tin Hoàng Cái đầu hàng là thật lòng.

Mùa đông năm đó, Tào Tháo lại nhận được thư của Hoàng Cái, đến ngày đông chí sẽ đưa thuyền trở lương đến đầu hàng, Tào Tháo vô cùng mừng rỡ. Đến ngày đông chí, trời nổi gió đông nam, Tào Tháo đứng trên đầu tàu nghênh đón Hoàng Cái, vào lúc gần tối thì thấy một đoàn thuyền trên mặt sông từ từ lướt tới, sau đó nhanh chóng lao vào thủy trại của Tào Tháo, tức thì lửa cháy rực trời, tiếng reo dậy đất. Thì ra, Hoàng Cái sau khi được biết Tào Tháo đã thực sự tin ở mình, Gia Cát Lượng thông hiểu thiên văn, biết ngày đông chí tất nổi gió đông nam, theo lệnh của Chu Du đã chuẩn bị mười chiếc thuyền trên chất đầy cỏ khô tẩm dầu, rồi châm lửa theo chiều gió xông thẳng vào thủy trại Tào Tháo. Tào Tháo biết bị trúng kế bèn ra lệnh rút lui, nhưng khốn nỗi tàu thuyền đã bị xích sắt buộc ghép lại với nhau, không thể

nào nhúc nhích được, cả thủy trại biến thành biển lửa, quân Tào bị chết thiêu, chết đuối nhiều đến đếm không xuể.

Chu Du ở bờ nam thấy thời cơ đã tới, bèn nổi trống cho quân chủ lực nhất tề từ hai mặt thủy bộ tấn công vào quân Tào, Lưu Bị lúc đó ở Phàn Khâu cũng dùng thuyền xông vào truy bắt Tào Tháo trong ánh lửa, thì thấy Tào Tháo nhảy xuống một chiếc thuyền con để tháo chạy. Hoàng Cái nhìn thấy liền lướt thuyền tới hô to: "Tên giặc họ Tào kia, mà còn trốn đằng nào?". Giữa lúc nguy cấp thì thấy Trương Liêu dẫn thuyền lướt tới bắn cho Hoàng Cái một mũi tên ngã nhào xuống nước, cũng may được Hàn Đang cứu lên, Tào Tháo nhân đó đã chạy thoát.

Liên quân Tôn Lưu thừa thắng truy kích, mấy trăm nghìn quân Tào bị diệt gọn. Tào Tháo chạy theo đường Hoa Dung về Giang Lăng, liên quân nhân đó đoạt lại Kinh Châu.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Ba Lần Đến Lều Tranh

Lưu Bị tự Huyền Đức, người Trác Quận, là hậu duệ của Trung Sơn Tĩnh Vương-Lưu Thắng, con vua Hán Cảnh Đế. Gia tộc ông đã lụn bại, hoàn cảnh gia đình rất neo đơn. Cuối thời Đông Hán, vì cuộc khởi nghĩa khản vàng khiến thiên hạ trở nên đại loạn. Lưu Bị muốn nhân dịp này đứng ra phù trợ Hán thất. Nhưng trong hơn 20 năm trời đánh đông dẹp bắc, tiếng tăm tuy lớn được người đời ngưỡng mộ, nhưng ông vẫn phải nương nhờ dưới mái hiên nhà người ta. Ông thường than thân trách phận đã không thể thực hiện được hoài bão của mình.

Sau trận đánh Quan Độ, Viên Thiệu bị thất bại thảm hại. Lưu Bị nguyên trước đó tới nương nhờ vào Viên Thiệu, nhận thấy người này gặp việc lớn thì co rút lại, thấy lợi nhỏ thì sẵn sàng thí mạng, nên đã tìm cơ rời khỏi Viên Thiệu. Ông dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi và Triệu Vân đến sống nhờ Lưu Biểu, người anh em đồng tông với mình.

Lưu Biểu đối đãi Lưu Bị rất tử tế, nhưng ông là một người nhát gan và lòng dạ hẹp hòi, những lo thế lực Lưu Bị ngày một lớn mạnh, nên đã cử Lưu Bị đến đồn trú ở Tân Dã, một huyện nhỏ rất xa xôi hẻo lánh. Lưu Bị đến Tân Dã bèn bắt tay vào việc chiêu binh mãi mã, tìm kiếm nhân tài. Ông được tin ở Tương Dương có một danh sĩ tên là Thủy Kính tiên sinh Tư Mã Huy, bèn tìm đến thăm viếng. Khi Tư Mã Huy hỏi về nguyên do thì Lưu Bị thành khẩn đáp rằng: "Tôi đến đây muốn được nghe tiên sinh dạy bảo về thời cuộc". Tư Mã Huy chỉ đáp rằng: "Ngọa Long và Phụng Sồ, trong hai người chỉ cần được

một là có thể trị yên thiên hạ". Lưu Bị vội hỏi hai người này tài năng ra sao và hiện sống ở đâu, Tư Mã Huy đáp rằng: "Ngọa Long tự Khổng Minh. Còn Phụng Sồ là Bàng Thống, tự Sĩ Nguyên, đều là hai kỳ tài sống ở gần Tương Dương. Hoàng thúc nên tự mình đến mời họ, còn việc khác thì tôi chẳng thể giúp được gì hơn". Lưu Bị đành cáo từ ra về.

Lưu Bị vừa về đến nhà bèn hỏi quân sư Từ Thử có quen biết Ngọa Long tiên sinh không, thì Từ Thử đáp rằng: "Người mà Hoàng thúc vừa nói đây chính là Khổng Minh, chúng tôi là bạn bè rất thân với nhau". Lưu Bị nghe vậy vô cùng mừng rỡ vội nói rằng: "Hai người đã là chỗ quen biết, thì hãy mau mau mời ông ta đến đây". Từ Thử lắc đầu nói rằng: "Làm thế sao được, một đại hiền sĩ như vậy chỉ có Hoàng thúc đích thân đến mời, thì may ra mới mời nổi".

Lưu Bị bèn cùng Quan Vũ, Trương Phi đem theo nhiều lễ vật sang Long Trung. Khi ba người tới đèo Ngọa Long, thì thấy một túp lều tranh nép mình dưới bụi trúc xanh tươi. Họ đến trước cửa lều xuống ngựa, Lưu Bị gọi cửa thì thấy một chú tiểu đồng bước ra liền nói rằng: "Hãy mau vào báo với Ngọa Long tiên sinh, là có Lưu Bị đến xin gặp". Tiểu đồng chần chừ hồi lâu rồi đáp rằng: "Tiên sinh nhà tôi cùng bạn bè đi du ngoạn ngắm cảnh chưa về". Ba người nghe vậy đành phải quay trở về. Mấy hôm sau, Lưu Bị đoán chừng Khổng Minh đã về, ba anh em lại đến Long Trung, nhưng lần này vẫn không gặp được Khổng Minh.

Thời gian thấm thoắt thoi đưa, bấy giờ đã là mùa xuân, Lưu Bị chọn ngày lành tháng tốt lại lần nữa đến Long Trung, lúc này Khổng Minh đang ngủ trưa, Lưu Bị im lặng đứng đợi ở ngoài cửa, mãi sau Khổng Minh thức dậy, Lưu Bị mới vào gặp và mời Khổng Minh phân tích về tình hình thời cuộc.

Khổng Minh khiêm tốn hồi lâu rồi phân tích rằng: "Tào Tháo có 1 triệu quân, lại bức ép thiên tử hiệu triệu thiên hạ, thật không nên tranh chấp với hắn. Còn Tôn Quyền ở Giang Đông, có Trường Giang hiểm trở, lại được lòng

dân và lắm nhân tài, thì nên liên hợp với họ. Kinh Châu là một mảnh đất dụng võ thông sang Cửu Châu, nếu tướng quân đứng vững chân tại Kinh Châu, rồi đánh chiếm Ích Châu, sau đó chuyên tâm chính trị, tăng cường sức nước để chờ thời cơ, thì còn lo gì đại nghiệp không thành, Hán thất không được hưng vượng". Lưu Bị nghe xong vô cùng mừng rỡ, bèn mời Khổng Minh ra giúp mình cùng mưu nghiệp lớn, Khổng Minh thấy Lưu Bị rất thành khẩn bèn nhận lời. Từ đó, được sự trợ giúp đắc lực của Khổng Minh, Lưu Bị bắt đầu gây dựng sự nghiệp theo theo mưu lược đã bàn tại Long Trung.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Trận Chiến Quan Độ

Viên Thiệu thấy Tào Tháo lấy danh nghĩa thiên tử ra lệnh cho thiên hạ, cho rằng Tào Tháo sẽ là kình địch cản trở tới sự nghiệp bá chủ Trung nguyên của mình, nên đã cách diệt trừ Tào Tháo. Tháng 2 năm 200 công nguyên, Viên Thiệu điều động 100 nghìn tinh binh, cử Tứ Thụ làm giám binh xuất phát từ Nghiệp Thành tiến sang Lê Dương, sau lại cử đại tướng Nhan Lương vượt qua sông Hoàng Hà tiến đánh Bạch Mã, để buộc Tào Tháo rời bỏ Quan Độ. Bấy giờ Tào Tháo ở Quan Độ nhận được tin Bạch Mã bị vây khốn, bèn thi hành mưu kế dương đông kích tây của quân sư Tuân Du nhằm phân tán lực lượng của Viên Thiệu, nhưng vì đại tướng Nhan Lương bị Quan Vũ chém chết, quân của Viên Thiệu nháo nhác như rắn không đầu. Viên Thiệu được tin Bạch Mã thất thủ, Nhan Lương bị chém chết thì vô cùng bức tức, liền cử đại tướng Văn Sù dẫn 6 nghìn kỵ binh làm tiên phong đuổi đánh Tào Tháo. Tào Tháo lại dùng kế vứt bỏ nhiều lương thực, khí giới, giáp, ngựa, rồi mai phục 600 kỵ binh ở đèo Diên Tân. Văn Sù thấy quân Tào bỏ chạy liền hạ lệnh cho quân sĩ thu nhặt chiến lợi phẩm, bấy giờ quân Tào mới thừa cơ xuất kích, đánh cho quân Viên Thiệu một trận tan tác, đại tướng Văn Sù bị Quan Vũ chém chết. Sau đó hai bên cầm cự nhau ở Quan Độ.

Bấy giờ, Viên Thiệu còn 100 nghìn quân, còn quân Tào chỉ có khoảng 40 nghìn. Do thiếu lương thực nên Tào Tháo thúc quân đánh riết, nhưng mấy lần đều bị thất bại, đành phải đắp lũy đào hào cố thủ.

Tháng 10 năm đó, hậu phương quân Viên Thiệu vận chuyển nhiều lương

thực cho tiền tuyến, Viên Thiệu cử đại tướng Giác Y Kinh dẫn 10 nghìn quân đem lương thực ra cất giữ ở Ô Sào, cách đại quân Viên Thiệu khoảng 40 dặm, sau lại cử thêm tướng quân Trương Kỳ dẫn quân tuần tiễu xung quanh. Lúc này, mưu sĩ Hứa Du hiến kế cho Viên Thiệu nên nhân lúc quân Tào đang tập trung cả ở Quan Độ, điều quân lên đánh Hứa Đô, nhưng Viên Thiệu không chịu nghe, sau Hứa Du được tin cháu mình phạm pháp rồi bị xử tội, bèn quyết định rời bỏ Viên Thiệu sang đầu hàng Tào Tháo. Hứa Du bày kế cho Tào Tháo nên tập kích kho lương Ô Sào, thì quân của Viên Thiệu tất phải tháo lui.

Tào Tháo thấy thời cơ đã đến, bèn để Tuân Du và Tào Hồng ở lại giữ trại, rồi tự mình dẫn 5 nghìn quân mã, mỗi người ôm một bó rơm, dựng cờ hiệu quân Viên Thiệu tiến sang Ô Sào. Khi đến nơi thì trời vừa tang tảng sáng, Tào Tháo hô quân xông vào đốt phá, tức thì khói tỏa mù mịt, lửa sáng rực trời, Quân Viên Thiệu không ai kịp mặc quần áo, đại tướng Giác Y Kinh còn chưa tỉnh rượu, liền vội vàng nhảy lên lưng ngựa ra nghênh chiến, liền bị đại tướng Nhạc Tiến chém cho một nhát chết lản xuống ngựa. Quân Viên Thiệu thấy chủ tướng đã chết, đều nháo nhác bỏ chạy như ong vỡ tổ.

Bấy giờ, Viên Thiệu nhìn thấy ánh lửa bên Ô Sào, biết là Tào Tháo đã sang cướp kho lương, thì đại trại của quân Tào tất bỏ trống, liền bất chấp lời khuyên ngăn vội cử đại tướng Trương Cáp và Cao Lãm sang cướp trại Tào Tháo, thì bị Tào Hồng và Hạ Hầu Uyên gắng sức chống cự, một lát sau lại thấy Tào Tháo đã dẫn quân trở về, khiến Trương Cáp và Cao Lãm trước sau đều bị quân Tào vây chặt. Hai người thấy tình thế rất nguy ngập, lại nhận thấy Viên Thiệu là người dẫu có mưu nhưng lại thiếu quyết đoán, không nhận rõ thị phi, hay tin nghe lời vu vạ, cứ theo hẩn thì tất có ngày bị chết oan, nên đành đầu hàng Tào Tháo. Viên Thiệu liên tiếp bị mất Hứa Du, Trương Cáp và Cao Lãm, kho lương ở Ô Sào cũng bị đốt sạch, quân sĩ tỏ ra rất hoang mang. Bấy giờ, Hứa Du lại khuyên Tào Tháo nhanh chóng cử Trương Cáp và Cao Lãm sang cướp trại Viên Thiệu. Tào Tháo nghe theo, rồi canh ba đêm

hôm đó chia quân làm ba ngả đi cướp trại, hai bên hỗn chiến đến sáng hôm sau, quân Viên Thiệu bị thiệt hại quá nửa, Tào Tháo lại chia quân làm ba ngả ra đánh tập hậu quân Viên Thiệu. Viên Thiệu được tin liền vội vàng rút quân về phía sau. Tào Tháo thấy vậy lại chia quân làm tám mặt nhất tề đánh ủa vào đại doanh Viên Thiệu, quân Viên Thiệu không sao chống đỡ nổi đều phải bỏ chạy. Viên Thiệu mũ giáp xộc xệch vội cùng con trai là Viên Đàm dẫn hơn 800 quân trốn lên Hà Bắc, còn quân chủ lực đều bị tiêu diệt. Hai năm sau, Viên Thiệu vì quá tức giận mà chết, hai người con trai vì tranh quyền đoạt lợi mà đánh nhau, rồi sau cũng bị Tào Tháo tiêu diệt. Năm 205 công nguyên, Tào Tháo chinh phạt miền Bắc rồi đánh thẳng xuống Liêu Đông, quét sạch thế lực tàn dư của Viên Thiệu, hoàn toàn thống nhất phương bắc.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Mượn Danh Thiên Tử Ra Lệnh Cho Thiên Hạ

Vương Doãn bày kế diệt được Đồng Trác, lên nắm việc triều chính và tiếp tục truy quét vây cánh của Đồng Trác để trừ hậu hoạn. Quách Phiếm cùng một số bộ tướng khác của Đồng Trác lúc đó đang cầm quân ở ngoài kinh thành đã chủ động xin đầu hàng, nhưng bị Vương Doãn từ chối. Nên họ đã tập trung lại làm phản, dẫn hơn 100 nghìn quân tiến đánh Tràng An.

Vương Doãn và Lã Bố bố trí canh phòng nghiêm ngặt. Hai bên cầm cự nhau 8 ngày đêm, nhưng không ngờ trong thành có nội ứng nên chẳng bao lâu thành Tràng An bị phá vỡ, Lã Bố chống đỡ không nổi phải bỏ chạy, còn Vương Doãn bị giết chết, Quách Phiếm cùng các tướng lên nắm việc triều chính. Quân Lương Châu do họ lãnh đạo rất ngông cuồng dã man, chúng đốt phá, cướp bóc, hãm hiếp, gây nên biết bao tội ác. Hơn nữa, giữa chúng lại xảy ra nghi kỵ và đánh lộn lẫn nhau, khiến dân chúng Tràng An phải lìa bỏ quê hương, lưu ly thất sở, thành Tràng An hầu như đã bị phá phách thành một đồng gạch vụn.

Quốc cữu Đồng Thừa cùng bộ tướng Dương Phụng nhân lúc giữa quân phiến loạn xảy ra lục đục, đã hộ tống Hán Hiến Đế trốn khỏi Tràng an, trải qua biết bao khổ nhục, mãi đến mùa xuân năm 196 mới về tới An Dương, nhưng đến đây cũng chẳng được yên thân. Ít lâu sau, lại vượt sông xuống phía nam về Lạc Dương, nhưng Lạc Dương lúc này đã không còn như xưa nữa, vì bị lũ Đồng Trác đốt phá khi trước, nay nhà đổ tường xiêu, cỏ mọc um tùm, thỏ cáo từng đàn. Hán Hiến Đế đành phải vào ở trong một chiếc lều

dựng tạm bên góc tường đổ, còn các quan viên đi theo đều phải đứng ngoài trời, lương thực lại thiếu thốn, họ ăn rau dại được mấy ngày, rồi có khá nhiều người lăn ra chết bên tường đổ.

Trong lúc Hán Hiến Đế đang trong cảnh sơn cùng thủy tận, thì bỗng có một người đến dâng thực phẩm, và mời Hán Hiến Đế cùng các quan viên sang Hứa Xương dựng đô, người đó chính là Tào Tháo. Tào Tháo tự Mạnh Đức, xuất thân trong một gia tộc quyền thế, cha là Tào Tung, thời Hán Linh Đế từng làm quan tới chức Thái úy, ông nguyên họ Hạ Hầu, vì là con nuôi của Tào Đăng làm Trung thường thị thời vua Hán Hắc Đế, nên mới đổi ra họ Tào. Khi Tào Tháo 20 tuổi, được châu quận tiến cử làm hiệu liêm, sau vì theo Hoàng Phổ Tung có công trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa khăn vàng, Tào Tháo lại được phong làm Tế Nam Tướng, rồi lại thăng làm Điển Quân Hiệu Úy. Sau khi董卓 vào kinh, vì muốn đào tạo Tào Tháo làm thân tín của mình, mới phong lên làm Phiêu Kỵ Hiệu Úy. Nhưng Tào Tháo đã nhìn rõ bản chất của董卓 là một tên táng tận lương tâm, tội ác tày trời, thì không chịu làm vây cánh cho hắn, nên đã mượn cớ bỏ đi. Khi về tới Trần Lưu, Tào Tháo ra sức chiêu mộ binh mã, hai người em họ là Tào Nhân và Tào Hồng cũng dẫn theo một nghìn người đến đầu quân, còn hai em cùng dòng họ là Hạ Hầu Đôn và Hạ Hầu Uyên cũng dẫn quân đến giúp. Sau khi thấy lực lượng của mình đã lớn mạnh, Tào Tháo bèn liên hợp với các đạo binh mã như Viên Thiệu v v, khởi binh phản lại董卓. Nhưng vì các đạo binh mã này mỗi người một phách, cơ bản không ai chịu nghe ai, đều án binh bất động, nên Tào Tháo đành phải tự dẫn quân bản bộ độc lập tác chiến, nhưng bị lực lượng lớn mạnh của董卓 đánh cho đại bại. Tào Tháo thua chạy về phía đông, lại dần dần bổ xung lực lượng, chiêu hiền nạp sĩ. Trải qua một thời gian nghỉ ngơi chỉnh đốn, Tào Tháo đã có một đạo quân hùng mạnh, lương thực cũng rất sung túc.

Giữa lúc này, Tào Tháo nhận được tin Hán Hiến Đế đã trở lại Lạc Dương và đang lâm vào cảnh ngộ sống dở chết dở. Tào Tháo nghe theo lời mưu sĩ đã

đích thân dẫn quân, trải qua biết bao trắc trở đến đón Hán Hiến Đế.

Hán Hiến Đế cùng các đại thần đã nếm đủ mùi cay đắng của chiến loạn, trước mắt lại nhìn thấy thành Lạc Dương chỉ còn là một đồng gạch vụn, dầu có ở lại đây cũng chỉ có chết đói mà thôi. Nên khi nghe nói Hứa Xương là một nơi rất trù phú, đương nhiên là rất mừng rỡ, bèn quyết định rời đô đến Hứa Xương.

Sau khi Hán Hiến Đế tới Hứa Xương, Tào Tháo đã đổi gọi Hứa Xương là Hứa Đô, rồi bắt tay vào việc xây dựng cung điện, lập tông miếu xã tắc. Tào Tháo tự phong là đại tướng quân, bắt đầu dùng danh nghĩa Hán Hiến Đế ra lệnh cho các châu quận, những người thân tín của Tào Tháo đều được phong quan, nắm giữ các chức vụ trong triều đình, mọi việc trong triều đều phải trước tiên hỏi Tào Tháo, sau đó mới được tâu với Hán Hiến Đế, việc "Mượn danh thiên tử ra lệnh cho thiên hạ" đã khiến thế lực của Tào Tháo lan rộng nhanh chóng, đặt cơ sở tốt đẹp cho việc thống nhất miền bắc sau này.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Vương Doãn Khéo Diệt Đồng Trác

Tên gian hùng thời loạn Đồng Trác đã nhân cơ hội cuộc khởi nghĩa khăn vàng, bắt ép Hán Hiến Đế -Lưu Hiệp đến Tràng An và gọi mình là "Thượng Phụ", hắt ra vào theo nghi trượng thiên tử, hầu vua không xưng thần, vào triều thì nghênh ngang dạo bước, và ngang nhiên đeo kiếm lên trên điện, các thân thuộc của hãn đều được phong hầu phong tướng, ngay đến đứa trẻ mới ra đời cũng được phong hầu. Đồng Trác đã cho xây một tòa cung điện đẹp như hoàng cung ở Mi U cách Tràng An 250 dặm, rồi đem vàng bạc châu báu đã cướp được, cùng mỹ nữ, gấm vóc và lương thực v v để trong cung điện này, chỉ riêng về lương thực đã có thể nuôi người nhà hãn trong 30 năm. Đồng Trác là người vui giận thất thường, hãn tùy tiện giết người ngay trước mặt các quan văn võ, khiến các vị này đều phải sợ xanh mắt, ngay đến Lã Bố là con nuôi và là vệ sĩ hàng ngày túc trực bên cạnh hãn cũng không ngoại lệ. Có một lần, vì bị Lã Bố cãi lại khiến hãn vô cùng bức tức liền cầm cây kích lao vào Lã Bố, may mà Lã Bố là người võ nghệ cao cường mới tránh được, nên từ đó Lã Bố rất căm tức Đồng Trác.

Quan tư đồ Vương Doãn vốn có ý diệt trừ Đồng Trác, nhưng ngại nổi mình là một quan văn sức trời gà không chặt, nên đành tìm cách để Đồng Trác trước tiên tin ở mình, rồi sau đó mới đặt kế hạ sát hãn.

Vào một đêm trăng sáng, Vương Doãn vì lo nghĩ không sao ngủ được, ông lững thững bước ra ngoài sân, khi ra đến đình mẫu đơn thì bỗng nghe tiếng một thiếu nữ đang thở dài than vãn, khi nhìn kỹ thì ra là Điêu Thiên,

người con gái nuôi có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của ông, ông vội đến gần hỏi rằng: "Đêm đã khuya mà sao con lại đến đây than thở, phải chăng con có tư tình riêng?". Điều Thiên giật mình vội quỳ xuống đáp rằng: "Thưa đại nhân, con nào có tư tình gì đâu, con từ nhỏ được đại nhân nuôi nấng, dạy cho biết múa biết hát, đối đãi với con như con đẻ. Mấy bữa nay con thấy đại nhân lo nghĩ về việc nước cũng chẳng tiện hỏi, đêm nay lại thấy đại nhân nghĩ ngợi đứng ngồi không yên, nếu đại nhân thấy con có thể giúp được việc gì, thì con dầu chết cũng cam lòng". Vương Doãn nghe vậy chột nẩy ra một kế, liền vội vàng bảo Điều Thiên vào trong nhà. Khi hai cha con vào đến họa các, Vương Doãn cúi đầu hành lễ khiến Điều Thiên giật mình vội quỳ xuống hỏi tại sao thì Vương Doãn đáp rằng: "Nay nước nhà đang cơn nguy biến, ta muốn dùng nhan sắc của con để ly gián hai cha con Đồng Trác, rồi mượn tay Lã Bố giết tên giặc nước Đồng Trác". Điều Thiên vội ngắt lời rằng: "Con đã nói là dầu chết cũng cam lòng, vậy mong đại nhân cứ yên tâm làm theo kế này". Vương Doãn nghe xong vô cùng mừng rỡ.

Mấy hôm sau, Vương Doãn đem mấy viên ngọc minh châu ra bảo thợ nạm vào chiếc mũ, rồi sai người bí mật đưa sang biếu Lã Bố, Lã Bố rất vui mừng vội sang nhà tạ ơn. Vương Doãn bày tiệc khoản đãi, rồi nhân lúc tửu hứng liền gọi Điều Thiên ra biểu diễn ca. Lã Bố vốn là một tuồng hiếu sắc, Vương Doãn thấy Lã Bố ngồi ngây người trước sắc đẹp của Điều Thiên, biết là thời cơ đã đến liền nói rằng: "Đây là con nuôi của tôi, tôi có ý muốn gả cho tướng quân, không biết tướng quân nghĩ sao?". Lã Bố nghe vậy vui như mở cờ trong bụng, liền vội vàng đứng ra quỳ lạy. Vương Doãn nói: "Chọn ngày lành tháng tốt, tôi sẽ đưa tiểu nữ sang phủ tướng quân". Sau đó Lã Bố hớn hờ ra về.

Mấy hôm sau, nhân khi Lã Bố đi công cán, Vương Doãn mời Đồng Trác đến nhà chơi, rồi cũng diễn màn trò như trước, khiến Đồng Trác rất vừa ý và ngay hôm đó liền đem Điều Thiên về phủ mình. Khi Lã Bố trở về được tin thì rất tức giận bèn sang trách Vương Doãn thì Vương Doãn làm ra bộ bất đắc dĩ

giải thích rằng: "Trong phiên triều đường hôm qua, thái sư có hỏi tôi rằng: "Ta nghe nói ông có một con gái đã hứa gả cho Lã Bố, vậy có thể để ta xem trước được không?", tôi không thể nào từ chối được đành phải nhận lời, nhưng nào ngờ Thái sư vừa nhìn thấy con tôi liền đem lên xe đi ngay, tôi còn biết ăn nói sao đây?" Lã Bố nghe xong lại nghĩ tới việc Đồng Trác lao kích vào mình bữa trước, liền dùng dùi đâm nỏ giận. Vương Doãn thấy vậy lại lửa đốt thêm dầu, khiến Lã Bố càng thêm tức tối đập tay xuống bàn mắng nhiếc ầm ĩ, rồi thề sẽ giết bằng được Đồng Trác, rồi sau đó hai người cùng bàn mưu để diệt Đồng Trác.

Năm 192 công nguyên, Hán Hiến Đế mở hội đại thần trong cung, Đồng Trác cũng được mời tới Tràn An, để đề phòng bất trắc, hăn mặc bộ giáp ở bên trong và chọn vệ sĩ đi kèm hai bên, còn Lã Bố đi đoạn hậu. Khi Đồng Trác vừa đến cửa cung, thì bị Lý Túc đã mai phục sẵn ở đó đâm cho một thương, nhưng vì áo giáp khá dày nên Đồng Trác chỉ bị thương nhẹ, hăn lớn tiếng gọi Lã Bố đến cứu, Lã Bố từ đằng sau tiến tới hô to lên rằng: " Nay hoàng đế ban chiếu chu diệt gian tặc Đồng Trác". Đồng Trác không kịp trở tay, liền bị Lã Bố đâm cho một kích vào yết hầu chết lả xuống đất.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Đồng Trác Chuyên Quyền

Sau cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng, vương triều Đông Hán nghiêng ngả như muốn sụp đổ, cường hào địa phương và thủ lĩnh các châu quận mượn danh nghĩa trấn áp cuộc khởi nghĩa, liền thừa cơ chiêu mộ binh mã, mỗi người hùng cứ một phương, đã trở thành từng đạo quân phiệt lớn nhỏ, giữa họ lại thường xảy ra chiến tranh liên miên, mà sự cọ sát giữa đám hoạn quan và ngoại thích trong cung đình cũng càng thêm gay gắt. Năm 189 công nguyên, Hán Linh Đế bị bệnh qua đời, thiếu đế Lưu Biện dưới sự nâng đỡ của người cậu là đại tướng quân Hà Tiến lên nối ngôi. Hoạn quan Kiến Thạc cùng một số người khác thấy thế lực của ngoại thích, mà đại diện là Hà Tiến ngày một lớn mạnh, đã tạo thành một mối uy hiếp to lớn, nên đã bày kế diệt trừ Hà Tiến, nhưng chẳng may kế hoạch bị bại lộ, Kiến Thạc bị Hà Tiến giết chết, các hoạn quan khác hoảng sợ phải đến cầu cứu với Hà Thái Hậu em gái của Hà Tiến.

Hà Thái Hậu là người rất tin dùng hoạn quan, nên bà đã ngăn cản hành động chu diệt hoạn quan của Hà Tiến. Ít lâu sau, Hà Tiến làm theo chủ trương của trung quân hiệu úy Viên Thiệu, triệu tập các đạo binh mã vào kinh, bức ép Hà Thái Hậu đồng ý diệt trừ hoạn quan, nhưng không ngờ hoạn quan Đoàn Oa biết được việc này, bèn lừa Hà Tiến vào cung rồi sát hại. Viên Thiệu được tin, bèn cùng Tào Tháo và các anh em của Viên Thuật kéo vào cung giết hơn 3 nghìn hoạn quan, duy có hoạn quan Trương Nhượng trốn thoát, còn thiếu đế và Trần Lưu Vương thì biệt tăm tích.

Quân phiệt Lương Châu- Đông Trác là một người lòng đầy dã tâm, vốn muốn tiếm quyền đoạt ngôi trong khi nước nhà đang cơn nhiễu loạn. Bấy giờ hãn đang vây đánh quân khởi nghĩa, khi nhận được giấy mời của Hà Tiến thì vô cùng mừng rỡ, liền cấp tốc phóng ngựa vào kinh, trên đường đi tình cờ cứu được thiếu đế và Trần Lưu Vương.

Sau khi vào kinh thành, đoàn quân Kinh Châu do Đông Trác lãnh đạo là một lực lượng hỗn hợp gồm cường hào các dân tộc Hán, Khương và Hồ, chúng rất hung bạo và tàn ác, khiến dân chúng Lạc Dương phải chịu biết bao khổ nhục. Đông Trác lại thu biên quân đội của Hà Tiến, kiểm soát kinh thành, rồi bàn với các đại thần việc phế bỏ thiếu đế để lập vua mới, nhưng bị thứ sử Bính Châu- Đinh Nguyên cực lực phản đối. Trong lúc Đông Trác tức tối toan chém chết Đinh Nguyên, thì mưu sĩ Lý Nho chợt nhìn thấy đằng sau Đinh Nguyên có một người tay cầm họa kích đang dăm đe nhìn Đông Trác, khí thế thật oai phong凛冽, bèn vội vàng ngăn Đông Trác lại. Sau mới biết người đó là con nuôi của Đinh Nguyên tên là Lã Bố, có sức địch muôn người. Đông Trác dò biết Lý Túc là người đồng hương với Lã Bố, bèn sai hãn đem một con ngựa xích thố và 2 nghìn lạng vàng sang mua chuộc Lã Bố. Lã Bố quả nhiên được lợi quên nghĩa, đã giết chết Đinh Nguyên rồi sang làm nghĩa tử của Đông Trác.

Đông Trác được Lã Bố thì càng thêm hoành hành ngang ngược, hãn đến nói với Viên Thiệu muốn lập Trần Lưu vương lên làm hoàng đế, thì Viên Thiệu khuyên rằng: "Làm như vậy không được, thiếu đế là con cả của tiên đế, lên ngôi là hợp với lễ phải, hơn nữa lại chẳng có sai lầm gì, làm sao lại có thể phế bỏ được, trước mắt ta nên ra sức giúp đỡ để trị loạn yên dân, bằng không tất xảy ra loạn lớn, thì hậu quả thật không thể tưởng tượng". Đông Trác bị cụt hứng, liền rút kiếm ra đe dọa, nhưng Viên Thiệu cũng chẳng phải là hạng vừa, liền mắng trả rằng: "Ông đừng có tưởng ta đây là đồ nhát gan, chẳng lẽ thiên hạ này là của họ Đông ư? Ai dám hỗn láo thì ta đây xin tiếp tới cùng". Viên Thiệu nói xong liền bỏ đi, nhưng vì sợ Đông Trác trả thù, nên ngay hôm

đó dẫn quân bản bộ đi sang Dự Châu, còn em họ là Viên Thuật cũng dẫn quân về Nam Dương.

Đổng Trác thấy hai người đã bỏ đi thì càng thêm ngông cuồng hơn, hăn triệu tập quần thần rồi tuyên bố thiếu đế thoái vị, cải phong Hoảng Nông Vương, lập Trần Lưu Vương- Lưu Hiệp làm vua. Còn mình tự phong làm thái úy, thừa tướng, nắm quyền quân sự nhà nước. Ít lâu sau lại sai người giết chết thiếu đế và Hà Thái Hậu.

Đổng Trác cậy quyền làm đủ mọi việc xấu. Vào một ngày hội tháng hai, Đổng Trác dẫn quân ra ngoài săn bắn, thì gặp một đoàn người đông chật cả lối đi, hăn tức giận bèn ra lệnh giết hết đám đàn ông, còn đàn bà con gái thì bắt cả lên xe, điều cànng vô nhân đạo hơn là hăn ra lệnh chặt đầu những người đã chết treo trên cànng xe, rồi nói là đoàn quân thắng trận trở về..

Phiêu kỵ hiệu úy Tào Tháo thấy Đổng Trác không được lòng người, bèn tụ tập mấy trăm nghìn quân mã, tiến cử Viên Thiệu làm bang chủ cùng tiến vào Lạc Dương.

Đổng Trác hoảng sợ liền ra lệnh đốt bỏ thành Lạc Dương rồi rời đô về Tràn An.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Hoàng Cân Quân Khởi Nghĩa (Khởi Nghĩa Khăn Vàng)

Cuối triều Đông Hán, hai tập đoàn hoạn quan và ngoại thích thay nhau chuyên quyền, khiến tình hình chính trị suy đồi, tình trạng sáp nhập ruộng đất gia tăng, sưu thuế càng nặng, dân chúng lưu ly thất sở, mâu thuẫn giai cấp ngày một gay gắt. Hán Linh Đế u mê tin dùng hoạn quan, hàng ngày chỉ biết ăn chơi, kho bạc nhà nước đã vơi cạn. Nhắm vợ vét của cải, chúng đã mở một cửa hàng rất đặc biệt ở Tây Viên, những người có tiền có thể đến đây mua quan, mua tước vị, chúng trắng trợn treo một bảng giá ở ngoài cửa Hồng Đô, chức thái thú quận bán 10 triệu lạng bạc, chức huyện lệnh bán 4 triệu lạng bạc, người mua mà chưa đủ tiền thì có thể khất nợ, đợi đến khi nhậm chức thì phải trả gấp đôi. Do đó, những quan lại vừa mới lên nhậm chức liền bắt đầu đục khoét nhân dân, sự đen tối của vương triều Đông Hán đã tới mức tột cùng.

Cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân đã được ấp ủ và dần dần chín muồi trong bối cảnh này. Trương Giác người Cự Lộc- Ký Châu đã tích cực triển khai hoạt động tổ chức và tuyên truyền, nên đã trở thành lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nông dân vĩ đại này. Ông quyết định lợi dụng tôn giáo để tổ chức quần chúng, sáng lập ra một giáo phái gọi là Thái Bình Đạo, thu nạp đệ tử để cùng mình truyền đạo. Số người theo Thái Bình Đạo ngày càng đông. Trương Giác lại cử hai em là Trương Bảo và Trương Lương dẫn đệ tử đi chu du các nơi, vừa chữa bệnh cứu dân vừa truyền đạo, trong thời gian 10 năm đã đi khắp cả nước, số tín đồ lên tới mấy trăm nghìn người. Bấy giờ, các quan lại quận, huyện đều cho rằng Thái Bình Đạo là một giáo phái khuyến người làm việc

thiện, trị bệnh cứu người, nên cũng chẳng hề để ý tới. Nhưng có hai viên đại thần trong triều đã nhìn ra vấn đề, liền tấu xin với Hán Linh Đế ra lệnh cấm chỉ Thái Bình Đạo. Nhưng Hán Linh Đế lúc này đang bận về việc xây dựng công viên rừng, nên cũng chẳng bận tâm tới.

Trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa, Trương Giác đã tung ra khẩu hiệu mê hoặc lòng người rằng: "Thương thiên dĩ tử, Hoàng thiên đang lập, Tuế tại giáp tử, Thiên hạ đại cát". Cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra dưới hình thức tôn giáo. Trương Giác cử thủ lĩnh Đại Phương-Mã Nguyên Nghĩa đi lại giữa Lạc Dương và các Châu, tập trung mấy chục nghìn tín đồ ở hai Châu –Kinh Dương lên vào Nghiệp thành, đồng thời liên lạc với tín đồ hoạn quan trong hoàng cung Lạc Dương làm nội ứng, quyết định ngày 5 tháng 3 cùng lúc khởi nghĩa ở Lạc Dương và các Châu. Nhưng vì trong nội bộ Thái Bình Đạo có kẻ phản bội tên là Đường Chu đã mật báo với triều đình, khiến toàn bộ kế hoạch khởi nghĩa bị tiết lộ. Vương triều Đông Hán lập tức trấn áp và lùng bắt lãnh tụ khởi nghĩa. Nhằm xoay chuyển thế bị động, Trương Giác đã quyết định khởi nghĩa trước thời hạn, đồng thời quy định quân khởi nghĩa đều phải cuốn khăn màu vàng trên đầu. Cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân nổi tiếng trong lịch sử đã chính thức mở màn.

Mục tiêu tấn công chủ yếu của nghĩa quân là Lạc Dương, ba mặt đông, nam, bắc của Lạc Dương đều bị nghĩa quân vây chặt. Hán Linh Đế cuống cuồng triệu tập các đại thần lại thương nghị, rồi cử Hà Tiến làm đại tướng quân, đồng thời còn phái một đoàn người ngựa, do Hoàng Phổ Tung và Lữ Trực thống lĩnh, chia làm hai đường cùng trấn áp cuộc khởi nghĩa.

Nhưng cuộc khởi nghĩa như nước vỡ bờ, quan phủ đều chống đỡ không nổi, Hà Tiến đành phải yêu cầu Hán Linh Đế ban một đạo chiếu thư, dặn các Châu, Quận phải tự chiêu mộ binh mã để đối phó. Do đó, các vương tôn quý tộc, các quan châu quận và địa chủ cường hào các nơi đều mượn danh nghĩa đánh Hoàng Cân rồi chiếm đoạt địa bàn, mở rộng thế lực, khiến nhà nước bị

chia năm xẻ bảy. Quân Hoàng Cân ngoan cường chiến đấu chống lại sự trấn áp đẫm máu của triều đình và địa chủ cường hào các nơi được hơn 9 tháng. Trong lúc đang nguy ngập thì Trương Giác bị ốm chết, Trương Lương và Trương Bảo lãnh đạo nghĩa quân xông vào vật lộn, chém giết với quân thù, rồi cũng lần lượt hy sinh. Quan quân chiếm được Khúc Dương, chủ lực của nghĩa quân do Trương Giác lãnh đạo bị thất bại trước sự đàn áp của quân đội triều đình và cường hào các nơi. Nhưng ngọn lửa khởi nghĩa của nông dân chưa bị dập tắt, họ phân tán ở khắp nơi vẫn kiên trì đấu tranh, giáng một đòn mạnh vào ách thống trị của vương triều Đông Hán. Cuộc đấu tranh này kéo dài trong 20 năm, đã để lại tiếng thơm cho cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân, khiến ách thống trị mục nát của vương triều Đông Hán qua đòn đả kích trí mạng này, cũng đã gắc ngoải thở không ra hơi.

TRUYỆN KỂ DANH NHÂN LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Khuyết Danh
www.dtv-ebook.com

Sự Kiện "Đảng Cố"

Thời Hán Hằng Đế, tập đoàn quan liêu do Lý Dung và Trần Phan đứng đầu đã liên hợp với Thái học sinh do Quách Thái lãnh đạo, kết thành bè đảng, được gọi là "Đảng Nhân", chống chọi quyết liệt với ách thống trị đen tối của hoạn quan. Hoạn quan dựa vào nhà vua, đã hai lần phát động hoạt động bức hại tàn khốc đối với Đảng Nhân, mà lịch sử gọi là "Đảng Cố chi họa".

Năm Diên Hi thứ 2, hoạn quan do ủng hộ nhà vua trong cuộc đấu tranh chống lại sự chuyên quyền của họ hàng bên ngoài, nên được nhà vua tín nhiệm và trọng dụng. Hoạn quan Trịnh Chúng được phong làm Sào Hương Hầu. Sau khi Trịnh Chúng qua đời, con lên kế nhiệm, từ đó đã phá vỡ lệ cũ hoạn quan không được phong tước vị. Sau khi chống trả tập đoàn ngoại thích Lương Thị, để cảm ơn các hoạn quan, nhà vua chỉ trong một ngày đã phong 5 huyện hầu như Thiên Siêu, Từ Hoàng v.v. Hoạn quan lợi dụng cơ hội gần gũi nhà vua, giả truyền thánh chỉ, có khá nhiều thân sĩ quan liêu vì muốn mưu lợi riêng đã vào hòa với chúng. Hoạn quan đã bồi đắp thế lực của mình ở trung ương và địa phương. Trong triều đình, chúng thao túng việc lớn nhà nước, tay nắm vương tước, miệng ngậm hiến pháp. Còn tại địa phương, chúng hà hiếp các quan châu quận, bắt chẹt nhân dân, thật chẳng khác nào bọn giặc cướp. Đến giữa thời Đông Hán, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, chính quyền nhà nước lung lay như muốn đổ.

Ngoài ngoại thích và hoạn quan làm mưa làm gió trên vũ đài chính trị Đông Hán ra, còn có đám quan liêu và nho sinh. Trong thời kỳ hoạn quan

nắm quyền, chúng đã ngăn chặn đường làm quan của nho sinh. Do đó, càng khoét sâu thêm sự mâu thuẫn giữa nho sinh và hoạn quan. Phần lớn quan liêu đều là dòng dõi địa chủ, có cơ sở kinh tế hùng hậu, lực lượng chính trị lớn mạnh, các môn sinh, quan lại thân quen rải rác trong cả nước. Sự nhận thức và lợi ích của họ đều nhất trí với đám nho sinh, đây chính là cơ sở khiến họ liên hợp với nhau cùng chống lại hoạn quan.

Tập đoàn quan liêu và nho sinh là một sự uy hiếp to lớn đối với tập đoàn hoạn quan, nên chúng đã tìm kiếm cơ hội để báo phục. Năm 166 công nguyên, tập đoàn hoạn quan đã phát động một hoạt động bức hại quy mô lớn, mà ngòi nổ là sự kiện Trương Thành. Trương Thành vốn có quan hệ mật thiết với hoạn quan, nên được biết triều đình đã ra lệnh ân xá cho con mình vì phạm tội giết người. Nhưng Lý Dung bây giờ làm phủ doãn Hà Nam đã bất chấp lệnh ân xá, vẫn kiên trì xử tử hình con của Trương Thành. Đám hoạn quan đã nhân việc này báo các đệ tử của Trương Thành làm đơn kiện, tố cáo Lý Dung câu kết với thái học, phỉ báng triều đình. Dưới sự thao túng của hoạn quan, Hán Hạng Đế đã ra lệnh bắt Lý Dung, Phạm Bàng cùng hơn 200 người. Sau đó, đưa số người này về quê "Cấm cố trung thân". Đây chính là "Đảng cố chi họa" lần thứ nhất. Sau khi bị bức hại, uy tín của Lý Dung càng cao, ông được nho sinh gọi là người đứng đầu "Bát tuần". Điều này khiến tập đoàn hoạn quan vô cùng bất mãn. Ba năm sau, tập đoàn hoạn quan lại đẩy lên một phong trào bức hại đám quan liêu và nho sinh với quy mô càng lớn hơn và thời gian cũng dài hơn, mà lịch sử gọi là "Đảng Cố chi họa" lần thứ hai.

Nguyên nhân như sau, hoạn quan Hầu Lãm ở quê tùy ý tàn hại nhân dân, đốc bưu Trương Kiệm làm đơn khởi tố, yêu cầu trừng trị Hầu Lãm. Nhưng tờ đơn bị Hầu Lãm giữ lại, rồi hãm sai người vu cáo Trương Kiệm có liên lạc với Đảng Nhân, mưu đồ việc xấu. Tức thì, Hán Linh Đế ra lệnh bắt Trương Kiệm cùng nhiều người khác, hoạn quan Tào Tiết lại trình tấu chương bắt Lý Dung, Phạm Bàng, phát vãng và cấm cố sáu bảy trăm người, sau đó còn bắt hơn 1000 thái học sinh. Năm 176 công nguyên, thái thú Vĩnh Xương Tào Loan

dâng thư yêu cầu ân xá " Đảng Nhân", dám hoạn quan cho rằng đây là hàng động thay Đảng Nhân lật án, nên đã giết chết Tào Loan, rồi ra lệnh cấm cố Đảng Nhân, chu diệt người thân, đưa hoạt động bức hại Đảng Nhân bước lên cao trào. Trải qua lần bức hại này, nho sinh trong thiên hạ hầu như bị một mẻ lưới quét sạch.

Cuộc đấu tranh của quan liêu và nho sinh chống lại bọn hoạn quan chuyên quyền cuối thời Đông Hán, cuối cùng đã bị thất bại, cuộc đấu tranh này là một hành động mưu cầu cải lương, khí tiết "Sát thân dĩ cầu nhân" của họ được người đời sau tôn sùng.